

THƠ • VĂN • NHẠC • HOA

DƯ TỬ LÊ

tôi với người,
chung
một trái tim



NXB SONG
2014



tôi với người, chung một trái tim

Tuyển tập Thơ • Văn • Nhạc • Họa

DU TỬ LÊ

tôi với người, chung một trái tim

NXB Sống - 2014

Tuyển tập Thơ Văn Nhạc Họa

DU TỬ LÊ

tôi với người, chung một trái tim

Chủ Biên

Khánh Hòa

Mỹ Thuật

Vũ Đình Trọng

Tuyển Nhạc

Thái Hoàng

Trình bày bìa

Kevin Trần

Layout

Lê Giang Trần

Copyright © 2014 Nhà Xuất Bản ống - USA

15751 Brookhurst St., #225

Westminster, CA 92683

Tel: 714-856-4635 714.531-5362

Email: tuanbaosong@gmail.com

ISBN: 978-1-941848-06-7

Ấn phí: 38.00 USD

MỤC LỤC

Lời Nhà Xuất Bản Sống	10
Du Tử Lê, Vài dòng cần thiết, trước khi vào tác phẩm	14
Lời cảm tạ của NXB Sống và tác giả	18
I. Về Du Tử Lê	21
Tiểu sử Du Tử Lê	22
II. Tùy Bút Du Tử Lê	27
Từ Những Góc Khuất, Việt Dzũng,	28
Thuở Còn Ngậm Ti	40
Biển, Gương, Seattle	50
Em Gầy Như Liễu Trong Thơ Cổ	60
Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé	66
Những Ngày Mưa Của Mẹ.	76
Tôi / Vó Câu Buồn / Sâu / Sớm Mai.	84
Đêm. Vẫn Mưa. Như Thế	94
III. Về Thơ - Văn Du Tử Lê	101
Du Tử Lê Nhà Thơ Của Phám Phá - Tạ Tu	102
Hành trình Tùy bút Du Tử Lê - Lê Vương Ngọc	110
Quả Đẳng Dẫn Độ Cánh Chim Về - Rev. Trần Cao Tường	116
Du Tử Lê. Một Cõi Cho Mình - Vũ Thư Hiên	128
Cõi Thơ - Nguyễn Sa	134
Thơ Du Tử Lê và Tôi - Nguyễn Ngọc Bảo	142
Khúc Ca Riêng Của Chàng, Biển Tấu 3 - Cổ Ngư	148

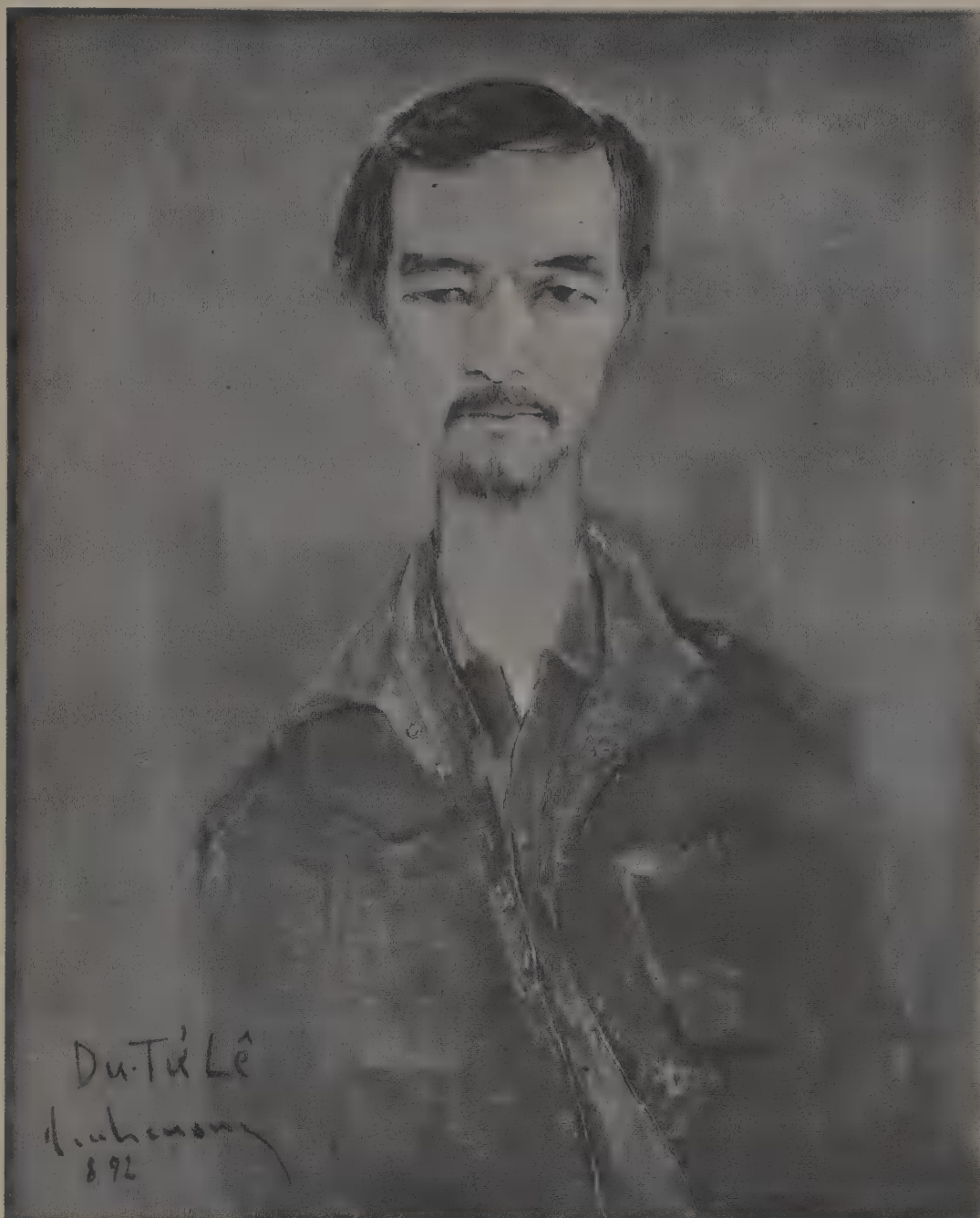
Dã ca khúc khởi tự thơ du tử lê, như một lời tạ ơn - Hoàng Đình Bình	156
Từ Người Thơ Của Nam Kỳ Lục Tỉnh Tới Bản Ca Cổ Nhạc - Khuất Kim Ngữ	158
Hứng Nhạc Trong Thơ Du Tử Lê - Lê Văn	162
Thơ Phổ Nhạc - Đặng Khánh	170
Thơ Du Tử Lê Và Tuổi Trẻ Chúng Tôi - Brian Đoàn	178
Với Một Người Rất “Xa” Nhưng Không “Cách” - Phạm Phú Thiện Giao	182

IV. Thơ Du Tử Lê Phổ Nhạc 185

Chẳng Chiến Chinh Mà, Cũng Lẻ Đôi - Du Tử Lê	186
Nhạc: Chỉ Nhớ Người Thôi Đủ Hết Đời - Trần Duy Đức	188
Đêm Nhớ Trăng Sài Gòn - Du Tử Lê	190
Nhạc: Đêm, Nhớ Trăng Sài Gòn - Phạm Đình Chương	194
Dòng Suối Trăm Năm - Du Tử Lê	196
Nhạc: Dòng Suối Trăm Năm - Trần Duy Đức	198
Em Ngủ Trong Một Mùa Đông - Du Tử Lê	200
Nhạc: Em Ngủ Trong Một Mùa Đông - Đặng Khánh	204
Giữ Đời Cho Nhau - Du Tử Lê	206
Giữ Đời Cho Nhau (Ơn Em) - Từ Công Phụng	212
Nhạc: Giữ Đời Cho Nhau - Từ Công Phụng	214
Hiến Chương Tình Yêu Ngày 14 Tháng 2 - Du Tử Lê	216
Hiến Chương Yêu - Nguyễn Bích	222
Nhạc: Hiến Chương Tình Yêu - Nguyễn Bích	224
Khúc K. Riêng Chàng / K. Khúc Của Lê - Du Tử Lê	226
Thi Ca Du Tử Lê Và Âm Nhạc Đặng Khánh - Đặng Khánh	230
Nhạc: K. Khúc Của Lê - Đặng Khánh	236
Khi Cuộc Tình Đã Chết - Du Tử Lê	238
Nhạc: khi Cuộc Tình Đã Chết - Phạm Đình Chương	242

Khúc Thụy Du - <i>Du Tử Lê</i>	244
Nhạc: Khúc Thụy Du - <i>Anh Bằng</i>	250
Mùa thu và thơ mới ở đường Baker, Costa Mesa cũ / <i>Lệ Buồn Nhớ Mi - Du Tử Lê</i>	252
Nhạc: <i>Lệ Buồn Nhớ Mi - Đặng Khánh</i>	256
Môi Nhớ Tàn Phai - <i>Du Tử Lê</i>	258
Nhạc: <i>Môi Nhớ Tàn Phai - Nguyễn Bích</i>	262
Một Bài Thơ Nhỏ / <i>Người Về Như Hạt Bụi - Du Tử Lê</i>	264
Nhạc: <i>Người Về Như hạt Bụi - Hoàng Quốc Bảo</i>	266
Ta Có Nghìn Năm Đợi Một Người - <i>Du Tử Lê</i>	268
Nhạc: <i>Ta Có Nghìn Năm Đợi Một Người - Trần Tử Thiêng</i>	272
Về Bài Thơ Và Ca Khúc "Tan Theo Ngày Nắng Vội" - <i>Du Tử Lê</i>	274
Nhạc: <i>Tan Theo Ngày Nắng Vội - Trần Duy Đức</i>	278
Tình Sầu / <i>Du Tử Lê - Du Tử Lê</i>	280
Nhạc: <i>Tình Sầu Du Tử Lê - Phạm Duy</i>	284
Tôi Xa Người / <i>Phạm Anh Dũng - Du Tử Lê</i>	286
Nhạc: <i>Tôi Xa Người - Phạm Anh Dũng</i>	390
Tình Khúc Một / <i>Trăng Khuyết - Du Tử Lê</i>	292
Nhạc: <i>Trăng Khuyết - Việt Dzũng</i>	296
67, Khúc Thêm Cho Huyền Châu / <i>Trên ngọn Tình Sầu - Du Tử Lê</i>	298
<i>Trên Ngọn Tình Sầu - Từ Công Phụng</i>	302
Nhạc: <i>Trên ngọn Tình Sầu - Từ Công Phụng</i>	304
<i>Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi / Hoàng Thanh Tâm - Du Tử Lê</i>	306
<i>Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi - Hoàng Thanh Tâm</i>	308
Nhạc: <i>Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi - Hoàng Thanh Tâm</i>	310

V. Về Đời Thường Du Tử Lê	315
Bố Tôi. Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu!!! - <i>Orchid Lâm Quỳnh</i>	316
Những ngày với Du Tử Lê ở KBC 3168, Sài Gòn - <i>Vương Hồng Anh</i>	324
Đời Tình Du Tử Lê - <i>Lê Vương Ngọc</i>	334
Hà-Nội-Tôi. Tháng Sáu. 2014 - <i>Du Tử Lê</i>	350
 VI. Về Tranh Du Tử Lê	 359
Triển lãm Tranh Du Tử Lê Tại Virginia - <i>Đinh Cường</i>	360
Du Tử Lê, Thấy Vậy Mà Không Chỉ Có Vậy - <i>Trần Dạ Từ</i>	364
Du Tử Lê Thi Ca Và Hội Họa - <i>Trần Thu Miên</i>	368
Du Tử Lê, Màu-Xanh-Vàng-Phai - <i>Đặng Phú Phong</i>	374
Đọc thơ, sống nhạc và “nghe” tranh Du Tử Lê - <i>Nguyễn Phục Hưng</i>	380
 VII. Tranh Du Tử Lê	 384
Du Tử Lê. Về những bức tranh trong Tổng-tập này	385
Boston. Đêm. Trong Ký Ức Tôi	387
Gieo Xuống Ta Hối Ngọc	389
Cám Ơn Sách Vở Nuôi Em Lớn	391
Hòn Đá Làm Ra Lửa	393
Mùa em. Thu tím. Rừng tôi phía nào?	395
Nhớ Mai Thảo, Những Ngày Ngồi Ở Phở Nguyễn Huệ	397
Thấy Em Bé Xiu, Thuở Còn Ngâm... Ti	399
Thấy Tôi Trên Những Tàng Cây Cũ	401
Em Mùi Hương Một Chỗ-Rất-Riêng-Tư	403
Những ngày ở Virginia với bằng hữu	405



Chân dung Du Tử Lê - Đinh Cường. 1992

Lời Nhà Xuất Bản

*cây có bóng, thú có rừng để ở
tôi có người để nhớ đến tương tư...*

 Du Tử Lê đã “viết” thơ bằng ngôn ngữ riêng, của chỉ mỗi, Du Tử Lê. Ông là người chế sáng chữ nghĩa trong thế giới văn đàn với lối chấm phá câu cú ngoạn mục, ru hoặc người đọc.

Khó có thể phủ nhận sự thánh thiện có bạo loạn ngấm trong ý-từ văn chương của ông. Cũng mấy ai biết, cậu ấm Lê Cụ Phách chào đời 1942 tại Hà Nam, năm 1953 mới 11 tuổi đã biết làm thơ! Từ đó, trong hơn 60 năm với bút phép mình, ông đã xé toạc ra hàng ngàn bài thơ, hàng trăm trăm bài viết dưới nhiều thể dạng, trạng sắc khác nhau.

Tên tuổi Du Tử Lê, như một điển hình khi nhắc về những nhà thơ lớn Việt Nam. Văn chương ông không có lần ranh của thể chế, không có giới hạn của thế hệ, không có hơi hướm của hận thù, chiến tranh,... chỉ có Tình Yêu. Tình Yêu của ông được ghi nhận lại trên chính bản thân, trong thế giới riêng. Có cuồng nhiệt, có cấu cào sôi nổi, đốn đau, khổ nhục, thiên tai, nhưng cuối lại không có sự trách cứ, ghim thắt, mà chỉ lem lém vết tình nhân...

Tình Yêu trong thơ của Du Tử Lê không bao giờ biến cũ, cho dù bài viết đã lưu lan gần nửa thế kỷ. Những ẩn từ trong tâm ý ông có nhiều điểm tương tương với chúng ta. Sự liên hệ “*bí mật*” giữa chữ nghĩa độc chuẩn và cái nghiêm mực nơi con người, tạo thành một Du Tử Lê với vợ, khùng biệt, nhưng lại rất gần gũi với người đọc...

Du Tử Lê là một tác giả của đại đồng. Ông có rất nhiều tác phẩm đã xuất bản từ trong nước ra đến hải ngoại. Thơ ông được nhiều nhạc sĩ bắt ý phổ nhạc. Văn ông đi vào các trường đại học. Nhiều sinh viên đã trình luận án bằng các tác phẩm của ông. Và bây giờ, tranh ông chưa khô cọ, đã được nhiều người treo khùng.

Khi chúng tôi có ý định muốn thực hiện một tuyển tập tổng hợp về các lãnh vực mà ông đã đóng góp, tác giả “*Đêm nhớ trăng Sài Gòn*” đã đồng ý để Nhà Xuất Bản Sống nối kết lại những mạch lòng đã luân lưu trong hơn nửa thế kỷ của ông, vào một.

Du Tử Lê đã “*thấu*” được cái, mà ông, và chúng tôi cùng muốn phát triển, gìn giữ. Gìn giữ cho người hôm nay, cho thế hệ

mai sau. Những tâm hồn còn triu trữu đến sự tồn vong của nền văn học Việt Nam.

Tuyển Tập: Thơ-Văn-Nhạc-Họa bao gồm bốn sắc thái của Nhà Thơ. Trong đó lãnh vực hội họa, dù tham gia rất trẻ nhưng được giới thưởng ngoạn vô cùng đón nhận. Tranh ông, như thêm một phối mỹ hoàn hảo, làm tròn thêm ba chữ *Du Tử Lê*, vốn có.

Đặc biệt trong tuyển tập, lần đầu tiên ông thổ lộ về “*nguyên nhân*” bài thơ ra đời, để từ đó chúng ta có được những tuyệt phẩm bất hủ, *Khúc Thụy Du, Giữ đời cho nhau, Đêm nhớ trăng Sài Gòn, K. khúc của Lê, Trong tay Thánh nữ có đời tôi, Em ngủ trong một mùa Đông, Hiến chương yêu, v.v...*

Cũng với Tuyển tập này, các nhạc sĩ *Từ Công Phụng, Trần Duy Đức, Đặng Khánh, Nguyễn Bích, Phan Ni Tấn, Hoàng Thanh Tâm, Phạm Anh Dũng, Phan Vân Hùng*, lần đầu tiên, chia sẻ trong hoàn cảnh nào đã tạo nguồn cảm hứng để lấy ý phổ nhạc.

Sau một thời gian dài chuẩn bị chỉnh chu với rất nhiều đóng góp từ các thân hữu, Nhà Xuất Bản Sống đã hoàn tất *Tuyển Tập*. Thiết nghĩ đây là một tổng hợp khá bao quát về sự nghiệp của một nhân thể, cả đời xóc xối chữ nghĩa để cống hiến cho nền văn học, nghệ thuật Việt Nam thêm sắc màu phong phú.

Xin trân trọng mang *Du Tử Lê*, mang *Tình Yêu* luôn ấm lửa của Tác giả đến với chúng ta. Để mãi mãi, “*Tôi với Người, chung một trái tim*”!

Khánh Hòa
Giám Đốc NXB Sống

Cõi trần

Ngọc Hoài Phương

Ta còn ở lại chốn này
Để coi thiên hạ biến ngày thành đêm
Cõi trần,
Một tỉnh - Mười điên
Một mai gột hết ưu phiền,
ta đi...

(Tặng riêng Du Tử Lê)



Ngày đọc bản thảo lần cuối trước khi gửi đi in, tại tòa soạn Sống Magazine và NXB Sống. Từ trái: Khánh Hòa, Du Tử Lê, Thái Hoàng, và Vũ Đình Trọng. 10.9.2014

Du Tử Lê,
Vài dòng cần thiết,
trước khi vào tác phẩm.

Tôi vẫn nghĩ, Thượng đế sinh ra một con người, đã rất công bình khi lập trình trong mỗi chúng ta, nhiều hơn một con người cộng sinh, cư ngụ.

Thí dụ, bên cạnh con người biếng nhác, chậm đụt, tôi tự thấy, cũng có lúc tôi hăng hái, siêng năng với những lần “*thông minh đột xuất*”; một khi gặp đúng điều mình say mê, thích thú...

Cũng thế, ở những người làm công việc sáng tạo, tôi không nghĩ một văn nghệ sĩ nào chỉ chuyên chú hay sở trường duy nhất một bộ môn. Vấn đề là họ có muốn hay, có đủ đam mê để mở thêm những “*cửa khác*” cho lãnh vực sáng tạo của họ hay không mà thôi.

Trong ghi nhận riêng của tôi, hầu hết những người cầm bút, dù ở mức độ tài năng, trí tuệ nào, cũng thường song hành “*hai*

vài dòng cần thiết, trước khi vào tác phẩm.

mũi dùi” có phạm trù rất gần nhau là thơ và văn.

Cũng có nhà văn cuối đời mới quay qua làm thơ và ngược lại. Thành công hay thất bại, vốn không phải là điều họ quan tâm. Vấn đề là họ muốn chọn cho họ, một hình thức diễn đạt, biểu cảm khác... về cuộc đời qua một kênh, mạch khác.

Như tôi biết, cũng có không ít nhà văn, nhà thơ, đã tự mở cho mình cánh cửa âm nhạc, để nhờ giai điệu chuyển tải tới người thưởng ngoạn những rung cảm mà, chỉ âm nhạc mới giúp họ thể hiện được khát vọng thâm kín, vi tế. Hoặc ngược lại.

Tôi cũng biết, không ít nhà văn, nhà thơ, cuối cùng đã mượn ngôn ngữ hình tượng và sắc màu của hội họa, để hoán chuyển hay, tái hiện những ký ức, tư duy đời thường của họ lên khung vải.

Tóm gọn, tất cả đều không nằm ngoài nỗ lực thể hiện nhu cầu làm mới chính họ.

Và, vẫn theo tôi, dường không một văn nghệ sĩ nào, không mong, cuối đời, mọi “*chân dung*” của mình, được tổng hợp để trở thành một bức tranh phản ánh đầy đủ nhất, những giai đoạn đi tìm cái “*tôi*” khác trong sáng tác (dù thành công hay thất bại).

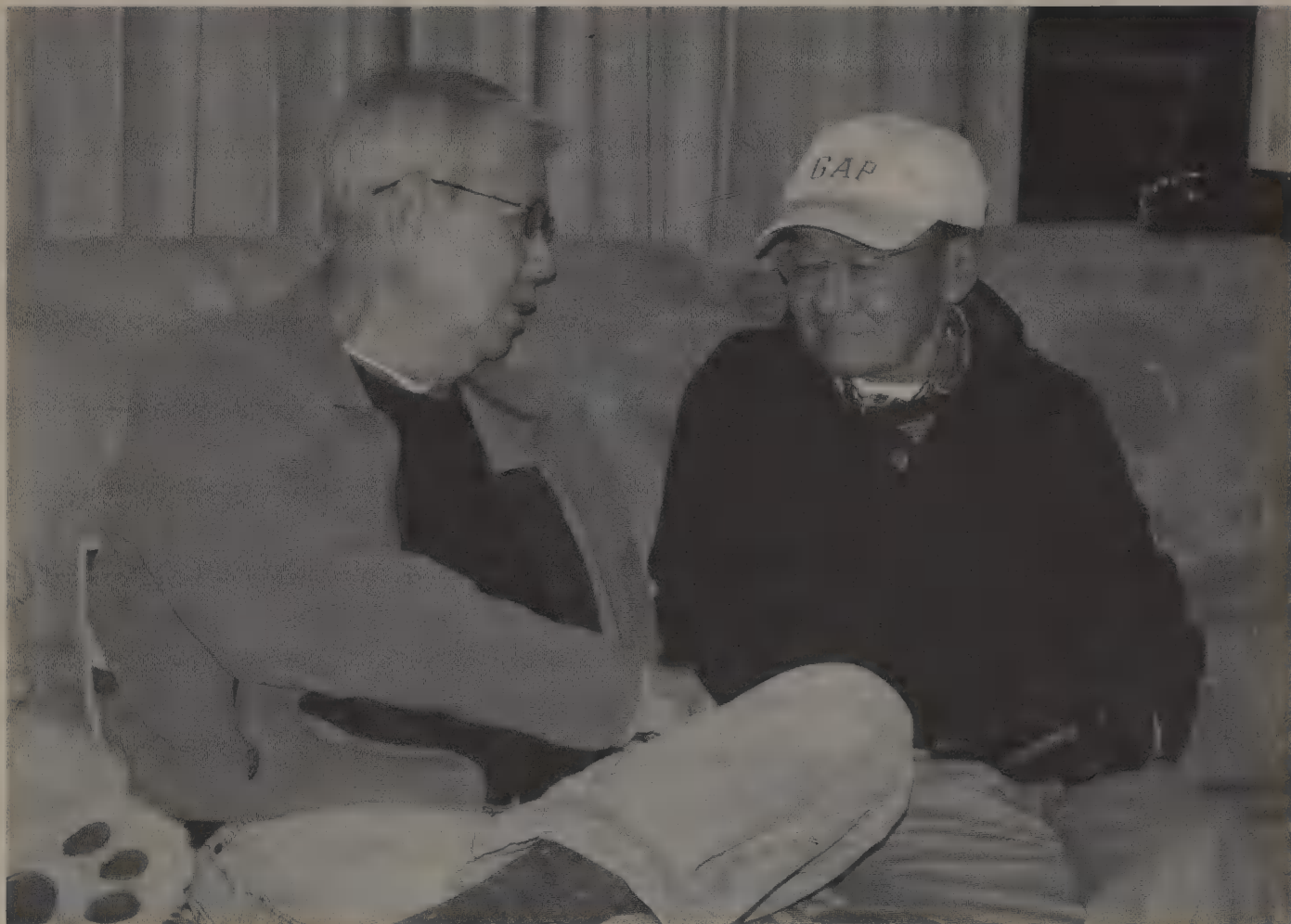
Do sáng kiến của nhà xuất bản Sống, tôi là người có được may mắn ấy.

Sáng kiến của nhóm chủ trương tuần báo, cũng là nhà xuất bản Sống, tôi trộm nghĩ, cũng không nằm ngoài chủ tâm đi tìm cái mới cho nỗ lực thể hiện nhu cầu làm mới chính họ. Nó cũng là một thứ “*chân dung*” khác của nhóm Sống vậy.

Bởi thế, xin cho tôi được ngỏ lời cảm ơn nhà xuất bản Sống, qua tác phẩm đầu tiên và, nhiều phần duy nhất này của tôi.

Tôi cũng mạnh mẽ tin tưởng rằng, nhà xuất bản Sống đã mở được một “*cửa khác*” cho sinh hoạt văn học, nghệ thuật của chúng ta, sau gần 40 năm, thiếu máu nơi xứ người, chí ít cũng ở lãnh vực xuất bản.

Trân trọng,
Du Tử Lê,
(California, June 2014)



Vũ Ánh (1941-2014, Cố vấn Biên Tập Sống Magazine) và Du Tử Lê. 2013

Cảm Tạ

Nhà Xuất Bản Sống và nhà thơ Du Tử Lê chân thành cảm tạ
quý thân hữu, các tác giả đã đóng góp bài vở cho
Tuyển Tập Thơ - Văn - Nhạc - Họa Du Tử Lê - tôi với người chung một trái tim:

- Cố Thi sĩ Nguyễn Sa
- Họa sĩ Đinh Cường
- Ký giả Nguyễn Phục Hưng
- Nhà thơ Trần Dạ Từ
- Nhà thơ Trần Thu Miên
- Nhà văn Đặng Phú Phong
- Cố Họa sĩ Tạ Tỵ
- Nhà thơ Lê Vương Ngọc
- Cố Linh mục Trần Cao Tường
- Nhà văn Vũ Thư Hiên
- Kỹ sư Nguyễn Ngọc Bảo
- Dr. Orchid Lâm Quỳnh
- Nhà văn Cổ Ngự
- Nhà thơ Hoàng Đình Bình
- Ký giả Khuất Kim Ngũ
- Nhà báo Lê Văn
- Nhạc sĩ Đăng Khánh

- Nhiếp Ảnh Gia Brian Đoàn
- Nhà báo Vương Hồng Anh
 - Nhạc sĩ Trần Duy Đức
- Cố Nhạc sĩ Phạm Đình Chương
 - Nhạc sĩ Từ Công Phụng
 - Nhạc sĩ Nguyễn Bích
 - Nhạc sĩ Anh Bằng
 - Nhạc sĩ Song Ngọc
- Nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo
- Cố Nhạc sĩ Trần Tử Thiêng
 - Cố Nhạc sĩ Phạm Duy
 - Nhạc sĩ Phạm Anh Dũng
 - Cố Nhạc sĩ Việt Dzũng
- Nhạc sĩ Hoàng Thanh Tâm
- Nhà báo Phạm Phú Thiện Giao

về
DU TỬ LÊ

Tiểu sử Du Tử Lê

 Du Tử Lê sinh năm 1942 tại Hà Nam. Năm 1954, theo gia đình di cư vào miền Nam...

Ông định cư tại Hoa Kỳ sau biến cố 30 tháng 4-1975. Ông khởi sự làm thơ rất sớm, từ năm 1953 tại Hà Nội, với nhiều bút hiệu khác nhau, bút hiệu Du Tử Lê được dùng chính thức từ năm 1958.

Sau biến cố 30 tháng 4-1975, Du Tử Lê định cư tại Hoa Kỳ tháng 5-1975.

- Thơ của ông xuất hiện trên nhiều tạp chí trong và ngoài nước. Ông có thơ đăng trên nhật báo Los Angeles Times, 1983 và New York Times, 1994.

- Năm 1993, G.S. Neil L. Jaimeson chọn dịch và phân tích

một bài thơ của Du Tử Lê in trong cuốn “Understanding Vietnam,” xuất bản bởi liên đại học Berkeley, UCLA, London, là sách giáo khoa về văn học Việt Nam cho nhiều đại học tại Hoa Kỳ và Âu Châu. Vẫn theo tác giả này thì cùng với Nguyên Sa, sự đóng góp trí tuệ của Du Tử Lê cũng như LM Thanh Lăng và Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam là điều không cần phải hỏi lại (Understanding Vietnam trang 344).

- Du Tử Lê là một trong 6 nhà thơ Việt Nam thuộc thế kỷ thứ hai mươi, có thơ được chọn in trong tuyển tập “Thi Ca Thế Giới Từ Thời Thượng Cổ tới hôm nay / World Poetry - An Anthology of Verse from Antiquity to Our Time” do nhà W.W. Norton New York, New York ấn hành năm 1998.

- Thơ của ông cũng được một số đại học dùng để giảng dạy cho sinh viên từ năm 1990. Ký giả Jean Claude Pomonti, một nhà báo hàng đầu của tạp chí Le Monde đã chọn một bài thơ của Du Tử Lê để dịch sang Pháp ngữ và phê bình trong tác phẩm “La Rage d’Être Vietnamien” do nhà Seuil de Paris, Paris xuất bản năm 1975.

- Ông là một trong 7 nhà thơ miền Nam, được cố nhà văn Mai Thảo chọn là “7 Vì sao Bắc đẩu” của nửa thế kỷ thi ca Việt

Nam. Sáu người kia là Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên.

- Từ năm 1981 tới nay, Du Tử Lê đã có nhiều buổi thuyết trình tại một số đại học tại Hoa Kỳ, Pháp, Đức và Úc Châu. Riêng với đại học Harvard (Boston, Mass.), hai lần ông được mời nói chuyện về thơ của mình.

- Kể từ tháng 7 năm 2011, nhiều tranh của Du Tử Lê đã được dùng làm bìa sách cũng như in nơi trang bìa của một số tạp chí, như Hợp Lưu, Thư Quán Bản Thảo, Pháp Âm...

- Riêng năm 2012, ông đã có 2 cuộc triển lãm cá nhân, một tại Houston, Texas và, một tại Seattle, Washington State.

- Cuộc triển lãm cá nhân lần thứ 3 và thứ 4 vào tháng 3-2013 tại Falls Church, Virginia, và, tháng 8 -2013 tại San Jose, California.

- Cuộc triển lãm cá nhân lần thứ 5, tại thành phố Atlanta, Georgia, khai diễn ngày 22 tháng 6-2014.

- Cuối năm 1012, với sự hướng dẫn của Giáo sư, TS Diêu Thị Lan Hương, Thạc sĩ Trần Thị Như Ngọc, đã chọn thơ Du Tử Lê cho luận văn Tốt nghiệp Thạc sĩ, chuyên ngành Lý luận Văn học của cô, với tựa đề “Thơ Du Tử Lê Dưới Góc Nhìn Tư

Duy Nghệ Thuật” đã được Hội đồng Giám khảo chấm đậu. Luận văn này hiện được lưu trữ tại Đại Học Quốc Gia Hà Nội / Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn. Mã số: 60 22 01 20.

- Đầu tháng 2 năm 2014, tác phẩm thứ 59 của ông đã được ấn hành bởi Nhà XB Hội Nhà Văn & Cơ sở Liên Việt, Hà Nội. Đó là tuyển tập thơ “Giỏ Hoa Thời Mới Lớn”.

Trước đó, tuyển Tập “Thơ Du Tử Lê 1957-2013” – Khổ lớn, bìa bọc, do nhà Xuất bản Người Việt, California, ấn hành, cũng đã có bán và, có thể order từ hệ thống Amazon.

Nếu tính luôn cuốn “Chân Dung Du Tử Lê - Từ thơ, văn tới nhạc, họa và nhận định” do tuần báo và nhà xuất bản Sống ấn hành, mà quý vị đang có trên tay, thì đó là tác phẩm thứ 60 của họ Lê. Theo tác giả, đây là tác phẩm quan trọng nhất, để bạn đọc có cái nhìn tổng thể về ông.

Cùng gia đình, Du Tử Lê hiện cư ngụ tại thành phố Garden Grove, miền nam California.

(Lược dịch theo bản Anh ngữ của tạp chí
The Writers Post, volume 12, số 2, tháng 7
năm 2010 và, cập nhật.)

DU TỬ LÊ
Tùy Bút



DU TỬ LÊ

Từ Những Góc Khuất, Việt Dzũng,

Đó là sáng Thứ Sáu, ngày 20 tháng 12-2013. Như thường lệ, chúng tôi gặp nhau ở café Tài Bửu. NH. Phương tiếp tục kể chuyện Phương Dung và đêm trước anh em tập trung ở nhà một bạn học cũ. NB. Hòa nói về chuyến bay về phương đông, đã cận kề... Tôi hỏi thăm NL. Vy, tin Khánh Minh, sau khi người nữ có nhiều bài thơ khá tốt trong thời gian gần đây, té ngã, phải vào nhà thương, vì một phần xương bánh chè bị bể. Và, Thiên Hương, cô chủ quán dài lâu của café Tao Nhân – Một

thời là “địa chỉ Thơ”; điểm hẹn quen thuộc của nhiều sinh hoạt VHNT ở quận hạt Orange County nhiều thập niên, đang ở nhà thương, chưa có ngày về. Vy giải tỏa phần nào mối bận tâm của tôi bằng hai “short briefs”... Sau đó, Vy gọi cho Sơn, người bạn đời của Thiên Hương, khi tôi ngờ ý muốn đi thăm Thiên Hương trong bệnh viện. Tôi nói, từng nằm bệnh viện nhiều ngày, tháng, nên rất hiểu giá trị của mọi cuộc thăm viếng... Vy gọi cho Sơn và, chuyển máy... Sơn kể, lần này, các bác sĩ phát hiện Thiên Hương bị



Từ trái: Việt Dzũng, Du Tử Lê, Trần Duy Đức, Trần Thị Diễm Phúc. San José, 1983

một cục bướu đè lên ống dẫn mật. Đã mấy ngày qua rồi, nhưng bệnh nhân và thân nhân vẫn còn chờ kết quả các thử nghiệm, nhất là kết quả biopsy để biết bướu lành hay ung thư, trước khi quyết định có cần giải phẫu? Sơn nói, Thiên Hương đang nằm ở Orange Coast Memorial Hospital, thành phố Huntington Beach, phòng số...

Chúng tôi chia tay nhau sớm, khi giờ giở chúng, đem thêm nhiều lưỡi dao mổ giá, liếc qua, liếc lại thân thể chúng tôi, ngoài hành lang nhà hàng Tài Bửu. Tôi lái xe về, với nỗi buồn không hy vọng có ngày sẽ thành quen thuộc: Nỗi buồn mỗi cuối năm / Quê người / Nhắm tính người còn, kẻ mất. Và, luôn luôn câu hỏi cuối cùng ở tôi, vẫn là “khi nào tới phiên ta”?

Đó là lúc 10:50AM (vẫn Thứ Sáu 20 tháng 12-2013), T. gọi cho tôi, báo tin Việt Dzũng không còn nữa!!! Khi tôi đang xếp hàng chờ trả tiền đồ xăng. Tại tôi ắp đầy những âm thanh nhọn hoắt... Câu nói ngắn của T. bị chẻ nát, thành những tiếng lác lổng. Giống như những đội sóng ì ầm, đứt đoạn. Không thật. Người đàn bà Mẽ đứng sau quầy tính tiền tỏ dấu khó chịu thấy tôi không nói gì. Có thể chị ta không (hay đã)nhận ra vẻ thất thần trên mặt tôi!?!

Cây xăng tôi dừng lại hôm đó, nằm ngay ngã tư Brookhurst và Trask. Chỉ cần chạy thêm vài trăm thước là đường Garden Grove, rẽ tay mặt, cũng chỉ vài trăm thước thôi, đài truyền hình SBTN nằm bên trái, SBTN. Nơi VD phải lui tới hàng ngày, không chỉ một lần; đôi khi nhiều hơn, vì nhu cầu công việc. Tôi nghĩ, chỗ tôi đứng, vòi xăng tôi đang dùng, nhiều phần cũng là chỗ và vòi xăng VD đã từng đứng. Từng dùng. Từng chờ đợi. Trong tôi, một ý nghĩ hoang tưởng vụt đến: Biết đâu chốc lát sẽ có người đặt tay lên vai mình. Nói, theo thói quen

“Dzũng đây anh!” Và, “Cậu Út” (1) sẽ vẫn nụ cười trẻ thơ, gương mặt bụ bẫm, rất “babyface” cải chính: “Tin đồn đó anh. Dzũng chưa chết đâu! Dzũng còn nhiều việc phải làm mà anh ..!” Cho tới khi dời cây xăng, vẫn không một bàn tay đặt lên vai tôi. Cũng chẳng có tiếng nói nào, dù thì thầm với riêng tôi.

Đó là lúc 7 giờ tối (vẫn Thứ Sáu 20 tháng 12-2013): Tôi không biết mình đã nhận được bao nhiêu điện thoại?!? Khởi đầu là điện thoại của NH. Phương. Nhiều lần. Tôi biết Phương muốn nói gì. Tôi không nghe. Tôi không muốn nghe lại cái điệp khúc “*Việt Dzũng mất rồi!*” hay, “*Việt Dzũng chết rồi!*” đã lung bùng trong tôi hơn nửa tiếng trước.

Nhưng khi Nguyệt Hạnh, rồi Topaz Trần, Lê Văn Hào (Houston), Phiến Đan, Lâm Lý Trí, Đỗ Văn Trọn, từ Việt Nam, Pleiku, Trần Thu Miên từ Boston, Mass.... gọi... thì tôi nghe. (2) Họ không gọi để thông báo hay, hỏi tôi có biết tin Việt Dzũng mất. Họ gọi để bày tỏ những bàng hoàng, bất ngờ và, nổi buồn quá lớn, trước sự “đi xa” đột ngột

của Dzũng.

Ở từng vị trí quá khứ, mỗi người
khua thức trong tôi, những cảnh đời mà,
họ đã có chung với tôi và Dzũng. Chúng
như những hòn than dĩ vãng cháy bỏng
và, nỗi muộn phiền là mặt bên kia của
một thời rực rỡ!

*

Tiếng nói lạc giọng của Topaz Trần
ném tôi trở lại những ngày đầu thập niên
1980s. Đó là những buổi tối, nơi phòng
khách căn nhà nhỏ đường Ranchero Way,
Garden Grove, Việt Dzũng ôm đàn hát
gần như tất cả những ca khúc có trong
băng nhạc “*Kinh Ty Nạn*”. Chúng tôi
sững người. Đứng tim. Khi nghe Dzũng
hát bằng giọng của mình, những ca khúc
như “*Một chút quà cho quê hương*”:

“Em gửi về cho anh dăm bao thuốc lá
Anh đốt cuộc đời cháy mòn trên
ngón tay

Gửi về cho mẹ dăm chiếc kim may
Mẹ may hộ con tim gan quá đoạ đây.

“Gửi về cho chị dăm ba xấp vải

Chị may áo cưới hay chị may áo tang
Gửi về cho em kẹo bánh thên thang
Em ăn cho ngọt vì đời nhiều cay đắng.
“Con gửi về cho cha một manh

áo trắng

Cha mặc một lần khi ra pháp trường
phơi thây

Gửi về Việt Nam nước mắt đọng đầy
Mơ ước một ngày quê hương sẽ
thanh bình.

“Em gửi về cho anh một cây bút máy
Anh vẽ cuộc đời như ước vọng
mong manh

Gửi về cho mẹ dăm gói chè xanh
Mẹ pha hộ con nước mắt đã khô cần”. (3)
Hay “*Lời kinh đêm*”:

“*Lời kinh đêm ôi lời kinh đêm.*
Lời kinh buồn như tiếng mẹ thở dài.
Ai có nghe thấu lời kinh khổ,
Sao cúi mặt gục đầu ngủ quên.

“*Trời mong manh ôi đời lênh đênh.*
Thuyền bấp bênh cuộc sống mơ hồ...
Lời kinh cầu từng ngày quen thuộc

*Lời mẹ buồn giữa tiếng Nam-mô.
 “Thuyền trôi xa về đâu ai biết
 Thuyền có về ghé bến tự do.
 Trời cao xanh hay trời oan nghiệt.
 Trời có buồn hay trời chỉ làm ngơ.*

*“Trời chơ vơ ôi người bơ vơ.
 Người vẫn ôm mảnh ván rũ mục.
 Lời kinh cầu từng hồi nấc nghẹn.
 Lời mẹ buồn giữa tiếng Amen.*

*“Người buông xuôi về nơi đáy nước
 Người có mộng một nắm mộ xanh.
 Biển ngậy ngô hay biển man rợ
 Biển có buồn hay biển chỉ làm ngơ”. (4)*

Tôi nhớ, tôi đã yêu cầu Dzũng hát lại nhiều lần, hai ca khúc vừa kể. Riêng “*Lời kinh đêm*” Dzũng phải hát lại không dưới 3 lần.

Tôi yêu tất cả những ca khúc của Dzũng trong “*Kinh ty nạn*” tới độ, hai ngày sau, tôi mời thêm một số bằng hữu tôi quý, trong số đó, có Topaz Trần, để nghe “*Người buông xuôi về nơi đáy nước / Người có mộng một nắm mộ xanh / Biển ngậy ngô hay biển man rợ / Biển có*

buồn hay biển chỉ làm ngơ”?

Thời gian này, cũng là thời gian chúng tôi mới khởi sự thực hiện nguyệt san Nhân Chứng (NC) mà, linh hồn của phần kỹ thuật, sắp chữ bằng máy IBM (quả cầu, bỏ dấu tay) là Việt Dzũng.

Thời gian này, quận hạt Orange County có rất ít nhà hàng. Một trong những nhà hàng thuộc hạng sang, là nhà hàng Pagoda, ra đời, tọa lạc gần ngã tư Harbor và Garden Grove. Một buổi trưa, Topaz Trần mời tôi đến ăn để ủng hộ chị Nicole, chủ nhà hàng. Ba ngày sau, tôi trở lại, cũng buổi trưa với Việt Dzũng, chị Nicole cho tôi biết, Topaz Trần dặn chị, bất cứ lúc nào tôi đến, thì đừng lấy tiền và ghi vào “chương mục riêng của Topaz...” Tôi nhờ chị Nicole nói lại với Topaz, ngoài tôi, nếu có thêm Việt Dzũng thì có OK? Ít tiếng sau, Topaz gọi cho tôi ở tòa soạn, nói, ai chứ Việt Dzũng thì Topaz vui lắm, để được mời vào “account” riêng của Topaz ở Pagoda.

Đấy là thời khởi đầu huy hoàng của Topaz Trần trong lãnh vực địa ốc. Đấy cũng là thời gian nữ ký giả Connie

Chung của nhật báo Register (không biết có phải qua sự giới thiệu của Topaz?) ngỏ ý muốn phỏng vấn Việt Dzũng cho tờ Register. (5) Dzũng nhận lời và, chúng tôi “nhất trí” chọn Pagoda để Dzũng trả lời phỏng vấn với tư cách Nhạc sĩ kiêm Tổng thư ký tòa soạn NC. Vì, chúng tôi không muốn Connie Chung thấy được “thực trạng” nghèo nàn tới đáng xấu hổ, của cái gọi là tòa soạn NC, thuở đó.

Như một vài thân hữu khác, Topaz Trần trở thành “thành viên” của nhóm NC rồi Tuần báo Tay Phải (TP). Khi thời gian cho phép, đôi lần Topaz cũng cùng chúng tôi đi... “lưu diễn”.

Nói tới “lưu diễn”, tất cả chúng tôi đều trông vào Việt Dzũng, một trong vài yếu tố quyết định sự thành bại của các chuyến đi dù gần hay xa.

Cũng ngay từ những tháng khởi đầu của thập niên 1980s, Dzũng đã ủng hộ ý kiến, đem tờ NC đến với người đọc. Khi chúng ta không có một phương tiện quảng bá nào khác. Tôi lãnh nhiệm vụ liên lạc với nhà thơ Phạm Kim, đại diện

NC ở thành phố Tacoma, tiểu bang Washington. (6) Bạn tôi sốt sắng nhận lời! Chúng tôi hào hứng “lên kế hoạch” với “mũi nhọn” chính là Việt Dzũng. Để thêm phần “rậm đám”, chúng tôi rủ Quỳnh Như ngâm thơ, Cao Đông Khánh đọc thơ. (7) Đoàn Vững thổi sáo. Tôi lo việc giới thiệu Nhân Chứng và, TN lo tất cả những việc không tên còn lại...

Thời đó, chưa có máy photocopy, cộng đồng Việt cũng chưa có một phương tiện truyền thông nào, từ báo chí, tới phát thanh...Phạm Kim phải tới một nhà in của người Mỹ để nhờ in flyers, đem gửi tại một vài địa điểm bán thức phẩm Á Đông! Và, dù mưa gió sập sùi suốt thời gian “gánh hát” chúng tôi có mặt tại Tacoma, nhưng sự thành công của chúng tôi với mấy trăm đồng bào ngồi chật hội trường nhà thờ Tin Lành đường King, đã vang dội tới Seattle. Khiến nhà văn Huy Quang - Vũ Đức Vinh, chủ nhiệm tờ Đất Mới, liên lạc, mời chúng tôi đến Seattle, nói chuyện và trình diễn tại trụ sở Hội Thân Hữu Việt - Mên- Lào, Seattle...(8)

Đi đến đâu, Dzũng cũng được đồng

bào các giới chào đón, như một biểu tượng thương yêu của người tỵ nạn. Có thể nhiều người không biết rằng, bên cạnh những “kinh tỵ nạn”, tình ca quê hương, Việt Dzũng cũng có khá nhiều tình khúc. Từ những tình khúc nhẹ nhàng, xây trên nền quê hương khuất bóng, như “*Tôi muốn mời em về*”, tới những tình khúc viết về tình yêu đôi lứa – Trong số này, cũng không ít những ca khúc đậm dấu đoạn lìa, chia tan... Điều này cũng dễ hiểu. Bởi căn bản, Dzũng vẫn là một người trẻ, lại cực kỳ nhạy cảm...

Việt Dzũng thường chỉ hát những tình khúc nghiêng nặng cảm thức lứa đôi trong những trường hợp đặc biệt, với số bằng hữu thật giới hạn. Lý do, Dzũng muốn mọi người ghi nhận một hình ảnh về Việt Dzũng thôi. Đó là hình ảnh Việt Dzũng của nhạc quê hương, tỵ nạn và đấu tranh. Dzũng nói, Dzũng không muốn ai thấy hình ảnh yếu đuối, ủy mị của Dzũng. Dù ở đời thường, Dzũng rất dễ chảy nước mắt...

Trong sinh hoạt riêng tư, tôi và Lãm (một người bạn của tôi thưở đó), từng

chứng kiến đôi lần những giọt nước mắt của Dzũng, ngập ngừng lăn khỏi đôi mắt trẻ thơ, trên khuôn mặt rất “babyface” ấy. Đó là thời điểm của cuộc tình Dzũng và BeBe HA ở giai đoạn mới chớm...

Tôi nhớ, cuộc tình Việt Dzũng / BeBe HA bắt đầu vào khoảng giữa năm 1985, khi Lãm giới thiệu BeBe HA với tôi, mục đích để BeBe HA tiếp tay, phát triển tờ báo TP. Vì BeBe HA chưa tốt nghiệp, nên hai người gặp nhau ở căn chung cư của Lãm, đường King, Santa Ana nhiều hơn ở tòa soạn. Khi “Cậu Út” của chúng tôi thú nhận đã “fall in love” BeBe HÀ, tôi và Lãm gia công vun vào với tất cả yêu thương và hân hoan dành cho đôi bạn nhỏ.

Tuy nhiên, giai đoạn đầu của cuộc tình Việt Dzũng / BeBe HA có phần chập chờn, bấp bênh, với nhiều ngày Dzũng không gặp BeBe HA! Và, chúng tôi cũng không biết tìm BeBe HA ở đâu!

Do quá nhạy cảm, Dzũng rơi vào trạng thái tâm lý tựa như tuyệt vọng. Vì thế, nhiều đêm, Dzũng dục tôi dời căn chung cư của Lãm, trở về tòa soạn,

đường Ranchero Way, để nghe Dzũng hát tình khúc...

Theo tôi, đó là những giây phút Dzũng sống thực nhất. Dzũng không che đậy, không kềm chế cảm xúc mình. Như thế nó không thể khác. Tình cảm thật, nó là thế đấy!

Cũng ở thời điểm này, không biết phải do tâm trạng tuyệt vọng hay không, Dzũng phổ nhạc bài thơ “*Thu khúc một*” của tôi và, hát cho tôi nghe nhiều lần:

*“trăng khuyết, như đời tôi
cũng thôi, một kiếp người
em về, khuya có vui(?)
tôi và đêm nhớ người...”*

*gió biếc như tình tôi
cung chiều lên tiếng gọi
về kịp không hồi em
vàng trăng ta khuyết rồi
(...)
em ở đâu đêm qua?
có nghe hồn anh tắt vội
buồn vương giọt nước mắt
cho giá lạnh cội áo quán
(...)*

*mây khói ru tình tôi
nhớ thương một kiếp người
em về khuya có vui(?)
tôi về đêm nhớ người
trăng khuyết như hồn tôi
ván quan đã đóng rồi
về kịp không hồi em
vàng trăng ta khuyết rồi!”(9)*

Khi Dzũng hát tới những câu “*em về khuya có vui*” hoặc “*về kịp không hồi em / Vàng trăng ta khuyết rồi*”... (vốn là những câu hỏi – không có câu trả lời), thì đó cũng là lúc Dzũng nhắm mắt, mặc cho hai dòng lệ lăn dài trên gương mặt trẻ thơ của mình. Phần tôi, tôi cũng không đủ sức đem mình khỏi chiếc ghế, dù chỉ để đặt tay lên vai Dzũng, như một cử chỉ dỗ dành, cảm thông... bất lực!!!

Những lúc ấy, tôi băng quên chính tôi cũng đang ngợp sâu trong những câu hỏi mình từng viết xuống – Mà cùng với nước mắt xót xa, tôi ước sao, tiếng hát, câu hỏi của Dzũng cất lên trong căn nhà lạnh lẽo, hoắm sâu dưới tầng tầng bóng đêm, có thể bay đến BeBe HA!!!

Bây giờ, khi tôi viết những dòng chữ

này (thì) “*ván quan*” (câu chữ của Dzũng – không có trong nguyên bản thơ) đã thực sự “*đóng rồi*”...BeBe HA không chỉ “*về kịp*” mà hơn thế, BeBe HA đã... “*ở lại*” giữa cuộc đời của Dzũng, một cách tốt đẹp, từ nhiều chục năm qua.

Nhiều ngày, từ khi nhận được hung tin về Dzũng, tôi lại tự hỏi, cách gì BeBe HA có thể vượt những “*nhớ thương một kiếp người*”, khi Dzũng không còn nữa? Vĩnh viễn không còn nữa! Dù chỉ một thoáng xuất hiện, đâu đó, trên mặt địa cầu này?

Tuy bị giới hạn khả năng di chuyển, nhưng ngay từ những ngày còn rất trẻ, Việt Dzũng đã cho thấy, sức làm việc của Dzũng, tựa dòng thác không ngừng cuộn cuộn chảy. Dzũng không thể ngồi yên dù chỉ một tiếng. Buông việc này, bắt việc kia. Việc nào vào tay Dzũng cũng đều trở thành dễ dàng, suôn sẻ. Từ dịch tin, đánh máy, lay out bài vở, tới soạn nhạc, thiết lập chương trình lưu diễn, liên lạc với anh em, bằng hữu năm châu, bốn biển, Dzũng đều hoàn tất một cách dễ dàng, gọn nhẹ, giống như chúng ta lấy một vật trong túi.

Tôi muốn nói, Việt Dzũng không chỉ quan tâm tới lãnh vực âm nhạc mà, “*Cậu Út*” của chúng tôi còn rất nặng lòng với báo chí, văn chương, chữ nghĩa nữa!

Cụ thể, đầu thập niên 1980s, vì một tháng, NC mới xuất bản một lần, lại nữa, không phải tháng nào cũng có... “*show*” lưu diễn nên, để trám vào khoảng thời gian... “*Không biết làm gì*”... Dzũng đề nghị gom một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn, làm thành tuyển tập “*Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn*”. Đó là tác phẩm đầu tiên của họ Nguyễn ở Toronto, Canada, được ấn hành tại Hoa Kỳ. Sau truyện Nguyễn Ngọc Ngạn là tập thơ “*Lịch sử tình yêu*”, cũng là thi phẩm đầu tay của Cao Đông Khánh và, tập truyện “*Tan theo ngày nắng vội*” của tôi. Tất cả mọi công đoạn đều một tay Dzũng đảm nhận. Ngay cả việc phát hành, Dzũng cũng nhận phụ trách. Thời gian đó, quận hạt Orange County và vùng Los Angeles chưa có tiệm sách. Sách báo sản xuất được gửi bán ở một số chợ bán thực phẩm Á Đông. (10)

Tôi không biết hai tác phẩm của hai

bạn văn kia, có những “tai nạn” đáng tiếc nào chẳng? Thí dụ “trùng tu” bỏ dấu thành “trúng tử”, “chữ nghĩa” thành “chủ nghĩa”, “dâm dăng” thành “đảm đang” cùng nhiều “tai nạn” ghê rợn hơn nữa... Vì Việt Dzũng phải bỏ dấu bằng tay...

Song song với mối bận tâm về lãnh vực văn chương, Dzũng vẫn là người chủ động gần như tất cả những... “show lưu diễn” của chúng tôi, thuở sinh hoạt trình diễn của tập thể Việt ty nạn còn cực kỳ “hoang vắng”! thuở mà sinh hoạt văn nghệ cũng như báo chí chưa hề cho cộng đồng ty nạn Việt một chút tia sáng cuối đường hầm nào.

Tôi nhớ khi tôi kể với Dzũng, người đại diện của tạp chí NC ở Calgary ngỏ ý muốn mời anh em NC viếng thăm miền tây Canada một lần cho biết, Dzũng bảo, sao không nghĩ tới việc biến cuộc viếng thăm thành một “show lưu diễn”? Thế là, một tháng sau, “gánh hát” của chúng tôi lại “đường trường xa...” tới một xứ sở, một chân trời hoàn toàn xa lạ.

Kỳ đó, ngoài số thành viên “cơ hữu” như Việt Dzũng, Cao Đông Khánh,

Quỳnh Như... chúng tôi còn mời được nữ danh ca Thanh Thúy, kịch sĩ Hoàng Long. Cùng với Việt Dzũng, họ là những tên tuổi dấy lên cơn bão thương yêu nơi khán giả Việt ở miền Tây Canada này...

Những ca khúc cũ, mới những tưởng đã bị chôn dưới tàn tro lịch sử sang trang, hay vùi sâu đáy biển đông thì, được “gánh hát” của chúng tôi làm sống lại. Nếu tôi nhớ không lầm thì bất cứ ca khúc nào được đồng bào yêu cầu, nữ danh ca Thanh Thúy, cũng như Việt Dzũng đều không từ chối, nếu họ thuộc. Sau buổi diễn, trả lời câu hỏi của tôi, người nữ danh ca của hai mươi năm VHNT miền Nam cho biết, chị hát không chỉ vì yêu cầu của đồng bào mà còn vì đam mê của chính chị nữa:

“Thúy đâu nghĩ, có ngày được hát lại cho hàng ngàn khán giả nghe những ca khúc mà mình từng một thời yêu thích...” Linh hồn ca khúc “Uớt mi”, một sáng tác của cố nhạc sĩ TCS, nói. (11)

Tuy nhiên, với chúng tôi, kỷ niệm đáng nhớ nhất của những “show trình diễn” có lẽ là kỳ chúng tôi “trình diễn”

tại Houston lần thứ nhất – Sau khi “Cậu Út” và Lê Văn Hào (tức nhà thơ Vũ Hà Du) trần thân dựng bảng café Tay Trái từ A tới Z cho chúng tôi ở ngã tư Faiview và Trask, thuộc thành phố Santa Ana. Điều đáng nhớ nhất, không phải vì sân khấu nhỏ Tay Trái là nơi trở lại thường trực của tiếng hát Julie. Cũng không phải đó là địa điểm xuất hiện đầu tiên của nhạc sĩ Trần Duy Đức, đôi bạn trẻ Vũ Kiềm / Hương Thơ... Mà, sau khi thấy Tay Trái đứng vững, có lợi tức rồi, Lê Văn Hào bàn với Dzũng trở lại Houston, mở nhà in Thế Giới (ở đường Bell) – Làm đầu cầu cho anh em NC và TP, khi sa cơ, thất thế, có chỗ để lui về...

Đó là năm 1984, “Cậu Út” phối hợp với Lê Văn Hào và nhà văn Lê Văn Phúc (12) đã tổ chức buổi ra mắt tập truyện “Tan theo ngày nắng vội”.

Tôi không biết có bao nhiêu ngày nắng ấm đã tan đi một cách vội vã (?) Chỉ biết, sau đó, một cuộc tình dẫn tới một hôn nhân tốt đẹp giữa nhạc sĩ Trần Duy Đức thuộc “gánh hát” của chúng tôi và một thành viên nhóm Thế Hệ Trẻ ở

Houston, Lê Nguyệt Hạnh.

Hai nhân vật tích cực góp phần vào sự tác hợp cho “đôi trẻ” nên duyên phận, chính là Lê Văn Hào và Việt Dzũng vậy.

Kể lại mối lương duyên của Nguyệt Hạnh / Trần Duy Đức, tôi chỉ muốn nhấn mạnh, song song với chủ tâm tận hiến cuộc đời cho lý tưởng tự do, nhân bản... Việt Dzũng còn là người thủy chung, tận tụy với bằng hữu. Như một trong những góc khuất của tác giả “Một chút quà cho quê hương”. Từ đó, tôi thấy, Việt Dzũng xứng đáng với mọi danh hiệu truy tặng cho Dzũng. Riêng cá nhân tôi, tôi muốn ghi nhận Việt Dzũng như một trong những vốn quý của tập thể Việt, nơi quê người.

Dù bây giờ, Việt Dzũng không còn nữa, nhưng những đóng góp, những đầu tư của Việt Dzũng cho tự do, nhân bản và tình người, sẽ mãi còn là những ngọn lửa ở được với mai sau.

Du Tử Lê

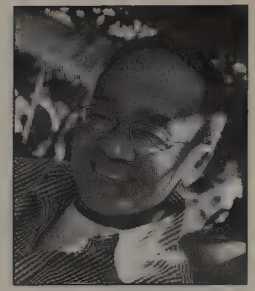
(Tháng 12-2013)

Chú thích:

- (1) “Cậu Út”, nickname Trương Trọng Trác (1940-2009) đặt cho Việt Dzũng khi chúng tôi tập trung quanh tạp chí NC rồi tuần báo TP, đầu thập niên 1980s. Trong anh em, Dzũng nhỏ nhất và, cũng đa tài, đa năng nhất, nên được mọi người cưng chiều nhất.
- (2) Trần Thu Miên kể, ngay từ những ngày đầu tháng 5-1975, ở trại tỵ nạn Fort Chaffee, tiểu bang Arkansas, Việt Dzũng và Trần Thu Miên đã có những buổi sinh hoạt văn nghệ “tự phát” liên tục...
- (3), (4) Nguồn: Wikipedia – Tiếng Việt.
- (5) Connie Chung (1946-) Sau đây đã dời từ Register, trở thành cộng tác viên nổi tiếng của những hệ thống truyền hình lớn như NBC, CBS, CNN và MSNBC ở New York. Tới ngày về hưu, ba lần bà được trao giải Emmy dành cho những nhà báo xuất sắc nhất trong năm. (Theo Wikipedia)
- (6) Sau thời gian tạm cư ở Tacoma, Phạm Kim di chuyển gia đình về thành phố Seattle. Tại nơi ở mới này, khoảng giữa thập niên 1980s, ông xuất bản tờ Người-Việt-Tây-Bắc; được ghi nhận là một trong vài tờ báo lâu đời và thành công nhất vùng.
- (7) Nữ nghệ sĩ Quỳnh Như hiện phải điều trị dài hạn trong một Nursing Home ở quận Cam. Nhà thơ Cao Đông Khánh sinh năm 1941 tại Gia Định. Ông mất ngày 12 tháng 12 năm

2000, tại Houston, Texas.

- (8) Cố nhà văn Huy Quang / Vũ Đức Vinh sinh năm 1931 tại Hà Nội. Ông mất ngày 9 tháng 12 năm 2005 ở Seattle, tiểu bang Washington State. Là sĩ quan cấp tá binh chủng KQ/VNCH, năm 1965, ông được Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám đốc cục Vô Tuyến Truyền Thanh. Trước năm 1954, ông đã có 2 tác phẩm do nhà Sinh Lực Hà Nội xuất bản. (Nguồn: Nhà thơ Hoàng Song Liêm – Wikipedia – Tiếng Việt.)
- (9) Bài “*Thu khúc một*” tôi viết và phổ biến tháng 8 năm 1984. Việt Dzũng là người đầu tiên soạn thành ca khúc, với nhan đề “*Trăng Khuyết*”, 1985. Sau đó mới tới Vũ Thành An và Vĩnh Điện... “*Trăng Khuyết*” của VD được in lại trong “*K. Khúc Cửa Lê / Tuyển tập 40 năm thơ-nhạc Du Tử Lê*”, tr. 104. Nhóm Thân Hữu Du Tử Lê Tại Hoa Kỳ xb, 1998.
- (10) Nữ danh ca Thanh Thúy hiện cư ngụ tại miền Bắc California. Một số thân hữu cho biết, nhiều năm gần đây, chị đã chọn hẳn con đường tu tại gia, ẩn tổng kinh sách và, làm từ thiện... Trong khi kịch sĩ Hoàng Long chọn thành phố Boston, Mass, để an cư.
- (11) Khoảng giữa thập niên 1980, Orange County mới có một tiệm sách nhỏ do nguyên giáo sư Vũ Văn Niên chủ trương, và chị ông là người trông nom, ở thành phố Santa Ana. Sau đây tới tiệm sách Thăng Long ở vùng Los Angeles...
- (12) Lê Văn Phúc là tác giả tập tạp văn “*Tôi làm tôi mất nước*”, được nhiều người biết đến.



DU TỬ LÊ

Thuở Còn Ngâm Ti

*“tôi đi trở ngược thời gian,
thấy em bé xiu. thuở còn...ngâm ti”*

(thơ dtl).

Đó là một ngày cuối tháng Ba. Mùa xuân ở miền nam California được đánh dấu bằng những đêm mưa bất thường và, gió ẩm giá rét. Tôi không nhớ sớm mai thứ mấy, chở T. đến khu Garden Grove Hospital Medical Center ở ngã tư đường Palm và Garden Grove Blvd, theo lịch trình radiation T. phải trải qua, sau hai lần mổ.

Sớm mai gió cuồng chân, chạy nhẫu trên những ngọn cypress và, palm đen, mốc, cao ngất, ngả nghiêng như những người khổng lồ ốm nhom, châng lằng trên đôi chân cà-kheo xộc xệch. Những chiếc lá bị bứt khỏi cành, không đường về, ngơ ngác, là là bay như những cánh bướm nhúng nước, chỉ còn chung mầu vàng xỉn. Mưa đêm đọng từng vũng nơi những khoảng đường trũng.

Tôi không thể soi mặt mình nơi những tấm gương trong suốt kia. Nhưng



Du Tử Lê (thứ hai, phải) Pleiku 1973

ký ức hắt bóng trong tôi: Những ngày đầu, vì tôi, T. chọn nhiệm sở Pleiku: mùa thu 1974.

Mới tựu trường, những nữ sinh Pleime khi tan học, ra về trên đoạn đường Trình Minh Thế, Pleiku, đã được các chàng trai làm thành những cái-đuôi-náo-nức! Một trong những áo trắng / Pleime làm thành cái-đuôi-náo-nức ấy là Thu Đào Phạm, hiện ở cùng một thành

phố với chúng tôi. Câu chuyện thời trẻ đại “anh theo... Đào về” (1) trở thành chuyện kể, khi một trong những học sinh si tình, theo đuôi kia, tử trận, được bạn ghi lại, phổ biến trên net, khiến tôi chạnh lòng!

Tôi chạnh lòng vì, ngay từ những ngày mới tựu trường, tôi cũng muốn... “theo” không phải một nữ sinh Pleime nào đó mà, là một cô giáo của trung học

Phạm Hồng Thái. (2) Vậy mà phải đợi mãi hai tuần sau, tôi mới có sự vụ lệnh công tác Pleiku.

Khi những vĩ sắt của phi trường Cù Hanh oằn mình, dãn, nổ dưới sức nặng của chiếc C-130, thì trời đang mưa. Không biết mưa bao giờ? Nhìn qua cửa kính, tôi thấy trời / đất cùng một màu sữa đục. Xa xa, nhấp nhô những đỉnh núi nhọn, hình nón khổng lồ, tím mận.

Như thường lệ, bạn tôi / Kim Tuấn cùng người tài xế chờ tôi trong phòng đợi phi cảng. Họ đưa tôi về thẳng phòng làm việc của Kim Tuấn, thông báo việc tôi đã đến. Nhìn đồng hồ, bạn tôi đề nghị:

“Giờ này còn sớm, chắc H.T. chưa tan lớp đâu, chúng ta ra phố uống ly café...”

Ra xe, tôi nói với người tài xế, nếu được cho tôi về phố bằng đường Trình Minh Thế. Kim Tuấn cười cười, hỏi, có phải tôi muốn thấy con đường trong bài thơ tôi mới viết, trong mưa?

Tôi hỏi lại:

“Bài nào?”

Tuấn nói, bài “Pleiku và Hoa Quỳ”.

Tôi đáp, không hẳn thế.

Nhường tôi ngồi băng trước, từ băng sau, bạn tôi nhào người lên, đọc nhỏ: “gió hú qua đồi cây / núi thu mình, nín lặng / bây giờ chỉ còn sương / trên đường trình minh thế / và một chút đau thương / cho em, phần sót lại...”

Tôi nói, bài thơ của tôi bỗng hay hẳn lên, nhờ trí nhớ của bạn! Kim Tuấn lắc đầu:

“Tôi chú ý vì bài thơ của ông như một lời chào đón H.T tới Pleiku mà sao tôi thấy nó không vui? Có cái gì buồn buồn! Nhất là hai câu ‘và một chút đau thương / cho em phần sót lại’...”

Tôi kịp giữ lại, để không nói với bạn rằng, đúng thế! Khi viết những câu thơ kia, trong tôi có thấp thoáng ý nghĩ, tội nghiệp T. Chỉ vì ích kỷ, tôi muốn T. dạy ở một thành phố gần Saigon hơn Huế, hầu dễ dàng hơn cho tôi, trong những thăm nom. Mặc dù Pleiku cũng là nơi tôi đã lưu lại ít, nhiều dấu vết... Nhưng khi T. báo cho biết đã chọn Pleiku thì, tôi lại thấy thương T. Thấy ân hận và, biết ơn T.

Cảm nghĩ này, tôi chưa hề một lần



Trường Phạm Hồng Thái (1975)

hé rằng với T, sau bao nhiêu năm chung sống. Tôi im lặng cả khi T. nhắc chuyện Cơ, một đồng nghiệp của T. Cơ thấy nhiều thư của tôi gửi cho T. ở phòng giáo sư, cũng như đôi lần thấy tôi đón T., trong sân trường Phạm Hồng Thái, gần đồi Đức Mẹ, Cơ đã nghiêm trọng cảnh cáo T., nên xa tôi ngay! Cơ giải

thích, vì tôi là người từng nổi tiếng... “lãng nhăng” ở Pleiku!?!)

T. còn kể, chuyện tình của tôi và T. cũng lan nhanh trong giới học sinh. Đến độ đôi lần, trước khi T. vào lớp, học trò đã viết tên tôi trên bảng, để chọc T. Khiến một thầy từng “theo” T. những ngày đầu ở Pleiku, đã lạng lẽ...rút lui.

Thay vì tâm sự với bạn, tôi lập lại lời cảm ơn Tuấn. Đồng thời nhờ bạn chuyển lời cảm ơn của tôi đến Lê Nhược Thủy, Vũ Hoàng... những người thế tôi, đón T. và Thanh, tại phi trường Cù Hanh, ngày đầu tiên T. đặt chân tới thành phố cao nguyên đất đỏ mưa mù này.

Người tài xế thả chúng tôi xuống cà phê không bảng hiệu, đường Hai Bà Trưng, lẻ loi giữa khu Dinh Điền cũ. Mưa đều hạt, không hẹn giờ ngưng. Lâu lâu, gió lại trút từng đợt mưa rào, từ cảnh thông xuống mái tôn quán không tên.

Đó là nơi tôi nghe được nhiều tiếng gió hú của rừng, khi chiều xuống. Tiếng rơi của trái thông và, cảnh khô, gầy những ngày nắng, nóng rộp đường nhựa. Hình ảnh, âm vang ngày, tháng cao nguyên, in đậm vết hằn trong tôi. Thản hoặc, chúng lại tái hiện trong thơ, văn của tôi, từ vô thức: “Khi ta trở lại rừng / chỉ còn nghe gió hú...” Hay: “tháng hai, nắng ở phương trời khác / mà tiếng rơi ròn, khua ở đây”...

Tôi nhớ, có những tinh sương, khi trời còn đặc, quánh bóng tối, tôi và Vũ

Hoàng đã lách mình qua tấm liếp che cửa, chui vào quán; ngồi co ro gần bếp lửa, gọi ly café đầu ngày.

Trở lại café “Dinh điền” lần đó, trong lúc chờ T. hết giờ dạy, tôi và Kim Tuấn tiếp tục nói với nhau về những người bạn chung ở Saigon / Pleiku. Khoảng cách cả ngàn cây số đường chim bay, đường ngăn lại, trũng xuống... Chúng tôi nhắc tới số bằng hữu bị cơn lốc chiến tranh cuốn đi, vĩnh viễn. Tuy nhiên, trọng tâm vẫn là những kỷ niệm chúng tôi có với nhau trong những lần gặp T, thời T. học năm thứ ba ở ĐHSPT / Huế.

Bạn tôi nhớ nhiều, gần như từng chi tiết nhỏ chuyển đi Đà Lạt không định trước. Chuyển đi ngẫu hứng có T. và J. đến từ Huế. Tôi từ Saigon. Người bạn gái tên Mộng Cầm của Kim Tuấn, đến từ Đà Nẵng. Vũ Hoàng, Kim Tuấn đến từ Pleiku.

Bạn tôi đốt thuốc liền tay. Kỷ niệm tuy chưa xa mà, đã lấp lánh những hạt sương rớt, sót trên mặt lá sâu ăn? Hay như những quầng sáng bên kia dòng sông, nước xiết? Qua những dải khói



*Du Tử Lê (Thứ nhất trái),
1973*



*Thanh (thứ nhất, phải), T.
cùng học sinh Phạm Hồng
Thái (1975)*

xanh liên tục bay lên trần nhà thấp, tôi không biết có phải bạn tôi đang thả mình trôi theo cuộc tình ngắn ngủi, khi Mộng Cẩm về lại Đà Nẵng, không trở lại? Hay bạn tôi đang hướng tới các chân trời thi ca, đời thường chưa đạt được?

Tối lúc đứng lên, đưa tôi về căn nhà T. thuê cùng với Thanh bên hông Chợ Nhỏ, đường Lê Lợi, bạn tôi ít nói hẳn! Tựa giữa chúng tôi, ai đó đã dựng bức tường ngăn cách. Bức tường làm bằng ký ức hai mặt tối / sáng. Tiếc thay, bóng tối lại chiếm hơn hai phần ba thị phần!

Không nhớ sớm mai thứ mấy, tôi chở T. đến khu Garden Grove Hospital Medical Center ở ngã tư đường Palm và Garden Grove Blvd, theo lịch trình radiation T. phải trải qua, sau hai lần mổ.

Trở về, sau khi T. tự lái xe đi làm, tôi bước ra vườn sau, ngồi trên khúc cây, tựa cột, nhìn mưa nhẹ, rắc hạt như phấn, lên những chậu quỳnh, cành giao, trúc đen, quất, xương rồng sa mạc... tôi băng khuâng tự hỏi, không biết giờ này, những Thanh, những Cơ đang ở đâu? Những cô / cậu học sinh ngày xưa của T. ở Phạm

Hồng Thái, từng viết ba chữ “Du Tử Lê” giữa bảng đen, trước giờ cô T. vào lớp, hôm nay, ai còn? Ai mất?

Tuổi trẻ, thời chúng tôi, đa số tựa những chiếc lá nõn, xanh, bị bứt khỏi cành, không đường về, ngơ ngác, là là bay như những cánh bướm nhúng nước...

Ngồi trên khúc cây, tựa cột, nhìn mưa gieo hạt chậm, đều trên “drive way”, bên ngoài cửa sắt kéo, tôi chợt thấy như đang bay ngược thời gian. Tôi không chỉ thấy T. những ngày Pleiku / Phạm Hồng Thái. Tôi cũng không chỉ thấy T., những ngày Chợ Mai / Huế. Con đường Trần Hưng Đạo. Đêm Kontum. Chiều cửa biển Thuận An... Mà, tôi còn thấy T. những ngày thơ ấu. Những ngày mới được ít tháng tuổi, T. đã bị dứt sữa. Đó là lúc mẹ T. để T. lại cho ông bà ngoại, các dì, đi theo tiếng gọi tình riêng! Tiếng gọi thầm thì nào? Chỉ một mình bà nghe, biết!!!

Phải chăng, vì rất sớm, định mệnh đã nhắm mắt, quay lưng với T.? Nèn, cuối cùng, để sửa lỗi mình, định mệnh lại dành cho T. nụ cười hiếm? Muộn.

Đó là sớm mai cuối cùng của tháng Ba. Mùa xuân ở miền nam California được đánh dấu bằng những đêm mưa bất thường, sương mù và, nắng trề. Tôi không nhớ sớm mai thứ mấy, chở T. đến khu Garden Grove Hospital Medical Center ở ngã tư đường Palm và Garden Grove Blvd, theo lịch trình radiation T. phải trải qua, sau hai lần mổ.

Sớm mai nắng trề nải, mang theo trong nó hơi nóng của lò sưởi được mở ở độ thấp nhất. Cũng có lúc thành phố cúi gằm mặt, vì những trận gió lớn như bão, đột ngột xuất hiện. Chúng bẻ queo đầu cypress và, những cây palm đen, mốc... Nhưng khi rút lui, chúng cũng biến đi rất nhanh. Tuồng muốn bảo, chúng không hề hiện diện? Chỉ mấy vũng nước còn lưu giữ chứng tích của những trận mưa rào, đêm trước. Và bùn vấy hè phố, bãi đậu xe!

Tôi không thể soi mặt mình nơi những tấm gương trong suốt kia. Nhưng ký ức hắt bóng trong tôi: Những ngày đầu, vì tôi, T. chọn nhiệm sở Pleiku.

Tôi nhớ ngó vào căn nhà trọ của T.,

sau lưng Chợ Nhỏ, thường xuyên bùn lầy. Những khuya khoắt trở về, chúng tôi phải rón rén, chăm chú từng bước đi. Nhưng, dù cẩn thận mấy, đôi guốc, chiếc áo dài trắng của T. vẫn bị “thương tích” bùn đen và, nước đọng.

T. kể, mới ra trường, chưa có tiền may áo dài màu, T. phải mặc mấy chiếc áo dài trắng thời sinh viên. Trong sân trường Phạm Hồng Thái, không ít học trò những tưởng T. là học trò mới ở đâu đó, đổi tới! Lại nữa, thời đó, dù là cô hay trò, cũng chỉ biết đến đôi guốc hoặc, sandale. Khoan nói tới ủng, chỉ giày bít thôi, đối với nữ giới thời đó, cũng đã là một hình ảnh xa lạ! Tựa quái vật thuộc một hành tinh khác!

Tôi không biết có phải những ngày lội bùn, lấm lem đã khơi nguồn cho T. mơ ước: Sau vài tháng dạy học, T. để dành tiền, mua một chiếc xe Jeep? T. ở vị trí người lái. Tôi ngồi cạnh. T. sẽ chạy cùng khắp Pleiku, về tới Saigon... Nhưng, mơ ước nồng cháy mưa / nắng đường xa của T. đã sớm bị dập tắt bởi cuộc di tản thảm khốc trên liên tỉnh lộ 7B!

Nhờ sự che chở của cậu Trưng, T. sống sót, về tới Tuy Hòa. Ở Tuy Hòa, thay vì theo cậu Trưng trở lại Huế, T. quyết liệt chia tay cậu. T. chọn con tàu chở người di tản về Vũng Tàu.

Từ Vũng Tàu, những ngày hỗn loạn, những ngày súng đạn đỏ nồng cuối tháng 4, T. từ chối leo lên chiếc tàu của Nguyễn Văn Phán bạn tôi chỉ huy, sẽ di tản khỏi đất nước. T. lại cương quyết lên xe đò, về Saigon...

Buổi sáng, khi thấy T. xơ xác, thất thần, bất ngờ hiện ra nơi cổng sở làm, tôi ngỡ ngàng, muốn chảy nước mắt. Dù rất muốn, tôi phải cố gắng kiềm giữ mình, không ôm T. trước mặt nhiều người! Tôi nhớ, T. sợ từ một cái nắm tay, một quàng vai, một cái vuốt tóc. T. bảo “Dị ờm! Lỡ ai thấy!”

Vậy mà T. dám chia tay cậu, để tới một nơi không có một người thân, ngoài tôi.

Tôi hiểu động lực nào đã biến một T. nhút nhát, sợ hãi đủ điều, trở thành một mũi tên, với đường bay duy nhất. Đường bay tình yêu tử / sinh. Đường bay

tình yêu, nông nổi? Chọn lựa liều lĩnh, một kiếp?

Vài ngày sau, buổi trưa, giữa một Saigon hốt hoảng, đếm từng giờ sống còn, tìm được nơi chốn yên tĩnh, khuất lánh mọi mắt nhìn, chúng tôi nằm với nhau. Không giọt lệ nào chảy ra! Nhưng cả hai đều hiểu, từ đó, đời ta không thể khác!

Một lần nữa, T. lại khêu thấp ngọn lửa tình nghĩa và lòng biết ơn, xót xa trong tôi.

Tôi nghĩ, cách gì thì T. cũng chỉ là một trong những người trẻ thời đó. Thời tuổi trẻ như những chiếc lá non, xanh sớm bị bứt khỏi cành... Có chăng, T. dám tách khỏi nguồn, thoát khỏi dòng, chọn bay đường bay độc lập. Dù cho cuối đường có là vực thẳm!?!

Đó là một buổi sáng cuối cùng của tháng Ba. Nơi mùa xuân miền nam California được đánh dấu bằng những đêm mưa bất thường, sương mù ban mai và, buổi trưa, nắng trĩ.

Khi T. tự lái xe đi làm, tôi bước ra vườn sau, ngồi trên bậc tam cấp dẫn lên

ngôi nhà “Lưu Niệm” do Orchid làm cho, cảm nhận cái chết lại tìm đến với tôi. Cái chết quen thuộc. Bình thản. Như chiếc bóng tôi, méo mó, yên lặng rớt trên những khóm hoa nhiều màu, nhỏ tí, T. trồng trong mấy lon nhựa.

Đó là lúc nắng như một chảo thiếc khổng lồ, được những sợi giây vô hình kéo lên, mỗi lúc một cao vượt nóc chuồng chim, ngọn thông, mái nhà hàng xóm... Tôi tự hỏi, không biết còn được bao nhiêu buổi trưa nhìn nắng chia tay những ngọn cây ăn trái, avocado, liễu, và cây hoa Golden Trumpet, vàng nhức, vừa hạ thổ?

Câu hỏi gọi tôi nhớ lại hai lần nói chuyện mới đây, với bạn. Khi trả lời điện thoại của Đỗ Hùng, D.C. rồi, Nguyễn Mạnh Hùng, George Mason, về tình trạng sức khỏe ngặt nghèo của tôi ít ngày qua. Tôi trả lời các bạn tôi, đại ý:

- Mỗi ngày được sống thêm, với tôi là một ân huệ. Một “bonus” đáng kể mà, thượng đế còn dành cho tôi. Nhưng, “bonus” to lớn và, quý báu nhất với tôi, vẫn là sự đồng hành của T. trong những

ngày cuối đời này!

Và thêm:

- Nếu không còn có được một sớm mai nào, chở đi T. tiếp ‘đoạn-đường-chiến-binh-radiation’ thì tôi cũng sẽ không chút ân hận. Bởi vì, cách gì, cuối cùng, mỗi chúng ta cũng chỉ như một chiếc lá bị bứt khỏi cành. Vấn đề là khi sống, chúng ta có dám tách khỏi nguồn, thoát khỏi dòng, chọn lấy cho mình, đường bay độc lập? Cùng những tử tế tối đa, có thể có được! Còn cái chết, theo tôi:

“Là cửa, ngộ duy nhất, cho chúng ta cơ hội trở lại thời... ngâm ti. Dù ti mẹ hay, chỉ là những nóm vú của đổi thay các bình sữa! Như lẽ thường xấp, giữa của nhân gian.”

Du Tử Lê

(Garden Grove, Apr. 2014)

-
- (1) Theo thơ Phạm Thiên Thư, nhạc Phạm Duy.
 - (2) Trước tháng 4-1975, Pleiku có ba trường Trung học công lập. Trung Học Pleiku, dành cho nam sinh. Pleime, dành riêng nữ sinh. Phạm Hồng Thái gồm cả nam / nữ.



DU TỬ LÊ

Biển, Gương, Seattle.

Mấy ngày vừa qua, tôi có nhiều điện thoại từ Seattle. Điện thoại của Võ Thành Đông, hỏi về bước đi của cuốn thơ mới. Đông sốt ruột muốn nhìn thấy cụ thể công trình *designed* công phu và mỹ thuật của chàng. Tôi nói, sách đang in. Hy vọng xong sớm. Sự thực, bìa sách vẫn còn nằm lẫn đâu đó trong những phòng làm việc của Lê Ngọc Ngạn. Ruột một phần còn nằm trong *hard disc* của Ngô Tịnh Yên. Tôi không muốn nói với Đông, với Seattle, về định mệnh kém

phần may mắn của cuốn sách này.

Tôi biết Seattle từ những năm, tháng ty nạn đầu tiên. Thời đó, cùng với Thực Ngạn, Việt Dzũng, Phạm Kim, Cao Đông Khánh, Đoàn Vững..., mỗi chúng tôi chất trong lồng ngực mình những khối thuốc nổ hăm hở, những ngọn đuốc tự tin, băng băng tiến về phía trước.

Thời đó, có Phạm Kim, (nguyên sĩ quan CTCT biệt phái về bộ Tư lệnh Hải quân, để làm báo và phóng viên chiến trường...) mới trở lại sân chơi văn chương, Nhân Chứng, với những bài thơ năm chữ

Biển, Gương, Seattle.

chất, lọc. Thời của những ngọn lửa nồng nhiệt thấp lung linh từng con chữ trong *Thư Gửi anh Hai Thủy Bộ*, ký tên Phạm Kim, cũng trên diễn đàn Nhân Chứng.

Ngày đó, Seattle chưa có Đông. Tuần báo Phương Đông cũng vậy. Ngày đó, cũng chưa có Người Việt Tây Bắc. Phạm Kim còn ở gần xưởng đóng tàu Tacoma. Đó là những ngày cuối cùng của năm 1980. Thời điểm huy hoàng của báo *Đất Mới*.

Thời đó, tôi muốn gọi, thời lãng mạn đầu đời tị nạn. Thời đó, tôi muốn gọi, thời tuổi trẻ hồi sinh. Chỉ bằng vào những thôi thúc vô căn cứ, Phạm Kim thức đêm, đội bảo, lợi tuyết hoàn tất tờ chương trình. Kim cực nhọc in từng tấm flyer, gửi đồng bào, gửi ruột thịt Việt Nam khắp vùng Tây Bắc, để hôm sau, lần đầu, những trái tim Việt tha hương, những tâm hồn Việt tản mác, gặp nhau mừng tủi trên thềm Thánh Đường Công Giáo số 925 đường South King street. Họ nghe chúng tôi nói chuyện đất nước, chuyện văn chương. Những tấm lòng Việt chia sẻ với chúng tôi, khát vọng đường về tổ quốc. Trái tim tị nạn khi ấy,

chưa thấy ở Santa Ana. Trái tim Việt lưu vong, chảy máu, ở quê người, khi ấy, ở vùng Tây Bắc. Ở Seattle. Ở những hy sinh, đóng góp âm thầm của vợ chồng Kim, của các cháu nhỏ đồn cục trong một căn phòng hẹp, lầu hai, một chung cư bình dân ở Tacoma. Các cháu phải nhường chỗ ngủ cho chúng tôi, những người xa lạ, đến từ nhiều chân trời khác nhau, suốt một tuần lễ. Chúng phải tự lo lấy bữa ăn, để bố mẹ rảnh tay, tìm, gọi những Việt Nam thất lạc, gặp nhau. Hơn 250 Việt lưu lạc, ngày đó, đã lấp đầy 250 ghế ngồi trong Thánh đường mượn vội...

Cùng với Phạm Kim, chúng tôi đi tới bất cứ một nơi chốn nào có đồng bào, có người Việt. Chỉ bằng vào niềm tin (không căn cứ,)/ những rung động (ngây thơ,)/ những khát khao (trẻ dại,) chúng tôi làm thơ / viết văn / soạn nhạc / làm báo. Chúng tôi mang thơ, văn / âm nhạc / báo chí / tâm hồn trẻ thơ hồi sinh lên đỉnh đồi xao xuyến, xuống đáy dốc đam mê. Thời đó, chúng tôi mang tiếng hát, lời thơ, tiếng đàn qua sa mạc...

Chúng tôi ca hát. Chúng tôi kêu gọi,

réo đòi một Việt Nam khác. Một Việt Nam tự do. Một Việt Nam hạnh phúc. Và, Seattle, một trong những địa điểm dừng chân của chúng tôi. Và, Seattle, đã mở ra, như một biển gương tình thân, một biển gương chia xẻ, một biển gương trí tuệ Việt Nam quê người, lớn.

Nhưng mơ mộng nào, rồi cũng qua đi. Những ngọn đuốc tuổi trẻ (có lại,) cháy rất một lồng ngực, thiêu phồng một trái tim, rồi cũng tàn, lụn. Cùng tôi một thời, những người làm thành chút mặt trời trong nước lạnh, nói theo thơ của Paul Éluard, lần lượt ra đi.

Đoàn Vững, với tiếng sáo của một thứ Cao Tiệm Ly thời đại mới, theo tôi, (dù không tự chọc cho mù đôi mắt mình, không mang một mối thù phải trả, không phải bước qua một bờ sông Dịch Thủy nào,) cũng đã một đêm bẻ sáo, chẻ tiêu, cắp sách trở lại sân trường tìm phương sinh sống.

Cao Đông Khánh, một lúc đóng cả hai vai: Hắc / Bạch Công Tử, một thứ tay chơi hảo hớn, đầy chất “Nam kỳ lục tỉnh”, cũng mang cơn say ngật ngưỡng bất kể

ngày đêm, về Texas. Việt Dzũng, người nhạc sĩ trẻ tuổi, rất trẻ khi viết những bài ca đấu tranh đầu tiên, cũng trở lại Houston, giúp bạn, làm nhà in... Tôi chỉ còn Thục Ngạn, dù cũng không được bao lâu.

Thục chọn đi con đường khác. Con đường khuất lánh đám đông. Con đường lìa cắt tập thể. Như thế, Thục đã ra khỏi được đời tôi. Thục dứt lìa tập thể, cũng đã trên dưới mười ba, mười bốn năm. Chọn lựa của Thục Ngạn là một chọn lựa, mỗi khi nghĩ lại, tôi còn bàng hoàng, ngậm ngùi nhưng, trân trọng.

Tôi có trở lại Seattle đôi lần, khi thời lãng mạn của chúng tôi, như đám bọt nước, những cụm bèo, rong, tan, chết giữa biển đời trùng điệp. Một đôi lần trở lại, quá đổi âm, âm...

Phải tới ngày Võ Thanh Đông chính thức chọn Seattle làm nơi dừng chân. Kể từ ngày báo Phương Đông, ra đời. Thôi nôi. Lên hai. Lên ba..., tôi mới có dịp trở lại, cùng bằng hữu, soi chiếu bóng mình nhiều lần trong biển gương, vĩnh viễn, biếc trên đèo dốc đời đời, xanh gió ấy. Đông là chiếc cầu /

cửa biển /, cho trở lại tôi, xưa.

Những trở lại Seattle gần đây, những đêm nằm trên chiếc giường đôi của Lynn, tôi nghe được tiếng gió chạy từ đáy thung lũng bên hông nhà ngôi nhà cũ của Lang / Đông, ngược dốc, thốc lên đỉnh đồi. Những đêm mất ngủ, nghe gió cào miết hai cánh cửa sổ, tựa quá khứ oan khiên / hạnh phúc cay nghiệt nào, vừa trở lui, quanh bước. Tôi có cái khát thèm từng hồi, lửa ngon, gặp lại Th.

Tôi biết gia đình Th., là một trong những gia đình tị nạn đầu tiên chọn định cư tại thành phố này. Họ chọn Seattle từ những ngày còn ở đảo Guam. Khi tin tức cho hay, Thống đốc tiểu bang Washington sẽ dành nhiều quyền lợi, ưu tiên cho những gia đình Việt chịu về Washington lập nghiệp. Tôi biết, quyết định rời bỏ Guam một cách bất ngờ, vội vã của bác Long, cũng chỉ vì chuyện tình giữa tôi và Th., sớm thành xì căng đan. Tôi không biết phải nói gì, trình bày cách sao, cho gần sát sự thật nhất. Tôi muốn nhận về phần mình, mọi tội lỗi bằng tất cả tấm lòng biết ơn, chân

thật, và ngay tình tối đa có được.

Đã hơn hai mươi năm trôi qua! Th., đã có gia đình? Bác Long trai đã qua đời. Thiện, chị ruột của Th., cuối cùng, cũng đã chồng, con tốt đẹp? Và, tôi cũng trải qua nhiều tình huống tai tiếng, vui dập...

Trong mỗi trở về, ăn ở với Seattle, gần đây, tôi vẫn nhớ, buổi trưa, trên chiếc ghế bố kê sát cửa chiếc lều vải, trông xéo vào chiếc lều của gia đình bác Long, tôi vẫn nhớ, chị Quy ngừng tay thoa lớp thuốc nhờn lên con mắt bị bầm tím. Con mắt không mở ra được bởi va đập vào cạnh tàu lúc chị trượt chân, rớt xuống gần cửa biển Rừng Sát đêm 29 rạng ngày 30 tháng 4, 75.

Trong dáng ngồi in, khắc vào biển cát rang cháy, sau những giờ khắc im gió của chị Quy, tôi đọc được nơi chị, điều gì, giống như niềm băn khoăn/ nhấp nhô / thấp thỏm... Tôi đoán, ở chị, dường có điều muốn nói. Chị ngập ngừng với câu hỏi khác. Câu hỏi, tôi tin, tựa viên đá thăm dò ném xuống mặt nước ứ đọng.

“Phá không đi xếp hàng ăn trưa sao em?”

Lần thứ hai, chị Quy hỏi tôi, câu hỏi ấy. Cả hai lần, tôi chỉ có một câu trả lời không đổi khác:

“Dạ, không. Em chưa thấy đói.”

Tuồng tôi đã hờn dỗi trút mọi rã rời tuyệt vọng có trong tâm hồn, thân xác tôi vào câu trả lời kia. Cả hai lần, trả lời xong, tôi đều tiếc, không lợi dụng cơ hội đó, để nói với chị, những uẩn tình.

Tôi biết, bác Long gái đã nhiều lần tìm chị Quy. Tôi cũng biết, trong những lần hai người đàn bà trò chuyện thăm thì, chẳng lần nào họ quên đề cập tới chuyện tôi và Th. Cách khác, tôi là nguyên nhân đề tài câu chuyện.

Nhiều buổi tối, đưa Th., từ bờ đê trở về lều, tôi bắt gặp bác Long chặn Th., ngoài cửa lều, nói gì đó...

Từ ngày lên đảo, mối liên hệ giữa tôi và Th., bị Thiện bắt gặp nhiều lần. Ông bà Long đã không cho Th., ra khỏi lều một mình. Thậm chí, Th., cũng không được phép đi dạo mỗi buổi chiều, nếu không có chị Thiện đi cùng.

Cấm đoán, ngăn ngừa gia tăng bao nhiêu, Th. càng quyết liệt bấy nhiêu.

Th., phản ứng lại bằng cách bỏ ăn. Th., phản ứng lại bằng cách dùng thư để liên lạc với tôi, qua trung gian người cậu.

Buổi tối, chờ mọi người ngủ hết, Th., lén ra khỏi lều. Ra dẫu cho nhau, chúng tôi chạy về bờ đê. Con đê lớn, dài, làm thành một vòng bán nguyệt vây bọc phần đảo tiếp giáp biển. Những đêm trốn đi được với nhau như thế, Th. không chịu về, dù tôi nhắc nhở. Nằm với nhau dưới những vì sao vùng nhiệt đới, cùng một mùa hè tối sớm, Th., nói cho tôi nghe dự tính trốn gia đình, ở lại đảo. Th., nói về cái mà Th. gọi là “première d’amour” của nàng.”

Th., nói về dự tính tương lai, với vốn tiếng Pháp có sẵn, nhờ theo học chương trình Pháp từ nhỏ, chuyển qua tiếng Anh có phần dễ dàng, Th., dự tính qua Mỹ, sẽ xin theo học ngành nurse ngay. Th. sẽ có việc tốt. Phần tôi, kiếm một việc làm bậy bạ gì đó. Chúng ta làm chủ lấy cuộc đời mình, đâu cần phải có ai nhìn nhận, Th. nói!

Th., cuồng nhiệt vẽ một viễn ảnh tự do, phơi phơi. Th., say sưa nhăm nháp

cái tương lai ngầy ngất, tuồng đã nằm gọn trong tay nàng.

Chỉ một điều Th. quên, Th., mới mười lăm. Những ba năm nữa, Th, mới tới tuổi trưởng thành.

Chỉ một điều Th. quên, dù cậu Thuận có thương nàng bao nhiêu, dù anh Q. tôi, có chiều tôi cách mấy, họ cũng không dám chứa chấp Th., một khi gia đình nàng lên chuyến bay về trại Fort Chaffee. Chưa kể phần tôi! Tôi cũng không thể chắc chắn điều gì, dù rất biết ơn Th. Nhờ có Th., tôi thôi, không nghĩ đến chuyện tự tử. Nhờ có Th., tôi vượt qua được những giây phút thành linh đứt lìa mẹ tôi, đứt lìa Bậu, đứt lìa Chuột và Bím. Đành rằng với quốc tịch Pháp, Bậu có thể đem hai con ra khỏi nước. Nhưng còn Hạnh? Chẳng phải tôi mới chia tay Hạnh trên lầu hai chung cư TĐ, sau khi Hạnh pha cho tôi và HT.An, ly cà phê giữa trưa, 29?

Chẳng phải Hạnh tiễn tôi ra về, còn nhìn theo, không một chút nghi hoặc, dự phòng một chia tay, bật, bật. Hạnh đã không thể nghĩ, chỉ một, hai ngày thôi,

chúng tôi đã xa cách nhau, nửa quả địa cầu? Chẳng phải, gần một năm rồi, tôi không có chút tin tức nào của Thục, sau khi nàng quyết định bỏ gia đình về Vũng Tàu ở với anh chị Tiến?

Vũng Tàu, những ngày cuối tháng Tư! Vũng Tàu, nơi giam lỏng, địa điểm cách ly những người lính điên loạn trên tàu, trong hải trình tháo chạy từ miền Trung về Sài Gòn? Thục thế nào giữa một thành phố panic cùng tột kia? Hạnh thế nào, khi Sài Gòn đổi chủ? Chẳng phải Hạnh chân đất, nát nhầu sống / chết trên liên tỉnh lộ 7B, chạy bộ từ Pleiku về Sài Gòn, chỉ vì tôi thôi sao? Chẳng phải tôi và Vũ Đức Thanh muốn chảy nước mắt khi thấy Hạnh xuất hiện ở 2 Bis Hồng Thập Tự? Không. Tôi không thể chắc chắn điều gì...

Những lần trở lại Seattle gần đây, nơi căn nhà mới của Lang-Đông, những đêm mất ngủ, tôi nghe được tiếng lá cây băng băng, hú chạy trên một mặt đường giá buốt. Tiếng mưa tuyết đập, dội vào những khung kính chạy hết chiều ngang ngôi nhà, nghe như tiếng cào cửa miết, miết

của một niềm tuyệt vọng cũ, xưa nào, thức dậy. Tôi lại nghe ruột gan mình thốc tháo nổi thèm khát được gặp Th. Tôi muốn gặp lại Th., sau hơn hai mươi năm. Một Th., đã thiếu phụ? Xồ xề?

Th. bây giờ, không phải Th. mười lăm, với chemise trắng tay bông, skirt xanh nước biển, trường Tây, tôi thấy lần thứ nhất nơi góc đường Hàm Nghi, Nguyễn Huệ nữa. Nhưng tôi rất muốn được gặp lại nàng. Tôi muốn gặp lại không phải để nói lời xin lỗi, về chiếc vòng ngọc, bảo vật gia truyền, từ đời bà cố, qua bà ngoại, rồi tới mẹ nàng... Trước khi di tản, mẹ nàng đã chia cho nàng, như phần gia tài quý báu nhất. Chiếc vòng ngọc Th. nhờ ông cậu chuyển giao tận tay tôi, buổi tối, trước khi nàng lên máy bay, rời Guam, về Washington State.

Chiếc vòng, tín vật tình yêu hai đứa, tôi đã làm mất, ngay những ngày đầu tiên, vừa rời khỏi Camp Pendleton. Tôi muốn gọi để nói lời cảm ơn. Tôi muốn cảm ơn Th., muốn tự mình nói ra (không bằng chữ viết) rằng, nếu không có Th.,

chắc gì giờ này tôi còn sống? Tôi muốn gặp Th., không phải để nói một điều gì, giống như lời xin lỗi, về những đau đớn tới xé thịt da nàng: những ngày dưới hầm tàu H.Q.1. Những ngày trên đảo Guam... Tôi chỉ muốn điện thoại để bảo Th.:

“Thời gian đã đủ để chúng ta tha thứ cho những người thân quanh ta. Tha thứ cho chính chúng ta, hết thấy, mọi chuyện.”

Mấy ngày vừa qua, tôi có rất nhiều điện thoại từ Seattle. Điện thoại của Phạm Kim, Lê Thu Hương... Kim gọi tôi không dưới ba lần, trong ngày.

Khi Kim thông báo bài phỏng vấn dành cho đài VOA, đã được phổ biến trên mặt báo. Khi Kim, bảo mới đăng lại bài thơ *Biển, Gương, Seattle*. Một bài thơ viết về, viết tại thành phố mà, Kim cùng nhiều bằng hữu khác của tôi, đang ở. Kim kể đọc giả thích. Nhiều người điện thoại chất vấn Kim sao bây giờ mới đăng tải bài thơ ấy. Tôi bảo đôi khi, bài thơ, in trong sách, cùng với những bài thơ khác, không hề gây một tác động nào nơi người đọc. Nhưng khi nó một mình, đứng như một ngọn cây cô đơn, đứng như doi cát

Biển, Gương, Seattle.

cô độc, thì, người đọc lại thấy được ở nó, một trời đất/ thổ ngời/ nắng, gió/ gát... Khi Kim hỏi tôi bao giờ lên? Khi Kim bảo tôi fax ngay cho Kim bài *Tình Sầu Du Tử Lê*. Bài thơ tôi viết hồi cuối năm 69. Nhan đề nguyên thủy của bài thơ đơn giản, hai chữ: Tình Sầu. Đầu năm 70, Nhạc sĩ Phạm Duy soạn thành ca khúc. Trước khi đưa cho Nhạc sĩ Ngọc Chánh của Trung tâm Shotguns thâu vào băng nhựa với tiếng hát Thái Thanh, ông bỏ tên tôi vào sau hai chữ Tình Sầu như một thứ tiếp vĩ ngữ của nhan đề chính. Nó trở thành *Tình Sầu Du Tử Lê*.

Sau khi phổ biến, bản nhạc có tiếng vang tốt, có thể người nhạc sĩ hài lòng sáng kiến mới của mình, ông nói với tôi, ông sẽ làm một loạt nhạc tình mà, tên các nhà thơ sẽ là một phần của nhan đề.

Nhận lời, không hề hỏi, tôi nói, sẽ fax cho Kim ngay khi có thể.

Nhận được bài thơ, Kim nhờ Thu Hương điện thoại cho tôi, nhắn rằng, Fax gấp bản nhạc nữa. Lần này, tôi rất muốn hỏi để làm gì? Nhưng người gọi lại không phải là Kim...

Lê Thu Hương, một người cùng quê Hà Nam với tôi. Chính Thu Hương, trong gặp lại mới đây, ở Seattle, nhắc tôi, những ngày cuối cùng của tháng Mười hai, Tám mươi.

Những ngày tháng ngọn lửa thanh niên bùng bột, phừng phừng cháy rất lồng ngực lưu vong của chúng tôi. Ngày đó, Hương là Thủ Quỹ của Hội Văn Hóa Việt Nam vùng Tây Bắc... Hương mang đến cho tôi, những thăm hỏi chân tình... Hương mang đến cho tôi, những quan tâm thật thà, ngay thẳng. Hương cũng mang đến cho tôi, những trang văn xuôi còn ngập ngừng, rụt rè trên ngưỡng cửa văn chương và đời thường. Hư cấu và thực tế. Hương cũng mang lại cho tôi một Phủ Lý mùa mưa, lụt. Những buổi sáng mở mắt, nước ối là nước. Buổi trưa, chị vú làm những chiếc thuyền giấy, cho tôi ngồi trên bậc thềm cao, thả xuống sân nước sôi ục ục. Những chiếc thuyền giấy trôi dạt quanh quần trong chiếc sân, thường ngày, mẹ tôi dùng làm nơi phơi những quả mơ vớt ra từ bể muối. Bà bảo phải phơi cho đến khi chúng mọc một

lớp da khác. Lớp da mới, lốm đốm phần trắng trên nền nâu đỏ sẫm nhẵn nhúm.

Mỗi năm, bến sông Đáy, nơi tôi ở ngắn ngủi một thời tuổi thơ, dâng nước một lần. Như mỗi năm, mẹ tôi có một nhiệm vụ làm ô mai cung cấp cho các đại lý vậy.

Những ngày mưa, lụt là những ngày hạnh phúc, đồng thời, cũng buồn bã nhất của tôi. Suốt tuổi thơ, tôi có một câu hỏi không ai trả lời. Đó là câu hỏi, liệu có một tương quan bí mật nào giữa những ngày mưa bão, và, mẹ tôi?

Những ngày mưa, bão mẹ tôi dường băng quên tôi. Có những lúc bà bỏ mặc tôi cho chị vú. Bà cũng không buồn la mắng, hay chỉ bảo đám thợ tập trung nơi đây nhà dưới. Khi ấy, mẹ tôi ngồi bó gối, nhìn vào vạt sân mịt mù, ùng ục nước. Khi ấy, làm như mẹ tôi quá đổi bận rộn với cuộc trò chuyện hoặc tranh cãi (bí mật) cùng mưa, lụt...

Sau này, lớn lên, tôi hiểu, tưởng chỉ những ngày mưa bão mới buộc được mẹ tôi ngừng tay. Chỉ những ngày mưa bão kia, mẹ tôi mới sống lại, sống thực, với

hình ảnh thầy tôi, quá khứ. Hình ảnh các anh, các chị tôi, những người đã vĩnh viễn đi theo thầy tôi...!

Tôi không nói gì với Hương về quê hương chung của hai đứa. Tôi nghĩ, vô ích thôi. Tôi không tin trong ký ức Hương, có một bến sông Đáy. Có một mùa lụt mỗi năm, một lần, kéo dài cả tháng. Hương còn quá nhỏ. Có thể, Hà Nam, chỉ là quê hương trong chuyện kể, mà, Hương nghe được. Tuy nhiên, cách gì, giữa tôi và Hương, cũng đã mau chóng hình thành một tương quan tốt lành, sâu, lắng, do nơi những chiếc nhau của chúng tôi được chôn chung một mảnh đất? Hay tương quan chữ nghĩa, cuộc chơi với Hương mới bắt đầu, trong lúc tôi đã quá mệt mỏi?

Một lần, Hương hỏi tôi có ý định di chuyển về Seattle? Tôi nói có. Tôi kể, Hạnh tin, về Seattle, vùng biển, gương, nhiều phần đời sống chúng tôi, sẽ tốt hơn. Nhưng nếu mỗi cuộc đời, (ít nhiều) đều có những lỗi lầm tốt tươi (hay theo, nám) thì, liệu nên chẳng, những lỗi lầm, thấp lại?

Du Tử Lê



Du Tử Lê 20 tuổi.



DU TỬ LÊ

Em Gầy Như Liễu Trong Thơ Cổ

Và, ĐKT.

*“Em gầy như liễu trong thơ cổ
Anh bỏ trường thi lúc Thịnh Đường.”*

(Thơ Nguyên Sa)

Tôi không biết điều gì khiến mỗi lần gặp H. (dù thân hoặc), hai câu thơ của nhà thơ Nguyên Sa lại hiện ra trong tôi, như một tiền thân xa xôi mà, quá đỗi gần gũi: “Em gầy như liễu trong thơ cổ / anh bỏ trường thi lúc Thịnh Đường.”

Thời gian trong quân đội, tuy không đi nhiều lắm, nhưng tôi từng phải theo những cuộc hành quân qua nhiều vùng điệp trùng cát trắng, hay giữa rừng núi không một mái nhà, chẳng một mụn khói. Nhiều lúc chúng tôi bị xập bầy thời điểm bà mẹ thiên nhiên chuyển dạ, phẫn nộ, nổi giận với những trận bão lớn. Để mưu sinh, thoát hiểm, chúng tôi được khuyên hãy ôm lấy bất cứ một vật cản nào, miễn thân xác nhẹ bâng của mình, không bị gió bốc, hút lên, như một cọng



rác! Đó là những lúc tôi thấy sinh mạng mình không thể nhỏ bé, vô nghĩa hơn, giữa lồng lộng mịt mù bến, bờ sinh, tử.

Tôi từng chứng kiến những thân cổ thụ bị bão búng gốc, ơ hồ như người buồn tay, nhỏ vài cọng cỏ. Tôi cũng từng nghe tiếng hét mình, chảy máu của những cành xanh xum xuê, bị bão buồn tay lắt khỏi thân vạm vỡ...

Tuy nhiên, chưa một lần nào, tôi thấy cảnh một thân liễu mong manh, bị bão túm tóc, thẳng tay ném vào vô tận!

Tôi muốn nói, tôi thấy chứ, cảnh những thân liễu bị bão đè đầu, nhận xuống mặt đất hay mặt nước. Nhưng chỉ cần một phút bão lơ tay, liễu lại đứng lên. Rục rờ rì rào. Tự tin sửa lại dung nhan, hất bóng mình trên những vùi dập, đổ nát, chung quanh.

Tôi không biết sự dài dòng của tôi về liễu, có phải bắt nguồn từ một tương quan hữu cơ nào đó, với hình ảnh H., (trước, trong và, sau) những lần gặp gỡ?

Tối nay, dù đã bao năm, tôi vẫn không thể có cho mình một câu trả lời rõ ràng! Tôi chỉ có thể nói, trong đời, tôi được

gặp nhiều người nữ gầy...như liễu. Nhưng chưa một người nào khiến tôi liên tưởng hay, có khả năng dặt tay tôi bước vào, để thấy được khác biệt giữa liễu và “liễu trong thơ cổ” của thơ Nguyên Sa, như hình ảnh tôi bắt gặp, tìm thấy nơi H. (Một góc khuất, tư riêng của tôi?)

Cũng có thể tôi đã từng gặp những người nữ gần với “liễu trong thơ cổ” của nhà thơ này... Nhưng khi đó, ông chưa cho tôi hai câu thơ kia. Tôi thiếu ngọn hải đăng rọi sáng vụng biển đêm tối cảm thức hoang vu của mình?

Phải chăng, giữa một câu thơ của Nguyên Sa và, rung động tôi về H. đã như một hạnh phúc bất toàn?

Lại thêm một câu hỏi tôi không thể tự trả lời và, cũng không tin một ai khác, có thể trả lời giúp!

Điều rõ nhất – như một quầng sáng, một vệt sao rơi – không mất hút trong tôi, đó là hình ảnh H... “như liễu trong thơ cổ”, trở thành một ám ảnh, thôi thúc âm trầm, ngày càng tăng cường lực thân thiết trong tôi, sau mỗi lần gặp H.

Sau mỗi lần gặp lại H., ngồi với

nhau, xế trưa, từ đôi mắt biết cười của H., tôi cảm được tiếng rì rào của “liễu trong thơ cổ”. Như cảm được bước đi lui, nhập chung đời sau và, kiếp trước những lần đất, trời thất lạc.

Sau mỗi lần (hiếm hoi) gặp lại H., ngồi với nhau, khuya khoắt, khi mái đầu H. cúi trên ly café, tâm hồn tán lạc trời nào(?), tôi lại có cảm nhận H., như một thân liễu vừa đứng lên. Sửa lại dung nhan, hắt bóng mình, không phải trên những vùi dập, đổ nát, chung quanh mà, trên chính cảnh tượng đời H. Cùng lúc, tôi cảm được mùi da thịt thanh xuân sớm trải qua tai ương của H. (Góc khuất, tư riêng của tôi?)

Đó là những lần (không họa hiếm), tôi những muốn ôm H. như ôm ấp niềm vui khôn tỏ của mình. Tôi muốn nghe được gần hơn, rõ hơn nhịp đập trái tim H. Cái tâm biểu đồ gập ghềnh những mạch máu trần gian. Thác. Ghềnh.

Đó là những lần (không họa hiếm), tôi những muốn đưa tay, vuốt mái tóc H. như vuốt ve buồn bã tiền thân tôi, kiếp nào, trên đường về hiện tại...

Nhưng, cũng không biết bao lần tôi những tưởng sẽ nghe được một tiếng thở dài, dù nhẹ, thoảng từ lồng ngực hương cốm của H... Và, cũng bấy nhiêu lần, tôi muốn cầm lên những ngón tay lá liễu của H. Tôi nghĩ, tôi sẽ cúi xuống. Sẽ hôn chúng. Như hôn niềm hạnh diện trợn lẩn ngậm ngùi của một tình cảm (mặc cảm?) giấu kín.

Tôi nhớ, đôi lần, được đi với nhau giữa Saigon, dưới ánh đèn đường lổ mổ và, cành, lá với những chiếc cọ khô chết nước sơn, chao chát vẽ những bức tranh đen, trắng khuyết tật, lên hè phố...Như những ám dụ ngày mai không có tôi. Ngày mai không hề có tôi, bên H. Nhưng tôi vẫn thấy mình hạnh phúc! (Vì hạnh phúc là những lênh đênh vậy gọi, ngoài tay với?) Một hạnh phúc bất toàn / may mắn?

Vâng, tôi nói, may mắn, chí ít cũng hơn những mảnh đời rách nát, rúm ró nơi những mái hiên nhỏ tí, của những phận đời bèo bọt. Nơi những tiếng nói mớ, hắt ra, xua đuổi ác mộng của những kẻ không nhà...

Tối giờ, dù rất muốn, tôi vẫn không

thể nhớ chúng tôi đã nói với nhau những gì?!? Nhưng khi tiếng cười hồn nhiên của H. như những đóa quỳnh, chao chát nở ngát trên cao, trước khi rớt xuống tôi, thành những bông hoa khác. Những bông hoa không tên gọi!

Đó cũng là lúc tôi nghe những chiếc lá (tưởng tượng?) bằng đôi chân niên thiếu, chúng hối hả chạy trên hè phố, xóa đi những bức tranh đen, trắng khuyết tật, để vẽ thành những bức tranh khác. Những bức tranh có tôi, ngày mai, bên H.(?)

Tôi không biết có phải những bất tường, những câu hỏi không được trả lời, đã nấu chảy tôi trong vạc lửa khát khao của vô thức(?) – Khi chiếc thang máy vừa khởi động, đưa H. lên căn hộ trên tầng lầu cao nhất của nàng – Một lực đẩy vô hình đã xô tôi vượt qua vạch phấn (lời nguyện tự nguyện?) bấy lâu. Tôi hôn H. Nụ hôn ngắn. Vội. Vụng về. Ngờ ngạc nhiên. Nụ hôn không đi ra từ tôi. Nó đi ra từ một góc khuất, tư riêng?

Lúc sự tỉnh, tôi tránh không nhìn vào mắt H. (Đúng hơn, chúng tôi tránh không nhìn nhau. Tựa nếu nhìn

nhau, chúng tôi sẽ chỉ có một trong hai chọn lựa: Thù ghét. Hoặc nhập chung. Làm một).

Không phải tôi sợ không thấy được những nụ cười từ đôi mắt biết cười kia. Mà, tôi sợ chính...tôi. Tôi sợ trong khoảng khắc thời gian mông muội còn lại, trước khi chia tay, tôi sẽ đi xa hơn. Sẽ xiết, ghì cây liễu...trong thơ cổ của tôi. Như xiết, ghì “ngày mai, không có tôi bên H.”

Khi viết xuống những dòng chữ này, tôi cũng không mong H. đọc được. Tôi muốn giữ chúng cho riêng mình. Như giữ giấc mơ một ngày nào có nhau, một-góc-khuất-nhân-gian. Tôi sẽ nghe được gần hơn tiếng chuông ngân của lá. Hay hương mật trái chín chia ly?

Giữ cho riêng mình, tôi nghĩ, tôi sẽ được thấy gần hơn, hình ảnh, tự tin, soi, hắt dung nhan H., trên cảnh tượng của chính đời H.

Từ đây, tôi nghĩ, tôi cũng sẽ cảm được mùi da thịt thanh xuân sớm trải qua tai ương của H. Như sớm mai, nhiệt đới, tầm tã dự cảm những cơn mưa trên vẻ-đẹp-lẻ-loi-rì-rào-cô-quạnh!

Cũng từ đây, tôi nghĩ, tôi sẽ đọc chậm rãi H. nghe, hai câu thơ của Nguyên Sa:

Em gầy như liễu trong thơ cổ / anh bỏ trường thi lúc Thịnh Đường.

Tôi tin H. hiểu.

“H. hiểu?”

“Cách gì, xin hãy cứ để tôi tin...H. hiểu”.

*

Trên đường về lại nhà mình, đêm đó, Saigon dường có nhiều hơn ánh đèn lỗ mỗ và, những cành, lá đường cũng có nhiều hơn những chiếc cọ khô chết nước sơn, hăm hở vẽ trên hè phố nhiều thêm, những bức tranh đen, trắng khuyết tật... Như những ám dụ ngày mai không có tôi!

Nhưng, không hiểu vì đâu, tôi cũng nghe được nhiều hơn tiếng cười hồn nhiên của H. Như những đóa quỳnh chao chát nở ngát trên cao, trước khi rớt xuống tôi, thành những đóa hoa khác. Những đóa hoa trong một góc khuất, tư riêng đời tôi. Không tên gọi!?!

Du Tử Lê

(Garden Grove, Nov. 2013)



Hình trái: Năm 1982 tại nhà hàng Ngân Đình, Westminster, California, qua ống kính Minh Hà.

Hai tấm hình hiếm hoi của 4 người bạn học cũ:

Trương Trọng Trác (1941-2011),
Nguyễn Đức Cung, Ngọc Hoài Phương
và Du Tử Lê.



Hình phải: 25 năm sau (2007) tại “Quán Biên Thùy” Santa Ana, Califonira, do “Cậu Trời” Nguyễn Ngọc Chấn bấm.



DU TỬ LÊ

Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé

Khi tấm màn dày được xô, vết về một phía, bầu trời ngẫu đực, là là ngang ngọn cây lá bạc. Gió nghìn tay, tấy máy, lật qua, lật lại những phiến lá tròn, nhác trông như những chiếc quạt giấy (hay những cánh bướm) xanh, nõn. Mưa nẩy mình trên mái bằng ngổn ngang gổ / sắt vụn / ống khói / thùng máy lạnh; và, những mái nhà thấp hơn, nhấp nhô, đằng xa. Gió dành những bàn tay dư thừa, búng hàng loạt bụi mưa vào

cửa sổ, tựa móng vuốt dịu dàng của bầy mèo hoang, cào miết khung kính. Lần đầu, tôi nhận ra căn phòng như chiếc hộp lớn treo lơ lửng giữa không trung. Từ chỗ nằm, tôi có thể nhìn thấy một phần thành phố, rỉ, cũ.

Gió toa rập mưa, tọng ngược tiếng ồn ào thường trực, vào cuống họng quán, xá. Những thanh âm bị chẹn lại, kêu bực bực như tiếng kêu tắc nghẹn của người bị bóp cổ. Hơi mưa tựa mảnh bè thả tôi



Từ trái: Du Tử Lê, Chị Băng Tâm, Mẹ, anh chị Lê Vương Ngọc. 1963

bệnh bệnh trong cảm giác nổi, trôi vô định. Tôi không thể, dù cố nhớ, xem chuyện gì đã xảy ra, trước đây. Mang thần trí một người hôn mê, bị gói trong chiếc võng vải, đong đưa giữa hai đầu cột hiện tại / quá khứ, tôi lay T.:

“Dậy. Dậy thôi. Voi. Mưa đó.”

T. bịn rịn giấc ngủ thiếp, ngấn xế trưa (hay nàng còn quyến luyến giấc mơ, ủ dẫu dưới chăn mỏng) mà, chứng tích là những giọt lệ chưa khô, trên mặt da nhàu, nát hạnh phúc cùng tuyệt vọng.

T. dụi mặt, tóc nàng vào ngực tôi. Nàng nói gì đó. Thanh âm cũng bực bực, như bị chặn ngang, hoặc giữ lại trong cuống họng. Tôi nhào người, lặn trên thân thể T. ấm, ấm, tìm gói thuốc lá trên chiếc night stand. Một mùi hương quen thuộc phả lên, dường như tự hai lồng ngực trần áp sát. Thực ra, (tôi nghĩ), mùi hương nồng thơm từ mỗi tắc thịt, da hai đùi. Từ những giọt mồ hôi / chân và đầu, những sợi tóc / tấm drap / sờ vải / đóng quần áo dồn cục cuối giường.

Thực ra, (tôi nghĩ,) mùi hương nồng thơm từ những năm tháng mất nhau / đợi chờ / kiếm tìm / kỷ niệm. Phải rồi. Kỷ niệm có cho riêng nó, một mùi hương. Cũng như kỷ niệm, luôn có cho riêng nó, một nhan sắc.

Kỷ niệm, với T. những ngày mưa Phú Bài. Vĩ sắt phi trường nghìn mắt trứng sâu, buổi chiều, khi chiếc C.130, lái bởi Âu Râu, thả tôi xuống cửa trước, cửa giáp mặt Thần Kinh, lần thứ nhất. Mùi xe lam / mùi tóc thề / mùi áo trắng / mùi tay run / mùi hổ người / mùi thư mới / mùi hoa khế / ... Kỷ niệm, với Huế, nơi tôi, trong mọi gặp

gỡ, sau đó, bao giờ cũng là mùi chợ Mai / mùi khoai nướng / mùi bắp rang / mùi ngực thơm / mùi môi dẫu / mùi ngô sau / mùi sân trước / mùi hoa cau...

Kỷ niệm, phải rồi! Kỷ niệm có cho riêng nó, một mùi hương. Cũng như luôn có cho riêng nó, một nhan sắc.

Kỷ niệm, với T., bờ sông Hương. Đêm, dòng sông nển. Những ngọn lửa sáp bập bùng trong những đài sen, mùa xá tội. Những búp sen ngùì ngùì nển ngon, thượng nguồn Hương Giang, mang mùi đêm tháng bảy, chảy xuôi về Thuận An, cửa biển. Kỷ niệm, với sông Hương, nơi tôi, là mùi tóc nghiêng / mùi vai sát / mùi liễu non / mùi khuynh diệp / mùi xiết ghi... không cần thề lập thề nguyên, mà, mặc nhiên đã, trăm năm. Kỷ niệm, với tôi, như thế đó, không chỉ mùi hương, còn có dòng sông nển. Tiếng sóng. Ngôi đền vô hình – Chứng giám những thề bồi không tiếng nói.

Kỷ niệm, phải rồi! Kỷ niệm có cho riêng nó, một mùi hương. Cũng như luôn có riêng cho nó, một nhan sắc.

Kỷ niệm, với T., với V. Hoàng, với

K. Tuấn, với J., Đà Nẵng, Kontum; ở tôi, là mùi nước mắt tức tưởi / mùi gió núi / mùi thông khô/ mùi bản thượng / mùi chia ly tưởng kẻ / mùi vĩnh biệt tưởng cận / mùi ngược lên / mùi cúi xuống lòng nhau / đời nhau, ngập dấu. Kỷ niệm, ở tôi, với T., là chiếc ghế bố trong ngôi nhà An Cựu – có T.T. Trình, nửa đêm, hé mắt. Có cánh cửa ăn thông hai phòng, trên cao, giữa trưa V. Hoàng lén nhìn. Có chiếc giường gỗ trong ngôi nhà trọ, ẩn sâu ngôi chợ Nhỏ, Pleiku. Có T. ké né nằm cùng Thanh, một giường khác. Tôi nghe được mùi hoa quỳ / mùi lũng thấp / mùi hàng dương / mùi hoa keo / mùi trần trọc / mùi trở mình (không chỉ T., không chỉ tôi mà, cả Thanh nữa!)

Kỷ niệm. Phải rồi! Kỷ niệm có cho riêng nó, một mùi hương. Cũng như luôn có riêng cho nó, một nhan sắc.

Kỷ niệm, với T., ở tôi, là Sài Gòn, tháng Tư. Mùi tóc khét / mùi mồ hôi / mùi bụi đỏ / mùi bát nháo / mùi thất lạc / mùi kinh hoàng / mùi tháo chạy / mùi bơ vơ / mùi thấy nhau, muốn khóc / mùi ôm nhau trong tay, ngỡ ngàng chẳng thật (?)

Kỷ niệm, với T., ở tôi, là căn phòng có sổ, làm bộ lạnh lùng, nép bên, ra tuồng xa cách một hàng lang nhỏ, hẹp. Mùi ẩm thấp / mùi mốc meo của những tấm nệm lâu ngày không đổi / mùi rêu trắng những gờ tường âm u / mùi khát thèm / mùi chiếm đoạt / mùi nần nì / mùi đổ dành / mùi giận dữ / mùi sợ hãi / mùi phủ dụ / mùi thịt da chưa quen / mùi tay chân co quắp... mùi / mùi / mùi / mùi / mùi / ...

Kỷ niệm, thế đó, mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn, đã tự có cho nó, một dung nhan.

Kỷ niệm, như thế đó, mỗi nơi chốn, mỗi thời khắc, đã tự có cho nó, một mùi hương.

Bây giờ, tôi nằm đây. T. nằm đây. Như con ngài thập thò sau khi tự mở lấy cho mình, một cánh cửa, ở một chỗ nào đó, nơi chiếc kén. Con ngài còn bịn rịn, một mùi hương (?) con ngài còn quyến luyến, một hang, ổ (?)

Mưa, tiếp tục cào, gọi trên khung kính, bằng những móng vuốt êm ái của bầy mèo hoang, một cách gấp gáp. Gió, nghìn tay, táy máy (một cách sốt ruột, giận dữ) lật qua, lật lại những chiếc lá bạc

/ chiếc quạt giấy / những cánh bướm (xanh, nõn.) Tôi thở hơi thuốc đầu tiên lên mảng bề chòng chênh, chiếc võng vãi, đung đưa. Thần trí tôi, dịu lại. Giông bão bất ngờ, rút lui. Trả núi rừng lại cho những vách đá, những vực nghiêng, soi mình trong tấm gương suối, mạch, thần trí tôi phục hồi. Giông bão bất ngờ, im phắc. Trả sông, biển cho những vạt mây chải tóc, tự lưng chừng. Như con ngài vừa chui ra khỏi kén, T. rút rè ngo ngoe, ỉ ỉ môi nằng, bò dần lên cổ, mặt tôi. Những ngón tay T., tựa ngón tay hài nhi mò tìm vú mẹ. Tôi không biết những ngón tay T. kiếm tìm điều gì (?) Tôi cũng không rõ, những ngón tay T. đã chạm, gặp được điều gì (?) Hay mùi hương nào đã thức dậy trong hồi ức T.? Hay cánh cửa nào đã mở ra (trở lại?) trong thần trí mịt mù hơi nước, của T. (?) Tôi chỉ biết, chỉ ý thức thật rõ: sự ngộ nguỵ của T. và, những ngón tay, làm xao động bầu khí thơm tho (rất lạ) của căn phòng; cùng lúc thân thể tôi nóng rộp.

Thực ra (tôi nghĩ,) có lẽ phải nói, không biết sự hấp nóng râm ran của thân

thể tôi, làm bầu khí thơm tho (rất lạ) của căn phòng, xao động; hay sự ngộ nguỵ của T., làm xao xuyến mùi hương... Điều quan trọng, không phải là chất hay, vật xúc tác. Điều quan trọng là, mùi hương. Chỉ có sự hiện hữu của mùi hương, mới đáng kể. Và, mưa nữa, ở bên ngoài, mới đáng kể.

Thực ra (tôi nghĩ,) thật hồ đồ, bậy bạ vô cùng, nếu bảo đó là một mùi hương thuần khiết, duy nhất. Tôi vẫn nghĩ, chẳng có một mùi hương nào, được gọi là mùi hương thuần khiết cả. Tôi nhớ, đêm hè, ngồi với T. và, Ánh, hiên trước, ngôi nhà của Đẻ, ở chợ Mai. Buồng hoa cau trên cao, bé xíu, chỉ chút những hạt cúc trắng dính trên tấm áo em bé, tỏa hương bát ngát, không gian. Nhưng cùng lúc, những bông hoa chanh, bưởi, khế, ngâu, xác pháo, cúc, mai tứ mùa, đình hương..., dưới thấp cũng tiết lộ vào không khí, vị, mùi riêng của chúng. Chẳng qua, ta bị khướu giác phỉnh lừa mà, không biết đấy thôi.

Thực ra (tôi nghĩ,) mình thật không phải, thật bạc bẽo, nếu gạt bỏ khỏi mùi

hương, đang thở no nê, một ngực lúc này; mùi tóc T. / mùi T. / mùi những ngón tay tôi (cuồng điên) trên thân thể T. (và ngược lại), một tiếng trước.

Thực ra (tôi nghĩ,) mình thật không phải, thật đáng bị nguyên rửa, nếu gạt bỏ khỏi mùi hương, đang thở no nê, một ngực, lúc này; mùi T. và, môi tôi / mùi da / mùi thịt / mùi hơi thở gấp / mùi nín nhịn tiếng kêu..., mỗi lúc tôi cúi xuống, tham lam, cùng khắp thân thể T. một tiếng trước.

Thực ra (tôi nghĩ,) mình thật không phải, thật vô loại, thật cầm thú, nếu gạt bỏ khỏi mùi hương, đang no nê, một ngực, lúc này, mùi hai mươi mốt năm cũ / mùi chợ Mai / mùi sông Hương / mùi Huế-Đà Nẵng / mùi Pleiku-Kontum / mùi Sài Gòn-Hàng Xanh / mùi Thị Nghè-Bình Thạnh / mùi mồ hôi tươm ra trong mỗi lần dướn lên, nhận đón / mùi răng in / mùi nghẹn thở / mùi rên xiết / mùi nhập chung thành một / mùi căn phòng trôi đi / mùi quần áo đầu mất / mùi ái ân / mùi mơ ước, khát khao đứa con / mùi / mùi / mùi... một tiếng trước.

Bởi vì, kỷ niệm có riêng cho nó, một mùi hương. Cũng như có riêng cho nó, một nhan sắc. Bây giờ, tôi nằm đây. T. cũng nằm đây (như con sâu) ngo nguậy trong chiếc kén dệt bằng những sợi tơ, kỷ niệm, bện bằng nước rãi, mùi hương.

Bây giờ, tất cả những thành tố làm nên mùi hương, gồm luôn quê nhà / mất dấu / chia lìa / dối gian / phản bội / hèn mạt / cao thượng / thú vật, thiên thần..., đang cùng mưa, nghìn tay, táy máy lật qua, lật lại, những chiếc lá bạc. Bây giờ, tất cả những thành tố làm nên mùi hương, gồm luôn nắng, gió / dòng sông nển / Phú Bài / vĩ sắt / hành lang / căn phòng đánh số / nơi chốn / năm tháng... và gió vung tay vãi những móng vuốt êm dịu của bầu mềo hoang, cào mãi khung kính... cùng thốc tháo đứng dậy, cuồng điên gõ cửa (mở lại,) trong tôi, mùi hương. Những ngón tay tôi, những ngón tay T., đứng lên, kêu đòi mở cửa / mở cửa / mở cửa cho mùi hương / mở cửa cho kỷ niệm. Từng tắc thịt da, từng mụn tế bào, đứng lên, kêu đòi mở cửa / mở cửa / mở cửa cho mùi hương / mở

cửa cho kỷ niệm, phút sau / tương lai sẽ tới. Mở cửa cho hiện tại (?) (Làm gì có hiện tại!) Hiện tại là quá khứ đang qua, kỷ niệm mằm, nhú. Mở cửa / mở cửa / mở cửa... dù chúng tôi cùng biết, ngày mai, là chia lìa. Chuyến bay đang đợi. Tắm thẻ lên tàu, đã sẵn, trong tay. Mở cửa / mở cửa / mở cửa cho mùi hương / cho lá bạc, còn lấp lánh, như những miếng kim loại, óng ánh chao, liếc giữa không gian.

Mở cửa. Tôi dập tắt mỗi thuốc. Con sâu phá bỏ chiếc kén cũ, để tự nguyện chui vào kén mới. Chiếc kén làm thành bởi những sợi tơ mùi hương; đan bện bởi những ngọn triều cảm giác.

Mở cửa. Mùi hương thức dậy trên môi tôi. Mở cửa. Mùi hương dính bệt trên những ngón tay T., khát, khát.

Mở cửa. Mùi hương thơm từ chăn gối / từ vách tường / từ Huế-Sàigòn / từ Kontum-Đà Nẵng / từ Pleiku-Hàng Xanh / từ phần thân thể, để dành / từ góc trái, ngực khuya, vẫn thức.

Mở cửa. Mở cửa. Mở cửa. Mưa từ nàng, mưa xuống. Mưa từ tôi, mưa đi.

Mở cửa. Mở cửa. Mở cửa. Thôi mẹ! Thôi cha! Mở cửa. Mở cửa. Thôi đời! Thôi kiếp. Chúng tôi là một. Ô không. Ngay một, cũng không.

Chiếc kén lồng trong chiếc kén. Mùi hương chồng lên mùi hương. Chúng ta là. Là. Là. Là, là. Số không bất tận.

Tôi tỉnh dậy giữa bầu sữa bóng tối sệt đặc. T. nghiêng mặt, vào trong, mỉm cười. Nụ cười nàng bị khung kính cách ngăn với mưa đêm và, tiếng gió. Mùi thức ăn / mùi đói khát / mùi cồn cào / mùi ân ái / mùi chồng vợ / gối chăn... lẫn quất đầu đó. Đầu đó, bàn tay tôi. Đầu đó, ngón chân tôi. Đầu đó, thân thể tôi. Đầu đó mùi hương cùng nhan sắc mang tên kỷ niệm. Mang tên dòng sông. Mang tên ly biệt.

T. nói:

“Chúng ta chỉ còn vài tiếng.”

Tôi lập lại, như một máy khâu trung thực:

“Chỉ còn vài tiếng.”

“Giờ này, ngày mai, anh đã ở một nơi nào khác. Một nơi chốn, em không thể hình dung.”

Tôi bảo, T. nói đúng. Đúng vậy. Thảm kịch của chia lìa, không ở nơi ta, khó hình dung nơi chốn. Ngay đứa này, đã khó, hình dung đứa kia.

“Và ta cứ sống?”

T. nói, trầm hẳn. Tôi không muốn nhớ đã nghe nhiều lần, điệp khúc này. Tiếng thở ra này. Gặp gỡ nào của chúng tôi, cũng kết thúc bằng câu nói đại ý, như vậy. Hai mươi mốt năm, cho một cuộc tình – thời gian dài hơn một phần ba kiếp người, vẫn chưa cho phép chúng tôi, được nói với nhau, trước chia tay, một lời nói khác. Tôi hiểu nỗi buồn rầu, sự bất lực của mỗi đứa. Tôi hiểu mùi hương của kỷ niệm, những chiếc kén bọc lấy những chiếc kén, có ngày, sẽ chỉ còn là những lớp tơ, rất dày, rất dai, nhưng khi ai đó, mở ra, thì con sâu đã chết. Chưa bao giờ, chiếc kén là con ngài. Nên, càng không bao giờ, bướm kia, lại là hóa thân của một con ngài, chết đi, từ giữa kén.

Tôi nói yếu ớt (bởi chính tôi cũng chẳng tin tưởng gì lắm, nơi lời nói của mình):

“Nếu lòng ta thành, tâm ta thực, anh tin, có ngày, tình ta lay động trước trời đất. Hãy tin thượng đế cũng có một trái tim như ta.”

T. thở dài, lắc đầu:

“Em cũng muốn tin như vậy. Chỉ sợ...”

“...?”

“Tim em, do máu thịt làm nên, kỷ niệm nuôi lớn. Trong khi tim thượng đế, là một hư vô!”

Ta không thể thuyết phục được ai, một khi chính mình cũng đang tuyệt vọng.

“Thế còn... mùi hương?”

Tôi hiểu, khi T. buồn bã, chính là lúc nàng sáng suốt hơn bao giờ. (Như con thú na vết thương về hang, động, T. có thói quen nghiền ngẫm nỗi bất hạnh của nàng).

Tôi hiểu, không phải lúc mang những suy nghĩ mơ hồ, những lý luận viển vông trấn an T. lúc này, bằng vào thực tế, bằng vào tình nghĩa, họa may mới có thể vực T. được.

“Em hiểu, mùi hương. Em hiểu anh nói gì,” T. đáp.

“Chính em cũng muốn nói với anh về hương thơm của kỷ niệm. Một lạ lắm, mới mẻ vô cùng, với em. Nhưng, anh, có bao giờ anh nghĩ, chính mùi hương, chính kỷ niệm là sợi dây thông lòng xiết cổ em. Giết em nhậm lệ hơn không?”

T. trở mình. Nàng nằm thẳng, nhìn lên trần nhà. (Tôi không nghĩ T. không muốn theo dõi phản ứng qua những biến chuyển trên mặt tôi.) Tôi nghĩ, T. muốn giữ cho bình lệ của nàng thôi nghiêng, khó chảy.

T., tiếp, giọng xa vắng, tựa tiếng nói ai. Một kẻ nào trong nàng, cất lên:

“Anh đâu biết bao lần mùi hương, giữa kỷ niệm, em chỉ muốn được chết ngay. Chết giữa mùi hương. Chết giữa khi kỷ niệm chưa kịp ra ràng. Kỷ niệm mới chỉ là mầm, nhú.”

Tôi quơ tay vỗ vỗ lên tóc T. (như dỗ dành đứa con gái nhỏ).

“Đừng hờn chứ. Voi! Ta không chỉ có trách nhiệm với đời mình. Ta còn phải trách nhiệm với kỷ niệm, với điều ta nhận được từ đời sống. Chẳng con đường nào cụt. Chẳng ngõ nào không

thông, vấn đề là chính ta. Chính ta bít đường. Chính ta ngăn ngõ. Vấn đề là...”

Càng nói, từng tôi càng thêm tin tưởng nơi giọng nói của mình.) - “là... ta đã dọn mình đủ chưa, để đón chờ ngày vàng sẽ tới (?) vấn đề là, ta đã thực sự thấy chưa lòng ta... (?)

Càng nói, tôi càng thấy tôi xa dần ý hướng vực nâng T. dậy. Càng nói, tôi càng muốn nghe giọng tôi... Làm như, ở mặt bên kia giọng tôi, đang có một mùi hương nào khác, thức dậy. Tôi nói, nói, nói. Tối lúc trở mình, nghiêng qua T., tôi mới hay, dù đã nằm thật thẳng, những giọt lệ tủi hờn vẫn chảy, lăn khỏi đôi mắt nàng, kín, khép.

Sự khép kín của đôi mắt T., trong bóng tối nhợt nhạt, thấy như một đường thẳng xuyên suốt qua tôi / khung kính / đêm / mưa / những cành cây lá bạc.

Riêng những chiếc quạt giấy, hay, những cánh bướm lấp lánh, chao qua, chao lại, thì không cách gì thấy được.

Du Tử Lê

9-94



Du Tử Lê và Võ Phiến. 2009



DU TỬ LÊ

Những Ngày Mưa Của Mẹ.

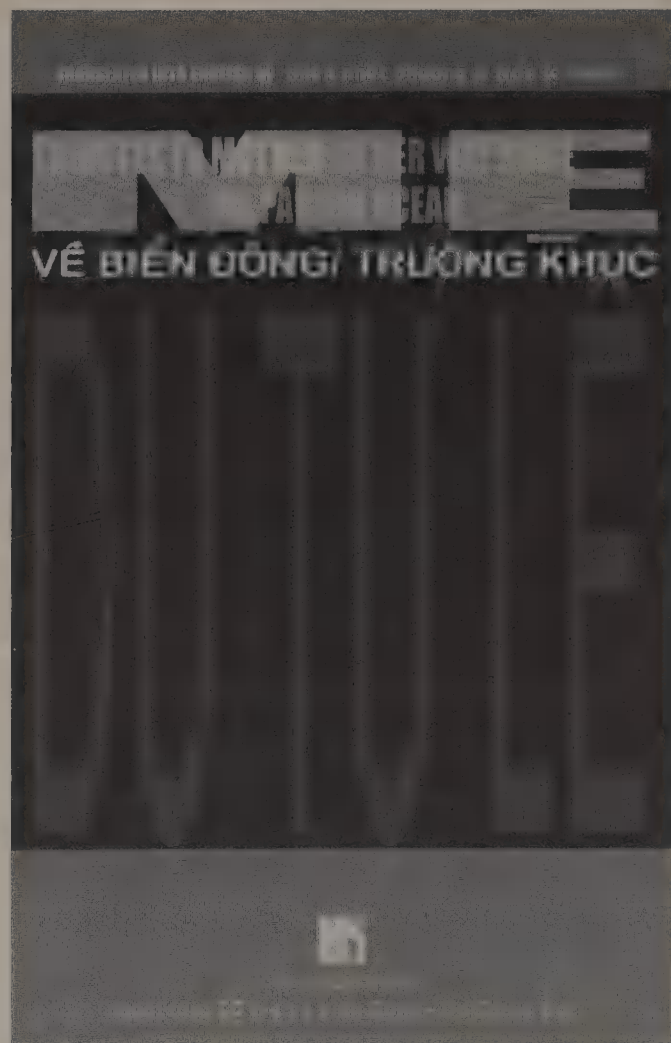
đâu, mưa cũng khua động ký ức tôi. Những khuấy động nhón, sâu vùng tàn tro, tưởng vĩnh viễn, chôn vùi, tưởng hăng hăng, im ắng. Ở đâu, mưa cũng thức dậy nơi tôi, những hình ảnh ngỡ có thể sờ mó / ôm ấp, ghi xiết. Hình ảnh mẹ tôi. Hình ảnh khởi nguồn ký ức tôi. Nơi tôi, cuối đời, bên hình ảnh mẹ, là em. Yêu dấu. Muộn màng. Hình ảnh em, mặt mù góc trời. Lao chao cánh chim muộn, thương tích, bay khuất lánh. Bay vào, nguyên đán.

Yêu dấu, cuối cùng rồi chúng ta cũng băng qua được những ngày tết, ở đây. Những ngày tết như những lát dao êm đêm luôn lách dưới làn da, thọc, ngoáy vết thương ta. Vết thương chưa kịp ra ràng. Vết thương chưa kịp da non. Vết thương, như mắt em muốn khép. Vết thương, như đôi mắt anh, muốn nhắm. Chết. Phải! Một trong hai ta, nên chết. Chết. Phải, chính anh nên chết. Hãy chết đi. Chết tiệt. Như tiếng nói, đã chết. Như nhớ nhung, đã huyệt. Chết.

Những Ngày Mưa của Mẹ

Phải. Một trong hai ta, nên chết. Nhất là anh. Nên chết. Bê bò. Loài nhai lại. Nhai lại? Nhai lại cái gì? Nhai lại được bao lần? Nhai lại được bao lâu. Bao lần, bao lâu nữa, một khi thực phẩm nuôi dưỡng tinh thần ta, trái tim ta, đã bụi mù hư vô. Đã hút hút. Một khi ta, chính ta, chẳng còn chi nhai lại. Hãy chết. Chết ngay đi. Đồ chết tiệt. Là anh. Đúng rồi. Phải đấy.

Cuối cùng, rồi tôi cũng băng qua được những ngày tết, nơi này. Một nguyên đán mới. Những ngày tết, nổi quạnh hiu hiện hình: Căn nhà lạnh / Chiếc sleeping bag trên thảm / những quyển sách mỗi góc tường / ly cà phê keo cục / Mẩu thuốc lá. Bếp lửa nguội / Chiếc tủ lạnh trống / Đêm, chờ Th. về từ ngôi chùa nằm gần ngôi trường của Dục, tôi tự “xông” đất lấy nơi chốn “ngả lưng” ấm đạm của mình và Tạo. Sau giao thừa, bắt chước Th., tôi thắp một nén nhang, cắm vào chiếc ly nhỏ đựng gạo. Mùi hương bốc lên, lòng tôi trầm xuống. Tôi không biết nên khẩn nguyện điều gì với trời đất, với tổ tiên, với vong hồn thầy mẹ, các anh, các chị tôi. Tôi nhắm mắt. Hy vọng



hình ảnh mẹ tôi sẽ hiện ra giữa mùi nhang khói. Nhưng không. Chẳng một hình ảnh nào lung linh trong nhang khói. Chẳng một ý niệm, một khát khao cầu xin nào, thức dậy trong tôi. Tôi nghe được tiếng mưa. Tiếng gõ trên cửa kính. Như những ngón tay yếu ớt chỉ đủ sức chạm hờ hờ cửa, khiến không thể gọi. Gió, như những con rết nghìn chân, đuối rượt nhau quanh

ngôi nhà. Tôi tự hỏi phải chăng tôi không đủ thành tâm, tín ngưỡng? Chẳng hồn thiêng nào lộng hiển? Tôi tự hỏi không biết giờ này, linh hồn mẹ tôi ở đâu? Bà đã lên cõi niết bàn hay bị đọa đầy địa ngục? Tôi nhớ câu nói: Xác đâu, hồn đó. Nếu điều này đúng thì, đêm nay, linh hồn mẹ tôi vẫn ở thành phố Loma Linda. “Trú sở” của nghĩa trang Loma Vista. Nơi hơn hai năm trước, tôi đã được mọi người nhắc nhở “Ném xuống! Ném xuống!...” những hòn đất vô nghĩa. Những cành hoa vô nghĩa. Chẳng bao giờ tôi có thể tự nhắc nhở được rằng, mẹ tôi đã chết. Điều kỳ quặc này, cũng giống như, tôi hằng hỏi tôi, tại sao mày chữa chết? Tại sao, một con người hư hỏng, một đời sống thất bại, thừa thãi như tôi, lại không chết, thay cho mẹ tôi. Tôi hằng tự hỏi, nếu quả thật có một ông trời, có một thượng đế toàn năng, có hàng ngàn tỉ Đức Phật... tại sao, một người, như mẹ tôi, một đời không thanh xuân, một đời không ngày vui, một đời không biết miếng ngon, không biết manh vải đẹp... lại chết? Hay định luật của đời sống, giống như lời ca

cảm thường xuyên của mẹ tôi, thời sinh tiền: “của tốt trời lấy đi, của không ra gì trời để lại.” Không hiểu mẹ tôi học được từ đâu cái “triết lý bi ai” đó. Tôi nhớ, tôi được nghe điệp khúc bi ai này, hầu như mỗi tuần, mỗi tháng, kể từ cái chết của anh Uyển tôi.

Tôi lớn lên cùng bóng rợp thâm u của một khu đất có ba dãy nhà / hai chiếc sân / một bể nước / một bức tường đá cẩm đầy miếng chai cao khỏi đầu người / dàn bông giấy cổng trước / dàn thiên lý tường sau và, điệp khúc bi ai cùng những hạt lệ của mẹ tôi, không ngừng chảy xuống. Những giọt lệ lặng lẽ lăn theo những bữa cơm, ngày một thêm thưa vắng người hiện diện.

Cuối cùng, rồi tôi cũng qua được những ngày tết, nơi này. Một nguyên đán mới. Buổi sáng, vừa mở mắt, chị Tâm tôi đã gọi. Bảy rưỡi giờ Cali. Lời “chúc đầu xuân” chị Tâm dành cho tôi là một loạt câu hỏi / mắng mỏ / trách móc / Chị hỏi tại sao tôi không về với gia đình? Chị hỏi bệnh hoạn ra sao? “Cậu phải biết mọi người sốt ruột, mọi người nhắc nhở, thấp

thỏm về cậu từng ngày, từng buổi. Ngay khi cậu không quan tâm tới sức khỏe, tới sự sống, sự chết của mình thì, cậu cũng phải nghĩ tới anh, tới chị, tới các cháu chứ? Tết nhất, không về, cậu cũng phải điện thoại cho gia đình biết... Cậu cũng phải cho tôi biết chứ! Mấy tháng liên tiếp, cậu không nói năng, không liên lạc, không tin tức gì nghĩa là sao?...” Tôi “Dạ. Vâng” như một cái máy. “Nói gì, lúc nào, ở đâu cậu cũng dạ, vâng” chị Tâm cao giọng. “Tôi không cần cậu dạ, vâng... Tôi chỉ cần cậu làm theo những gì tôi nói thôi. Tôi nhắc cậu hoài là phải uống sữa. Cậu có uống không? “Dạ có”. “Tôi nhắc cậu đi ngủ sớm, cậu có ngủ sớm không?” “Dạ có”. “Tôi nhắc cậu phải ăn nhiều vào, có ăn nhiều không?” “Dạ có”. Tôi nhanh nhẩu “dạ có” đôi khi trước cả lúc chị tôi dứt câu hỏi. Có lẽ sự nhanh nhẩu của tôi khiến chị động lòng trắc ẩn. Giọng chị dịu dần. Chị hỏi tôi kết quả thử máu? Tôi trả lời “Dạ, bác sĩ bảo tốt lắm.” Chị hỏi tôi có lên cân? Tôi trả lời “Dạ, lên đều đều...” “Đều đều là bao nhiêu?” Tôi ngập ngừng “Dạ, trên mười pao” “Thế

bác sĩ bảo còn cần bao nhiêu ‘pao’ nữa thì cậu có thể về lại đây?” Tôi đáp liều “Dạ, bác sĩ bảo em phải lên hai mươi pao nữa mới đúng... số!”

Mồng một tết, tôi không chờ cú điện thoại đầu tiên. Mồng một tết, tôi không chờ đợi, mở đầu một năm mới bằng cả chục lời nói dối. Sự thực, tình trạng bệnh thyroid của tôi, tồi tệ hơn bao giờ! Bác sĩ T. thử máu cho tôi, bảo mức thyroid tôi còn cao. Độ đường trong máu cũng cao. Bác sĩ G. bảo không được uống cà phê sữa nữa. Tuy chưa nhận được lời khuyến cáo chính thức từ bác sĩ Phước, người chữa bệnh thyroid miễn phí cho tôi từ gần một năm qua, nhưng với kết quả thử máu mà bác sĩ T. cho biết, cộng với sự tự biết, mỗi ngày một gầy hơn, tôi hiểu tình trạng sức khỏe mình trở lại thời báo động. Tôi nghĩ đầu năm không nên nói láo. Nói láo đầu năm với chị Tâm tôi, cả năm tôi sẽ nói láo. Nhưng, chẳng còn một chọn lựa nào khác cho tôi. Tôi không quen kể lể với anh, chị tôi những nhọc nhằn / những khốn khổ / cùng quẩn của đời sống mình. Từ ngày bỏ ngôi nhà ở đường Trần Hưng

Đạo, đi giang hồ, sống tự lập, tôi tập được cho mình thói quen nuốt xuống những bất hạnh, hờn tủi. Tôi không cho phép tôi làm chảy thêm những hạt lệ muộn từ đôi mắt già nua của mẹ tôi. Các anh, các chị tôi có thể vẫn là kẻ khơi mở mạch nguồn nước mắt gần cạn khô của bà. Nhưng tôi thì không. Đứa con út, đứa con hư hỏng của bà, là tôi, làm khổ bà, chừng ấy, đã đủ. Lớn khôn hơn một chút, tôi tập được thói quen nuốt chửng những ê chề, nhục nhã xuống một góc kín của đời sống, của trái tim. Tôi không muốn mình trở thành niềm thương hại của ai. Càng không thể, trong mắt nhìn của các anh, các chị tôi.

Mỗi chúng ta đều đã quá nhọc nhằn với gánh nặng riêng đời mình. Hà cớ gì ta lại đeo đá thêm cho kẻ khác?

Cuối cùng, rồi tôi cũng băng qua được những ngày tết, ở nơi này. Một nguyên đán mới. Tôi băng qua với cú điện thoại thứ hai, từ anh Q. tôi. Người anh kém may mắn, phải đóng vai “quyền huynh thế phụ,” sau khi thầy tôi, rồi anh Uyển tôi, chết. Sáng mồng một tết, nơi này, tôi không chờ cú điện thoại của

anh. Cú điện thoại mang lại cho tôi những câu hỏi dồn dập, như những câu hỏi của chị Tâm tôi. Chỉ khác, anh Q. hỏi tôi với một âm vực thấp trong giọng nói. Mồng một tết, tôi không chờ đợi mở đầu một năm mới bằng loạt nói dối. Anh Q. bảo tôi, cho anh gửi lời thăm bác sĩ Ph.. Anh đâu biết, ở lại đây để chữa bệnh, nhưng gần như tôi không gặp bác sĩ Ph., mấy khi. Tôi rất ngại đến phòng mạch. Tôi rất ngại nghe về bệnh trạng mình. Mỗi lần bị chích thuốc, với tôi tựa một lần lên đoạn đầu đài. Tôi lại “Dạ. Vâng. Dạ. Có. Dạ. Không.”

Buông máy xuống, tôi chợt nhận ra, từ mấy chục năm qua, với các anh, các chị tôi, dường như tôi không có một lời nào dành cho họ, khác hơn hai tiếng “Dạ. Vâng.” Và cũng không biết từ lúc nào, họ hiểu, hai tiếng “dạ, vâng” của tôi chỉ mang ý nghĩa của sự tuân phục lúc đó! Ở những ngày trước mặt, đời sống tôi vẫn băng băng chảy tới, với lưu lượng buồn vui, giận dữ, ngu muội, đần độn của riêng mình. Mọi nhẩn nhủ, mọi lời khuyên của họ, mọi lời hứa của tôi,

tuông hăng rơi một lạ hoắc.

Cuối cùng, rồi tôi cũng băng qua được những ngày tết, nơi này. Một nguyên đán mới. Một nguyên đán bắt đầu bằng những thăm hỏi gửi đi hay, nhận được từ bằng hữu. Một nguyên đán xót buốt lúc hình dung xa lộ Năm, buổi tối. Một giao thừa mưa. Một giao thừa lạnh. Người đàn bà, một mình, lái xe trên lộ trình tình yêu, định mệnh thảm khốc, cũ. Nàng đã nức nở. Nàng khóc. Vật vã. Một mình. Một mình với lồng ngực nghẹn ngào sau volant. Một mình, nghe những giọt lệ, tưởng chẳng bao giờ còn có thể chảy xuống, chất ra từ một đôi mắt đêm thâu, từ một đôi mắt My Nương, dưới một vầng trán quê cũ.

Một nguyên đán hồi sinh bằng hoàng. Một nguyên đán phục sinh khẩn cấp dưới tầng, tầng lãng quên năm, tháng. Hình dung yêu, dấu. Hình dung. Hình dung. Hình dung năm tháng vợ chồng / năm, tháng ơn, nghĩa / năm, tháng có núp ruột đã lìa / năm, tháng có hơn một giọt máu đã bỏ... Hình dung. Hình dung. Hình dung yêu, dấu. Hình

dung em. Hình dung người nữ. Người nữ trong cổ tích. Người nữ ở với Trương Chi. Người nữ tháng giêng. Người nữ tháng bảy. Tháng mười. Tháng chạp. Hình dung tiếng hát, mất. Hình dung nắng, gió, còn. Hình dung xa lộ Năm và, Mười. Hình dung xa lộ Bốn Lẻ Năm và, Một Lẻ Một. Hình dung xa lộ Bốn Lăm. Hình dung xa lộ Năm Chín. Hình dung. Ôi hình dung. Giọt máu, cuối.

Hình dung. Hình dung những giọt lệ tủi hờn, những giọt lệ của khối tình non yếu, của nghĩa nặng ân sâu, một giao thừa, bỗng cháy. Hình dung, hạt lệ, nước cất, bốc hơi từ lò lửa tâm hồn, tưởng đã lãng quên. Hạt lệ, nước cất, bốc hơi từ lò lửa trái tim, tưởng đã ngưng đập. Hạt lệ, nước cất, bốc hơi từ lò lửa kỷ niệm, tưởng đã tro, than, tưởng đã bụi vàng, tưởng đã lạ mặt. Bỗng cháy. Một đêm. Những giọt lệ tinh khiết, phần nước cất, bỗng ngùn ngụt bốc hơi từ tháng, năm che đậy, đắp lấp sau lưng...

Yêu dấu trăm năm, yêu dấu một kiếp, của ta. Anh vẫn nghĩ, cuộc đời nào cũng được làm thành bởi những giả trá /

phỉnh lừa / gạt gẫm. Những hạnh phúc ta có / đau khổ ta mang / tự thành ta đạt / thất bại ta đau, nào có là sự thật. Mọi cuộc đời, mỗi cuộc đời, chỉ thật, ở những giọt lệ lăn xuôi. Không phải giọt lệ em, chảy trước mắt mọi người, trước mắt anh. Cũng không phải giọt lệ anh, chảy trước đôi-mắt-mẫu-tử-em ngó xuống, đêm mưa. Đôi-mắt-mẫu-tử-em, ngó xuống, chiều gió, ngó xuống sáng non, ngó xuống, trưa xám.

Tôi vẫn nghĩ mọi cuộc đời, mỗi cuộc đời, chỉ thật ở phút giọt lệ lặng lẽ chảy ra. Và, chỉ đôi mắt ta, cùng những hạt lệ kia biết lấy.

Yêu, dấu của những giọt máu cuồng điên. Yêu, dấu của những mũi lao, duy nhất, một lần trong đời, đã phóng. Hãy cảm ơn, xa lộ Năm. Hãy cảm ơn, giao thừa Quý Dậu. Hãy cảm ơn giọt lệ tôi. Những giọt nước mắt tinh khôi, cất từ bình lửa trái tim điều hui, mất tích. Hãy cảm ơn, yêu, dấu. Cảm ơn sự tìm thấy mình. Thấy lại ta trên đỉnh ngọn triều, thất lạc. Hãy cảm ơn, yêu, dấu. Cảm ơn giao thừa. Cảm ơn sự thật năm sau, tiếng

cười. Cảm ơn, sự thật năm sau, lớp phấn son giả, trá. Lớp phấn son, mỗi ngày, đêm, em hằng chùi lau mà, sự thật chẳng hề hiển, chói. Hãy cảm ơn, chút nắng gió, sót lại, lúc ta một mình, với mưa. Lúc ta một mình, với cỏ cây, lớn cao bóng, tối.

Ở đâu, lúc nào, mưa cũng kéo hàng, cũng giăng tấm lưới kỷ niệm buồn thảm, bủa bắt tâm hồn tôi.

Ở đâu, lúc nào, mưa cũng thức dậy trong tôi, một điều gì, tựa niềm ân hận, mất mát. Thử mất mát đôi lúc chân thực tới có thể sờ mó. Đôi lúc mơ hồ, tựa chưa hoặc, chẳng hề bao giờ, có thật.

Đó là hình ảnh em-như-mẹ. Đó là ngày mưa cuối năm. Chiều. Mưa bên ngoài khung kính phẳng. Tiếng nói yêu, dấu, rất xa. Nỗi nhọc nhằn em, rất gần. Đó là. Đó là. Đó là. Yêu và dấu. Đó là môi hôn thấm thiết. Vòng ôm cạn, kiệt. Đời này không hề. Kiếp sau, sao được?

Đó là, dấu, yêu, mẹ anh đã qua. Phần anh, một ngày sẽ. Sẽ.

Du Tử Lê

Houston, TX, 1993.



Nguyễn Mộng Giác và Du Tử Lê. 1987



DU TỬ LÊ

Tôi / Vó Câu Buồn / Sâu / Sớm Mai.

*em đi để lại hồn thơ đại
tôi/ vó câu buồn/ sâu/ sớm mai.*

thơ dtl.

Ó dể mười mấy năm, tôi mới có lại một buổi quây quần với anh em, bằng hữu, mà, không có sự hiện diện của bất cứ một người nữ nào. Đó là buổi trưa ở Buena Park. Thành phố phẳng bẹt với những nhà thấp, khúc đường vun, cụt, tiếng gà gáy sáng, như những giọt âm thanh thỉnh thoảng rắc trên

một nền trưa căng, ửng. Trần Duy Đức nói về những ngày làm lính thú ở Pleiku. Những ngày tuổi trẻ hồn nhiên, hăm hở, sống, ngộn ngộn mỗi giây, phút. Tựa chiến tranh và sự sống nứt, trào là hai con đường song song, mang tính hỗ tương, đỡ dui nhau chứ không hề làm ung thối, triệt tiêu nhau.

Đức say sưa nói về những bản nhạc viết ở cái thành phố sương muối. Những ngày sống bạt mạng: bỏ đơn vị, phi trường Cù Hanh, bất chấp lệnh cấm

Tôi / Vó Cầu Buồn / Sầu / Sớm Mai.

trại... Đức say sưa nói về những rung động giao thoa với những câu thơ, những bài thơ của tôi, trên báo Văn, thời tuổi trẻ của anh. Đức nói về nỗi nhớ Saigon quay quắt; sự cất cánh, chỗi dậy của Saigon, thành phố chỉ thực sự sống động trong anh, khi phải lìa xa nó. Đức nói về hình dung một chia tay, buổi sáng. Buổi sáng Saigon đầy lá. Đức nói về hình dung một chia tay, buổi chiều. Buổi chiều Saigon bội thực nắng. Và, nắng ăn lốm đốm da em... Đức nói về những cánh rừng không chịu chia tay với ký ức. Những cánh rừng gió mãi. Những trận gió rừng thổi sạch mọi điều, mọi thứ trong lòng ta. Để cuối cùng, chúng dặt ta tới chỗ ngồi mà, từ đó, ta phải đối diện với nỗi trống trải, chạm mặt với cô đơn, sự vô nghĩa của kiếp người.

Có lẽ mười mấy năm tôi mới có lại một buổi quây quần với anh em, bằng hữu mà, không có sự hiện diện của bất cứ một người nữ nào. Đó là buổi trưa ở Buana Park. Buổi trưa trong một căn phòng đầy cổ vật và, những bức tranh của Đặng Trường trên vách, nơi cánh

du tử lệ
chỉ như mặt khác
tấm gương soi
reflection
in the looking glass



cửa closet, nhà tắm... Hầu hết những bức tranh này được vẽ bằng màu nóng. Những tác phẩm điêu khắc trên gỗ, đất nung, những tấm mặt nạ bằng đồng đen, từ những chỗ đứng tối khuất nhất, dường không phút giây lơ lửng rình rập, canh chừng những ngọn nến bập bùng dưới những dàn tre, nửa non, treo lủng dưới trần nhà thấp. Một thế giới khác. Thế giới âm u, thu nhỏ và biệt lập với cuộc đời dung

tục, bên ngoài. Tôi bảo Trường, tôi thích vô cùng, thế giới ấy. Trường kể, bạn gái anh, ngược lại. Cô rất hãi sợ cái không gian chứa đầy bí ẩn kia? Trường kể, bạn gái của Trường đã luôn cầu nguyện sao cho Trường sớm ra khỏi, cái không gian bất thường ấy. Cái không gian nhỏ bé, quá ư dư thừa những u hồn quá vắng...

Trường cũng say mê nói về những ngày thơ ấu ở Pleiku; đề cập tới những thắc mắc siêu hình, những cật vấn đời sống, khi anh bước vào tuổi ba mươi. Khi bắt đầu của những năm ba mươi. Ngưỡng cửa ấy, Trường vừa bước tới. Tuổi trẻ nào, rồi cũng sẽ phải bước qua. Khi bắt đầu của những năm ba mươi, với tuổi trẻ Việt Nam, là ngưỡng cửa của những trái cây chín rú. Khi bắt đầu của những năm ba mươi, với tuổi trẻ Việt Nam, là chập trùng bất hạnh, đau thương. Khi bắt đầu của những năm ba mươi, với tuổi trẻ phương Tây, cửa đời chỉ mới vừa hé mở.

Trần Duy Đức hát: “Cảm ơn em yêu dấu, xin cảm ơn sự nhắc nhở - cảm ơn em yêu dấu cho ta nhớ sinh nhật ta - Lần

đầu tiên ta nghĩ, nghĩ tới ngày mình - han hỏi - Lần đầu tiên ta nghĩ, nghĩ tới ngày mình - Ôi dấu mốc thời gian bao năm thăm đậm, lúc bắt đầu của tuổi ba mươi - Cảm ơn em yêu dấu, xin cảm ơn cuộc sống này - cảm ơn em yêu dấu cho ta sống đến ngày hôm nay - Để đón chờ em tới với sự nhắc nhở - để đón chờ em tới với lời hỏi han - bởi nếu không chắc chẳng bao giờ, một lần ta tự hỏi, trong xúc động bồi...”

Tôi nhớ đó là mùa hè, 72. Vì sự quyết liệt của tôi, Thục chưa bước vào tuổi hai mươi, đã phải bậm môi, nghiền răng dứt bỏ giọt máu khao khát đỉnh ngọn của cuộc tình nàng. Tôi nhớ, đó là mùa hè, 72. Ti phải bỏ Chuột ở nhà cho hai chị người làm, trở lại trường trong những giờ thực tập bắt buộc, với cặp vú căng sữa, nhức nhối.

Tôi nhớ đó là mùa hè, 72. Ở Huế, lần đầu, Hạnh cảm nhận được trọn vẹn cái trong, đục, cái bất thường, nghịch lý của câu hò về dòng sông An Cựu, nắng đục, mưa trong. Con sông êm ả chảy suốt niên thiếu nàng. Tôi nhớ, đó là mùa

hè, 72. Thời gian này Hiệp Định Paris đã hay sắp sửa được ký kết. Trong những gặp gỡ sau cùng ở La Pagode, X., muốn tôi dứt khoát bỏ hết, để gia đình nàng lo giấy tờ cho tôi cùng nàng ra khỏi nước trước khi trở tay không kịp... Tôi nhớ năm đó, dường như X. mới học đệ nhị. Tôi quen X. vào giữa năm X. học đệ ngũ. Cuộc tình kéo dài với những giai đoạn tưởng như không còn vì, sự xuất hiện của Ti, rồi Thục trong đời tôi.

Ngỡ ngàng, xúc động, tôi bảo X., cho tôi gửi lời cảm ơn mẹ nàng, và, tôi không thể làm như vậy. Ngỡ ngàng, xúc động, tôi bảo X., tôi rất biết ơn tấm lòng X., tôi rất cảm kích mối lo toan X. dành cho tôi. Nhưng tôi không thể... Nếu tôi chọn sự bỏ đi khỏi đất nước này, tôi đã đi từ những năm cuối sáu mươi. Nếu tôi có thể sống được, ngoài nhịp đập của trái tim Việt Nam; tôi đã nhận sự giúp đỡ của ba mẹ Donna, những ngày ở Indianapolis. Tôi nói cảm ơn. Cảm ơn thật nhiều. Dù không có ai, bởi ai, tôi cũng không thể chọn cách thế để trái tim mình đập ngoài lồng ngực. Tất cả những

hệ lụy kia, tất cả những ân nghĩa, nhục nhằn, ê chề nọ, làm thành tuổi ba mươi của tôi. Cái ngưỡng cửa mà ở thời tuổi trẻ ấy, tôi nghĩ, là con đường dẫn tôi tới hầm mộ. Con đường ngắn ngủn. Con đường gần xít, sự chết.

Bây giờ, tôi đã bước vào giữa tuổi năm mươi. Đã hai mươi ba năm nữa, khuất tuổi ba mươi, cố nhớ lại, tôi vẫn không thể tự trả lời mình câu hỏi, tại sao, ở tuổi ba mươi, tôi đã sớm nghĩ cái chết? Cố nhớ lại, tôi vẫn không giải thích được cho mình, tại sao, ngày đó, chưa bước vào tuổi ba mươi, trong một lần nói chuyện với ông cụ thân sinh của Ti, tôi bảo, tôi chỉ mong sống được tới 40 tuổi. Nếu tới tuổi 40, chưa chết, tôi cũng sẽ tự giải quyết lấy đời sống của mình. Khi ấy, cuộc tình tôi và Ti chỉ mới bắt đầu.

Buổi tối hôm đó, sau bữa ăn, ông cụ gọi Ti ra hiên trước, bảo, con không thể lấy được thằng đó đâu. Chưa gì mà nó đã nói với ba, nó chỉ muốn sống tới 40 tuổi mà thôi. Ba không đành lòng thấy con trở thành góa phụ năm ba mươi tuổi.

Hôm sau, gặp nhau, Ti trách tôi quá chững chững. Nàng bảo, tôi không thể tâm sự với ba nàng, những điều như vậy. Tôi cãi, đó là suy nghĩ rất chân thật...

Phải chăng, khi một con người, từ lúc sinh ra, đã sớm sống kề cận với cái chết, sự không chết non, mới chính là điều bất thường? Không biết nữa. Nhưng tuổi ba mươi của tôi, thế đó.

“Thực chẳng em yêu dấu, có thực chẳng ta đã bắt đầu? Thời gian qua đằng đẵng và ta đã làm chi đời ta? Tuổi ba mươi ta sống thảng ngày xa lạ - tuổi ba mươi ta có quá khứ mịt mù - Em bước vào đời ta đón đau trùng trùng - có bàng hoàng cảnh đời ta âm u? Cảm ơn em yêu dấu, xin cảm ơn hạnh phúc này - Cảm ơn em yêu dấu cho ta nhớ sinh nhật ta - Bởi yêu em ta sống, với niềm hy vọng - Bởi yêu em ta cố sống nốt đời mình - Em có hứa cùng ta sẽ chia u uất này, như nỗi buồn dấu trong kiếp người?”

Trần Duy Đức hát tiếp phần còn lại của bài hát. Nghe lại, bài thơ, viết trong những ngày tháng chưa thực sự bước vào tuổi ba mươi, tôi không biết mình có

rơi vào tâm trạng thậm xưng, phóng lớn thảm kịch đời mình?

Trưa nay nghe lại, trong tôi lênh vánh nổi ngậm ngùi liu điu. Nổi ngậm ngùi đui hiu của một người lớn tuổi, lắng nghe, cảm thông tâm sự, chia sẻ với cảnh ngộ đời sống của một người bạn trẻ. Nghe Đức hát, tôi thấy nơi tôi rất nhiều bạn trẻ vây quanh. Tôi thấy tôi trên lộ trình Ba Mươi, Saigon, Huế, Đà Nẵng, Saigon, Pleiku, Kontum, Phú Bổn, Saigon, Cường Để, Trần Cao Vân, Nguyễn Bình Khiêm, Gò Vấp, Trương Minh Giảng, Thị Nghè, Hàng Xanh, Xa Lộ, Làng Báo Chí...

Tôi thấy tôi gặp lại những người đã bỏ tôi mà đi. Tôi gặp lại Ti, Thực, X. Gặp lại Hạnh, những ngày rời An Cựu về Chợ Mai, ở với Trạc, Sáu, Xưởng và các anh Ky, Thụy. Tôi cũng gặp lại Hy Quyến, người từng đặt cho tôi các xước danh Ông Mèo Rừng. Quyến vượt biên năm 1984, tới nay, vẫn không tin tức.

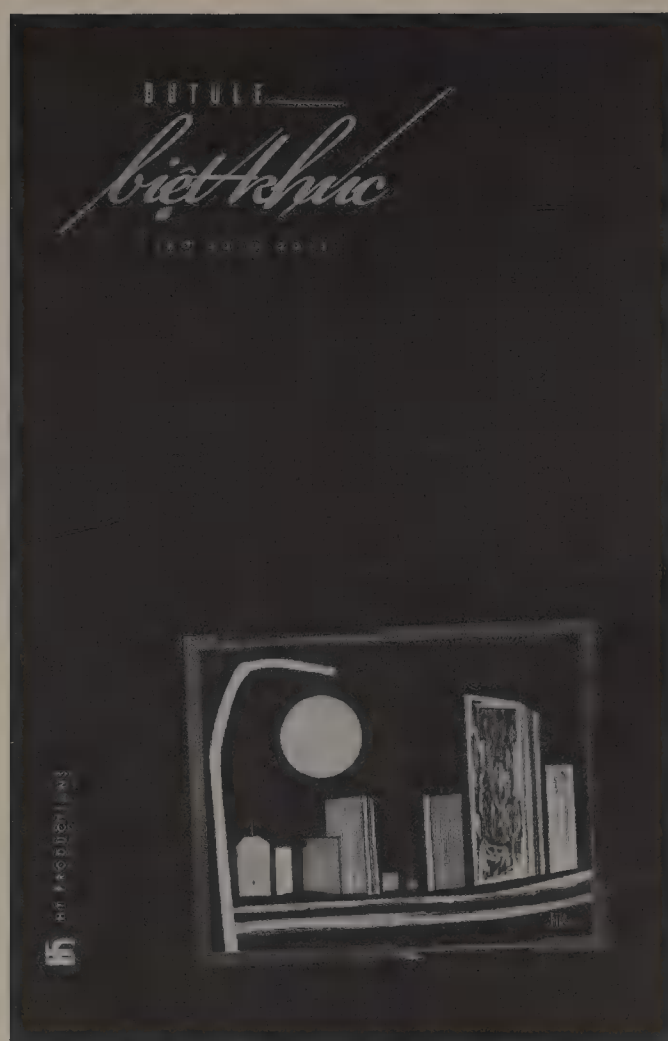
Nghe Đức hát, tôi gặp những người-bạn-tôi trong tôi, trở lại. Tôi thấy họ ngồi đâu đó rụt rè, cả thẹn trong căn

Tôi / Vó Câu Buồn / Sầu / Sớm Mai.

phòng / thế giới khác của Trường. Tôi rưng rưng muốn vuốt mái tóc mười ba, mười lăm của họ. Tôi bồi hồi muốn nắm bàn tay hai mươi, hai mốt... Tôi muốn nói với họ nhiều điều, hỏi han họ nhiều thứ. Tôi muốn bảo họ, hãy lên tiếng, hãy thẳng thắn cho tôi biết, tôi có thậm xưng chăng, trong những dòng thơ, ở những năm đầu của tuổi ba mươi. Nhưng họ rụt rè / nhút nhát / cả thẹn quá!

Họ làm tôi khựng lại. Trong một giây phút thoáng nhanh, tôi hiểu, bên cạnh ngón tay cái, nơi bàn tay phải của họ, cũng giống tôi khi xưa: họ có một ngón tay thứ sáu.

Có lẽ hơn mười mấy năm, tôi mới lại có được một buổi quây quần với anh em bằng hữu; mà, không có sự hiện diện của bất cứ một người nữ nào. Đó là buổi trưa ở Buena Park. Buổi trưa trong căn phòng / thế giới khác của Trường. Đoàn Duy Hiệp nhắc tôi một câu thơ cũ. Câu thơ nói về những nỗi buồn thức dậy, lớn cao theo bình minh. Em có buồn riêng đôi sớm mai. Tôi nhớ rồi. Tôi nhớ bài thơ đó có một duyên phận may mắn hơn những bài



thơ khác; ở chỗ có tới hai người: Phạm Gia Cẩn và Trần Tử Thiêng, phả hơi thở âm giai tâm hồn họ vào đó.

*em có buồn riêng đôi sớm mai
con đường có những đoạn chia phôi
cánh chim dấu những mùa di trú
ta dấu hờn, ghen góc trái này.*

Phải rồi, tôi không nghĩ Hiệp biết bài thơ kia có tới hai người phổ nhạc. Tôi cũng biết Hiệp không đề cập tới bài thơ, trong ý hướng đó. Hiệp chỉ muốn nói về nỗi buồn nơi những sớm mai. Tôi hiểu ý Hiệp. Tôi bảo Hiệp, người ta quen nói về nỗi buồn buổi chiều, buổi tối. Chí ít, cũng là nỗi buồn buổi trưa. Với tiếng văng, tiếng ru em, tiếng tre đưa, tiếng cu gáy gù mái... Không ai nói về nỗi buồn trong những sớm mai. Mặc dù, mới sớm mai đã buồn, thì, nỗi buồn đó, phải dài lâu, phải lắng sâu hơn nhiều. Bởi vì, nỗi buồn còn nguyên một ngày dài để sống tiếp cái sinh phần bất hạnh của nó.

Tôi nói với Hiệp, mỗi con người, do hoàn cảnh môi trường và điều kiện sống, chúng ta, tự thơ ấu đã có những ám ảnh kỳ cục. Những mối sợ vô lý. Những tưởng tượng hãi hùng, bí ẩn.

Như tôi có cô em, Lan, ở Seattle. Lan rất sợ nhìn mây. Mỗi khi Lan nhìn thấy mây vẩn vũ trên trời là Lan sợ rúm người lại. Lan kể, từ nhỏ Lan đã thấy nơi những đám mây nhiều hình thù quái đản. Hình thù của những con quái vật có

hàng chục cái đầu, hàng trăm cánh tay... Những con quái vật ở trên mây, lúc trời chuyển mưa, luôn chực chờ nhào xuống, cuộn ôm lấy Lan, đem đi mất.

Như tôi biết, Thục bị ám ảnh về người đàn ông lớn tuổi, đeo kính đen, đội mũ xúp. Chẳng là khi Thục còn nhỏ, mỗi khi Thục thấy người đàn ông lớn tuổi, đeo kính đen, đội mũ xúp, đi ngang nhà, lập tức mẹ nàng quơ vôi lấy chiếc nón, tắt tả ra đi ngay lập tức. Ám ảnh này đeo đẳng Thục cho tới khi nàng lớn. Ngay bây giờ, Thục còn cảm thấy bất an mỗi khi tình cờ bắt gặp những hình ảnh tương tự. Dù tới giờ này, Thục vẫn không biết, giữa người đàn ông kia, và, những lần ra đi vôi vãi của mẹ nàng, có một liên hệ nào?

Như tôi biết, suốt một tuổi thơ, Hạnh bị ám ảnh về đôi guốc cao gót. Với Hạnh thời nhỏ, đôi guốc cao gót là cả một điều gì vô cùng kỳ diệu. Tối khi Dì Út sắm được cho Hạnh đôi guốc cao gót đầu tiên, thì, đó cũng là lúc vợ chồng Dì Út bỏ nhau. Chỉ vì ông Dượng không chịu nổi hình ảnh, tiếng guốc của Hạnh suốt ngày

khua, đập. Một lần, giận quá, ông dùng thanh gỗ gài cửa, nện giữa đầu Hạnh. Hạnh chết giấc. Nhiều tháng sau, Dì Út còn tưởng Hạnh mất trí vì hành động dã man này. Bây giờ, mỗi khi nhìn thấy một đôi guốc, hay giày cao gót, Hạnh còn rùng mình và, có thể khóc được.

Những ngày ở Seattle, nghe Lan kể, tôi biết nhiều người cho là bất thường, khó tin. Riêng tôi, tôi tin Lan nói thật.

Trong tuổi thơ tôi, cũng có những đám mây chì, bay gấp, rút... Nhưng nó không hề là một ám ảnh ghê gớm. Trái lại, ám ảnh lớn nhất của tôi, là những buổi sáng. Những sớm mai.

Những sớm mai, trong tuổi thơ tôi, đồng nghĩa với tang tóc, chết chóc.

Tôi từng trải qua những sớm mai, bị dăng lòi ra khỏi giấc ngủ. Mẹ tôi quần voley lên đầu tôi mảnh khăn tang. Chị vú bé tôi leo đẹo đi sau những chiếc xe tang. Đó là những ngày đưa đám ma thầy tôi. Rồi chị Trang tôi. Đó là sớm mai, trời còn đầm sương trắng, mẹ tôi bùng mặt khóc, theo chân kẻ dẫn đường, đi tìm xác người anh cả tôi bị máy bay Pháp bắn

giữa trưa mồng ba Tết, ở Nho Quan...

Tôi đã từng trải qua những sớm mai, trời chưa rạn sáng, mẹ tôi đã bỏ tôi vào chiếc thúng, mà, thúng bên kia là chiếc lu đồng, để người ta gánh tôi chạy băng băng qua những thửa ruộng lấp xấp nước. Đó là những ngày gia đình tôi chạy tản cư, từ Kim Bảng, qua Đồng Lạc, tới Rừng Mơ... Rồi chúng tôi lại chạy ngược từ Rừng Mơ, về Đồng Lạc, Kim Bảng, Phủ Lý.

Tôi từng trải qua những buổi sáng mở mắt, không thấy mẹ, tôi không thể biết bà dậy từ lúc nào? Bỏ tôi đi từ bao giờ? Chỉ nhớ như in, chập tối, rõ ràng tôi còn nằm gọn trong lòng bà. Rõ ràng tôi còn thò tay vào lớp áo phin nồn, mát rượi của bà để sờ ti... Rõ ràng, trong đêm, bà còn để mặc tôi lòi cả chiếc vú bèo nhều như ổ bánh mì quá ngày, bị úng nước của bà ra khỏi áo, để bú ti nữa. Vậy mà khi tôi thức giấc, bà đã biến mất. Mọi điều biến mất.

Tôi từng trải qua những buổi sáng kinh hoàng, hốt hoảng như vậy.

Có những sớm mai, kéo dài nhiều

ngày liên tiếp, tôi không có mẹ. Đó là thời gian mẹ tôi phải đi buôn hàng chuyển, trục Hà Nội / Phủ Lý. Những chuyến đi, đôi khi kéo dài cả tuần vì đường về bị đắp mô, đê vỡ, cầu bị giựt sập...

Sớm mai, như vậy đó, suốt tuổi thơ tôi, không hề, bình minh hứa hẹn niềm vui; không hề, tiếng chim véo von, đón chào một ngày chan hòa ánh sáng. Tôi nói với Hiệp, tôi thích câu thơ Hiệp mới đọc lại. Tôi bảo, tôi cũng rất thích câu thơ:

*em đi bỏ lại hồn thơ đại
tôi/vó câu buồn/sâu/sớm mai.*

Hai câu thơ trong bài “Chỉ Nhớ Người Thôi Đủ Hết Đời”, do Trần Duy Đức soạn thành ca khúc. Tôi bảo Hiệp, những thơ tôi thích thường là những câu thơ không được đọc giả chú ý. Làm như cảm nhận giữa người đọc và người viết là hai con đường nghịch chiều.

Hiệp bảo không hẳn thế. Bằng cố, nếu Hiệp thích những câu thơ như đã nhắc, thì, cũng sẽ có nhiều người khác,

thích chúng. Có thể Hiệp đúng. Có thể tôi không có may mắn được gặp nhiều người như Hiệp? Nhưng cách gì, sớm mai nào của tôi, không nhiều thì ít, cũng rộn tiếng vó ngựa. Những vó câu mang nỗi buồn vào sâu buổi sáng. Nỗi buồn do mất mát để lại, làm thức dậy những ám ảnh thời thơ ấu; và, nỗi buồn của chính tiếng chân ngựa chạy nhầu giữa một ban mai, vừa mới da non.

Nỗi buồn chân ngựa, nỗi buồn cá nhân, tôi, là những nỗi muộn phiền, lẫn tới. Tôi và ngựa. Người và vật, có chung mối lằm than, chuyển động.

Chia tay những người bạn trẻ trong ngôi nhà ở thành phố Buena Park, trở về, tôi có cho mình câu hỏi:

- Nếu không bị lưu lạc quê người, liệu tôi có cột buộc nỗi buồn mình vào chân ngựa, để chúng phải chia xốt với tôi, phần nào mối bất hạnh của kẻ bị đẩy vắng khỏi tổ quốc?

Du Tử Lê

1996



Từ trái: Du Tử Lê, Hoàng Quốc Bảo, Trần Cao Sáng, Hoàng Chính Nghĩa,
Tâm, Trọng Minh, Bùi Xuân Hiến, và Ngọc Hoài Phương.
Costa Mesa, California, 1977



DU TỬ LÊ

Đêm. Vẫn Mưa. Như thế.

và, bvh.

1 Đêm. Mưa. Trận mưa bất ngờ đầu tháng 8, trút xuống hạn hán / Cali. / như hơi thở hắt từ một cõi lòng bức bối lửa rừng. T. xoay lưng, cuộn người che, chắn những cơn gió phối bị nhiễm lạnh.

Đêm. Mưa. Trên cao, qua khung kính lớn, dăm nhánh chanh dây buông thõng những chiếc lá bé xiu, như những bàn tay trẻ thơ, xanh xao, chuyển động trong một vũ điệu, chậm. Nhiều phần có tên: Vầy. Gọi...

Đêm. Mưa. Nhưng thản hoặc, tôi

vẫn nghe được tiếng thảng thốt gọi bạn, đứt quãng của mèo hoang. Tôi không nghĩ đó là tiếng gọi kêu bạn-tình. Đường đó là tiếng kêu tuyệt vọng (giống như tiếng kêu đứt quãng. Âm u. Linh cảm của Cocaine, một đêm trước khi lìa đời.)

Tôi trở dậy, bước lại gần cửa sổ. Áp một bàn tay lên khung kính. Cùng với giá buốt của hơi mưa, tôi cảm được bàn tay ai đó, một kẻ nào, bên kia mặt kính, áp vào bàn tay tôi. Tôi mơ hồ nghe được tiếng thầm thì: “Ra đi. Ra đây. Ra đây đi mà...”

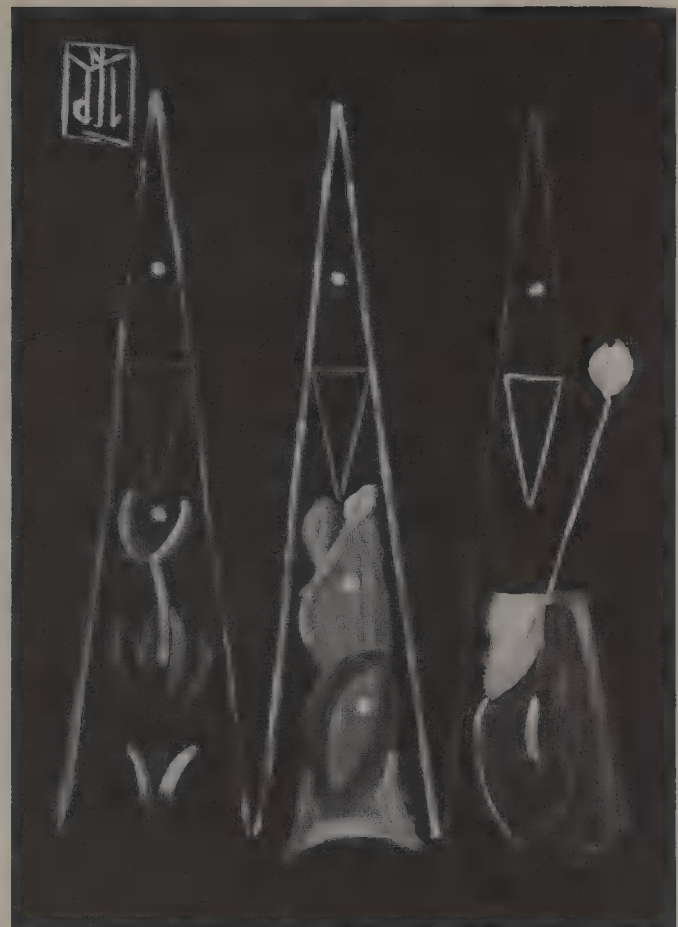
Đêm. Vẫn mưa. Như thế.

Thình lình, tôi nghe hai luồng điện cực lạnh, chạy dọc hai bên má, từ dưới thấp ngược lên thái dương. Tôi không thể biết, hơi lạnh từ mưa hay, âm khí của tiếng thềm thì. Ai đó.

Tôi rút tay về. Trên cao, qua khung kính lớn, dăm nhánh chanh dây vẫn buông thông những chiếc lá bé xú, như những bàn tay trẻ thơ, xanh xao. Chuyển động trong một vũ điệu, chậm. Nhiều phần có tên Vầy. Gọi...T. vẫn xoay lưng, cuộn người che, chắn những cơn gió phổi bị nhiễm lạnh.

2 Buổi sáng, nơi hành lang của ngôi quán quen, khi những vũng nước còn bịn rịn bãi đậu xe. Tựa còn nhiều điều chưa nói hết? Và, những cây tường vi còn liu điu thả nốt những giọt mưa sót lại, trên lá, bạn tôi kể:

Đêm. Mưa. Làm bạn tôi nhớ: Mưa. Nơi chiếc deck nhỉnh hơn chiều ngang cửa sau, bên hông phòng ngủ. Ông nói, đó là nơi ông trải qua gần hết một mùa xuân. Mùa xuân năm đó. (Năm nào?) Có



"Núi như người, địu nổi nhớ, thương sâu."

(Du Tử Lê, Oil Painting. Size 16" x 20")

thể ký ức mù mờ của bạn tôi không còn cho bạn tôi ý niệm thời gian chính xác? Cũng có thể, đó chỉ là mùa xuân hoang tưởng? Một mùa thuộc về một tiền kiếp xa xôi nào đấy? Tuy nhiên, bạn tôi quả

quyết, đó là mùa xuân. Một mùa xuân có những trận mưa bất thường. (Không giống trận mưa đêm qua của tôi) Nhưng, điều đó có quan trọng? Có đáng đặt thành vấn đề? Tôi nghĩ là không.

Điều đáng nói là, sau nhiều năm gặp lại, lần đầu tiên tôi thấy nơi khuôn mặt héo úa của bạn tôi, lập lòe một hạnh phúc. Muộn. Hiếm. Thứ hạnh phúc như những giọt mưa còn sót lại, trên lá, hàng cây tường vi, lề đường.

Bạn tôi kể, những ngày-mưa-mùa-xuân-năm-ấy, buổi sáng, khi người bạn gái của ông, đã đặt lên mặt chiếc bàn nhỏ xúu, bình trà, hai chiếc tách. Một ly café... Đó là lúc họ nhâm nhi im lặng. Riêng. Nghe những ngón tay thăm thì. Đan nhau. Có thể, đó cũng là lúc cả hai cùng thả hồn dạo quanh khu vườn nhiều hoa và, cây ăn trái. Cũng có lúc họ băng quên khu vườn. Không nghe bất cứ một tiếng thì thầm nào của những ngón tay đan.

Ông kể, đó là lúc họ hôn nhau. Ông kể, cũng có lúc ông cầm tay người bạn gái đứng lên. Trả khu vườn cho hoa. Trả đám cây ăn trái cho tiếng động cơ máy

nổ, ì uồm như sóng vỗ, trên xa lộ vắt ngang căn nhà. Hay, tiếng trực thăng, cuốn nắng, gió, sau lưng.

“Đó là lúc chúng tôi vào lại phòng ngủ. Khi mưa, như những vụn giấy hoa - confetti thả rơi cùng khắp khu vườn. Chúng tôi cũng muốn thả xuống môi nhau. Thả xuống thân thể nhau những vụn giấy hoa - confetti...” bạn tôi nói thế.

“Cũng có khi chúng tôi...(ông kể tiếp) dướn người... Sự mất thăng bằng khiến chúng tôi ngã xuống một mặt nệm...”

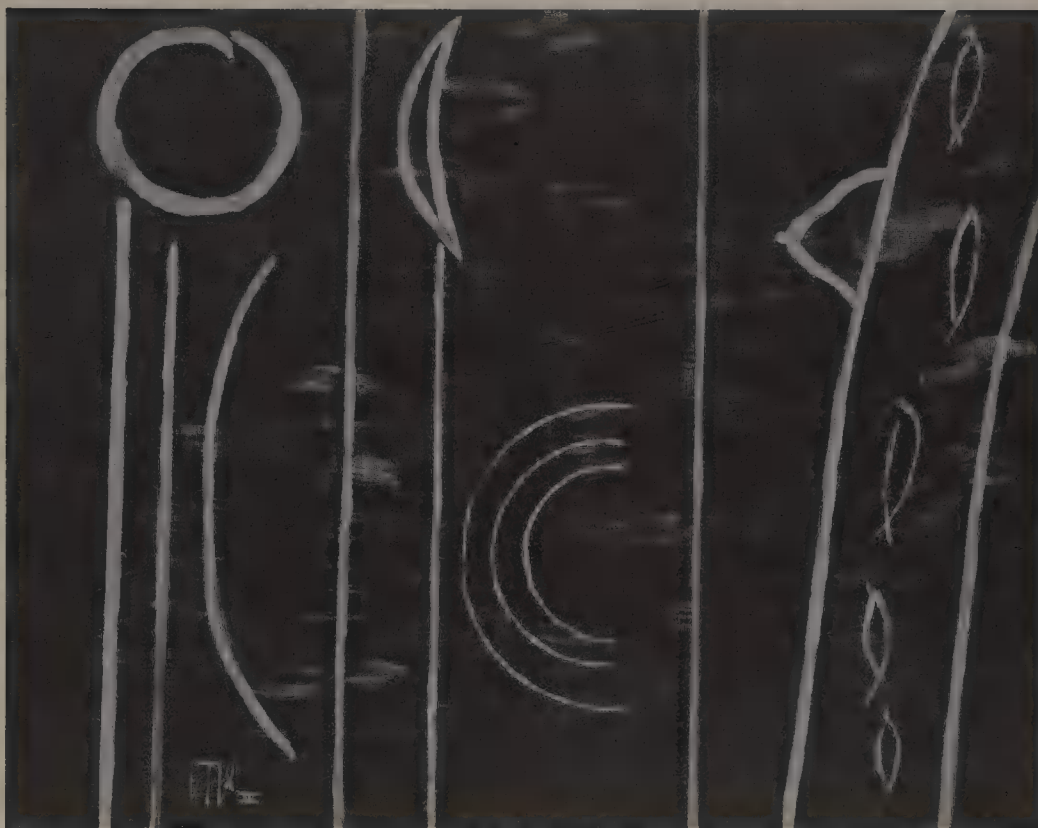
“Ngã xuống?” Tôi hỏi.

Bạn tôi trả lời. Chắc nịch:

“Đúng thế! Ngã xuống...”

Tôi không hỏi thêm. Những người bạn ngồi dọc bờ tường quán café TB, cũng không hỏi thêm. Không bảo nhau, chúng tôi cùng nghĩ, nên tôn trọng tất cả mọi hồi ức. Hồi ức nào, cũng thiêng liêng. Như sự sống chói lọi. Chỉ một thời. Của một đời. Mỗi con người. Ngay cả khi, hồi ức đó, có là mặt bên kia của những ảo ảnh. (Như confetti. Trận mưa

Đêm. vẫn mưa. Như thế.



“Em và, mẹ và, tôi là, một nhé” (Du Tử Lê, Oil Painting. Size 24" x 30"

xuân. Người khách không hẹn, trước.)

3

Buổi sáng, nơi hành lang của ngôi quán quen, khi những vũng nước vẫn bịn rịn bãi đậu xe. Tựa còn nhiều điều chưa nói hết. Và, những cây

tường vi liu diu, thả nốt những giọt mưa sót lại, trên lá, bạn tôi kể:

“Đó là mùa hè. Tôi nghĩ cũng quá nửa mùa hè. Buổi trưa, từ hành lang lầu một, khu thương xá, chúng tôi chọn đứng bên ngoài những văn phòng, bỏ trống, để ôm nhau...”

Ông kể:

“Tôi cảm được hơi mưa từ mái tóc cắt ngắn, mới gội của bạn gái tôi. Dù mùa hè năm đó, như tôi nhớ, đã không có một trận mưa nào trút xuống nơi chúng tôi cư ngụ”.

Tôi hỏi lại:

“Hôn nhau?”

Bạn tôi đáp. Vẫn Chắc nịch:

“Đương nhiên. Hôn nhau.”

Bạn tôi thêm:

“Cũng có khi tôi tìm lại từng phần thân thể yêu dấu. Thiết thân. Hơn cả thân thể tôi. Của bạn gái tôi...”

Một bạn nào đó, cùng bàn (không phải tôi) hỏi lại:

“Tìm lại và đã gặp?”

Bạn tôi đáp, không suy nghĩ:

“Đúng vậy. Tìm lại. Và đã gặp...”

A Buổi sáng, nơi hành lang của ngôi quán quen, khi những vũng nước vẫn bịn rịn bãi đậu xe. Tựa còn nhiều điều chưa nói hết. Và, những cây tường vi vẫn liu điu, thả nốt những giọt

mưa sót lại, trên lá. Trước khi ra về, bạn tôi kể:

“Để đánh dấu ngày gặp lại nhau, sau nhiều năm, tháng bất tằm. Mất tích. Chúng tôi có với nhau những giờ, phút thiêng liêng. Đó là những giờ phút thiên đàng / địa ngục là một. Tử / sinh cũng là một. Chúng tôi sống. Tuồng chưa từng biết thế nào là sự sống. Chúng tôi thở. Tuồng chưa từng biết thế nào là hơi thở. Chúng tôi thấy nhau. Chìm sâu trong nhau. Như chưa một lần nào thấy nhau. Chìm sâu trong nhau. Như thế. Tôi cho rằng, chỉ những ai kinh qua những khoảng lặng. Dài. Mất nhau. Mới hiểu được phần nào, phút tái sinh của kẻ đã chết...”

Ngưng một chút, tựa để chúng tôi đủ thì giờ tiếp thu những gì muốn gửi, bạn tôi kể tiếp rằng:

“Giữa lúc đó, một người nào đến trước cửa phòng của chúng tôi, với chiếc cassette cầm tay, phát bài ‘Một ngày nào cho tôi gặp lại em’, mà tác giả VTA, là một bạn học, thời niên thiếu của tôi. Chúng tôi lắng nghe: ‘Một lần nào cho tôi gặp lại em / nghe em nói em vui một

Đêm. Vẫn mưa. Như thế.

lần / một lần nào cho tôi gặp lại em / còn chút tình đốt hết một lần...' Khi chúng tôi mở cửa, bước ra. Hành lang vắng. Lặng. Không bóng người. Hướng đi nào cũng chỉ dẫn tới niềm bí mật mà, chỉ riêng hành lang đó, biết.

Lần này, không biết có phải bạn tôi sợ đám bạn thành linh, quên tế nhị, lịch sự, sẽ cật vấn này, nọ? Nên ông không xác định thời gian. (Hay thời gian và luôn cả không gian, với ông, khi ấy, đã không còn hiện hữu?)

Sự thực, lo xa của bạn tôi, không cần thiết. Bởi vì, sau khi ông ra về, đám bạn ngồi lại của ông: Im. Lặng. Họ nhìn theo dáng xiêu đổ của ông, như nhìn chiếc bóng của chính mình?

Tôi không biết các bạn tôi nghĩ gì!?

Riêng tôi, tôi tin, có một cái deck tạm bợ nối liền cửa buồng ngủ. Như thế. Tôi tin, có hai tách con con. Ly café nguội. Chiếc bàn bé xíu. (Như tôi tin mùa hè. Những trận mưa (trong tâm tưởng?) của bạn tôi. Như thế. Tôi cũng tin, miếng vườn có những khóm hoa, đám cây ăn

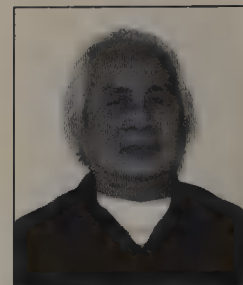
trái, có thể hôm nay, đã lớn. Như thế. (Không chừng, những chiếc trực thăng đã đổi đường bay?) Tôi tin, lâu hai, hành lang. Những văn phòng bỏ trống. Nơi họ hôn nhau và, tìm lại được những phần thân thể yêu dấu. Thiết thân. Như thế. Và, tôi cũng tin, những giờ phút thiên đàng / địa ngục là một. Tử / sinh kia, cũng là một. Như thế. (Có thể, vì tôi cũng đã trải qua những cái “khoảng lặng”. Dài. Mất nhau. Tái sinh...Như thế).

5

Rời cửa sổ. Trở lại chỗ nằm của mình. Nơi T. xoay lưng. Cuộn người. Che. Chấn những cơn gió phổi bị nhiễm lạnh. Bên ngoài khung kính, không dấu hiệu nào cho thấy, có người tìm tôi. Mặc dù đêm. Vẫn Mưa. Và, những nhánh chanh dây buông thõng những chiếc lá bé xíu, như những bàn tay trẻ thơ, xanh xao, vẫn chuyển động trong một vũ điệu, chậm. Nhiều phần có tên: Vẫy. Gọi...

Du Tử Lê
(Aug. 2014)

Về Thơ - Văn
DU TỬ LÊ



TẠ TỴ (1921-2004)

Du Tử Lê Nhà Thơ Của Khám Phá, (hay) Khen Hay Chê Đã Vượt Khỏi Mức Của Một Tài Hoa Phong Phú

Thơ Du Tử Lê là một sợi dây nối dài từ Việt Nam, quê hương yêu mến qua nước Mỹ, mảnh đất tạm dung. Nói đến thơ Du Tử Lê là nói đến khám phá, trong mỗi từ, mỗi ý.

Khen hay chê đã vượt khỏi mức của một tài hoa phong phú, trong một con người đa dạng.

Những vần Lục bát hoặc những câu thơ Tự do từ năm 1960, nó không còn ở ngoài chúng ta nữa. Đích thực nó đã thấm thấu vào tâm hồn chúng ta rồi vượt

thoát, nó lang thang bay bổng như mây trời trên cao, theo gió phiêu du về những chân trời mới trong lòng vũ trụ.

Tôi đã đọc thơ của Lê nhiều, thật nhiều, nhưng thơ của Lê đã bỏ xa thơ Lê những năm về trước, để khoan thai bước vào một tòa lâu đài uy nghi và tráng lệ, ở đấy đã có những khát vọng và ngưỡng mộ chào đón. Không một ai có thể đoán trước được những dài rộng của những kẻ có thực tài và có một tâm hồn hiến dâng cho cuộc đời những giá trị hằng cửu của



Từ trái: Du Tử Lê, Tuyền, Tạ Ty, Phan Diên. California, 1998

từng dòng thơ rớt xuống tự trời cao.

Thơ của Du Tử Lê hôm nay như con chim đại bàng đang soải cánh đo không gian và đo cả chiều dài của thơ mình trong lòng những người mến mộ Du Tử Lê.

Nhưng muốn được như vậy không phải dễ, một sớm, một chiều ta có thể tóm bắt được những gì ta hằng mơ ước. Nó phải phấn đấu, phải tự vượt, phải tự

tra khảo mình để tìm kiếm chất liệu của thơ đang bay lượn, ẩn ấp đâu đó, để hiến dâng cuộc đời, chẳng mong được sự trả ơn, mà chỉ mong người đời hiểu được những ý nghĩ thầm kín ấp ủ sau hàng chữ làm nên vần điệu siêu thoát. Hai chữ thi nhân nó là cái nghiệp, chẳng phải ai muốn cũng được. Chỉ có những người mà định mệnh bắt phải kết duyên với nàng

Thơ, mới có được cái ân sủng đó thôi!

Làm thơ không khó, nhưng làm thơ hay quá khó. Nó không phải là sự lựa lời chọn chữ để ghép câu, hoặc tự do phóng túng bày tỏ những gì mình muốn nói, muốn bày tỏ cùng kẻ khác cái tâm sự đa đoan phơi bày trên lòng giấy trắng. Không, thơ không như vậy. Mallarmé, nhà thơ Pháp ở cuối thế kỷ 18, thuộc phái Tượng Trưng nói: Làm thơ là sự kết hợp giữa trí tuệ và ngôn ngữ. Chữ nào được tôi dùng trong thơ, trước hết, chữ đó phải có tính chất Thơ. Ai đọc thơ của Mallarmé cũng kêu khó hiểu, nhà thơ cho rằng thơ của mình không khó hiểu, chỉ tại quý vị yêu thơ, đọc thơ ít chịu suy nghĩ để tìm hiểu đấy thôi! Cũng như Appollinaire đã chuyển hướng thơ của mình từ phái Tượng Trưng qua trường Siêu Thực (Surréalisme) do tiến bộ đòi hỏi. Nhưng xét cho cùng, dù thơ thuộc loại nào, trường phái nào đi nữa, trước hết thơ phải có tính truyền cảm và gọi lên ở trong trí tưởng những hình ảnh mà cuộc đời đã in dấu vào hồn mình, không cách gì chối bỏ! Mình phơi bày trên giấy trắng với

ngòi bút những ăn năn cùng những nỗi ám ảnh không sao xóa bỏ trong lòng!

Nói cho đúng thơ Du Tử Lê không quá khó hiểu và cũng chẳng dễ dàng tiếp nhận. Muốn tiếp nhận những vần thơ làm theo thể tự do, người đọc phải kiên nhẫn gỡ từng mối chỉ rối, vì cố ý, người thơ đã trộn lẫn vào nhau để tìm sự hòa hợp cho ý nghĩ. Một khi mối chỉ đã gỡ xong, người đọc thơ cũng đã góp phần vào công việc sáng tạo.

Từ vạn cổ, người làm thơ luôn luôn cô đơn, mình làm thơ cho người khác đọc, tiếc thay, phần đông những người đọc thơ chỉ muốn đọc những gì mình có thể nhận biết ngay sau khi đọc, còn chiều sâu của thi ca là vấn đề của tác giả hoặc các nhà phê bình văn Học! Như vậy thiệt thời quá, thiệt thời cho cả người làm thơ lẫn người yêu thơ. Thi sĩ làm thơ chẳng để ngâm nga một mình cho vui miệng. Không, không phải như vậy. Chính thực thi nhân phải mở trái tim mình ra để cho nguồn cảm thức rung động theo nhịp trái tim làm nên những vần điệu dù mờ hồ bóng gió, hay tỏ bày

trực tiếp những nỗi niềm dù nhẹ nhàng hay cay đắng, nó là tinh túy của chất thơ tạo bằng sự thành thực nhất, sự dũng cảm nhất mà thi nhân có thể có được.

Thơ Du Tử Lê hôm nay, một mình một cõi, không chịu ảnh hưởng của ai. Nó như ngọn núi sừng sững giữa trời cao, gió cả, mặc cho mưa gió, bão tố đập vùi.

Thơ Du Tử Lê thật đáng yêu, nhất là ở những bài thơ tình. Cái tình yêu ấy không đơn thuần giữa đôi nam, nữ vừa bắt gặp đã quán quýt hay đã đứt đoạn, chia lìa. Biệt ly nào mà chẳng buồn... Định mệnh đã bắt như vậy, Những kẻ yêu nhau phải cúi đầu chịu tội. Du Tử Lê lại có quá nhiều duyên nợ với tình, mà cuộc tình nào trước sau gì cũng phải trả nợ bằng nước mắt, nó làm cho cuộc đời của thi nhân biến thành bi kịch. Nhưng Lê là con người gan lì, chẳng bao giờ chịu bỏ cuộc chơi. Tuy thế, Lê vẫn yêu quê hương với lũy tre, bụi chuối, yêu tiếng khóc, câu cười của mẹ già, nơi chốn cũ, nơi Lê thường lui tới tìm về kỷ niệm:

lòng già sớm bạc cơn mong



Tạ Ty nhìn Du Tử Lê...

*sáng, vun chân mộ, chiều, trông
nhang tàn
mẹ ngồi một cõi chia tan
óc moi xác những đứa con đã vùi
lưng đeo đá nặng một đời
bảy mươi năm đó còn hoài giọt, sương...*

(Đêm mưa về Chí Hòa Thăm Mẹ,
trích Thơ Du Tử Lê 1967-1972,
tái bản tại Hoa kỳ, 1983.)

Nhưng tình mầu tử với Du Tử Lê cũng như một thoáng qua, nó có đó rồi tan đi như cây nhang đã cháy hết phần của nó, vì Lê còn nhiều nhớ thương khác.

Những chuyện tình luôn luôn làm xáo trộn đời Lê. Nhưng Lê không có can đảm từ chối..., trừ trường hợp đặc biệt đối với Donna, một cô gái Mỹ rằng, không bao giờ Lê quên, hoặc rời bỏ Việt Nam bất cứ vì lý do nào:

*không bao giờ đâu Donna
dù anh có yêu em
hơn bất cứ thứ gì có trên đất Mỹ
thì anh cũng vẫn trở về
quê hương anh với cả trăm ngàn
khốn khó
nơi anh sống chui rúc như chuột
trong một căn nhà tôn vách ván
nơi người yêu anh đang từng giây
mong đợi
(nàng cũng có một mái tóc dài thả xõa
như em
nàng cũng có đôi mắt mở to sáng trong
nhấn nhục*

*tất nhiên tóc và mắt của nàng thì đen)
không bao giờ đâu Donna, Donna
dù anh có yêu em...*

(Vỡ Lòng Cho Một Người Con Gái Mỹ, sdd...)

Như vậy, Du Tử Lê đã chấp nhận tất cả mọi khổ đau, Lê từ chối mọi ân tình ngoài ân tình với quê nghèo đói và đôi mắt với dòng tóc đen. Có lẽ nó là ý muốn cuối của một người Việt Nam yêu quê hương, bằng lòng từ bỏ mọi ân sủng do cuộc đời ban phát!

Bài thơ Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển, theo thiển ý, bài này có một giá trị nghệ thuật không thua gì bài thơ Chờ Anh Em Nhé của Simonov, Nhà thơ Nga, làm trong thời kỳ Đệ Nhị Thế Chiến, do Tố Hữu dịch. Đại ý bài thơ nói với người tình (hay vợ) hãy cố khắc phục gian khổ, khó khăn, đợi anh về, sau khi chiến thắng quân thù! Một đằng, dù thân xác lưu vong này chẳng may có chết nơi đất lạ, quê người, thì xin hãy đưa xác tôi ra biển, vì biết đâu nước biển chẳng đưa đẩy xác tôi trở lại quê nhà:

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
đời lưu vong không cả một ngôi mộ
vùi đất lạ thịt xương e khó rã
hồn không đi sao trở lại quê nhà*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
nước ngược dòng sẽ đẩy xác tôi đi
bên kia biển là quê hương tôi đổ
rặng tre xưa muôn tuổi vẫn xanh rì*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
và nhớ đừng vội vuốt mắt cho tôi
cho tôi hướng vọng quê tôi lần cuối
biết đâu chừng xác tôi chẳng đến nơi
khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
đừng ngập ngừng vì ái ngại cho tôi
những năm trước bao người ngon
miệng cá
thì xá gì thêm một xác cong queo*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
cho tôi về gặp lại các con tôi
cho tôi về nhìn thấy lệ chúng rơi
từ những mắt đã buồn hơn bóng tối*

khi tôi chết hãy đem tôi ra biển

*và trên đường hãy nhớ hát quốc ca
ôi lâu quá không còn ai hát nữa
(bài hát giờ cũng như một hồn ma)*

*khi tôi chết nỗi buồn kia cũng hết
đời lưu vong tận tuyệt với linh hồn.*

12.77

(Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển,
Trích Thơ Tình / Love Poems, in lần thứ 4.)

Những câu thơ trên vừa buồn vừa đau
đớn, nhưng may thay, đây chỉ là thơ, là
tâm hồn bay bổng trên vùng trời sáng tạo.

Không hiểu sao tôi không chấp
nhận được những bài thơ phổ nhạc, dù
có nhiều bài thơ phổ nhạc rất hay. Có lẽ,
tôi thường nghĩ thơ là thơ, nhạc là nhạc.
Nếu không thế người làm thơ chỉ là kẻ
viết lời cho nhạc.

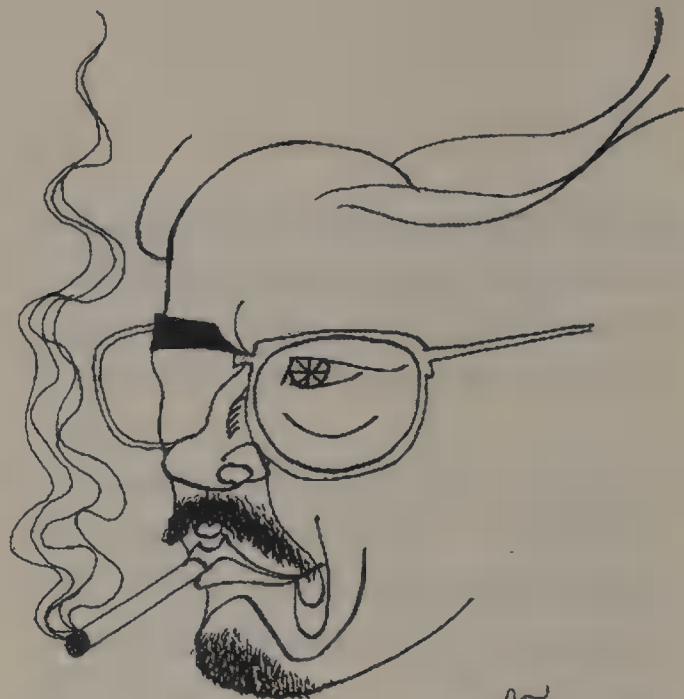
Thơ và nhạc là hai ngành riêng biệt.
Thơ làm ra để bày tỏ những thiết tha
chất ngất, những nỗi niềm không giải
tỏa, những vết chém từ lưỡi dao bén,
ngọt như hương vị của tình yêu, những
đam mê đến chết không rời... Đó, đó là
Thơ với ý nghĩa trọn vẹn nhất. Một khi

thơ đã được hát lên rồi, cái chất thơ đã mất đi phần tinh túy của nó. Nó như một người ái nam, ái nữ, chả ra làm sao. Hỡi! ai đó hãy chứng minh dù tôi có một bài thơ nào được phổ nhạc, còn nguyên vẹn tính chất thơ hay không? Hay nó biến bài thơ thành lời của bản nhạc? Bài thơ sẽ mất đi cái hay riêng của nó, và trở thành nô lệ cho cung bậc dù qua tiếng hát của ca sĩ thượng thặng đi nữa.

Thơ có cái hay của thơ. Nhạc có cái hay của nhạc. Thơ để đọc, để suy gẫm về lời và ý thơ, chứ không phải để nghe tiếng đàn, tiếng sáo cùng các nhạc khí làm mất hết cái uy thế của thơ, thơ chỉ còn là phần phụ, phần chính là nhạc. Sự thực cả hai đều là chính, nếu ta đừng giao duyên chúng với nhau.

Ngay như bài *Khúc Thụy Du*, một bài thơ rất hay của Du Tử Lê, khi nó được phổ nhạc, thì kỹ thuật âm nhạc đã nắm giữ phần chính, thơ chỉ còn là phần lời hát.

Cũng như hội họa, tác phẩm là tác phẩm, minh họa là minh họa, vì nó có 2 phần kỹ thuật khác nhau. Người ta



không thể sử dụng thay thế cái nọ cho cái kia được.

Xin cảm ơn Du Tử Lê đã cho tôi những rung động sâu thẳm, qua những vần thơ, đã cho tôi được cùng sáng tạo, qua những slash!... Tuy vậy, cũng khó lắm lắm!...

TẠ T.Y

(Tuần báo Đời Nay, Hoa Thịnh Đốn,
ngày 1 tháng 5 - 1997)



Du Tử Lê và Hoàng Cầm. 2008



LÊ VƯƠNG NGỌC

Hành trình Tùy bút Du Tử Lê.

Tôi có dịp thảo luận với Du Tử Lê về thể loại tùy bút. Theo tôi cái định nghĩa chính đáng nhất như tên gọi: Cảm hứng tuôn trào theo dòng bút. Và tùy bút ở Pháp vẫn “*Au courant de la plume*” cũng cùng một nghĩa. Từ đó suy diễn ra, ta thấy lối viết tùy bút gần với thơ, thơ văn xuôi hoặc văn xuôi như thơ, phiêu diểu, mông lung, không cần đề tài, kể cả tên gọi, thích hợp với viết hồi ký, nhật ký trong đó có thể diễn tả một cách chân

thực ái, ố, hỷ, nộ...trộn vện cả thất tình. Viết một thiên truyện dù dài hay ngắn, văn sĩ cần sửa soạn theo một tiến trình thông thường như: “*I must note here nothing but remarks of a general sort on the planning, composition and guiding motive of the novel...*” (André Gide viết trong Nhật ký phụ lục cuốn “*Les Faux monnayeurs*”, giải thưởng Nobel văn chương đầu thế kỷ 20.) Vì trời phú cho Du Tử Lê một tâm hồn đa cảm ngay từ tấm bé đã sống khắc khoải nhiều với

những kỷ niệm, nhất là những liên hệ mật thiết với những người thân bắt đầu là Mẹ, các chị, em, các bạn gái thời trẻ nít...cho nên ta thường gặp thi sĩ viết văn đang trong thời “chàng tuổi trẻ...” chợt quay ngang về kỷ niệm thời ấu thơ với mẹ...Điều này xảy ra hầu như có ở bất kỳ cuốn truyện ngắn, dài, tùy bút nào của Du Tử Lê và là một khâu quan trọng trong việc tìm hiểu đời sống tinh thần Du Tử Lê mang vào văn chương.

Đáng chú ý là cách hành văn Du Tử Lê rất thích hợp với thể loại tùy bút được nhận định bởi cố văn thi sĩ Mai Thảo trong tập san Văn số đề ngày 8 - 6 -1974:

“...Chúng ta đọc, yêu Du Tử Lê, vì viết văn như làm thơ, đều rất mực thi sĩ...”

Khi đọc xong tùy bút 2010 Du Tử Lê *“Giữ đời cho nhau”*, tôi thấy một thay đổi rõ rệt, tích cực trong tâm hướng của tác giả.

Từ tùy bút '94 *“Em và, mẹ và, tôi là một nhé”* gồm 16 bài viết theo ký ức buồn thảm của những năm trước tuổi 50, có tới bảy bài mưa gió, u uất... Đặc biệt trong bài *“Hồn tháng chạp”* Du Tử

Lê hầu như tuyệt vọng về đời sống của chính mình, về những hèn hạ ác độc của chúng quanh mình, họ Lê đã viết:

“...Còn đón chờ gì nữa? Đời sống đã lìa xa tôi, như những con nước đã rút xa, rất xa bờ cát mịn (Tr. 92). “... Những tưởng mình không thể qua khỏi những ngày Tết (những ngày Tết kinh hoàng đối với tôi), vậy mà, lập trời, lập đất cuối cùng tôi cũng đã vượt qua được nó (.....) Dù sao, tôi xin cảm ơn, cảm ơn một lần nữa, buổi sáng, của kiếp khác đã mở, của đời mai, nền hồng sẽ thấp.” (Tr. 93.)

Rồi từ sự phản tỉnh chân thành, cảm động, can đảm (tùy bút 2000) tới một ổn định an nhiên cho tâm hồn (tùy bút 2010). Tiến trình chuyển hướng tâm thức Du Tử Lê phù hợp như một mô hình mẫu với thuyết phân tâm của C. G. Jung (1875-1961). Trước hết xin mời quý bạn cùng tôi lược xét hình thức và nội dung Tùy bút 2010 Du Tử Lê:

Sách của Du Tử Lê bao giờ cũng được trình bày thanh nhã từ bìa trước bìa sau tới bài bản bên trong. Tên sách cùng

tên bài thường rất thơ. Thí dụ “*Nghe dậy từ tâm một ngón tay*” (tùy bút ’94) “*Em và, mẹ và, tôi là một nhẽ*”); hay “*Chông chênh ngày nắng gió*” (tùy bút 2000 “*Tôi, ấu thơ và, mẹ*”) ; hoặc “*Chúng ta cùng một thuyền / trôi lênh vào bóng tối*” (tùy bút 2010 “*Giữ đời cho nhau*”).

Cách dùng chữ cùng tạo dựng từ ngữ mới và cách sắp đặt mạch văn cũng rất thành công vì súc tích và gợi cảm vô cùng. Xin đọc ít nhất ba bài trong Tùy bút 2010 “*Chim đem đi: Làm lễ tạ ơn người*”, “*Kịch thơ Hoàng Cầm và tôi*”, và “*Giữ đời cho nhau*” - Thử nhặt từ ngữ “*bảo dưỡng*” trong “*Đêm bảo dưỡng nụ hôn tôi đã gửi*” ta liên tưởng ngay: Bảo trọng, bảo đảm..., dưỡng sinh, dưỡng dục...Thi sĩ thật quá trân quý người yêu!

Lại còn từng mạch văn chuyển tiếp bất kỳ như đang ở Cali nhảy sang Texas, đang nói chuyện về Diễm Xưa Productions, Orange County bay ngay về Bến Chương Dương, Saigon vv... (Đây là kỹ thuật theo Tây phương: *Découpage dans le passé.*) Tôi ngưng đọc, thấy lòng rưng rưng muốn khóc,

nhưng may mắn sau đó đọc “*Hoàng Cầm, Hội An, thơ ấu...*” một cơn gió nồm nam quen thuộc từ quê hương dịu ta trở lại thuở thơ ngây...không hề biết tới cái vô nhân của sâu vạn cổ!

Nói tới “sâu vạn cổ” không mấy ai yêu thích văn thơ không nhớ tới bài “*Tương tiến tửu*” của thi bá Lý Bạch (701-762) đời vua Đường Huyền Tông: “*Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy, thiên thượng lai bồn lưu đảo hải bất phục hồi...*”

Rồi từ nhận định đời sống con người quá ngắn ngủi, Lý Bạch tìm quên với bằng hữu trong cái sáng khoáng cao ngạo của một nghệ sĩ đích thực! Khiến một văn hào Đức, giải Nobel văn chương, Hessman Hess (1877-1962) cảm phục cái hào sảng hiếm có đó, đã viết một thiên truyện về Li Po (tức Lý Bạch) trong một cuộc “*Hội tu nhất ẩm tam bách bôi*” với một số nghệ sĩ đương thời.

Tiếp đến đầu thế kỷ thứ 14, giới văn học Âu Á được thưởng thức một thi phẩm mang tên “*The divine comedy*” của thi sĩ Dante Alligheri, người Ý (1265-

1321). Từ ngữ tiếng Anh “*the comedy*” phản ánh đúng tên gốc Ý “*Commodia*” có nghĩa là khúc đồng dao gồm 100 khúc chia làm 3 trường khúc tả một linh hồn sau khi chết phải qua hỏa ngục (Inferno) rồi tới Thanh lọc (Purgatory) và cuối cùng đến được Thiên đường (Paradise) - Đặc biệt câu thơ đầu tiên ở trường khúc Hỏa ngục: “*Nel Mezzzo del cammin di nostra vita*” giản dị như lời nói thường nhưng mang ý nghĩa sâu sắc theo Anatole France, như một lời cảnh giác nhân sinh khi tới “*Giữa đường đời*” là bắt đầu nghĩ tới già và chết và phải chịu phán xét...

Đại ý tập “*Commodia*” theo Dante: “*Cái mục đích đầy thương cảm của tập thơ là ‘giúp giải trừ con người khỏi trầm luân và đạt được hạnh phúc...’*”

Những cảm nhận thật chân xác nói trên về mũi tên thời gian giúp tôi hiểu được cái triền miên tiếc nhớ những kỷ niệm thời thơ ấu, với bằng hữu, với quê hương, với nơi chốn Du Tử Lê hằng có mặt và nhất là sự chuyển hướng tốt lành của tâm thức Du Tử Lê qua tùy bút “*Giữ*

đời cho nhau”.

Bây giờ chúng ta thử tìm hiểu chuyển hướng tâm thức Du Tử Lê qua thuyết phân tâm của Carl Jung. Vì hạn chế của số trang, tôi sẽ giản lược tối đa lý thuyết này.

Theo C. Jung mỗi người là một nhân cách cá biệt bao gồm ý thức cá nhân và vô thức tập thể. Ý thức gồm tất cả kinh nghiệm do 5 giác quan thu nhận và tồn trữ hiện hữu trong trí cá nhân. Vô thức gồm tất cả các kinh nghiệm sống từ đời đời kiếp kiếp trước của giòng giống để lại, không giống hiện hữu ý thức mà chỉ tồn tại một cách mơ hồ nhưng có thật, ví như phim ảnh chưa rửa (negatives), nhưng khi động chạm tới sẽ hiện rõ như đã rửa ra rồi. Ngay dưới ý thức có một số kinh nghiệm (ý nghĩ, cảm xúc, ý muốn...) bị dồn nén thành ẩn ức nơi tiềm thức, có thể trở lại trong các giấc mơ và lâu dần tạo thành mặc cảm (S. Freud 1856-1939).

Vô thức tập thể bao gồm một số thành phần chính gọi là Archetypes tạm dịch là *Mô hình gốc*. Những mô hình

gốc này luôn luôn đối kháng với các hành động theo ý thức cá nhân.

Có 4 mô hình gốc căn bản:

1- Cá tính (Persona), tỷ như ở Đông phương là hình ảnh mơ hồ của kẻ sĩ...

2- Anima, tức ảnh hưởng của nữ phái đối với nam giới và Animus, ảnh hưởng của nam giới với phái nữ.

3- Hình tích (Shadow), liên hệ tới ảnh hưởng của chính phái mình, nam hay nữ.

4- Tư kỷ (Self), mô hình gốc này là nguyên tắc căn bản để thực hiện được nhân cách cá biệt toàn diện. Ba tính cách chính của Tư Kỷ là: Trật tự, tổ chức và hợp nhất.

Bốn mô hình gốc này luôn luôn tìm cách ảnh hưởng tới ý thức cá nhân nhằm kết hợp, dung hợp, hài hòa, tỷ như với thanh thiếu niên khí huyết phương cương trong tình trường phải dung hợp với lễ giáo truyền thống (storms of youth) và khi tới tuổi già (tranquility of age) sẽ sống êm đềm, an nhiên tự tại theo quan niệm truyền thống “mũ ni che tai”...

Như trên đã nói, khoảng thời gian

qua đi tới tuổi trên dưới 50 đã để lại trong thơ văn Du Tử Lê những cảm xúc chân thực và nhiệt tình về những “ở chỗ nhân gian không thể hiểu” trong đó có 4 câu tuyệt tác đã được cố thi sĩ Nguyên Sa bình luận khá sâu sắc (đọc thêm “Du Tử Lê - 50 năm” Tr. 117-118):

“Sông núi cũ rủ tôi về với đất

“Bốn mươi năm ngơ ngác làm người

“Trên thân xác đã mọc đầy móng vuốt

“Thì có gì sai, đúng với ai đây?”

Rồi tới sắp sỉ 60 tuổi, trong tùy bút 2000 “*Tôi, ấu thơ và, mẹ*” (TÂTVM), Du Tử Lê đã trần tình rất cảm động và can đảm nơi bài tự sự “*Tôi, ấu thơ và, Mẹ*” mà tôi dùng để áp dụng vào thuyết phân tâm của Carl Jung:

1- Mô hình gốc Persona được tả ngay ở trang 167 của TÂTVM:

“Tôi tự biết tôi: Tôi không hề (và cũng không mơ ước) được là một con người toàn hảo. Tuy nhiên, tôi cũng không muốn ôm cho mình tất cả những xấu xa, hèn hạ...”

2- Mô hình gốc ảnh hưởng của người khác phái (Anima):

“...Với tôi, mẹ tôi là toàn thể ký ức thời thơ ấu, niên thiếu tôi; dù cho, đó là một ký ức buồn thảm (...) Nhưng ký ức đó, lại chính là cội nguồn, khởi đi của thế giới văn chương tôi, sau này.” (TÂTVM, tr. 170).

3- Mô hình gốc hình tích (Shadow):

Ảnh hưởng của người đồng phái, vẫn trong bài dẫn thượng, Du Tử Lê kể chuyện bác sĩ Nguyễn Mạnh, bạn văn chương và đồng môn Chu Văn An gặp Du Tử Lê trong quán Song Long cho biết ông đang mắc bệnh Thyroid ...Rồi cuối năm ‘91, trong một cuộc họp mặt Chu Văn An ở Houston, sau khi biết Du Tử Lê không có phương tiện chữa bệnh, bác sĩ Hồ Tấn Phước đã tự nguyện trả mọi y phí chữa bệnh thyroid cho Du Tử Lê, với điều kiện ông phải di chuyển sang ở Houston. Một bạn thân khác, nhà báo Trương Trọng Trác cung cấp nơi ăn ở và di chuyển. (TÂTVM, tr. 179).

4- Mô hình gốc Tư Kỷ (Self):

“...Thời điểm cuối thập niên ‘80, đầu thập niên ‘90. Trước và sau cái chết của mẹ tôi, đời sống tôi là một loạt đổ vỡ: Đổ vỡ gia đình. Đổ vỡ tình cảm. Đổ vỡ niềm tin. Đổ vỡ đời thường. Tôi nhận chịu mọi tai ương, không một lời giải thích. Tôi nhận chịu mọi kết án, nguyên rủa, không một dính chính... Để chống trả những mạng lưới bủa vây trùng điệp bất hạnh này, tôi tìm vào hai nguồn an ủi chính: Tôn giáo và thi ca...” (TÂTVM, tr. 180).

Tự sự này kết thúc như một báo hiệu giải nghiệp. Và từ đó tới Tùy bút 2010 “Giữ đời cho nhau”, Du Tử Lê đã đạt tới mức độ cao dung hợp, hài hòa ý thức nhiều cạnh gắt của mình với ý thức tập thể có đặc tính bảo vệ hay đúng hơn “*bảo dưỡng*” (chữ Du Tử Lê dùng) những truyền thống tốt lành theo kinh nghiệm ngàn đời cho sinh tồn và thăng tiến của nhân loại.

Lê Vương Ngọc

Garden Grove 12 /6/ 2010



Linh Mục
TRẦN CAO TỬ ÔNG
(1948-2010)

Quả Đắng Dẫn Độ Cánh Chim Về Qua Thi Tập Mới Của Du Tử Lê

Ánh cửa vào ngàn năm mới đang mở ra, nhiều chuyển biến cay nghiệt bất ngờ xảy đến nói lên điềm thời đại, như những cú đánh cực mạnh hất tung con người đang hung hăng tự mãn xuống khỏi lưng ngựa, làm xây xẩm tối tăm mặt mày. Nhưng có thể đây lại là một “nghi thức điểm đạo” trang trọng dẫn vào một Cuộc Đại Tỉnh Ngộ, khai mở nhãn quan mới, xoay hẳn hướng đi cho chủng loại người, từ những “quả đắng cần

thiết, quả đắng ân huệ”. Nhìn như vậy thì tập thơ “Hoa Nào Tin Quả Đắng Đến Không Ngờ” của Du Tử Lê, (có cả phần Anh ngữ do Như Hạnh dịch rất bắt), xuất bản vào những ngày tháng cuối cùng của một thiên kỷ, đúng là một đòn chí tử, một mốc ghi thời điểm, một thực chứng cho cuộc khắc khoải của mỗi người đi tìm chiều kích tâm linh, mở ra một viễn kiến:

*người về dựng lại hoang liêu,
trong đôi mắt lớn đã nhiều mặt bia.*

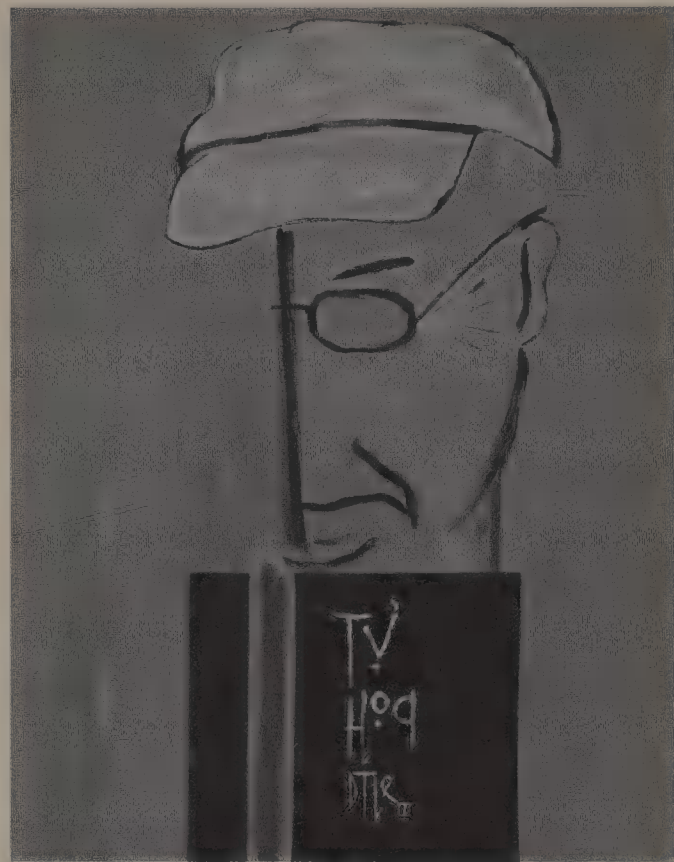
Quả Đẳng Dẫn Độ Cánh Chim về...

DẪN ĐỘ CÁNH CHIM VỀ

Phải nói, thi tập “Hoa Nào Tin Quả Đẳng Đến Không Ngờ” thật lạ, bởi mang nhiều dấu lạ, mà dấu nào cũng như một nút bấm “icon” mở vào vùng tâm linh, từ một thực chứng, chứ không do một hệ thống suy tư lý luận nào cả. Nó như một đống ngổ từ những tiếng thở dài trần trở trong suốt chiều dài và chiều dày của cuộc sống. Thay cho Lời Nói Đầu của thi tập là bốn câu thơ, diễn lên được lối đi đầy chất đẳng cũng như báo tin nẻo về thật bất ngờ.

*chiều chế nhạo: ta diễn tuồng bi, thiết
gió tô màu thêm những đòn đau, khô
mưa / sóng soãi / xấp mình / trên mặt đất
lá / rung / tin: - dẫn độ cánh chim về.*

Buổi chiều thế kỷ đã xuống với trọn vẹn phi lý sau quá nhiều bi thiết, nhất là đối với người Việt mang đầy thương tích oan khiên bầm dập. Mưa gió quá lớn của bằng ấy khổ nạn đã làm rã cánh chim phải dẫn độ trở về. Trở về như một bỏ



Tự họa.

(Du Tử Lê. Oil painting on canvas. Size 24"x30")

cuộc chơi, nhưng cũng là cơ may cho một tìm lại chính mình, do những quả đẳng điển hình như vụ án mạng thảm khốc ở trường trung học Columbine bang Colorado, xảy ra vào ngày 20 tháng 4 năm 1999, đúng sinh nhật của hiện thân thần dữ là Hitler. Quả đẳng phát sinh không ngờ từ cả một ngàn năm nổ hoa tung tóe, chứng nghiệm của cả một nền văn minh thị trường chứng

khoán với những trận đánh nhau giằng giạt miếng mồi của những “con vật kinh tởm” sinh chứng rừng mồi, kết sổ của cả một trăm năm hành hạ nhau tận tình cho đạt “đỉnh cao trí tuệ loài người” thời tiền sử lúc còn sống trong hang hốc.

Mười bốn học sinh và một thầy giáo chết một cách vô lý và vô nghĩa, trong đó gồm cả hai thủ phạm của vụ bắn giết là Eric Harris và Dylan Klebold cùng là học sinh lớp 12. Suốt tuần lễ là những đám táng. Cả nước trần trở tìm câu trả lời cho một trong những khúc mắc nhất của thời điểm, như một nhát đâm thẳng vào tim mỗi người, vọt máu tươi, quần quai, giầy giụa, tức tưởi, mà chưa sao tìm được lời biện bạch. Cũng có thể là một trái bom nguyên tử san bằng tất cả, tạo ra một “tận thế” của một chu trình chuyển dịch của chủng loại người, khi mà mọi kiếm tìm đã trở thành lãng nhách, càng giải quyết lại càng thêm quần đến như hết đường thoát.

*sinh sôi mãi những niềm vui tẻ, nhạt
khai khẩn em: vùng đất lợ thiên đàng*

*sông tuyết tự hô hào ta đứng dậy
đang tay ra tựa Chúa
kẹt chân tường.*

Ngày 25 tháng 4 năm 1999, một buổi tưởng niệm những học sinh và một thầy giáo bị bắn chết được tổ chức tại Denver đã thu hút sáu chục ngàn người, trong đó có phó tổng thống Al Gore, thống đốc tiểu bang Colorado là Bill Owens, hầu hết các dân biểu và nghị sĩ của tiểu bang, và nhiều vị lãnh đạo các tôn giáo. Mọi người cố tìm cho ra ý nghĩa hay dấu chỉ của vụ thảm sát. Phó tổng thống Gore đã thay mặt cho nước Mỹ mà nói với gia đình các nạn nhân, nhưng xem ra cũng chưa nói gì, chả biết phải làm sao.

“Không riêng gì quý vị đang cảm thấy gì, cả trăm triệu người đang cùng khóc với quý vị. Đây là biến cố khiến mọi người chúng ta phải giật mình mà thay chuyển lối sống vì những học sinh nằm xuống. Nếu quý vị là cha mẹ, chúng cần được để ý, nếu quý vị là ông bà, chúng cần thời giờ của quý vị dành cho chúng. Chúng ta cần dạy chúng biết

phân biệt cái gì đúng, cái gì sai. Chúng ta phải dạy chúng về một hiện tình đầy bạo động và một nền văn hó chết chóc”.

QUÀNH LUI TÌM: TÔI, TÔI, TÔI?

Không có tâm trạng hiếu thắng ủng hộ và sùng bái quyền năng siêu vượt của dân Đức thì không thể có một Hitler. Không có cái bầu khí buông thả bữa bãi, phim ảnh cổ vũ dâm dật phóng túng và bạo động, không có tâm trạng vô hướng và rã rời của nếp sống hiện tại, thì không có vụ trung học Columbine. Vào thập niên ‘60 và ‘70, khi mà nếp văn minh vật chất lên cao đỉnh tự mãn thì thấy xuất hiện nhan nhản những loại sách “làm thế nào để hưởng thú” (how to enjoy). Bước sang thập niên ‘80 và ‘90 thì lại thấy hiện hình những cuốn sách “tìm cách chữa chạy” (how to heal) đầy khắp tiệm sách và trên các đầu giường: chữa chạy tình yêu, chữa chạy xung khắc gia đình, chữa chạy căng thẳng thần kinh, chữa chạy tắc máu, chữa chạy từ tổng thống đến đám choai choai v.v.

Vụ hai học sinh tàn sát các học sinh khác rồi tự hủy diệt một cách phi lý và vô nghĩa đã trở thành điểm chỉ một cái gì sâu xa hơn. Người bắn và người bị bắn đều là nạn nhân của cả một nền văn hóa còn nằm trong trạng thái động vật và ám ảnh thần chết. Hai tên choai choai tự tử cũng có thể là biểu tượng cho sự tự hủy diệt như chủng loại khủng long cách đây ba trăm triệu năm về trước, nếu không mở được con đường nào khác hơn. Nhà khoa học và thần học Teilhard de Chardin đã nói: “Chúng ta đang trong thời kỳ tiền sử của nhân loại”, và Gaston Berger thì bảo: “Lịch sử con người chưa bắt đầu”, vì chưa thực sự bước tới chiều kích tâm linh.

Đây có thể là điểm muốn đóng cửa trần gian. Không còn gì để sống, không còn gì để hy vọng, không còn một bám víu nào của niềm tin mà đặt nền cho văn minh, không có một căn bản nào để đánh giá đúng hay sai, khi con người chỉ luẩn quẩn với những chộp giạt hạ đẳng mà bất cứ con vật nào cũng đang tranh nhau như kiểu đàn gà tranh mồi và tranh gáy. Nghĩa là nền văn minh này đang làm cho chủng

loại người thụt lùi lại chứ không tiến hóa như giả thuyết Darwin. Lịch sử tiến hóa của loài người từ cái ngày còn săn hái trong hang hốc trải qua bao tổ chức xã hội từ nông nghiệp đến kỹ nghệ, qua bao lý thuyết kinh tế từ Thuộc Địa, Cộng Sản, đến Tư Bản... xem chừng vẫn chỉ loay hoay quành lui chung quanh cái dạ dày của động vật tính nơi con người. Tổ chức xã hội có hợp lý mấy nào có hơn tổ ong, tổ kiến: vạn tuế lao động vinh quang loài kiến và những con dã tràng với lợi tức gia tăng. Nhà sang, xe láng và áo mượt có mắc tiền mấy cũng không đẹp bằng bông hoa ngoài vườn. Mặt người có tô vẽ mấy cũng không bao giờ tươi tỉnh hơn con chim đang hót trên cành kia. Tìm kiếm mãi mà vẫn không thỏa, xoay xở mãi mà vẫn không rõ mình là ai! Từ một hành tinh nhìn về trái đất, có lẽ chỉ thấy duy loại động vật mang mặt người là hay nhăn nhó khổ sở một cách tội nghiệp nhất. Có điều gì sai hệt từ gốc rễ, từ cấu trúc của cuộc hiện hữu?!

quành lui, tìm, ai (?), ai: là

*ma, che thập giá, mộ, nhòe nhoẹt, sơn
quành lui, tìm, sông: quy hàng
hiên, sâu, phố xá: thom buồn, bã rơi
quành lui, tìm: tôi, tôi, tôi?*

MÔI CHỐI NHẬN NHỮNG ĐIỀU TIM KHẮN KHOẢN

Vở kịch một ngàn năm đã hạ màn. Bao nhiêu cuộc cách mạng, bao nhiêu vẫy vùng ngang dọc, bao nhiêu lập thuyết, bao nhiêu phát minh, rốt cục rồi cũng phải đông lạnh kẹt cứng ở bên bờ hữu hạn của xác thân, của không gian và thời gian, của chính cái chết, khi phải đối diện với mặt bên kia đời sống! Đây chính là lúc cảm nhận rõ ràng mình không phải chỉ là một con vật có đầu, mình, và chân tay. Và cũng là lúc trần trở tìm lối vươn lên như Khúc Hát Trầm Tư của nhạc sĩ Hùng Lô:

Cái gì khiến tôi vượt qua giới hạn của không gian? Hạt bụi mà chạy đua ánh sáng, sậy mềm mà cật vắn tinh vân, bọt bèo lại vòng tay ôm lấy cỏi trần?

Cái gì khiến tôi vượt qua giới hạn

Quả Đẳng Dẫn Độ Cánh Chim về...

của thời gian? Hiện tại mà tìm đo dĩ
vãng, một giờ mà dự kiến muôn năm,
phận vờ mà lại mơ hạnh phúc không tàn.

Cái gì khiến tôi vượt qua giới hạn
của phù vân? Tìm điều nào đẹp hơn no
ấm, tìm lời nào định nghĩa thanh danh,
gì còn lại thật khi thân xác hư tàn?

Cái gì khiến tôi lắng nghe tiếng
thầm của dòng sông? Thuyền nào từng
rời theo nước cuốn, thuyền nào về từ bến
muôn phương, nhịp chèo nào nhật khoan
mong nối hai vô cùng?

Tâm tư trên thật giống tựa đề một
tập thơ khác của Du Tử Lê: “Đi với về
cũng một nghĩa như nhau”. Vuông là
chia cách, tròn là chung qui, là chốn đi
về trong tâm thức sinh ký tử qui của Việt
tộc qua truyện thiêng bánh chưng vuông
hòa nhập bánh dày tròn.

*chúng ta đã chia, ly từ vú mẹ
tập xa nhau thuở chập chững chân, đi
chúng ta biết thịt, xương này hữu hạn
(và,) nhân gian nào phải chốn đi về...*

Đời sống là một chuỗi đam mê miệt

mài tìm kiếm. Nhưng dù có thành đạt
mấy cũng không sao khóa lấp được cơn
khắc khoải đói khát cõi vô biên từ thẳm
sâu con tim khấn khoản: cõi đất vuông
thể chất hạn hẹp luôn tìm vươn lên cõi
trời tròn tâm linh viên mãn.

*riêng em biết: linh hồn tôi khảm nước
thuyền / thịt xương khôn chở hết chiều, /
bầm /*

*môi chối nhận những điều tìm
khấn khoản*

gió ê chề rượt đuổi giữa thỉnh không...

*riêng em biết: nhân gian là khoảng cách
mỗi con người chọn một thước đo riêng
cộng với bóng / tôi / đo từng ý niệm
biệt ly kia, em ạ, vốn di truyền.*

Và thời gian mãi mãi là hai con
chuột đen trắng của đêm và ngày gặm
nát tất cả, hay như là “tên trộm tuyệt
diệu nhất, dù canh giữ cách nào, nó cũng
sẽ lần lượt lấy đi” những gì ấp ủ trân quý
nhất trên cõi đời này. Rồi cũng đến một
lúc mỗi người phải lên một “phi thuyền”

riêng là chiếc quan tài mà bay vào cõi
lớn như trong “giữa vô và hữu hạn”.

*tóc tìm tóc bao năm
trên hành vai thân. thiết
vai tìm vai bao năm
đâu rồi sợi tóc biếc?*

NÉT CHIM THÂN TRONG CHẤT MÁU VIỆT

Nguyễn Thùy và Trần Minh Xuân trong Nhân Loại Mới (Mekong Ty Nạn, trang 267) đã nhận định về dấu chỉ thời đại: “Tình trạng chán sống, bung phá và nổi loạn, sa đọa của tuổi trẻ, tình trạng ngán ngẩm buông xuôi của lớp tuổi về già, sự ẩn mặt của các nhà tư tưởng... là những báo biểu sự thoái hóa của xã hội về mặt nhân văn. Hầu như không một thức giả liêm khiết nào không bị quan về thực trạng văn hóa ngày nay... Đây là những rầy rụa, những phản ứng của cái trạng thái tâm lý ngột ngạt trước một xã hội ổn định mà bất an, tự do mà ràng buộc, sung mãn mà nghèo nàn, ... trong

những sợi dây xích vô hình của cái “logic” tổ chức hợp lý.”

Ngôn ngữ tâm lý ngày nay gọi là vong thân, bật gốc, khi con người đánh mất chính mình, không biết mình là ai, lạc mất căn cước (identity) là hồn mình. Không nhận ra bản thể mình, đó là căn nguyên mọi sa đọa đổ vỡ, như câu truyện chim phượng hoàng trong đàn gà con.

*đêm nứt vỏ vỡ hàng dương xích đạo
bình minh treo / lửng / gác chuông, cao
trên bậc cấp tận cùng chia, cách ấy
xuống chân đời, ta hỏi lại: Ta? Ta?*

Truyện kể ngày xưa có một người đi săn nhặt được một cái trứng phượng hoàng trên núi liền đưa về ấp chung với ổ trứng gà ở vườn sau nhà. Được một thời gian thì các trứng đều nở thành một đàn gà con và một chú phượng hoàng bé xíu.

Chú phượng hoàng cứ thế lớn lên trong đám gà, và làm mọi sự như những con gà khác, vì nghĩ mình là gà. Chú ta cũng bới đất tìm sâu mà ăn. Lâu lâu cũng tranh lộn với nhau về những đồng rác có nhiều đồ phế thải. Chú ta cũng

Quả Đẳng Dẫn Độ cánh chim về...

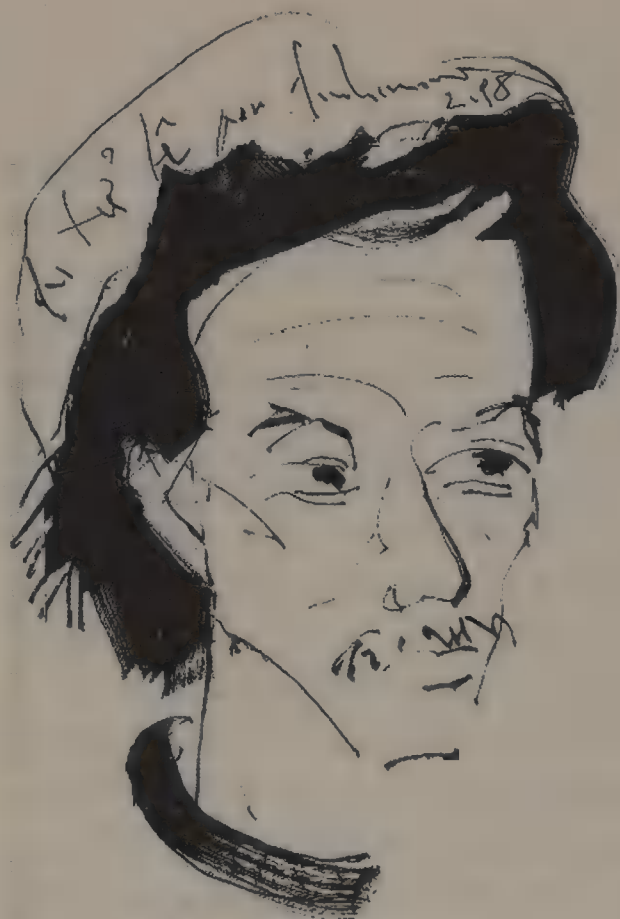
tập kêu “cục tác, cục tác”. Thỉnh thoảng chú cũng thử vỗ cánh bay lên sà sà được một chút như những con gà khác. Nhưng chú tự nghĩ: “Gà mà! Bay thế nào được.”

Thời gian cứ thế trôi qua, phượng hoàng đã lớn và đã già. Một ngày kia nó nhìn lên bầu trời trong xanh thấy một con chim vĩ đại đang bay lượn trong gió lộng, xoè cánh rợp trời, thật oai hùng. Nó đầy vẻ thán phục liền hỏi các con gà khác: “Con gì vậy?” Thì được trả lời: “Đó là chim phượng hoàng, là vua các loài chim... Mà thôi, đừng có ham. Mà và chúng tao đều là gà mà.”

Và rồi nó không nghĩ gì thêm nữa, tiếp tục sống như gà. Nó đã chết mà vẫn nghĩ mình là gà ở vườn sau nhà, không bao giờ biết bay lên.

MỌC LÊN TỪ MỘT CỘI RẤT LINH THIÊNG

Hình ảnh chim phượng vốn nằm sâu trong máu người Việt và đã trở thành nét văn hóa gốc: mình là con của chim Âu, loài chim Tiên, chim Thần. Trứng rồng



Du Tử Lê by Đinh Cường (1998)

lại nở ra rồng, chim Tiên lại đẻ ra dòng chim Tiên. Qua các nét văn hóa khác nhau trên thế giới, chim bay là biểu tượng của tinh thần, của hồn thiêng bất tử, vẫn thường thấy được vẽ quanh những ngôi mộ cổ bên Ai Cập. Sau khi nhận được lực từ Trời tròn mà vươn vai mạnh như rồng nhập thế cứu đời, con chim Phù Đổng lại xuất thế bay về núi là cội nguồn linh thiêng như mẹ là chim Tiên.

Minh triết bánh dày bánh chưng của Việt tộc đã diễn thành một công thức đạo sống rất chính xác từ xa xưa. Vuông cộng với tròn thành vuông tròn, đất phải hòa hợp với trời thì mới sung mãn mẹ tròn con vuông được. Hoàng tử Tiết Liệu đã thể hiện được đạo sống đó. Một nền văn minh mà tự mãn với đất, tách khỏi cội nguồn trời tròn, sống giam hãm trong những hộp vuông to vo tách lìa, mất đi chiều kích rộng mở của đất trời bao la, vũ trụ nhất thể, thì quả đáng tất nhiên phải đến, không sớm thì muộn. Khi nhiều quả đáng quá xuất hiện thì tưởng là không ngờ, chứ thực ra tổ tiên mình đã thấy được hậu quả như vậy từ lâu.

Con người vào thời điểm này cũng giống như các hoàng tử khác của vua Hùng, thích tự mãn về sức đất vuông của mình nên đã phải nếm đủ mùi cay nghiệt đến rã cánh. Thì đây là điềm chỉ quả đáng “dẫn độ cánh chim về”. Lúc nhìn thấy thân xác mình “thịt da ỏ mối”, hay “những sợi tóc ngày thêm thưa, vắng” thì cũng chính là lúc nhận thức được lẽ vô thường của đất vuông, và

bỗng tỉnh ngộ cảm nhận được chất mầu nơi “linh hồn mượt, sạch”. Bản thể này rất mượt, sạch, vì được sinh ra “từ một cội rất linh thiêng” là Ông Trời, Thượng Đế, Thiên Chúa, Đấng Một, Đấng Tối Cao... Tên gọi thì khác nhau, nhưng nội dung chỉ là một. Niềm tin “dù ai nói ngược nói xuôi, ta đây cứ vững đạo Trời khăng khăng” như ca dao khăng định, chẳng phải là gia tài giàu có nhất của Việt tộc gắn liền với thân mệnh mình trong một khúc quanh quyết liệt nhất của lịch sử loài người sao?

*không ai hiểu thịt, da tôi bìa sách
bọc, bao ngoài quá đổi thực hư: riêng
không ai hiểu linh hồn tôi mượt, sạch
mọc lên từ một cội rất linh thiêng...*

*không ai hiểu tâm hồn tôi: lành, lặn
do bàn tay Đấng Một vá, khâu giùm.*

CŨNG CẦN MỘT NƠI ĐỂ TREO, MÓC

Rồi cũng đến một lúc, bao vùng vẫy

Quả Đẳng Dẫn Độ cánh chim về...

tự thấy hụt hơi. Không có một lẽ khôn ngoan nào minh triết hơn thời gian, khi nhìn thấy ngay chính thân xác mình mỗi ngày mỗi tàn tạ. Cái gì mang động vật tính trong một cái túi thịt thì cũng chỉ đáng trở thành một bữa ăn ngon cho quạ. Và đây là lúc biết ngẩng đầu nhìn xa và cao hơn về vĩnh cửu.

*chỉ chó, mèo, chim, cá và, sâu đất
hiểu những gì bày qua muốn nói
và may mắn / bất hạnh / thay
cũng chỉ những sợi tóc tôi
hiểu ngôn ngữ / màu sắc / của thời gian
trên mái đầu ít khi ngẩng lên
một đời tỵ nạn
đạt, trôi
là tôi
sắp cạn.*

Du Tử Lê đã hạ còi lên đường “bước vào sân cát ngưỡng cửa 21, khoảng cách hẹp tí (hay rộng thênh) giữa hai con số...”

*nhưng dù cho chúng ta có khua chiêng,
giống trống cách gì*

khoa học tiến bộ tới đâu

(thì) nhân loại cũng không thể

triệt tiêu nổi

mặt bên kia

tám gương đời sống.

phải chăng,

(vì thế)

*chúng ta vẫn cần có lấy cho riêng mình
một điều gì khác?*

Một điều gì khác, đây, chính là nơi bến đậu miền trường, quê hương hằng thể. Mọi sự đều cần một chỗ để móc, treo, trong khi chờ cơn bão ập tới. Gió cũng còn biết “quờ quạng kiếm tìm một chỗ để treo linh hồn rét mướt của nó”. Phương chi là con người.

thì ra, không chỉ em và, tôi

*ngay thời gian / chim muông / mây, gió /
... /*

cũng cần một nơi

để treo, móc

những đồ linh kinh

cuối đời chúng.

NƠI CẮT DẤU AN TOÀN NHẤT

Dù sao thì cũng cảm ơn quả đắng, vì quả đắng đã dẫn độ cánh chim về. Cùng thì phải biến, biến thì sẽ thông. Đó là định luật của Kinh Biến Dịch. Cơn khổ nạn phải sinh thành. Đã đến lúc con người phải tìm cho ra một bến đậu để thả neo vào chiều kích tâm linh, không thì chỉ có nước tự tử, hay sinh ra khủng điên vì những phi lý và vô nghĩa. Chả lẽ mình cứ sống vật vờ tùy tiện theo lớp sóng xô?

*bất cứ chuyện gì ta cũng có thể tùy tiện
trừ tình yêu
như tổ quốc không hề tùy tiện
lịch sử không hề tùy tiện
chữ nghĩa không hề tùy tiện
vậy mà chúng ta
lại đã
cam đành
tùy tiện đời mình!?!*

Vào thời điểm 2000, từ chứng nghiệm thực của đời sống, cùng với chất di truyền của dòng máu Tiết Liệu, Du

Tử Lê đã hào sảng tuyên dương công thức đạo sống vuông tròn qua Hoa Nào Tin Quả Đắng Đến Không Ngờ. Công thức ấy thật hài hòa với Tin Vui luôn luôn mới mẻ: “nhớ lời Chúa dặn: “chớ để của cải ở nơi nó sẽ hư hoại!”.

Mong ước của cả một đời người là tìm được “một chỗ cắt dấu rất an toàn” nơi tình yêu, nơi mái tóc, nơi trái tim, nơi nụ cười. Đúng vậy, tình yêu tinh ròng thì đi vào vĩnh cửu, vì Thượng Đế chính là tình yêu, như Thánh Kinh đã tỏ lộ. Bến đậu vĩnh hằng nơi cõi trời tròn đây không còn như một khối lực vô vi tẻ lạnh đến rợn người, mà là một Thượng Đế Tình Yêu trong tương giao ấm áp cõi lòng với rung động con tim.

*tất cả những nơi cắt dấu nợ
(ngay linh hồn tôi)
lại được cắt dấu an toàn:
-trong bàn tay Thượng Đế.*

Rev. Trần Cao Tường (*)

(Tháng 11-2002)

(*) Linh mục Trần Cao Tường sinh năm 1948, mất năm 2010.



Du Tử Lê và Nhà thơ Hữu Loan. 2009



VŨ THU HIỀN

Du Tử Lê. Một Cõi Cho Mình

Tôi kính trọng những nhà thơ. Trong mắt tôi, họ là những người dũng cảm bậc nhất. Hoặc gan lì, cũng bậc nhất luôn. Giữa thời thiên hạ tối tối dán mắt vào ti vi, sáng sáng lướt rao vặt trên báo chợ, ngốn tiểu thuyết trinh thám trên xe điện ngầm, trên máy bay... mà vẫn cứ có những nhà thơ. Những nhà thơ này vẫn bình tĩnh làm thơ được, mới lạ. Ngó vào số lượng in ở trang cuối mỗi tập thơ lại càng thêm kính phục họ. Các nhà thơ hậu duệ của Beaudelaire, Verlain,

Apollinaire, của Goethe, Schiller... đều ngán ngẩm khi nói đến tình trạng thê thảm của sự đọc thơ bây giờ – Đời thuở nhà ai mà một tập thơ bán được một ngàn bản đã là của hiếm trên đất nước đông đúc bảy tám chục triệu dân cơ chứ. So với họ, các nhà thơ của chúng ta ở hải ngoại còn dũng cảm hơn nhiều. Và cũng may mắn hơn nhiều, nếu so số lượng xuất bản trên tỷ lệ số dân.

- Dũng cảm gì đâu. – Du Tử Lê cười hiền lành – Không hề. Gàn dở thì đúng



Du Tử Lê và Vũ Thư Hiên. Paris, 2004

hơn, ông ạ. Bọn làm thơ chúng tôi, chạy không nổi khỏi cái nghiệp, là sự chìm đắm vừa đau đớn, vừa êm đềm, một thống khoái khó hiểu, đối với nhiều người, không trừ chính kẻ làm thơ...

Chúng tôi ngồi ở một bàn ngoài của một quán cà phê với một loạt ghế trên hè, rất Paris, ngay trước tượng Thần Tự Do giương cánh trên đài kỷ niệm

Bastille. Quán cà phê bình dân này không phải là La Rotonde ở Montparnasse, nơi những danh nhân lịch sử của nước Pháp từng lai vãng, nhưng vào buổi chiều thu ấy cũng đông nghịt, bên trong không còn bàn trống. Du Tử Lê xuề xòa, nói ngồi ở các bàn ngoài thú hơn, giống ở Sài Gòn hơn. Vừa nhàn nhã nhâm nhi ly espresso,

ngắm cảnh xe cộ bá tính tập nập ồn ào trên quảng trường ghi dấu cuộc cách mạng vĩ đại 1789, vừa bàn về văn chương thơ phú, thật thú vị. Hình như các nhà thơ đều hiền lành. Tôi chưa gặp một nhà thơ dữ tợn nào. Những người dữ tợn không làm thơ. Tôi đòi Du Tử Lê đọc một bài thơ mà anh ưng ý hơn cả. Du Tử Lê nhìn tôi như cách người ta nhìn một con quạ... trắng.

- Bài nào mình cũng thích, nhưng chỉ trong lúc đang làm ra nó thôi. Bài ưng ý nhất là bài mình sắp... làm ông ạ. Ấy là người đã có một lượng tác phẩm đồ xộ, hơn bốn chục cuốn, nếu tôi không lầm, nói thế. Nhưng chiều tôi, Du Tử Lê đọc se sẽ vài câu:

“đêm về trên bánh xe qua

“nhớ tôi xa lộ, nhớ nhà Hàng Xanh

“nhớ em, kim chỉ khâu tình

“trưa ngoan lớp học, chiều lành khóm tre

“nhớ mưa buồn khắp Thị Nghè

“nắng Trương Minh Giảng. Lá hè Tự Do

“nhớ nghĩa trang - quê bạn bè

“nhớ pho tượng lính: buồn se bụi đường.

“đêm về theo vết xe lăn

“tôi, trắng viễn xứ. Sầu em bến nào?... ”

Nhớ Sài Gòn khi Paris sống động trước mặt là trúng lắm. Chẳng có nơi nào gọi nhớ những thành phố quê hương bằng Paris. Cách chúng tôi mấy bước là cái nắp cống bằng gang in hết những nắp cống trên hè Hà Nội hay hè Sài Gòn, đọc những hàng chữ trên nắp cống mới biết chúng cùng một lò sản xuất. Mấy chiếc lá vàng lênh bênh trên dòng nước rãnh dọc hè, y như ở Hà Nội.

Người đọc biết đến Du Tử Lê không phải với tư cách nhà thơ lục bát truyền thống, hoặc thơ mới các kiểu hàng loạt. Du Tử Lê được thiên hạ biết đến, được nhớ đến, là nhờ những bài thơ không vần với những chấm, phẩy, gạch nối, ngoặc đơn, ngoặc kép và những ký hiệu toán học. Những cái đó là tốt, là xấu, là hay, là dở, tôi không bàn.

Trong địa hạt này tôi là kẻ ngoại đạo. Nhưng điều tôi thấy rõ là Du Tử Lê đã và đang làm một cái gì đó chưa từng có. Anh là kẻ khai phá. Cái mà anh đang khai phá rồi đi đến đâu là chuyện về sau.

Nhưng ngay bây giờ tôi đã bắt gặp đâu đó những người theo chân anh. Như thế, anh không hề đơn độc.

“như / con sông / sẽ không ra biển!??

“nhân sắc đi / về ngang vết thương.

“thịt / da từng tắc chặt, nuông nghiệp –

“mỗi ngón tay:

“- thơm một nỗi niềm.

“như mưa / nắng / sẽ không cư, ngụ!?! ”

“lọn tóc xin tình mãi thiếu niên –

“nuôi vai chia nhánh vào ly, biệt...

“thương, nhớ nào xanh(?)

“những mặt bằng!?!!! ”

Tôi không hỏi Du Tử Lê vì sao những dấu chéo (/) đặt giữa những chữ “như / con sông / sẽ không ra biển!??”; vì sao giữa từ kép “ly biệt” lại phải có một dấu phẩy ngăn cách để thành “ly, biệt”; cũng như tôi không hỏi vì sao sau câu “như / con sông / sẽ không ra biển!??” lại có một dấu than với hai dấu hỏi, mà ở câu “thương, nhớ nào xanh(?) (xuống dòng) những mặt bằng!?!!!” sau một dấu than, một dấu hỏi, lại có đến ba dấu than nữa?

Tôi không hỏi vì không muốn Du Tử

Lê phải dằn lòng cắt nghĩa cho tôi rằng thơ là cái để mà cảm, chứ không phải cái để mà lý giải. Trong sự cảm ấy, tôi thấy, hoặc lơ mơ hiểu dường như Du Tử Lê muốn dùng những ký hiệu toán học, những dấu biểu cảm ngữ nghĩa như một cách chơi nhạc, để ngắt chữ ngắt câu, để nhấn mạnh, để kêu gọi, để bắt người đọc đi tiếp con đường suy tưởng của/cùng anh (tôi dùng một dấu chéo theo cách Du Tử Lê rồi đấy). Cái “thi tại ngôn ngoại” của Du Tử Lê phong phú, nó gọi ta bước qua những chữ cụ thể để lướt đi xa hơn nữa trong liên tưởng, như từ một nốt nhạc nảy lên ta nghe vang vọng một toàn hài. Cái mà người đọc cảm được, thấy được trong thơ Du Tử Lê là những cảm giác Du Tử Lê cũng là cảm giác của mình, dù đó là những suy tưởng về ý nghĩa thời gian, tình nhân loại, những niềm vui hồn nhiên, những phút buồn vô cớ.

“rất nhiều khi tôi khóc một mình

“những hạt lệ không giúp ai no

“những hạt lệ không làm ai đỡ đói,

“nhưng nó vẫn là những giọt lệ

“chính nó,

“một mình –
 “không có tôi đứng cạnh.”
 “thay vì cloning cho tôi con cừu
 “hãy tạo sinh vô tính cho tôi buổi chiều,
 ‘quê cũ.’”

“một lần trong đời nhau
 “đêm, nghìn sâu tiếng gọi
 “ngọt ngào gối, chần đau
 “thịt, da gào kiếp, mới
 “soi mặt gương đời, sau
 “giọt máu còn chói lợi.
 “một lần thân thể nhau
 “tôi rạn ngời: địa ngục!?!”

“nuốt trọn chính mình, như ngọn lửa
 “cháy một tôi: kẻ tự lột da
 “nhìn em: chảy máu trong yên, ắng
 “nghe giữa bông cây: rộ đóa hoa.”

Tôi viết: Du Tử Lê không đơn độc trong sáng tạo, trong khai phá một lối đi mới cho chính anh, độc đáo trước hết cho chính anh, không cần ai chấp nhận. Cũng cái cung cách như thế ở trong nước có Dương Tường, một hồn thơ gần gũi

với Du Tử Lê. Dương Tường cũng khai thác âm hưởng của những con chữ trong thơ, với những hàm ý không dễ hiểu, và dường như không cần ai hiểu. Dương Tường có những câu thơ thế này:

“tôi nhìn nước Mỹ
 “qua em mềm mại phi lí
 chéo
 “qua phụ khoa em hơ hớ
 chéo
 “qua nhục dục em ngao ngán
 chéo
 “qua thân hình em ngạo ngược
 chéo
 “qua năng động em vô vọng
 chéo
 “qua nụ bè he em bối rối
 chéo

Có trời hiểu những chéo in đậm nọ mang nghĩa gì. Trong tập “Thơ Dương Tường” (xuất bản năm 2005) có một câu “chẳng thể nào xuất” với hai gạch chéo hình chữ V nằm ngang (<) đi tiếp chỉ vào hai chữ “tinh” và “thần” để ta có thể đọc theo hai dị bản “xuất tinh” và “xuất

thần”, hoặc gộp cả hai lại: xuất tinh thần; trông cứ như một công thức cấu tạo phân tử. Có khác gì Du Tử Lê với những ký hiệu toán học đâu.

Trong tình hình nhiều năm mọi kênh thông tin trong ngoài bị đóng kín, hai người không đọc thơ của nhau, nhưng Dương Tường và Du Tử Lê đều có những hoài bão khai phá như nhau và lối khai phá khá giống nhau. Về sự sử dụng nhạc tính trong thơ hai người hơi khác nhau chút ít. Có thể nói nếu thơ Du Tử Lê là euphonic thì thơ Dương Tường thiên về cấu trúc dodecaphonic. Dù sao thì ở đây ta cũng thấy hiện tượng những chí lớn gặp nhau.

Ở đây vấn đề muôn thuở đặt ra: ở đâu, cái cảm giác chùng mịch của sự biểu cảm? Chưa tới thì không được. Một chút quá là hỏng. Nhưng với chủ thể của sự sáng tạo Du Tử Lê vấn đề trên bất thành vấn đề. Tôi quen Du Tử Lê chưa đủ lâu để có thể nói rằng tôi hiểu anh thật nhiều. Nhưng tôi dám nói như thế từ những quan sát của mình qua những lần gặp gỡ bao giờ cũng ngẫu nhiên và hồn nhiên.

Khi tôi hỏi Du Tử Lê:

- Khi viết ông có nghĩ tới người sẽ đọc thơ ông không?

- Hoàn toàn không.

- Vậy ông nghĩ gì khi làm thơ?

- Tôi chẳng nghĩ gì cả. Một tứ thơ chợt đến, và tôi cầm lấy bút.

Thế đấy. Du Tử Lê không làm thơ, có thể hiểu như thế. Thơ tự đến với Du Tử Lê, như cái duyên số phận, có đi tìm cũng không thấy, muốn chế tạo cũng không được. Trong Du Tử Lê mọi điều kiện cần thiết cho cho thơ đã có sẵn để cho thơ nảy nở. Cái sự khai phá mà tôi nói đến ở trên cũng nằm trong cái duyên ấy, không phải do một ý chí nào. Chính vì vậy mà Du Tử Lê làm thơ không quan tâm đến đối tượng sáng tạo, không cần biết họ hiểu được hay không hiểu, cảm được hay không cảm được.

Du Tử Lê làm thơ như Du Tử Lê thở, như Du Tử Lê cười, Du Tử Lê khóc, nói tóm lại, như Du Tử Lê sống. Trong cõi riêng của mình.

Vũ Thư Hiên

(Feb. 07. 2013)



NGUYỄN SA (1932-1998)

Cõi Thơ

Trí nhớ của tôi trong những ngày tháng này mơ hồ kinh khủng. Hồi đó, hồi dạy tâm lý học ở Saigon, tôi vẫn nói với những thanh niên nam nữ theo học, là có hai loại bệnh quên. Có những người quên những kỷ niệm gần, nhưng lại nhớ rất rõ ràng những kỷ niệm thật xa xưa. Những người lớn tuổi quên ngay những sự việc mới xảy ra ngày hôm qua, nhưng nhớ rõ từng chi tiết về những ngày thơ ấu. Loại người bị bệnh quên thứ nhì, ngược lại, hoài niệm bị xóa mờ, chỉ

nhớ những gì mới xảy ra. Với tôi, bệnh quên xảy ra có ngày. Không thể nói dứt khoát ngày nắng hay ngày mưa, cuối mùa thu hay đầu mùa hạ. Có năm ngày mưa thì trí nhớ tôi tốt, những ngày mùa xuân mùa hạ, trí nhớ tôi rất được, khi thu sang, trời lạnh, trí nhớ mơ hồ. Thời điểm này, trời nắng ấm, sao trí nhớ tôi cũng bỗng nhiên mơ hồ quá?

Tôi muốn tìm lại những hoài niệm về Hoàng Thụy Châu, tôi tìm hoài không được. Tôi nhớ Hoàng Thụy Châu nay là

Hoàng Duyệt Thảo, hồi đó là Huỳnh Laure Brigitte, hồi chưa lấy Du Tử Lê, tối nay tôi vẫn quen gọi là “cô Châu.” Tôi nhớ vậy đó, nhưng muốn tìm lại những hoài niệm hình ảnh, những hoài niệm của thị giác, muốn nhớ lại kiểu tóc Châu ngày đi học, màu áo của Châu ngày Châu và Lê tới tôi, sau lễ hôn nhân, tôi tìm hoài không được. Tôi sử dụng đủ thứ kỹ thuật gọi là kỹ thuật khêu gợi hoài niệm, từ những hoài niệm nổi lên tới hoài niệm chìm, từ những hoài niệm trong cùng một vùng thời gian tìm ra những hoài niệm muốn tìm thấy, từ những hoài niệm thính giác và khứu giác, rất mạnh nơi tôi, lẫn ra những hoài niệm thị giác và vị giác tôi yếu kém, vô ích. Hình ảnh Thụy Châu với Tay Trái, Tay Phải, hình ảnh tươi vui, rạng rỡ, hình ảnh Thụy Châu quay cuồng trong những buồn phiền, tưởng như những cơn điên, hình ảnh Thụy Châu ân cần, thân ái pha lẫn chút luyến nhớ xót xa một thời đã qua, những hình ảnh có cấp độ cao hơn làm thành những bức tường thành thật dày ngăn cản tuyệt đối tôi và



Nguyên Sa qua nét họa Nguyên Khai

Thụy Châu thời Huỳnh Laure Brigitte.

Hoài niệm về Du Tử Lê cũng là những kỷ niệm rời. Cách đây hai tháng, Nguyễn Mạnh Trinh gửi cho tôi một tờ Văn Học, trong đó có một bài về cuộc thi văn chương toàn quốc kỳ đó tôi có tham dự với tư cách giám khảo. Bài báo thật tuyệt vời, đánh thức dậy trong tôi những kỷ niệm mất hút, tưởng như vĩnh viễn tới mức không còn một nghi ngờ

nào về hiện hữu của những sự việc đó. Tôi nhớ chấm thời kỳ đó, có Vũ hoàng Chương chủ tịch, có Thanh Tâm Tuyền, đọc bài báo tôi mới nhớ lại được rõ ràng những kỷ niệm về chị Mộng Tuyết, anh Hà Thượng Nhân. Tôi nhớ chiếc Vespa của Du Tử Lê ở Saigon, bộ quân phục.

Tôi nhớ tôi có cảm nghĩ nhưng không nhớ rõ vào thời điểm nào, đúng thế, tôi nhớ tôi có cảm tưởng Du Tử Lê mặc quân phục trông rất có nét. Tôi nhớ chiếc áo lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ của Du Tử Lê bay lồng lộng trong gió trên đồi Trại Một của Pendleton. Lê đứng đó, trong đêm, trong sương mù, những ánh đèn của những ngọn pha xe nhà binh lại gần rồi chìm xuống, như những chiếc phao mất khuất trong biển đêm, Lê đứng đó với Nguyễn Thừa Dzu, Trần Tam Tiệp, Trương Trọng Trác, Nguyễn Sa. Tôi hoàn toàn không còn nhớ chúng tôi đã trò chuyện với nhau những gì những buổi chiều Pendleton, những buổi trưa, Du Tử Lê tới tôi ở Saigon, những ngày vui khai trương Tay Trái, những buổi tối Lê rất “Em Xi” ở

Lup. Lê giới thiệu Cao Đông Khánh ngâm “Trường Sa Hành,” giới thiệu Mai Thảo nói mấy lời mở đầu chương trình, giới thiệu Trần Duy Đức hát sáng tác mới nhất của Đức, giới thiệu Lê Uyên ca “Chiều Trên Phá Tám Giang.”

Tôi nhớ, thỉnh thoảng có đêm ngồi với Lê thật lâu, thật riêng ở đó, ở Lup, chúng tôi đã nói với nhau về thật nhiều chuyện, có cả những kỷ niệm về dĩ vãng, những buồn phiền về cuộc sống mười phần chẳng như, về những dự án tương lai. Nhưng dĩ vãng nào đã réo gọi, buồn phiền nào đã làm thành ngậm ngùi, tương lai nào thoáng hiện trong đáy cốc, tôi không thể nhớ được. Cũng may, thơ Du Tử Lê giúp tôi tìm lại được thật nhiều mất mát.

cảm ơn

cảm ơn Pendleton

đã cho ta những buổi sáng đầy

sương mù

như đôi mắt của người con gái yêu ta

còn ở Saigon...

Phải rồi, đôi mắt Thụy Châu có sương mù, có nụ cười ở tuốt phía sau

màn sương mù đó. Chỉ khi màn sương
mù đó được xé rách toang mới nhìn thấy
được hồn nhiên, ân cần, lưu luyến của
nụ cười tìm thấy.

cảm ơn

cảm ơn Pendleton

đã cho ta những chiếc quần áo

rộng như những chiếc bao bố

những chiếc áo đôi khi mặc vào

khỏi cần quần nữa

hay những chiếc quần đôi khi mặc vào

khỏi cần mặc áo

tuy nhiên

ta vẫn hân hoan và sủng sính đi lại

có sao đâu

bởi với ta bây giờ chẳng còn chi

quan trọng.

Phải rồi, áo lính Thủy Quân Lục
Chiến phát ở Pendleton rộng thật. Trước
Pendleton là đảo Guam, là trại Asan. Là
những chuyến xe bus quân đội đưa người
mới từ phi trường Guam về trại. Là chiếc
máy phát thanh để kể bên người quân
nhân Marine lái xe phóng lớn bản tin
Đại Tướng Dương Văn Minh đã hạ lệnh
cho toàn thể quân nhân buông súng.

Những tiếng động cơ, tiếng máy phát
thanh, tiếng khóc thút thít. Đến khi tiếng
động cơ đã bỏ đi, tiếng máy phát thanh
đã tắt hẳn, tiếng khóc tức tưởi không thể
giữ được trong cổ họng vẫn bật vỡ ra.
Trong nhà ăn. Dưới chiếc mền trùm kín
đầu trên nền xi măng. Dưới gốc dừa
trông ra biển, quay mặt về phía đông.

cảm ơn

cảm ơn Pendleton

đã cho ta những bữa cơm ngao ngán

.....

đã cho ta những buổi chiều rét ngọt

những buổi chiều ta thấy hồn ta trên

những đỉnh núi

vây quanh

và tưởng có thể nhìn xa bốn phía

mặc dù ta chẳng nhìn thấy chi

ngoài chính chiếc bóng ta

và nghe được tiếng giầy mòn

khua trên đường về chỗ nằm hiu quạnh.

Tôi nhớ cái rét đó. Du Tử Lê gọi là
rét ngọt. Tôi thấy kinh hoàng. Rét ở trên
núi, trong lều vải hở lung tung, chăn càng
đắp càng thấy nặng, không thấy ấm.
Nhưng “những đỉnh núi vây quanh” hồi

đó thì buồn thật. Nhìn ra, nhìn lên bốn bề chỉ thấy núi. Nhưng này Lê, bây giờ, sao cũng có những buổi chiều vẫn chỉ thấy hồn ta trên những đỉnh núi vây quanh, và tưởng có thể nhìn xa bốn phía, mặc dù ta chẳng nhìn thấy chi, ngoài chính chiếc bóng ta, và nghe được tiếng giầy mòn, khua trên đường về chỗ nằm hiu quạnh...

Hồi đó, những ngày tháng ở Paris với Đỗ Long Vân, với Hoàng Anh Tuấn, với Lê Trạch Lựu, Lê Trọng Việt, Trần Đình Hòa, Đỗ Hữu Khải, tôi nghĩ muốn hiểu được thấu đáo tác phẩm, nhất là tác phẩm của một nhà thơ, cần tìm hiểu thật kỹ lưỡng cuộc đời tác giả. Những dấu mốc ngày tháng, những biến đổi của sự sống là hải đăng chiếu xuống biển tác phẩm. Cả bọn ngồi ở Flores, ở Aux Deux Magots, ở Julien, ở thư viện Saint Genevière đi thẳng vào những ngày tháng kháng chiến của Paul Eluard để hiểu thật rõ Liberté, đi suốt tới những vùng trời mưa gió ở Brest cùng với Barbara của Prevert, đến tận ngôi mộ Vercos để lắng nghe “Niềm Im Lặng Của Biển Cả.”

Bây giờ thì tôi thấy sự việc không

đơn giản như thế. Cũng có thể cuộc đời soi sáng cho tác phẩm, nhưng có thể chính tác phẩm mới cho thấy cuộc đời. Nhất là khi trí nhớ bỏ đi, cuộc đời đã bắt đầu bỏ đi, cuộc khởi hành lớn đã mở hồ phía trước.

*ngủ đi. Ngủ với biển trời
ngủ mười năm nữa hay ngồi dậy chơi
ngủ đi. Ngủ chờ ngậm ngùi
trái tim ta nát ba đời bởi em
ngủ đi. Tóc rụng chân thềm
tháng năm quên lãng. Buông rèm lìa xa
ngủ đi. Ta đã mù lòa
không trông thấy ảnh. Không sờ thấy
đau*

*không cha mẹ. Không cửa nhà
Không con. Không vợ. Không chờ.
Không mong*

*ngủ đi. Ủ giữ trong lòng
tuổi tên ta đã một lần ở em
nhận giùm ta lậy cuối cùng
trước khi khăn gói về sông nước người.*

Bài thơ có tên là “Chuyết kinh thi”. Tôi không hiểu thật rõ cái tựa này. Nhưng tôi biết bài lục bát tới, một lục bát không Nguyễn Du, không Nguyễn Bính, không

Huy Cận. Thế hệ chúng tôi đến với lục bát với câu hỏi lớn “làm sao khác với Nguyễn Du, làm sao khác với Nguyễn Bính, làm sao khác với Huy Cận?”

Lục bát Du Tử Lê, như “*Chuyết Kinh Thi*”, Như “*Đêm, Nhớ Trăng Saigon*,” Như “*Cõi Tôi*,” như những bài lục bát ở Úc Châu làm thành một lục bát khác. Một lục bát Du Tử Lê. Một lục bát khác Huy Cận. Một lục bát vượt Huy Cận. Vượt không có nghĩa là hơn. Thơ không có so sánh. Không có hơn kém. Vượt là khác. Là đẩy thơ đi tới. Là làm thơ thành thơ. Chuyết Kinh Thi cũng như hàng chục bài U, những bài Bồ Tát, những Lãm Ca, những tôn thờ Thánh Nữ cho tôi thấy rõ hơn năm năm ở Lup, những ngày tháng với Lê Uyên. Đúng thế, chính thơ đó cho tôi thấy rõ hơn cuộc đời người bạn, những chuyến đi qua sa mạc, những ngày tan tác trở về, những đêm dần vật, những tháng khắc khoải, những trời diên mê.

Thơ cho tôi gặp cả những người bạn của bạn tôi. Những Bành Nho, những Đào Quý Châu, Những Từ Công Phụng,

những Kiểm, những Tư Cốc, những Minh Dê, Hồng Trố.

Thơ đưa tôi tới Melbourne, tới Thúy, đêm nghe tây ban cầm với Quỳnh. Năm chữ đầy ắp Thụy Châu. Lục bát có Saigon. Bảy chữ đưa tôi tới Khánh Trường, tới Vũ Huy Quang. Lục bát, bảy chữ, tám chữ, năm chữ tuyệt vời đưa tới tôi đủ thứ. Tối dĩ vãng Lê. Tối núi non. Tối biển khơi. Tối sa mạc. Tối cơn diên không dứt, tối dần vật khôn cùng. Tối cả những kỷ niệm chưa gặp, những tương lai mà sao nằm trong ký ức. Tôi thấy cả tôi:

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
đời lưu vong không cả một ngôi mộ
vùi đất lạ thịt xương e khó rã
hồn không đi sao trở lại quê nhà...*

Tôi sống sót nhìn lại. Tôi ngạc nhiên hơn là ngạc nhiên. Tôi nhận ra Du Tử Lê là nhà thơ tôi có cơ may gặp gỡ nhiều nhất. Có những năm tôi gặp gỡ Vũ Hoàng Chương nhiều. Thời Hiện Đại gặp Đinh Hùng, Thái Thủy, Thanh Nam gần như mỗi ngày. Những ngày tháng báo Sống trang nhất của hoài niệm là tám cột Trần

Dạ Từ. Có bằng hữu tôi có cơ may gặp gỡ thời những ngày tháng thập niên năm mươi lúc ở Pháp mới về. Có bằng hữu thật gần gũi những ngày chiến tranh rục rủa. Nguyễn Quốc Thái, Diễm Châu. Sau đó, xa cách. Tổ quốc trôi xa. Tuấn và Vân, thời tuổi trẻ. Nhưng Du Tử Lê thì tôi có cơ may gặp hơn một thời kỳ. Những năm năm mươi, nhà thơ còn đi dạy học, mới bước vào cuộc đời văn nghệ, bị đánh đắm tới bờ, Du Tử Lê đã tìm đến tôi. Những năm sáu mươi và bảy mươi, ngôi nhà ở đường Phan Thanh Giản thường hằng là nơi chúng tôi gặp nhau. Du Tử Lê là nhà xuất bản in thơ Nguyên Sa.

Trại Pendleton đầu kiếp lưu vong chúng tôi đứng bên nhau. Tôi ngạc nhiên nhận ra chúng tôi gặp nhau lâu ghê, gặp nhau thật nhiều. Tôi càng ngạc nhiên, thích thú, người bạn thơ tôi có cơ may gặp gỡ nhiều vẫn tiếp tục làm thơ, vẫn cùng tôi rời bỏ tất cả. Trừ thơ.

Thơ Lê dài hơi. Đa diện. Lục bát ra lục bát. Tám chữ ra tám chữ. Thất ngôn chất ngất những cơn say, những cơn điên, những bài hành. Năm chữ từ “Kẻ Từ

Phương Đông Qua,” có chuyện kể đúng phong vị năm chữ. Tôi thích lắm những tám chữ dài và những tám chữ ngắn của Du Tử Lê. Dài như “*Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển*”. Như “*Bài Nắng Mưa Thứ Nhất*”. Ngắn như loạt đoản thi “*Tam Thập Nhất*,” bốn câu, ba câu tám chữ, một câu bảy, tám chữ đoản thi “*Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu.*”

Như “*Ngựa Đã Tan Đàn*”:
*này trí nhớ đậu trên cành ký ức
 tháng sáu về yên lặng bước chân quên
 tình yêu cũng đậu trên cành gian dối
 ở trong tôi, ôi ngựa đã tan đàn...*

Như “*Thơ Ở Đào Quý Châu*”:
*không ai chết hai lần tôi cũng thế
 riêng mỗi sâu cư ngụ tới muôn năm
 đời vốn ngắn dù bàn tay sáu ngón
 tôi sống thừa từng phút héo ăn năn.*

Như “*Còn Ai Nhìn Tôi Nhỏ Máu Trong Thơ*”:
*ôi chữ nghĩa trở về như khách lạ
 vàng trắng xưa không có ngọn cờ
 ngày em bỏ tôi, vào cõi khác*

lấy ai nhìn tôi nhỏ máu trong thơ!

Như “Đáy Khuya”:

*tôi trở lại đáy khuya ngồi với bóng
những chiếc bàn trật khắc nổi cô đơn
em nên biết cuộc đời tôi đã hết
có thương nhau lo hộ nhúm xương tàn.*

Như “Thơ Ở Saigon”:

*sông núi cũ rủ tôi về với đất
bốn mươi năm ngơ ngác làm người
trên thân xác đã mọc đầy móng vuốt
thì có gì sai đúng với ai đây?*

Đúng thế. Có gì sai đúng với ai đây?
Du Tử Lê đã tìm ra nó. Đã tìm ra nó ở bên
ngoài những phán xét của nhân gian, bên
ngoài luân lý, vô luân lý và cả phi luân lý.
Đã tìm ra nó. Sự sống. Cũng như anh đã
tìm ra trái tim cho thơ. Cho lục bát, cho
bảy chữ, cho năm chữ, cho tám chữ. Thơ
vượt băng lên. Vượt qua bình nguyên mô
tả. Vút qua ngọn đồi so sánh. Trên những
ngọn tạo hình. Vút luôn lên tới đó, tới
chỗ chót vót nơi chữ không còn là chữ,
không còn là dấu chỉ, chữ trở thành bấp

thập, thành hơi thở, thành tuần hoàn, thành
hô hấp, thành cuộc đời, thành sự vật. Nơi
đó, những chiếc bàn trật khắc nổi cô đơn,
bàn không phải là bàn, trật khắc không
phải là trật khắc. Mỗi chữ phóng ra không
còn là những con đường đưa tới ngoại
giới mà trở thành thế giới.

Du Tử Lê bằng những cố công,
những kiên nhẫn, những chịu đựng,
những thao thức, những dằn vặt suốt một
đời người, đã tìm ra con đường kỳ lạ đó
của thơ. Con đường đưa tới Cõi Thơ. Cõi
Thơ, chỗ tới thần thánh của thơ ngàn đời.
Cõi Thơ, chỗ không dễ gì ai tới, không dễ
gì ai thấy.

Nguyễn S. (*)

*(Trích “Du Tử Lê, Tác giả và Tác phẩm,” tập I,
Tạp chí Đời xuất bản, 1992, California, USA.)*

(*) Theo bản gốc, khi ra khỏi bài viết, tác giả
không ký “Nguyễn Sa,” mà ký “Nguyễn S.”
Sắp chữ lại, chúng tôi tôn trọng.

Thơ Du Tử Lê và Tôi (*)

Mùa thu năm 1971, sau khi thi đậu tú tài toàn phần, tôi nộp đơn xin đi du học Hoa Kỳ. Để chuẩn bị cho kỳ khảo sát Anh văn, tôi theo học tại một trường sinh ngữ dành cho các nhân viên sở Mỹ, nhờ quen biết với người điều hành trường. Ngôi trường nằm ở cuối một con đường cây cao bóng mát gần trung tâm thành phố Sài Gòn.

Vị phụ trách giảng dạy môn đàm thoại cho lớp là một cô giáo chỉ hơn tôi hai tuổi và là sinh viên năm thứ ba tại

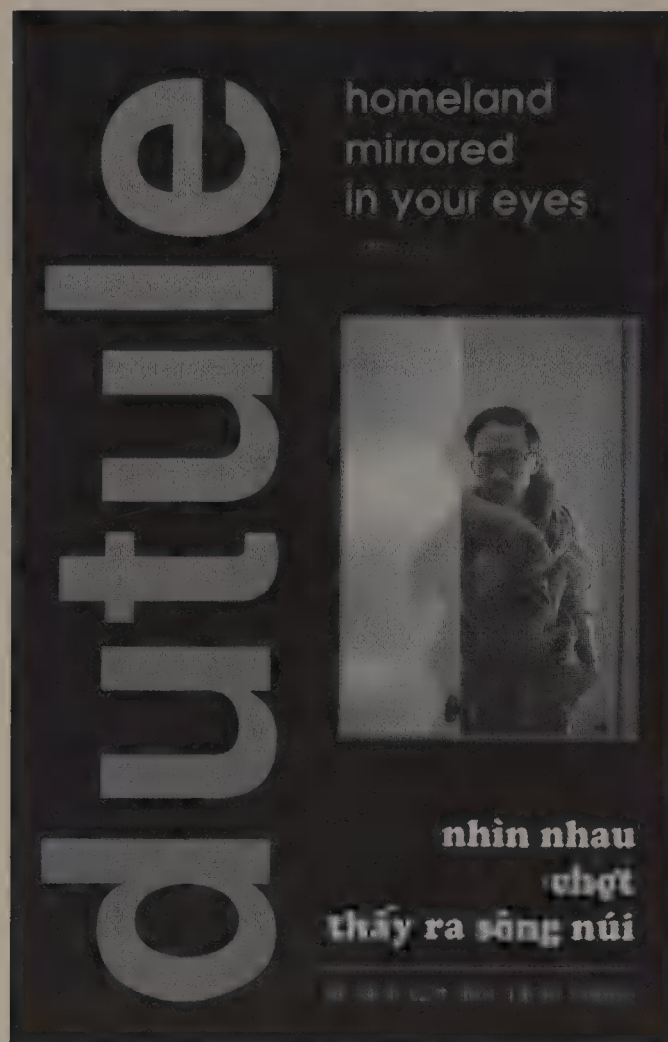
đại học Văn Khoa. Tuy kém tuổi cô, nhưng tôi có vẻ sớm cần cỗi nên dần dần chúng tôi khá tâm đầu ý hợp trong các câu chuyện chẳng liên hệ chút nào với bài vở (có lần cô bảo tôi là một trái cây chín... dú).

Đến trường độ hai tháng, tôi khám phá một điều là ngôi gần cô trong một quán cà phê thú vị bội phần hơn ngôi với cô trong lớp học. Cô dáng người nhỏ nhắn, mái tóc đen mượt, thướt tha buông dài đến ngang lưng; và đôi mắt, chao ời,

đôi mắt cô thật to, thật trong, và thật đẹp. Cô có một nét nhìn vừa hồn nhiên, ngây thơ, lại vừa dịu dàng, đầm thắm. Khi quen thân nhau, có lần tôi bảo cô đôi mắt ấy mà đặt trên bục giảng của lớp học là một điều nghịch lý, và trái hẳn với ý muốn của thượng đế.

Thời gian trôi dần qua, ba lần mỗi tuần, tôi đến trường nghe cô giảng, và sau giờ học, chở cô trên chiếc yamaha cà tàng của tôi để đến một trong những quán cà phê quen thuộc, Hân, Chiêu, Pasteur, Thu Hương, hoặc Hầm Gió. Thật ra thì quán nào cũng được, nơi chốn không cần thiết, bởi tôi chỉ cần một mái tóc, một ánh mắt, một môi cười. Đó là nói theo kiểu các nhà văn nhà thơ, chứ nói một cách dân dã thì trong những ngày tháng ấy, tôi cần cô giáo của tôi. Chúng tôi ngồi bên nhau, huyền thoại đủ thứ chuyện trong đôi tiếng đồng hồ, rồi tôi đưa cô trở lại trường để lấy chiếc xe cô gửi.

Thỉnh thoảng, thay vì đến quán, chúng tôi rủ nhau vào một rạp xinê. Cô thường bắt tôi để cô trả tiền. Có lần, đi ăn tối với cô ở tiệm Hoàng Gia trên



đường Tự Do, tôi nhất định dành trả tiền đến độ cô phát cáu. Cô nói thẳng: “mình làm sở Mỹ, lương khá lắm, đừng có dành!” Sau này nghĩ lại, tôi đoán là lúc ấy, thể nào trong bụng cô cũng cười thầm mà mắng: “thôi, đừng sĩ diện hão nữa, tiền xin của bố mẹ để mà dùng vào việc khác”. Cô vốn tế nhị.

Tối 30 tết năm 1972, tôi ghé thăm

cô. Nhà cô ở trong một cư xá nhỏ khá khang trang và có vườn hoa nhỏ, được bao quanh bằng lớp tường gạch quét vôi trắng cao chỉ gần đến vai cô. Cô ở chung với bà mẹ già góa bụa. Các anh chị cô đã lập gia đình và ra ở riêng. Cô là con út.

Tôi bấm chuông, cô ra mở cổng, tôi cười cười kiểu nửa đùa nửa thật và hát khê vào tai cô: “em đến thăm cô đêm ba mươi, còn đêm nào vui bằng đêm ba mươi, em nói với người phu quét đường, xin chiếc lá vàng...”[1]. Cô cười khanh khách giơ tay bịt miệng tôi bảo “đủ rồi, đủ rồi”. Tôi thoáng thấy mặt cô hơi ửng đỏ.

Tôi bước vào phòng khách, cúi đầu chào mẹ cô. Bà hỏi chuyện tôi đôi câu rồi ý tứ bước vào nhà trong. Tôi đã gặp bà vài lần. Bà vẫn ngỡ tôi là bạn cùng lớp ở Văn Khoa với cô, như lời cô giới thiệu trong buổi tôi đến thăm cô lần đầu cách đó mấy tháng.

Chúng tôi ngồi bên nhau trong căn phòng vắng. Gần giao thừa, tôi đứng dậy già từ.

Ra đến sân, cô bảo: “gượng đã, còn

sớm mà”. Tôi đứng lại bên cô. Trời sắp tết, thỉnh thoảng có tiếng pháo từ xa văng lại. Năm ấy, cường độ cuộc chiến lên đến mức khốc liệt, tuy chính quyền cấm đốt pháo nhưng vẫn có những kẻ yêu phong tục đến độ bất chấp luật lệ.

Trong màn đêm im ắng của đất trời, tôi như nghe tiếng động của cả một cõi không gian đang từ từ dần nở và tỏa nhẹ ra một thứ hương thơm dịu dàng của giây phút giao mùa. Đột nhiên, tôi biết tôi lầm, đó chính là hương thơm phảng phất từ mái tóc cô tha thướt.

Trong khoảnh khắc, không kềm chế được, tôi ôm cô vào lòng. Cô không đẩy tôi ra. Tôi nghe được tiếng tim cô đang đập dồn dập, dồn dập, như tiếng tim tôi. Đó là lần đầu tiên trong đời, tôi ôm một người con gái. Tình yêu của chúng tôi vốn trong sạch.

Giao thừa đã điểm, những tiếng pháo, và có lẽ cả những tiếng súng, nổ liên tục hơn. Xa xa, từng trái hỏa châu được phóng lên, hắt một mảng sáng lập loè trên nền trời đêm.

Chúng tôi đứng im lặng bên nhau

THƠ DU TỬ LÊ VÀ TÔI

ngay sát bờ tường rào. Cả hai cùng lộ vẻ xúc động. Cô vắt mái tóc dài qua một bên vai, thả suối tóc phủ lên một bờ ngực. Tựa một cánh tay lên gờ tường, cô nhìn tôi đắm đắm. Tôi như bị cuốn hút vào đôi mắt trong sáng, lung linh sắc màu thơ ngây ấy.

Bất chợt, cô cất tiếng khe khẽ hát. Tiếng cô nhẹ như làn gió thoảng:

*ta như sương cao mà người như hoa sâu
ta đối gian nhau nên nát nụ hôn đầu
tình đi từng bước trên đầu gió
gieo xuống lòng nhau hạt thương đau
người một phương ta cũng một phương
phố cao ngày thấp nắng mưa trùng
mắt sâu để nhốt trời giông tố
ta là hồn cầm cho bão lên
người ở đây, ta cũng ở đây
lòng không như mặt, lòng lệ đầy
chân đi theo gió, sầu ba hướng
tay với một trời, trời mưa bay
người đã vì ta tan ước mơ
phấn son chưa ngát thịt da ngà
môi non đã lỡ tình đau đớn
mộng vừa theo trời hoa phượng xưa
người chôn đời mà ta đắng cay*



*cây im lá ngọn, khói sương bầy
chim treo mỏ, cóng trơ xương mục
sống đã chẳng cùng, chết sao hay?
người ở đâu, ôi người ở đâu?
cỏ xanh áp má những đêm buồn
để giun còn tiếc mùa ân ái
từng phiến trời mang bao vết thương*

Hát xong, cô thì thầm bảo tôi: “Bài Tình Sầu, thơ Du Tử Lê đấy, Bảo thích không?” Tôi gật đầu [2].

“Đọc thơ ông ấy, tâm hồn mình cứ như là phảng phất một chút hương thơm”, cô tiếp lời, giọng vẫn thì thầm. Tôi lại gật đầu.

Thơ anh Lê đến với tôi (hay tôi đến với thơ anh Lê?) ngay từ lúc ấy.

Tháng bảy cùng năm, hựt chuyển du học Hoa Kỳ, tôi bị gọi nhập ngũ và khăn gói vào trường Sĩ Quan Thủ Đức. Dần dần, chúng tôi xa nhau. Tuổi học trò, vòng ôm còn quá lỏng.

Xa cô, tôi có những người bạn gái mới. Tuy vậy, thỉnh thoảng đôi mắt cô và những vần thơ của anh Lê vẫn đi đi về về trong ký ức tôi. Có khi thơ anh Lê dẫn đôi mắt của cô đến. Cũng có lúc đôi mắt cô đưa thơ anh Lê về. Dù cách nào đi nữa, ở trong tôi, mắt và thơ, cũng luôn luôn xuất hiện có đôi, có cặp. Mỗi lần như thế, lòng tôi lại rung lên những âm ba, gợn gợn một nỗi buồn dịu dàng, một nỗi buồn tuy mỏng mà rộng.

Chiến tranh Việt Nam chấm dứt, tôi

sang tị nạn tại Hoa Kỳ năm 1975 và định cư tại Houston.

Năm sau, tôi gặp nhà tôi và cuối năm 1980, chúng tôi làm lễ cưới. Thuở ấy, nhà tôi được những người đương thời tôn là một trong số ít ỏi giai nhân của thành phố.

Trong bao năm qua, nhà tôi được mọi người chung quanh quý mến vì tính tình. Tôi kể điều này với các bạn để nói lên sự may mắn của tôi. Chúng tôi hạnh phúc đến độ giả tử được làm lại cuộc đời từ thuở hai mươi năm về trước, tôi vẫn sẽ thương nhà tôi, cầu hôn nhà tôi, và dĩ nhiên, hạnh phúc với nhà tôi.

Tháng 12 năm 1995, trong dịp một số thân hữu tổ chức kỷ niệm 15 năm thành hôn cho chúng tôi, tôi đã bước lên sân khấu lấy vài câu Kiều tặng người bạn đời:

*trăng thề còn đó tro tro
mười lăm năm ấy bây giờ là đây
tháng tròn như gửi cung mây
càng yêu vì nét, càng say vì tình*

Thương nhau đến thế, hạnh phúc

đến thế mà hồi ơi, đôi mắt của thời xa xưa ấy đôi lúc vẫn thản nhiên trở về trong trí tôi. Nó đến không báo trước mà cũng chẳng thềm gõ cửa, cứ xông xộc tự tiện bước vào nhà, ở chơi chán chê rồi mới ra đi. Cấm, nó vẫn đến; đuổi, nó vẫn ở. Tôi quả thật bất lực. Hình như có ông triết gia danh tiếng nào đó đã khuyên là nếu không thể ngăn ngừa được một tình trạng, hãy cố thích ứng và tìm... hạnh phúc với chính tình trạng ấy. Than ôi, tôi còn biết làm gì khác?

Vâng đôi mắt ấy vẫn đến vẫn đi. Nó kiêu hãnh vì hơn đôi mắt nhà tôi ở một điểm: nó không có tuổi già, luôn luôn lung linh một màu trong sáng và thơ ngây như hăm sáu năm về trước.

Là người hiểu biết, nhà tôi vui vẻ chấp nhận sự thua thiệt này. Tuy vậy, có lần nhà tôi đùa, bảo: “em phải điều tra xem cô giáo đang ở đâu để thuê người đến chụp lén cô ấy một bức chân dung của ngày hôm nay; một bức chân dung thật cận ảnh, cận sát ngay đôi mắt - tha hồ mà xem!”

Tôi cũng đùa, trả lời: “ác!”

Hôm nay, tôi chợt lẩn thần nghĩ rằng tôi vốn có duyên với thơ anh Lê, nên trước sau gì tôi cũng gặp gỡ và yêu quý thơ anh. Tuy nhiên, nhờ gặp thơ anh ở buổi đêm giao thừa năm ấy, tôi được lợi một đôi mắt. Một đôi mắt của riêng tôi, một đôi mắt đẹp mãi mãi, và trẻ mãi mãi.

Đẹp mãi mãi, và trẻ mãi mãi, như những vần thơ Du Tử Lê. Trên cuộc đời, có những thứ vượt được thời gian. Những thứ ấy, chẳng bao giờ có tuổi. Những thứ ấy, làm đẹp cuộc đời.

Nguyễn Ngọc Bảo,
(Houston)

Chú Thích:

(*) Tựa bài do Ban Biên Tập đặt.

[1] “Anh Đến Thăm Em Đêm Ba Mươi”, thơ Nguyễn Đình Toàn, Vũ Thành An phổ nhạc. Bốn câu đầu: anh đến thăm em đêm ba mươi, còn đêm nào vui bằng đêm ba mươi, anh nói với người phu quét đường, xin chiếc lá vàng làm bằng chứng yêu em.

[2] “Tình Sầu Du Tử Lê”, thơ Du Tử Lê, Phạm Duy phổ nhạc, 1969. Bài nhạc có vài chữ khác với nguyên bản trong thơ để thích ứng với âm điệu của nhạc.



CỔ NGỰ

Khúc Ca Riêng Của Chàng, Biển Tấu 3

“Yêu Dấu,
“Đường như mỗi ngày, nỗi biệt
ly, lòng nhớ thương lại mang
đến cho tôi một khuôn mặt khác.

Biệt ly và lòng nhớ thương, như khí
hậu, như thời tiết.

“Những tháng ngày xa nhau, không
chỉ cho tôi khí hậu bốn mùa, vòng quay
trái đất. Những giờ phút mất nhau, không
chỉ cho tôi điều hiu hắt gió, mà, Yêu
Dấu, dường như biệt ly và, nhớ thương,
còn cho tôi một thứ khí hậu, một loại

thời tiết chưa từng; và, sẽ không hề có,
nơi hành tinh này.

“Yêu Dấu,

Tôi muốn gọi đó là nhan sắc lầm than
của vầng trăng tình yêu, cửa khác...”

Đĩa nhạc “K. Khúc Của Lê 3” đã
mở đầu bằng một lời dẫn như thế. Lần
lượt, “Yêu Dấu” sẽ có dịp song hành
cùng những “con ve sầu mùa hè”, “cánh
bướm cổ tích”, “con ngài tội nghiệp
không ngày mai”, “con bò nhai lại quá
khứ”, “con chim vỗ ngực không thấy



Nhà văn Cổ Ngư và Du Tử Lê.

được tim mình"... để đưa người nghe đến với từng ca khúc, như, hơn ba mươi năm trước, "bầy sẻ cũ hom hem" và "con đế buồn, tự tử giữa đêm sương" đã được âm nhạc Từ Công Phụng dẫn dắt từ cõi thơ Du Tử Lê đến với người thưởng ngoạn.

Liên tiếp trong ba năm 2000, 2001,

2002, hai mươi chín ca khúc, trích từ hơn ba trăm ca khúc phổ thơ Du Tử Lê đã lần lượt được giới thiệu trong các đĩa nhạc "K. Khúc Của Lê" 1, 2 & 3. "Khúc Ca Riêng Của Chàng", như thế, đã có nhiều người cùng góp tiếng hát, để, từ chốn riêng của Lê, đem trải rộng ra cả cõi nhân gian (ở chỗ có thể cảm thông)

này. Vậy trong “K. Khúc Cửa Lê 3”, niềm riêng nào đã được thi sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ gửi đến chúng ta? Có phải đó là trăng, nhưng không còn là vầng trăng tình yêu, mà chỉ là mảnh trăng xứ lạ, nhẩn nại dõi theo chiếc bóng đơn của nhà thơ đang đặng suốt ba năm trời, để một đêm vớ oà, đổ dài trên dòng lục bát:

*Đêm về, theo bánh xe lăn,
Tôi-trăng viễn xứ, hồn thanh niên
vàng,
Tìm tôi, đèn thấp hai hàng,
Lạc nhau cuối phố, sương quàng cổ
cây...*

Có phải đó là “mưa Thị Nghè”, “nắng Trương Minh Giảng”, là nỗi nhớ về một không gian xa, xưa, đã được nhạc sĩ Phạm Đình Chương đẩy đến những nốt cao buốt xoáy với “nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường”? Ca khúc “Đêm, Nhớ Trăng Sài Gòn”, sáng tác năm 1983, có thể xem là ca khúc được phổ biến rộng rãi nhất kể từ sau năm 1975 của nhạc sĩ Phạm Đình Chương. Các tiếng hát Thái Thanh, Lệ Thu, Ý Lan, Vũ Khanh, Phạm Thành, Lê Hồng

Quang..., và ở đây, tiếng tơ vàng Quỳnh Giao, đã ghi khắc những hình ảnh “tôi-xa lộ”, “nhà-Hàng Xanh”, “nghĩa trang-quê hương bạn bè”... đậm dấu trong lòng người thưởng thức.

Dường như, giữa thơ Du Tử Lê và nhạc Phạm Đình Chương đã có một gắn bó định mệnh. Bản nhạc cuối cùng nhạc sĩ Phạm Đình Chương để lại cho đời, “Quê Hương Là Người Đó”, phổ từ một bài thơ cùng tên của Du Tử Lê, và bản nhạc đầu tiên ông sáng tác sau khi định cư ở Hoa Kỳ, năm 1982, có tên “Khi Tôi Chết, Hãy Đem Tôi Ra Biển”, cũng phổ từ một bài thơ cùng tên của thi sĩ họ Lê, viết trước đó bốn năm. Nhạc điệu chậm buồn, đều đặn tuôn chảy theo những câu thơ tám chữ, tựa một tiếng thở dài não nuột:

*Khi tôi chết, hãy đem tôi ra biển,
Đời lưu vong không cả một ngôi mồ,
Vùi đất lạ, thịt xương không tan
biến,
Hồn không đi, sao trở lại quê nhà?
Quê-nhà ở đâu? Bên kia biển, bên
kia trời là quê hương tôi đó! Người làm*

thơ, người đặt nhạc, trong những ngày đầu ngơ ngác nơi xứ lạ, có chung một niềm đau, một nỗi nhớ. Và biển, biên giới mênh mông, cắt đứt đường bay của chim, cũng là lối thoát, để hồn theo xác lênh đênh tìm về đất mẹ. Trong đĩa nhạc “K. Khúc Của Lê 3”, tiếng hát ray rứt, đôi chỗ nghẹn ngào của Anh Khoa ở đoạn chuyển nhạc cuối bài như tan nhòa vào tiếng sóng, lịm tắt trong lòng biển thẳm:

*Khi tôi chết, nỗi buồn kia cũng hết,
Đời lưu vong tận tuyệt với hồn tôi...*

Ở “Người Về Như Bụi”, phổ từ “Một Bài Thơ Nhỏ”, là tâm cảnh khác, giữa một thời gian khác. Sáng tác tại Sài Gòn, bài thơ được đăng trên báo Văn năm 1967, được nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo phổ nhạc năm 1969, nhưng mãi mười lăm năm sau mới được thu âm tại Hoa Kỳ và được giới thiệu trong album “Tịnh Tâm Khúc”. Cùng với các tiếng hát Hải Lý, Khánh Ly, Thái Hiền, Mai Hương trong album này, trên nền nhạc khúc khi chậm rên lúc thánh thót, giọng nữ cao trong suốt của Kim Tước đã phác họa lại một chân dung, Huyền Châu, mà

trước đó đã thấp thoáng ẩn hiện trong “Trên Ngọn Tình Sầu”:

*Người về, sương động chập chùng,
Tả tôi phấn hương,
Người về trong gương
Thấy mình mất tích,
Người về, tang thương...*

Cũng tại Sài Gòn, để đánh dấu một mối tình, hai bài thơ “Như Xa Miền Yên Vui” và “Khi Tưởng Tới Người Vắng Mặt” lần lượt được nhà thơ Du Tử Lê sáng tác trong hai năm 1972, 1973 và được hai nhạc sĩ Phạm Duy, Trần Duy Đức phổ nhạc ngay khi ấy. Sau đó ít lâu, “Như Xa Miền Yên Vui” được Duy Quang thu âm vào băng nhựa, như đã từng thu âm hai tình khúc “Kiếp Sau, Xin Giữ Lại Đời Cho Nhau” và “Tình Sầu” (đều cùng thơ Du Tử Lê, nhạc Phạm Duy). Nhạc phẩm “Khi Tưởng Tới Người Vắng Mặt” không được cái may mắn đó. Hơn mười năm sau khi ra đời, 1985, lần đầu tiên bài hát được thu âm qua tiếng hát Hải Lý trong băng nhựa cùng tên, do nhà thơ Nguyễn Sa phát hành. Bốn năm sau, 1989, đến lượt

Khánh Ly. Với đĩa nhạc “K. Khúc Của Lê 3”, những rung động từ hai ca khúc trên, qua các giọng nam trung trữ tình đầu thế kỷ hai mươi mốt của Đinh Ngọc và Trần Thái Hòa, vẫn giữ nguyên vẻ tươi mới. Hãy nghe Đinh Ngọc nhắc:

Hồi Nhỏ rất buồn, buồn như con sông,

Buồn như chiếc lá những đêm mưa sâu,

*Buồn như cái kiến, buồn như bướm,
Bướm ồm ồm, và Nhỏ cũng ồm ồm...*

Hãy nghe Trần Thái Hòa than thở:

Rồi em bỏ tôi đi

*Trong một buổi sáng Sài Gòn đầy lá
Hay em bỏ tôi đi*

*Trong một buổi chiều nắng ăn lấm
đốm da em...*

Để nhớ về một mối tình thơ dại, một khuôn dáng thân yêu giữa phố xá Sài Gòn, ngày ấy, hay có khi, quá khứ, chỉ là mối hôm qua...

Từ ca khúc “Khi Tưởng Tối Người Vắng Mặt”, tình bạn bền đậm của người thơ và người nhạc đã tìm được khởi điểm để đâm rễ, nảy chồi, kết quả. Giữa những

hoa trái tươi đẹp của cây đời ấy, phải kể đến đĩa nhạc “Em Hiểu Vì Đâu Chim Gọi Nhau” (1989) gồm mười ca khúc Trần Duy Đức phổ từ thơ Du Tử Lê và được trình bày qua các giọng hát nổi tiếng: Khánh Ly, Lệ Thu, Lê Uyên, Anh Ngọc, Tuấn Ngọc, cùng với phần hòa âm của nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng. Ngoài ca khúc “Khi Tưởng Tối Người Vắng Mặt” đã nói đến, “K. Khúc Của Lê 3” cũng giới thiệu lại hai nhạc phẩm “Em Hiểu Vì Đâu Chim Gọi Nhau” và “Nhớ Lại Trong Đêm Nay” trong đĩa nhạc đầu tay này của nhạc sĩ Trần Duy Đức.

Trong bài thơ “Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu”, khi nhắc về một cuộc tình nhiều trắc trở, lăm dị nghị, Du Tử Lê đã viết:

Ở chỗ nhân gian không thể hiểu,

Em còn nắng gió tới mai sau?

Thấy nhau mà lệ không sao chảy,

*Riêng máu còn sôi phút ghen
ngào...*

Khi soạn thành tình khúc “Em Hiểu Vì Đâu Chim Gọi Nhau”, nhạc sĩ Trần Duy Đức đã để giọng ca tráng kiện của

Anh Ngọc thay lời nhà thơ, cất tiếng khẳng định ở phần kết:

*Ở chỗ nhân gian không thể hiểu
Tôi với Người chung một trái tim.*

“Nhớ Lại Trong Đêm Nay”, 1979, là một trong những bài thơ đầu tiên của Du Tử Lê viết trên xứ người, sau này được in lại trong tập “Thơ Tình / Love Poems” (1985). Nhịp luân vũ trong ca khúc cùng tên đã hôn phối trọn vẹn với bài thơ năm chữ đoạn vui đoạn buồn của dòng phim hồi ức:

*Nhớ lại trong đêm nay
Từ ngôi trường thơ ấu
Nhớ mặt từng ông thầy
Nhớ chỗ ngồi cuối lớp...
Nhớ lại trong đêm nay
Nửa đời qua thoáng chốc
Bạn bè như lá cây
Rụng giữa mùa rất biếc...*

Đong đưa theo nhịp $\frac{3}{4}$, ở cuối bài, chất giọng khàn nhưng chắc nịch của Lê Uyên vút dướn cao, mãnh liệt đầy cảm xúc:

*Nhớ lại trong đêm nay
Cả trăm điều muốn khóc,
Còn ta trong Việt Nam,*

Tiếc gì dòng máu cuối...

Lại cũng là một lời khẳng định: dù sống chết tha phương ở đâu đi chăng nữa, thì trong tâm, thân, quê hương, nguồn cội vẫn mãi mãi còn đó, Việt Nam.

Bài hát thứ tư và thứ chín trong đĩa nhạc “K. Khúc Của Lê 3” là hai tình khúc tương phản. Nếu xem “Thu Hồng” như một ngày nắng hanh lành đấng thì phải gọi “Hạt Mưa Bay Cuối Đời” là một đêm mưa giông nặng hạt, hai mặt sấp-ngửa, trắng-đen của cùng một thứ cảm xúc: tình yêu đôi lứa.

Dựa theo ý thơ “Bài Thu Hồng Tháng Tám”, nhạc sĩ Phan Nguyên Anh đã dùng nhịp luân vũ chậm, boston, nhịp điệu của những tình nhân, để phổ thành ca khúc “Thu Hồng”, và tiếng hát nũng nịu, trong sáng trẻ thơ của Diễm Liên đã thả từng sợi tơ nhạc vào giữa trời thu bát ngát:

*Và tháng Tám, dòng sông về rất lạ,
Mùa Thu-tôi, em thả tóc đi qua,
Rụng xuống mái để lòng tôi u buồn,
Chiều quê người, từng phiến lá thiết
tha...*

Ở “Thu Hồng” là những câu nhạc mênh mang, với các nốt cuối câu nín dài, mở rộng. Ở “Hạt Mưa Bay Cuối Đời”, ngược lại, là từng ngắt đoạn ba chữ, với hai nốt nối tiếp cùng cao độ, tạo khắc khoải, hoang mang, thống hối. Trích từ đĩa nhạc “Dù Nghìn Năm Qua Đi” (2000) gồm mười tình khúc Đặng Khánh, tiếng hát Tuấn Ngọc và hòa âm Duy Cường, ca khúc đầy kịch tính “Hạt Mưa Bay Cuối Đời” kết hợp thành công nhạc điệu, âm thanh và tiếng hát để kể cho người nghe về một mối tình tuyệt vời nhưng tuyệt vọng:

Này em ơi! Người yêu ơi!

Từ trong tôi, thịt da tôi,

Hạt mưa bay cuối đời.

*Và mai sau, nụ hôn xưa, son chưa
bạc màu,*

Nhớ nhau, đêm không qua mau...

Khi kể đến những nhạc sĩ có nhiều gắn bó với thơ Du Tử Lê, như Từ Công Phụng, Phạm Đình Chương, Trần Duy Đức..., người ta sẽ nhắc thêm tên Đặng Khánh. Thật vậy, ngoài “Hạt Mưa Bay

Cuối Đời”, trong đĩa nhạc đầu tay “Em Ngủ Trong Một Mùa Đông” (1994), nhạc sĩ Đặng Khánh cũng đã giới thiệu đến người yêu nhạc hai ca khúc trữ tình, phổ từ thơ Du Tử Lê: “K. Khúc Của Lê” và “Em Ngủ Trong Một Mùa Đông” qua các tiếng hát Tuấn Ngọc, Ý Lan và Vũ Khanh.

Sau tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương, năm 2001, nhà thơ Du Tử Lê ra mắt tập thơ “Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di”, đánh dấu một khuynh hướng sáng tác khác: tình yêu tôn giáo. Nhưng, điểm đặc biệt trong thơ của ông là không có sự phân biệt rạch ròi, mà những thứ tình yêu kia tan lẫn vào nhau, cộng sinh để cùng cộng hưởng, tạo rung động cao độ. Bài thơ tám chữ sáu đoạn “Người Nhón Gót: Thả Văng Trắng Thứ Nhất” sáng tác tại Úc năm 2000 có những câu:

*Chào Quán Thế (riêng tôi)! - Rừng
chánh niệm*

*Cây từ bi từng ngọn. Lá trăm năm
Người nhón gót: cúi nhìn nhân thế,
gió*

Thấy tôi không? - Tội nghiệp một

linh hồn?

Ở đoạn đầu, từ những câu thơ bị chẻ đôi bởi các hình ảnh hoặc ý tương phản:

Chào tình khiết ! // -Giữa chiều/ tôi/ xế bóng

Như tấm lòng thao thiết // cũng gieo neo.

Người nhón gót: // nghe mưa về đáy vực

Buồn tôi sâu, hút, // tựa nhớ, thương, nào.

Một nhóm bạn ở Paris đã cùng sáng tác nên ca khúc “Nhón Gót”: Nguyễn Linh Quang phổ nhạc, Trần Lê Khang soạn hợp âm và đệm tây ban cầm, Kim Tuấn, Bạch Thảo soạn bè cho song ca và trình bày. “Nhón Gót” với đoạn trưởng, đoạn thứ xen kẽ, khi nhịp 4/4, lúc 3/4, với giọng nữ cao, nam trung và tiếng tây ban cầm solo, ở đôi chỗ đã biến thành một khúc tam tấu, hòa quyện đến không thể tách rời, như minh họa cho sự lấp lánh muôn mặt nhưng nhất quán của một tổng thể: nguồn tự sự Du Tử Lê.

Xuất phát từ nền chung: cõi thơ Du Tử Lê, qua phần phổ nhạc của Phạm

Đình Chương, Hoàng Quốc Bảo, Phạm Duy, Phan Nguyên Anh, Trần Duy Đức, Nguyễn Linh Quang, Đặng Khánh, với kỹ thuật hòa âm của Duy Cường, Randy Ames, Phan Nguyên Anh, Trần Lê Khang, Trầm Tử Thiêng, Gia Bảo và cách trình bày của Quỳnh Giao, Kim Tước, Đinh Ngọc, Diễm Liên, Trần Thái Hoà, Kim Tuấn, Bạch Thảo, Anh Ngọc, Tuấn Ngọc, Anh Khoa, đĩa nhạc “K. Khúc Của Lê 3” đã trở thành nơi phát tán và cũng là điểm hội tụ của nhiều cảm xúc phong phú, đa dạng, đầy màu sắc.

Những dòng nhạc đã dứt, tiếng hát cũng ngừng, nhưng trong tâm tưởng người nghe, hình như vẫn còn âm vang lời dẫn cuối, tưởng như viễn tượng về một chốn hết, thật sự, lại là lời mời gọi của du tử cùng bước đến một tình yêu mới, ở kiếp khác, đời sau:

Yêu Dấu,

Ngày mai, ta chết, chung thân.

Cổ Ngư

Choisy-le-Roi 03.2003

Trích tạp chí Nhà, số tháng 1 năm 2004

Dăm ca khúc khởi từ thơ du tử lê, như một lời tạ ơn

Vào cuối năm 1976; tôi tình cờ gặp lại người bạn học trong một quán café nằm cạnh bãi biển Nha Trang; trên tay anh ta là cuốn thơ: “Đời Mãi Ở Phương Đông”, của nhà thơ Du Tử Lê (người mà tôi biết tên qua bài thơ “Thú Tội” được viết năm 1957; năm ấy cũng là năm tôi chào đời.)

Sau vài câu chào hỏi; người bạn văn nghệ này có đề nghị tôi “lật ra bất cứ trang nào...” thì tôi và anh ta sẽ phổ bài thơ ấy thành ca khúc. Tôi đồng ý một

cách liều lĩnh (vì thú thật rằng lúc ấy tôi chỉ biết đánh đàn “chập choạng” mà chưa hề biết đến một nốt nhạc là gì?! Cũng như con người biết “ú ớ” trước khi biết viết lên điều mình đang “ú ớ” vậy!?!). Tôi nhắm mắt và tay bắt đầu giở cuốn thơ...

Khi mở mắt ra, tôi thấy ngay cái tựa của bài thơ thật hấp dẫn, như có một ma lực nào hút lấy hồn tôi (lúc ấy; cả bây giờ và có lẽ luôn cả về sau...) Một bài thơ ngũ ngôn nằm gọn gàng dưới hàng chữ lớn VỀ TỬ VÔ VỌNG...

Dằm ca khúc khôi tự thơ du tử lệ, như một lời tạ ơn.

Chưa biết thế nào; tôi gặt đầu ngay
và vội chép bài thơ trên bao thuốc lá;
mang về nhà... bắt đầu cho một cuộc
phiêu lưu: ĐI TÌM GIAI ĐIỀU.

Ba ngày sau; chúng tôi gặp lại nhau
tại quán café như đã hẹn trước (cùng với
dăm bảy người bạn Văn Nghệ mới-có-
cũ-có.) Anh bạn tôi hát... Rồi tôi hát...

Các bạn tha hồ bàn tán; phê bình,
chấm điểm...

Kết quả, anh bạn tôi thua, nên phải
“khao” chúng tôi một châu café như lời
giao ước.

Từ ấy, bài hát theo tôi đi khắp nơi...
Huế; Đà Nẵng; Nha Trang; Đà Lạt;
Xuân Lộc; Sài Gòn; Sydney; Vancouver...
Và... Và nay; bài thơ “tình cờ” được phổ
nhạc này đã gặp lại chính chủ nhân của
nó sau 22 năm (cũng trong một cuộc
gặp gỡ “tình cờ” không kém...)

XIN TẠ ƠN Người bạn tên: NGHĨA.

XIN TẠ ƠN Người thi sĩ có tên: DU
TỬ LÊ.

XIN TẠ ƠN bài thơ có cái tựa: VỀ
TỪ VÔ VỌNG

Xin tạ ơn sự “ngẫu duyên” đầu đời,

DU TỬ LÊ

ĐÔI MÃI Ở PHƯƠNG ĐÔNG



gìn vàng giữ ngọc

đã mở cho tôi một chân trời mới, cho
những ca khúc về sau.

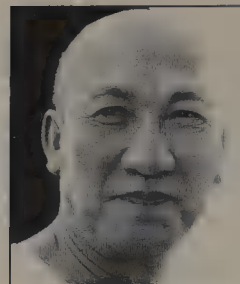
Một lần nữa; xin Tạ Ơn những ai đã;
đang và sẽ ngồi để cùng lắng nghe:

“ngực ngâm lời trăm năm”

Và cũng để được trở về từ: NƠI VÔ
VỌNG.

HOÀNG ĐÌNH BÌNH

Seattle Oct., 1998



KHUẤT KIM NGŨ

Từ Người Thơ Của Nam Kỳ Lục Tỉnh Tới Bản Ca Cổ Nhạc

mười bảy năm về trước, năm 1980, tôi biết Du Tử Lê.

Chuyến tàu chợ khởi đi từ Mỹ Tho, nhắm hướng Cà Mau, sức chứa hơn trăm người, đa số là dân đi buôn bán. Tôi không buôn bán mà đang kiếm đường vượt biên. Cà Mau có lẽ lý tưởng cho tôi, mặc dù trong túi tiền bạc không quá hai chỉ vàng, tôi vẫn mong rằng một cơ may nào đó sẽ đến với mình sau những chuyến đi không thành.

Con tàu lừng lững xuôi nam, tôi

ngồi một góc nhìn cảnh, nhìn trời mà tâm hồn không dấy lên được một xúc cảm nào trước cảnh vật. Có lẽ nỗi lo âu đã triệt tiêu mọi cảm quan về thiên nhiên. Trong tôi chỉ còn lại duy nhất một điều: làm sao để ra đi.

Người đàn bà bán cơm trên tàu có lẽ là người duy nhất nói chuyện với tôi. Với một giọng miền Nam ngọt xớt, chỉ hỏi han tôi đủ thứ chuyện trên đời. Tôi trả lời nhát gừng và cố tránh những câu hỏi về thời cuộc.



Mai Thảo và Du tử Lê, Garden Grove, 1982.

“Qua thấy em coi bộ buồn dữ. Bộ hồi đó có đi dạy học hả?” “Không. Em đi vẽ.” “Dậy là thợ dễ hả? Mềng ơi, thợ dễ giàu lắm đa, ở xóm qua có một ông thợ dễ mà nuôi tới hai bà vợ lận.” “Em nghèo lắm chị ơi không được như vậy đâu.” “Đói bụng hông, ăn giùm qua đĩa cơm sườn nhen. Có tôm rim nè, ngon lắm.” “Dạ, chị cho em chút thôi, em không ăn hết đâu.” “Có bánh bò trắng miệng nữa

nè, ông xã qua làm đó, ngon lắm.”

“Dạ, chị cho em một cái.”

Miếng giấy gói bánh bò đã quá cũ, vàng lên một màu nhang. Tôi liếc tờ giấy có vẻ thiếu vệ sinh đó với một tâm trạng e dè. Điều tôi biết chắc là trên tấm giấy vàng vọt đó có in một bài thơ.

Thơ, lúc này không gọi cho tôi một khái niệm nào cả, mặc dù trước đây tôi cũng vỗ vỗ đôi bài....

*Người muốn trả lại người sân nắng cũ
vườn thanh xuân nhiều hạt mộng ươm
mắt mênh mông chiều chưa gió một lần
tóc chưa rụng những cành me lá biếc...*

Sắc và ngọt. Chữ nghĩa trau chuốt đầy ắp hình ảnh. Tò mò tôi hỏi chị bán cơm “Chị ơi, mấy tờ giấy này còn không” “Ồi hiếm gì” “Chị đưa em coi” “Nè, nhưng phải giữ cho qua, hết lá chuối rồi” “Dạ”.

...

*Tôi ham hố nên gạt người vào cuộc
nhưng nhục nhằn ta khó thể làm thình
vung tay gươm ta phạt trúng cổ mình
mắt không kịp ngoái theo đầu ta đã rụng*

Tôi thật sự bị bài thơ mê hoặc. Bài thơ lẫn lộn trong đồng giấy hỗn tạp. Tôi kiên nhẫn tìm từng tờ lần theo số trang bên dưới. Bài thơ lạc mất tựa nhưng còn lại tên tác giả: Du Tử Lê.

Suốt buổi chiều hôm đó, lạ lùng thay tôi quên hết hoàn cảnh của mình. Tôi chợt nhận ra đầu đó trong tiềm thức tiếng gọi thi ca trong tôi vẫn còn động

đậy. Bài thơ nào có đá động gì tới chuyện vượt biên? Vậy mà nó có khả năng xoa dịu hồn tôi trong một thời gian dài....

*đời đâu có khác chi một đường gươm vung
tình không hơn một lăm lơ trợn đời
nếu thương nhau, xin găng bậm môi cười
dù máu có ố hoen hàm răng ngọc lựu...*

Tôi không hề có một người yêu nào có được hàm răng ngọc lựu để bậm môi rướm máu. Nhưng dòng thơ gọi lên trong tôi một bi kịch, bi kịch muôn đời của những kẻ yêu nhau. Du Tử Lê đã mang kịch vào thơ. Tôi không lăm đâu. Cả bài thơ là một vở kịch dài, có bố cục, có phân cảnh và rất nhiều nhân vật. Ngoài hai nhân vật chính là “Người” và “Ta” còn nhiều nhân vật khác được nhân cách hóa một cách thần tình: Chim, Sông, Sân nắng cũ, Mùa xuân áo đỏ, Bướm và độc đáo nhất: Gươm.

Những thanh gươm đời đã từng cửa vào hồn tôi, tôi nhận chân rất rõ điều đó. Du Tử Lê đã không đi những lần gươm xây xước, chàng đã tự phạt vào cổ, như

cứu rồi, đầu hàng.

Trên sóng nước, con tàu lặng lẽ đi. Tôi vẫn loay hoay trong óc bài thơ vừa đọc. Tiếng hò miền Nam như xa như gần tạo một cảm giác buồn thiu tê tái. Tôi nhắm đọc lại câu đầu của bài thơ:

Người muốn trả lại người sân nắng cũ...

Hốt nhiên, tôi ngâm lớn, theo thể loại Sa Mạc. Lại, câu thơ nghe ngọt ngào và đầy chất Nam Bộ... Cứ thế, một mạch, tôi hát cả bài theo điệu vọng cổ. Tuyệt nhiên không chút khó khăn. Giữa buổi chiều thật nhạt của miền Tây, tiếng ca tôi đã làm nhiều người tò mò, lắng nghe, đầu đó vài tiếng vỗ tay nổi lên làm tôi thêm phấn chấn. Một ngày trôi qua như thế. Đêm lại, tôi nghe hình như tiếng vọng cổ vẫn đâu đây, hờ hững...

Bài thơ như một viên ngọc lấp lánh trong hồn và từ đó đã trở thành bài vọng cổ theo tôi đến nhiều bữa họp mặt văn nghệ với bạn bè sau lần vượt biên không thành.

*

Cuối cùng nó cũng đến được Mỹ.

Một đêm hè tháng 8 năm 96, bài vọng cổ đó lại có dịp cất lên trong “Đêm Thơ Nhạc Du Tử Lê” được tổ chức tại Portland, Oregon. Người hát cũng là tôi. Có khác một điều, lần này tôi hát cho chính tác giả nghe. Người thơ không thể ngờ rằng thơ mà cũng phổ thành vọng cổ được. Sao không? Cái chất Nam Bộ ngồn ngộn trong thơ anh tự nó đã hình thành những giai điệu mà khi đọc lớn lên, bất cứ một người miền Nam nào cũng nhận ra được.

Tôi muốn giữ bài-thơ-vọng-cổ này cho một mình mình, như một kỷ niệm, một dấu ấn trong đời. Tôi không muốn ai khác hát bài thơ này. Tôi sợ, người hát có thể làm tôi đau và bài thơ chảy máu...

KHUẤT KIM NGŨ*

(tạp chí Sóng, Oregon, số tháng 8.97)

.....

(*) Khuất Kim Ngũ là một bút hiệu của mặc Lâm, một biên tập viên nòng cốt của đài RFA, Hoa Thịnh Đốn, hiện nay.



LÊ VĂN

Hứng Nhạc Trong Thơ Du Tử Lê

(Bài nói chuyện trong “Đêm Du Tử Lê - Hoa Thịnh-Đồn - 12 tháng 5-2000)

Thưa quý vị, trong khi phê bình hay đánh giá một nhà thơ, ít có ai dám khẳng định rằng thơ của ông này hoặc của bà nọ là hay nhất, là vượt trội nhất so với tất cả các nhà thơ khác. Nói như vậy là đại ngôn, là cường điệu và chắc chắn sẽ bị rất nhiều người bắt bẻ. Biết thế nhưng tôi vẫn dám nói mà không sợ sai lầm rằng Du Tử Lê ít ra cũng có một cái nhất so với tất cả các thi sĩ khác, đó là thơ của Lê được người ta phổ nhạc nhiều nhất.

Vâng, nếu quý vị có lúc nào rảnh rỗi ngồi đếm thử con số những bài thơ được phổ nhạc của tất cả các thi sĩ từ trước tới bây giờ, rồi đem so sánh với nhau, như tôi đã có lúc lẩn thẩn làm chuyện đó, thì quý vị sẽ thấy đúng như tôi vừa nói. Những thi sĩ lớn của chúng ta từ thời tiền chiến như Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, qua đến thời chiến tranh như Quang Dũng, Hoàng Cầm, Hữu Loan ở ngoài Bắc, Vũ Hữu Định, Phan Lạc Tuyên, Trần Dạ



Từ trái: Du tử Lê, nhân viên VOA, Lê Văn, Trần Duy Đức, Nguyệt Hạnh, Nguyễn Văn Khanh. Washington D.C., 1998

Từ, Nhã Ca ở trong Nam cho tới những người làm thơ hôm nay ở hải ngoại như Luân Hoán, Ngu Yên, Hồ Minh Dũng, Lê Thị Thấm Vân, mỗi người đều làm ra rất nhiều bài thơ hay, mà đâu có mấy bài được phổ thành ca khúc?

Trác tuyệt như Tản Đà, theo chỗ tôi biết, chỉ có 1 bài “Tổng Biệt” được Võ

Đức Thu phổ nhạc. Lấy lòng như Vũ Hoàng Chương, với cả mấy trăm bài bất hủ mà không thấy có bài nào được biến thành ca khúc phổ thông, ngoại trừ bài “Hoàng Hạc Lâu”, (thơ dịch) do Cung Tiến phổ nhạc. Thảm thiết như Nguyễn Bính cũng chỉ có dăm ba bài được nhiều người biết đến như “Cô Hái Mơ” hay

“Trăng Sáng Vườn Chè”. Những thi sĩ thuộc các trường phái thơ mới hay thơ tự do như Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, Cung Trầm Tưởng, Phạm Thiên Thư, Nguyễn Tất Nhiên... thì tương đối có nhiều bài thơ được phổ nhạc hơn, nhưng nhiều thì cũng chỉ đến con số vài ba chục bài là hết.

Riêng Du Tử Lê thì phải nói là một hiện tượng lạ lùng. Số lượng thơ phổ nhạc của Lê, theo như tác giả cho tôi biết ít ra cũng phải 300 trăm bài. Một mình Trần Duy Đức thôi đã phổ nhạc cũng phải tới 20 bài thơ của Lê rồi. Song Ngọc cho tới năm ngoái đã phổ nhạc được trên 30 bài. Khang Thụy ở Việt Nam, cũng trên 30 bài... Nữ nhạc sĩ Tâm Khanh, hiện ở Florida, cũng đã phổ trên 20 bài.... Hầu như tất cả các nhạc sĩ danh tiếng như Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Nguyễn Hiền, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Anh Bằng, Việt Dzũng, Đăng Khánh, Anh Việt, Trầm Tử Thiêng, vân vân đều có rất nhiều những bản nhạc được bắt nguồn cảm hứng từ thơ Du Tử Lê.

Vậy thì yếu tố nào đã khiến cho thơ Du Tử Lê được phổ thành ca khúc nhiều đến như vậy? Tôi đã thử tìm tòi phân tích theo những tiêu chuẩn khách quan như ý thơ, tứ thơ, hơi thơ, hình ảnh thơ, cấu trúc của bài thơ, để xem thơ Du Tử Lê có những thành tố nào độc đáo không tìm thấy được nơi các nhà thơ khác, khiến cho các nhạc sĩ phải đặc biệt chú ý cố đến thơ anh.

Nhưng tôi thấy câu trả lời nào cũng không ổn. Thí dụ: phải chăng là vì những hình ảnh trong thơ Du Tử Lê cô đọng và xúc tích hơn người? Thế bộ những hình ảnh trong thơ Vũ Hoàng Chương mà không cô đọng và xúc tích à? Hay là vì thơ tình của Du Tử Lê gợi được nhiều xúc động mãnh liệt trong lòng người? Thế nhưng thơ tình của Đinh Hùng cũng gây được những xúc động mãnh liệt không kém nếu không muốn nói là hơn. Vậy mà ngoài bài “Mộng Dưới Hoa”, bạn có thể đếm cho tôi được bao nhiêu bài thơ khác của Đinh Hùng được người ta phổ nhạc? Nếu có, tôi chắc cũng chỉ là ở trên đầu ngón tay.

Phân tích những yếu tố khách quan không đủ, tôi bèn đi tìm hiểu ý kiến chủ quan của các nhạc sĩ xem tại sao họ lại đua nhau phổ thơ Du Tử Lê thật nhiều mà các thi sĩ khác thì tương đối ít. Và bởi thế, mỗi khi có dịp gặp gỡ nói chuyện với họ tôi đều hỏi họ điều này.

Tôi nhớ trước đây khoảng 15 năm, Phạm Đình Chương từ Cali sang miền Đông chơi với bạn bè. Chúng tôi tụ họp lại để đàn hát. Phạm Đình Chương nói:

“Moa vừa phổ nhạc được 1 bài thơ của Du Tử Lê. Thú lắm, để moa hát cho mà nghe.”

Anh ngồi vào piano, đã định hát nhưng trông thấy Quỳnh Giao có mặt ở đó, anh bèn gọi Quỳnh Giao đến và đưa cho cô bản nhạc chép tay của anh. Quỳnh Giao vốn là cô giáo dạy nhạc nên chỉ nhắm qua một chút là hát được liền, và cô hát rất hay. Đó là bài “Đêm, Nhớ Trăng Saigon”.

Nghe hát xong, tôi bèn hỏi:

“Sao bạn lại lựa chọn nhiều bài thơ của Du Tử Lê để phổ nhạc như vậy? Thơ Du Tử Lê có cái gì hấp dẫn bạn hơn là

thơ của người khác không?”

Câu hỏi bất chợt khiến Phạm Đình Chương hơi bối ngỡ. Hình như anh chưa bao giờ suy nghĩ về chuyện đó cả nên anh trả lời:

“Moa cũng chẳng biết tại sao. Moa chỉ tình cờ đọc được bài ‘Đêm, Nhớ Trăng Saigon’, moa thấy những hình ảnh gợi lên trong đó tuy bình dị mộc mạc nhưng nó cứ bám riết lấy tâm tư của mình như một nỗi ám ảnh, rút ra không được:

*Nhớ mưa buồn khắp Thị Nghè
Nắng Trương Minh Giảng, lá hè Tự Do
Nhớ nghĩa trang: quê bạn bè
Nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường.*

“Mấy cái chữ ‘buồn se bụi đường’ nó làm moa chịu không nổi. Nó cứ bám sát lấy mình cả trong giấc ngủ, nó bắt moa phải phổ thành nhạc điệu. Ủ thì ngồi dậy phổ nhạc cho nó xong đi để còn đi ngủ chứ.”

Và anh viết xong bản nhạc chỉ trong vòng 1 tiếng đồng hồ.

Những nhạc sĩ khác mà tôi phỏng vấn đều cho biết đại khái như vậy. Có người cảm thông được với ý thơ Du Tử Lê tới mức coi những xúc động trong thơ Lê chính là xúc động của mình, và từ đó việc chuyển biến thơ thành nhạc chỉ là việc hết sức tự nhiên. Đó là trường hợp Trần Duy Đức khi anh phổ nhạc bài “Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi”. Câu chuyện về một người con gái trở về VN, sống trong một dòng tu đã khiến Lê xúc động đến cao độ và viết thành những câu thơ như những lời kinh cầu:

*Hãy hỏi Chúa đi rồi em sẽ hay
Tôi buồn như phố cũ như tay
Bàn chân từng ngón ngưng không thở
Lạc mất đường đi tận dấu bà*

*Hãy hỏi nắng đi rồi em sẽ hay
Tôi gầy như lá. Lá như mây
Rừng khuya thổi rớt bao tâm sự
Thiên đàng tôi là người hay ai?*

Và Trần duy Đức đã thổi nhạc điệu

vào những lời thơ đó, cho nó bay bổng lên thành một tác phẩm mới, với những rung động tưởng chừng như của chính mình.

Có nhạc sĩ thì thích thú vì tìm thấy được những nỗi niềm riêng tư của họ qua thơ Du Tử Lê, chẳng khác gì như tác giả nói hộ cho họ vậy. Một thí dụ điển hình là bài “Giữ Đời Cho Nhau”. Bọn đàn ông chúng ta có mấy ai mà chẳng thầm kín mang ơn một người con gái đã tận tụy hy sinh cho mình, đã vớt đời mình lên những lúc mà cuộc đời của mình tưởng như rách nát nhất, chìm đắm nhất. Nhưng mà muốn nói lời cảm tạ cho tha thiết thì còn gì hơn là:

*Ơn em thơ dại từ trời
Theo ta xuống biển vớt đời ta trôi
Ơn em dáng mỏng mưa vời
Theo ta lên núi về đời yêu thương.*

Và bởi vậy chúng ta không ngạc nhiên khi thấy có tới 2 nhạc sĩ nổi danh là Phạm Duy và Từ Công Phụng đã không hện nhau mà cùng phổ nhạc một

bài này.

Lại có những nhạc sĩ khác nói với tôi rằng họ bị quyến rũ bởi ngôn ngữ thơ rất tân kỳ, rất táo bạo của Du Tử Lê, nhất là trong những bài thơ tình.

*Em về trên chiếu chăn tôi
Mùi hương tháng 9, nụ cười cuối năm
Xót nhau bật máu chỗ nằm
Vết răng tháng chạp dấu bầm tháng hai*

Anh Mai Thảo có lần vừa cười vừa bảo với tôi bằng một giọng điệu rất là Mai Thảo rằng “thơ tình của hấn như thế mới là thơ tình chứ! Tình nó cắn nhau từ tháng chạp mà đến mãi tháng hai nó vẫn còn bầm thì mới là ghê gớm chứ!”

Và nhạc sĩ Trần Quan Long, người chuyên sáng tác những bản hùng ca đấu tranh chống cộng, dường như cũng bị thôi miên bởi ngôn ngữ sắc nhọn lạ lùng của Lê đến độ không cưỡng được, phải phổ nhạc vào bài thơ rất tình này:

*Em về thăm thăm núi non
Hồn sông lòng suối thịt xương chốn nào
Mai quên nhau mất lời chào*

*Hôm nay chăn gối vẫn ngào ngạt hương
Em về trong một đêm sương
Có tôi thất chí ngời thương bóng còi
Da người dấu cắn răng tôi
Đó em giây phút mở đời đã ghi.*

Tuy nhiên, tất cả các nhạc sĩ mà tôi từng có dịp nói chuyện đều cho tôi biết rằng mặc dầu họ đã đọc rất nhiều bài thơ hay của rất nhiều thi sĩ khác nhau, nhưng không phải hễ cứ bài thơ nào làm cho họ thích thú hay cảm động là họ có thể phổ được thành ca khúc. Nó còn phải hội đủ một số điều kiện nào đó nữa.

Trước hết nó phải đừng tạo ra những trở ngại quá lớn cho việc chuyển biến thơ thành nhạc. Chẳng hạn, nếu bài thơ đã có 1 khuôn khổ, một cấu trúc cứng nhắc như kiểu thất ngôn bát cú của Đường thi, thì dù có hay cách mấy người nhạc sĩ cũng không muốn đụng tới nữa. Khó uốn quá à! Uốn thì sẽ gãy. Phổ nhạc vào thơ thất ngôn bát cú thì tôi mới chỉ thấy có 1 mình ông Cung Tiến dám phổ bài “Hoàng Hạc Lâu” thơ dịch của Vũ Hoàng Chương.

Nếu thế thì thơ tự do không có

khuôn khổ niêm luật hay vần điệu gì cả là dễ phổ nhạc nhất ư? Chưa chắc ă. Chính vì nó dài ngắn khác nhau mông lung như vậy nên khó mà bao gồm hết ý thơ vào khuôn khổ của 1 ca khúc phổ thông hiện đại, với 1 số trường canh và nhịp điệu cố định như ta thường thấy. Bởi vậy mà Thanh Tâm Tuyền, người dẫn đầu phong trào thơ tự do cũng chỉ có chừng dăm ba bài thuộc loại này được phổ thành ca khúc, kiểu như “Dạ Tâm Khúc” hay “Đêm Màu Hồng”.

Ngoài ra, nếu bài thơ đã có những vần bằng vần trắc tạo thành nhạc điệu riêng của nó rồi, và cái nhạc điệu đó lại chính là đặc điểm của bài thơ, thì người nhạc sĩ cũng không muốn uốn nắn nó thành một nhạc điệu nào khác nữa. Thí dụ Phạm Đình Chương bảo anh rất thích bài “Tây Tiến” của Quang Dũng nhưng không hề cảm thấy muốn phổ nhạc bài này, bởi vì những câu thơ bằng trắc xen lẫn với nhau đã hoà hợp đến mức tuyệt hảo. Tự bài thơ đã là bài hát rồi còn gì. Phổ nhạc vào chỉ làm hỏng bài thơ đi.

Đặng Khánh là 1 trong những người

mà, theo ý tôi, phổ nhạc thơ Du Tử Lê thành công nhất, nghĩa là hợp nhất, ý thơ và điệu nhạc quyện vào với nhau một cách bay bướm, không gượng ép, không làm biến tính bài thơ đi.

Đặng Khánh bảo tôi: “Đó là vì thơ của Lê tự nội dung của nó đã vô cùng hấp dẫn và đồng thời nó lại có những đoạn trùng hợp rất tình cờ, rất tự nhiên với những thành tố của một bản nhạc mới”.

*Em ngủ trong mùa Đông
Cánh đồng tôi nước ròng
Nhớ gì chạnh gối cũ
Em về qua bến sông*

*Em ngủ trong rừng cây
Mà lòng tôi rất đầy
Mùa hè sao rục rở
Hàng cây xanh lá gầy*

Hơi thơ 5 chữ đang trôi chảy đều đều như một nhạc điệu mineur, nhẹ nhàng kể lể chuyện thần tiên Nàng Công Chúa Ngủ – Trong Rừng. Bỗng nhiên cảm xúc ào ạt dâng lên như nước vỡ bờ:

*Thôi hết rồi xin già từ tuổi tóc còn mưa
Em có về? Xa cách rồi mùa thu còn đó*

*Em sẽ về? Em có còn ngực thơm môi úa
Vẫn thánh giêng xưa và vẫn đợi chờ*

Đoạn nhạc chuyển tiếp từ Ré mineur sang Ré majeur thật là sáng khoái biết bao nhiêu mà cũng vẫn tự nhiên hòa hợp với dòng thơ.

Và qua tất cả những câu trả lời của các nhạc sĩ, tôi đi đến kết luận rằng cái yếu tố thiết yếu, bắt buộc phải có để họ phổ nhạc một bài thơ là hoặc ý thơ, hoặc hình ảnh thơ, hoặc ngôn ngữ thơ phải làm cho họ cảm động. Nhưng cảm động không thôi chưa đủ. Nó còn phải gợi được ở tâm hồn họ cái hứng nhạc. Phải có hứng thì mới biến thơ thành nhạc được.

Mai Thảo trong những năm cuối của cuộc đời làm thơ rất hay. Phạm Đình Chương chơi thân với Mai Thảo hơn ai

hết và chắc chắn là rất yêu thơ Mai Thảo, rất xúc động vì những bài thơ đó, thế nhưng anh đã không phổ nhạc một bài nào. Tại sao vậy? Tại vì thơ Mai Thảo tuy gây xúc động nhưng không gợi được hứng nhạc để anh biến nó thành ca khúc. Trái lại, thơ Du Tử Lê có tiềm ẩn một nhạc tính rất dồi dào phong phú, nhưng lại uyển chuyển nhẹ nhàng, khiến cho người nhạc sĩ đọc lên là đã thấy rộn ràng cảm hứng để viết thành nhạc điệu.

Cổ nhân có lẽ gọi đó là thi trung hữu nhạc, nhưng tôi thì tôi nói một cách nôm na là cái hứng nhạc trong thơ Du Tử Lê vậy.

LÊ VĂN

(Washington DC, May 2000)



ĐẶNG KHÁNH

Thơ Phổ Nhạc

Phổ nhạc một bài thơ chắc chắn không phải là một việc làm đơn giản!

(Nếu chúng ta không muốn có một “Bài Về” hay không muốn “làm khổ” cái bài thơ tuyệt vời ấy!)

Tại sao người ta phổ nhạc những bài thơ?

Đại để có thể kể vài lý do sau đây:

1. Bài thơ quá hay làm choáng váng người nhạc sĩ.
2. Bài thơ mới đọc qua đã thấy như đang nghe một bản nhạc (mà người ta

thường nói rằng bài thơ này chứa nhiều nhạc tính).

3. Nhạc sĩ “hơi nghèo” chữ nghĩa để làm lời ca cho bản nhạc và chủ đề mình muốn viết.

4. Tình bạn giữa người làm thơ và người làm nhạc.

5. Được đặt hàng để làm thơ phổ nhạc.

Khi nghe một bản nhạc phổ từ một bài thơ, có ba trạng huống có thể xảy ra:

. Bài nhạc làm cho bài thơ hay hẳn ra.



Du Tử Lê, Đăng Khánh. Houston, 2000

. Bài nhạc làm hỏng một bài thơ tuyệt vời.

. Nghe thấy hay hay, hoặc tầm tạm chi đó... một cách đại khái.

Làm một bài thơ hay đã khó, làm một bản nhạc hay cũng đã khó, phổ nhạc một bài thơ “cho hay” lại là một việc làm khó hơn!

Âm nhạc nằm trong văn hóa của một dân tộc, nghệ thuật nào cũng có những qui luật của nó.

Người ta thường tưởng nhầm rằng: Nghệ thuật phải để phát triển tự nhiên, tránh gò bó, không gượng ép, không nên chịu quá nhiều luật lệ . v. v.

Nói như thế mới chỉ đúng có một nửa.

. Mà một nửa của nghệ thuật không làm nên nghệ thuật!

. Claude Monet, Auguste Renoir trước khi bỏ Romantic đi vào impressionism, các nhà thơ Stephane Mallarme, Edgar Allen Poe, trước khi đi vào symbolism, các nhà soạn nhạc Claude Debussy, Maurice Ravel... trước khi đi vào impressionism đều đã đi qua và hiểu rõ nghệ thuật của các môn phái từ Renaissance qua cổ điển đến lãng mạn,...

Và thú vị hơn cả trong pho kiếm hiệp Tiểu Ngạo Giang Hồ của Kim Dung tiên sinh, khi Lệnh Hồ Xung lãnh hội xong Độc Cô Cửu Kiếm ở sau hậu động núi Hoa Sơn và trở thành võ lâm đệ nhất cao thủ với “vô chiêu thắng hữu chiêu”. Thật ra có phải là cứ để tự nhiên, không gượng ép mà giác ngộ được đâu, mà vì Lệnh Hồ công tử đã học hết tất cả mọi kiếm chiêu của mọi môn phái trên chốn giang hồ do cơ duyên vô tình trong hậu động. Có như vậy mới có chuyện “vô chiêu thắng hữu chiêu” được chứ.

Nghệ thuật nào cũng thế không thể chỉ là chuyện bẩm sinh, trên trời rơi

xuống mà là cả một quá trình học hỏi tập luyện và phát triển trên khả năng thiên phú ấy. Được như thế chúng ta sẽ có được những “Nghệ Thuật” viết hoa cho tương lai.

Hôm nay nhân dịp trả lời vài câu hỏi của Thi sĩ Du Tử Lê về việc thơ phổ nhạc của Đăng Khánh.

Tôi phổ nhạc bài thơ năm chữ của chính mình viết năm 1964 bài *Tiến Em* và hoàn thành nhạc phẩm đầu tay *Tiến Em Chiều Mưa* năm 1966 tại Saigon.

Mãi đến năm 1992 ở bên Hoa Kỳ mới có cơ duyên “chạm” vào một tiếng thơ vô cùng “lộng lẫy” đó là “Thơ Tình Du Tử Lê”. Tiếng sét thi ca ấy của một đêm hội ngộ năm nào tại nhà một người bạn chung của chúng tôi là nhà báo Trọng Kim – Trương Trọng Trác tại Houston đã đưa đến một hôn phối thi ca mà thể hiện là nhạc phẩm phổ từ bài thơ thất ngôn 10 khổ 40 câu 280 chữ mang tên: *Khúc K. Riêng Chàng* mà tôi đã đặt tên cho ca khúc là: *K. Khúc của Lê* (Le’s Serenade) để trân trọng vinh danh người Thiếu Lâm thi sĩ trong âm nhạc tôi.

Sau đó là 3 nhạc phẩm khác được phổ từ thơ của thi sĩ Du Tử Lê:

. Nhạc phẩm *Em Ngủ Trong Một Mùa Đông* phổ từ bài thơ *Chẳng Bao Giờ Dậy Nữa* (năm 1993)

. Nhạc phẩm *Lệ Buồn Nhớ Mi* từ bài thơ có tên rất lạ là *Mùa Thu và Thơ Mới ở Đường Baker Costa Mesa Cũ*. (năm 1996)

. Nhạc phẩm mang tên *Hạt Mưa Bay Cuối Đời* (năm 1998) đây không phải là một bài nhạc phổ thơ mà là một “bức tranh âm nhạc” phản chiếu lại một tác phẩm văn chương của thi sĩ Du Tử Lê đó là tập “truyện vừa” mang tên *Tôi Với Người Chung Một Trái Tim* xuất bản tại Houston.

Cho đến giây phút này, âm nhạc tôi vẫn còn thủy chung với thi ca Du Tử Lê. Và đã có hơn một người hỏi tại sao? Câu trả lời của tôi là sự trân trọng của tôi đối với thi ca, và cái duyên thơ - lạc nó đến lúc nào “Làm Sao Tôi Biết Được ? “ và đồng thời tôi biết rằng tôi vẫn còn tạm đủ chữ nghĩa để đọc thoải trong âm nhạc của chính mình.

Trở lại với câu hỏi của thi sĩ Du Tử

Lê về bài *Lệ Buồn Nhớ Mi*:

Nhạc phẩm *Lệ Buồn Nhớ Mi* phổ từ bài thơ có tên “*Mùa Thu Và Thơ Mới ở đường Baker, Costa Mesa cũ*”.

Đây là một bài lục bát rất “mới lạ” gồm chỉ có 14 câu, chất chứa rất ít âm nhạc mà lại có nhiều màu sắc và hình ảnh, suy tư sâu sắc thâm trầm. Tên bài thơ cũng là lạ... Trên nguyên tắc đây là một bài thơ khó phổ nhạc, đọc lên không thấy “nhạc” đâu cả mà ý tưởng thì xa vắng và trừu tượng, tìm hiểu suy tư tác giả qua bài thơ không dễ!

. Nhưng trên thực tế về mặt sáng tác và phổ nhạc thì bài này có nhiều ưu điểm cho một nhạc phẩm hay.

Chúng ta thử đọc lại nguyên bản bài thơ của Du Tử Lê:

Dấu trong ký ức âm u

*cành xương tháng chín. Mưa mù tháng
giêng*

hồn cây phong úa truy tìm

dấu chân. Nghìn dặm. Lá mừng thôi nôi

vàng sau lưng. Vàng ghé ngời

mùa em. Thu tím. Rừng tôi phía nào?

giữa quạnh hiu. Tôi cúi chào

*trăm năm đã thẹn. Vực sâu đã gần
biển cùng sóng sớm ly thân
cánh chim thương tích. Buồn khăn áo
mùi hương cũ. Kỷ niệm vùi
ngón tay sinh tử. Mấy đời ỏ qua
mùa thu góc phố Baker
hỏi sông núi cũ sao chưa trở về.*

(DTL 10. 90)

Bài thơ có đời sống hiu quạnh, màu sắc tương phản xót xa, những day dứt nhỏ, to, những không gian cuồng nộ và chịu đựng. Tựu chung như “một tiếng thở dài heo hút”.

Tôi đã chọn chuỗi âm giai buồn vô tận mà tôi vẫn thường yêu thích, đó là cung đô thứ (Cm) mà theo Hector Berlioz, Lavignac... xưng tụng (Key of Cm) có khả năng diễn tả những trạng thái rất “dramatic, violent... với hy vọng có thể vẽ nên bằng âm thanh cái “Drama” trong bài thơ của thi sĩ Du Tử Lê.

Vì bài thơ này hơi ngắn chỉ có 14 câu mà trung bình một ca khúc thường có 32 khuôn nên chắc chắn không có đủ ca từ cho bản nhạc. Vậy người phổ thơ

phải làm gì?

Nếu bài thơ thật dài, như bài “Khúc K. Riêng Chàng” chẳng hạn là một bài thơ thất ngôn gồm 10 khổ thơ, 40 câu tổng cộng 280 chữ! Khi phổ nhạc bài thơ này, một ca khúc không thể “dùng hết” hoặc “tả hết” được bài thơ. Và các câu thơ có thể được sử dụng “tự do” trong giai điệu (miễn là giữ được cang sát ý của bài thơ càng tốt).

Trường hợp bài thơ ngắn như bài “Mùa Thu Và Thơ Mới” nói trên thì bắt buộc nhạc sĩ phải “kiềm” luôn thi sĩ trong một vài khoảnh khắc của cuộc đời! Và chính chỗ này là chỗ “anh em” giết nhau nhiều nhất!

“*Thơ người ta vĩ đại như thế, tôi làm sao bây giờ?*”

Nhân đây cũng phải mở một dấu ngoặc là: khác với ngôn ngữ âu châu không có dấu, vì ngôn ngữ việt nam mình có dấu do đó khi phát âm đòi hỏi sự chính xác nên (trong hầu hết các ca khúc) có những chuyển đoạn của ca khúc, vì phải giữ đúng Form, Phrase, Structure .v.v. nên “hơi thơ” ở đoạn nhạc về sau, hoặc

chưa dùng đến không còn thích hợp cho câu nhạc nữa, bắt buộc phải sáng tác thêm ca từ cho một ý nhạc mới để giữ đúng “cung cách” của ca khúc.

Vì vậy khi một ca khúc phổ thơ “*được sáng tác một lèo, y hệt như bài thơ, không sai một chữ*” điều này là một vấn đề cần suy nghĩ lại.

Sau đây chúng ta đọc ca từ và nghe lại ca khúc “Lệ Buồn Nhớ Mi” cùng với những suy nghĩ nêu trên:

Cành xương tháng chín

ký ức âm u

mưa mù tháng giêng

Hồn cây phong úa

đâu nắng hôm xưa

mưa buồn cuối trời

Dấu chân nghìn dặm

vàng sau lưng

vàng đôi môi

mùa em thu tím

giữa quạnh hiu tôi cúi chào

giữa quạnh hiu tôi cúi chào

Trăm năm đã thẹn

biển sóng vực sâu

bầy chim thương tích

buồn khăn áo người

Trăm năm vẫn đợi

môi nhớ tàn phai

bàn chân nhớ đất

lệ buồn nhớ mi

Rừng mưa tháng chín

môi tóc em đâu

nỗi buồn sớm mai

Mùi hương đã chết

dấu tích năm xưa

môi lạnh tiếng cười

nhớ em

hạt bụi

đời hư vô

còn tương tư

hỏi sông núi cũ

giữa mùa thu em nhớ gì?

giữa mùa thu em nhớ gì?

(Dangkhanh 1996)

(Những câu chữ *thường* là sáng tác “bắt buộc” của Đăng Khánh)

Hai cái bẫy (traps) lớn nhất trong nghệ thuật phổ nhạc trên một bài thơ là “melody trap và lyric trap”.

Bài thơ chỉ mới đọc lên đã nghe như mình vừa phổ nhạc xong một ca khúc,

thì đó chính là cái giai điệu “cài sẵn” trong bài thơ của thi sĩ, đây là cái bầy sập thứ nhất.

Cái bầy của ca từ xuất hiện khi câu thơ của thi sĩ “cực kỳ diễm lệ” mà đến đoạn nhạc “bắt buộc” phải “ghép tim” với một câu thơ sáng chế “vội vàng và vớ vẩn” thì cũng là đã làm khổ nhà thơ vậy!

Có một điều thích thú khi tôi tìm ca từ cho giai điệu của 4 câu:

Trăm năm vẫn đợi
môi nhớ tàn phai
----- ?
----- ?

(Tôi vừa tự tìm được ca từ ghép vào giai điệu cho 2 câu như trên) bất chợt từ trong cái “ký ức âm u” của tôi lóe sáng lên 4 câu thơ **vô cùng trác tuyệt** của Lê mà tôi thuộc lòng từ một bài thơ khác cũng của thi sĩ đó là 4 câu:

*Ta đã đợi em từ hạt bụi
Mai về nhớ lấy dấu chân xưa
Bàn chân nhớ đất còn khô nẻ
Môi nhớ tàn phai lệ nhớ mi*

Rất bất ngờ giai điệu của câu nhạc

của tôi “captures” ngay lập tức hai tứ thơ của đoạn tứ tuyệt trên và hoàn tất đoạn nhạc:

Trăm năm vẫn đợi
Môi nhớ tàn phai
***Bàn chân nhớ đất
Lệ buồn nhớ mi...***
(DK/DTL)

Làm nghệ thuật có được những đền bù rất lạ lùng, mà có lẽ tiền bạc không mua được! Như một trong những thú vị của bài “Lệ Buồn Nhớ Mi” trên đây đối với riêng tôi.

Nghĩ cho cùng “đời sống đã khôn cùng, nghệ thuật thì... làm sao ai biết được!”

Nhìn con cá đang bơi lội trong hồ, làm sao ta biết được: cá đang buồn hay cá đang vui!

Xin coi đây cũng chỉ là việc “uống ngụm nước trà, nói chuyện cho vui cuộc đời tị nạn”.

Đăng Khánh

Đường An Bình. Houston, TX
“Mưa mùa tháng giêng năm 2012”



Du Tử Lê và Nguyễn Xuân Vinh. 2014



BRIAN ĐOÀN

Thơ Du Tử Lê Và Tuổi Trẻ Chúng Tôi (*)

Tôi không biết trước tôi, có người trẻ nào đã nói về thơ Du Tử Lê hay chưa. Riêng tôi, tôi rất vinh dự được mời phát biểu về thơ Du Tử Lê: Dưới góc nhìn của một người trẻ, một sinh viên đối với một nhà thơ lớn. Tôi rất lấy làm bối ngỡ. Tôi nghĩ rằng tôi không có đủ khả năng để nói thấu đáo về kỹ thuật viết cũng như phân tích về thơ Du Tử Lê. Tôi chỉ xin được nói về những gì tôi yêu mến đối với thơ Du Tử Lê, và một phần nhỏ, nhưng tôi cho là rất quan trọng về chân tình quen biết với nhà thơ.

Lần đầu tiên tôi thực sự biết đến thơ Du Tử Lê là vào khoảng đầu năm 1990. Thời gian đó, tôi đang sống trong một studio trên đường Trần Quang Diệu cùng với ông anh, họa sĩ Lê Thánh Thư. Trong một tạp chí gửi về từ Hoa Kỳ cho ông anh tôi, tôi đọc được những dòng thơ sau đây:

*Tôi có buồn riêng đôi sớm mai
Con đường có những đoạn chia phôi
Cánh chim dấu những mùa di trú
Tôi dấu hờn, ghen góc trái này.*

Vào cái tuổi mới lớn, khi tình yêu vừa chớm nở, khi lòng say mê bùng bột của tuổi trẻ còn ngây ngất, tôi mê đọc thơ lắm. Tôi yêu cái ngạo nghễ lãng mạn trong thơ Vũ Hoàng Chương; yêu cái không khí lãng đãng trong thơ Xuân Diệu; hay cái chân chất trong thơ Hồ Dzếnh. Nhưng khi đọc những lời thơ trên của Du Tử Lê, chúng đã có sức thu hút tôi kỳ lạ. Trước đây, tôi yêu cái thành phố nơi tôi ở với những bình minh sớm, những buổi sáng “cúp cua” rảnh rỗi, tán gẫu với bạn bè. Trong lứa tuổi hoa niên thì làm gì có “những nỗi buồn thức dậy, lớn cao theo bình minh.” Chỉ về sau này, khi đến Mỹ, những buổi sáng đầu tiên trời thật lạnh và con đường quá dài, quá rộng, quá cô đơn, những câu thơ ngày nào tôi đọc, trở về làm tôi cảm nhận thấm thía hơn buổi sáng trong thơ Du Tử Lê.

Về sau, càng đọc nhiều thơ Du Tử Lê, tôi càng phát hiện trong thơ ông có nhiều câu thật lạ, thật hay. Trong bài “Khúc thánh chín” có câu:

Này thánh Chín: Nghe không lời nói nhỏ

Hoàng hôn em: Tôi gửi một que diêm.

Khi đọc câu thơ trên cho các bạn học cùng nghe, có bạn phát biểu:

“Có lẽ trong câu ‘hoàng hôn em: tôi gửi một que diêm,’ thì sĩ muốn gửi tới người tình hoàng hôn của ông một que diêm.”

Một bạn khác bổ sung rằng, nếu thế thì phải có dấu slash (/) và thêm một... bình xăng...

Hy vọng nhà thơ Du tử Lê sẽ có thời gian cho các bạn tôi lời giải đáp về câu thơ thật hay nhưng đầy thắc mắc kia.

Du Tử Lê cũng là nhà thơ đem đến cho tôi nhiều ngạc nhiên. Chẳng hạn nhạc phẩm “Trên ngọn tình sầu”, là một trong những bài hát tôi được nghe khi còn rất nhỏ. Trong những năm tháng sau 1975, gia đình tôi lưu lạc tứ xứ, rời thành phố về nhà quê, đi kinh tế mới, chẳng hiểu sao vẫn còn giữ được một vật rất xa xỉ là cái máy hát Philips rất cũ kỹ, và một băng nhạc “vàng.” Trong đó có ca khúc “Trên ngọn tình sầu.” Cảm ơn nhạc sĩ Từ Công Phụng người đã phổ

những giai điệu tuyệt vời trên dòng thơ Du Tử Lê. Cảm ơn những lời thơ của Du Tử Lê, “Trên ngọn tình sâu” đã đem đến cho tôi, cho gia đình tôi những niềm hạnh phúc trong khoảng thời gian sống đen tối nhất.

Tôi chỉ được biết nhạc phẩm “Trên ngọn tình sâu” phổ từ thơ Du Tử Lê trong thời gian rất gần đây. Đó là vào năm 1995; năm chúng tôi, một nhóm sinh viên, thanh niên dự tính tổ chức một đêm thuần túy thơ, nhạc Việt Nam. Quyết định xong, chúng tôi phân vân khi chọn một nhà thơ. Cuối cùng anh em chúng tôi quyết định mời nhà thơ Du Tử Lê. Vì sao? Có lẽ vì thơ văn của ông và những ca khúc được phổ từ thơ Du Tử Lê là những tác phẩm gần gũi và được yêu mến bởi tuổi trẻ chúng tôi. Tôi vẫn còn nhớ phần tôi giới thiệu về nhà thơ Du Tử Lê trong “Đêm, Du Tử Lê và, Tuổi trẻ”(*) tháng 7 năm đó, rằng:

“...Có lẽ không một nhà thơ nào được tuổi trẻ đón nhận rất nồng nhiệt và đầy yêu mến trân trọng như nhà thơ Du Tử Lê. Bởi lẽ thơ ông luôn là vị Sứ Giả mang

thông điệp tình yêu đến với họ. Ông cũng là nhà thơ duy nhất có nhiều tác phẩm được giảng dạy cho sinh viên ban cao học, môn xã hội học và văn học lưu vong ở một số trường đại học Hoa Kỳ và Âu Châu. Thơ Du Tử Lê đã được rất nhiều nhạc sĩ phổ thành nhạc như Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Từ Công Phụng, Anh Bằng, Việt Dũng, Trần Duy Đức, Đăng Khánh, Phạm Anh Dũng, Hoàng Thanh Tâm, Phạm gia Cồn, Võ Tá Hân, Trần Tử Thiêng, Khang Thụy, Khúc Lan, Song Ngọc, Mai Trường, Lê Văn Thành, Vũ Thành An, vân vân... Và những nhạc phẩm ấy, đặc biệt là giới trẻ yêu mến đặc biệt...” (**)

Trước đây, tôi chỉ biết nhà thơ Du Tử Lê qua thi ca. Gần đây, tôi biết ông nhiều hơn về cuộc đời. Cá nhân chúng tôi và những bạn bè trẻ, khi gần gũi ông trong đời sống, chúng tôi càng quý trọng ông hơn nữa. Bởi lẽ ông là một trong rất ít người viết dám sống cho chữ nghĩa, ăn ở và trả nợ cho thơ, trả nợ cho những chân tình bạn bè. Hơn nữa, ông đối với đám trẻ chúng tôi bằng một tình bằng

hữu thật sự. Qua những giúp đỡ, hướng dẫn, động viên, với một cung cách khiêm tốn của một người anh hơn là một nhà thơ lớn.

Chúng tôi học được nhiều ở tính cách con người nhà thơ Du Tử Lê. Đọc qua cuốn “Du Tử Lê, Tác giả và Tác phẩm, I” tôi biết thêm rằng chỉ có những người dám sống một cuộc đời như nhà thơ Du Tử Lê mới để lại và mang lại cho kho tàng văn học Việt Nam thêm lấp lánh.

Nhà thơ Lê Vương Ngọc đã nói về những cuộc tình của nhà thơ Du Tử Lê, tôi xin mượn một câu nói của một nhà văn khác, Khánh Trường, viết về Du Tử Lê:

“Du Tử Lê có một tâm hồn và một tài hoa. Một tâm hồn để rung động và một tài hoa để biến rung động thành thơ.” (***)

Brian Đoàn

Chú Thích

(*) Bài nói chuyện trong “Đêm thơ nhạc Du Tử Lê,” do Hội Cộng Đồng Người Việt San Fernando Valley tổ chức, ngày 28 tháng 11-1997).

(**) “Đêm, Du Tử Lê và, Tuổi trẻ,” do Câu Lạc Bộ Bách Việt tổ chức ngày 22 tháng 4 năm 1995, tại Garden Grove, Calif.

(***) Đọc thêm “Khánh Trường: Nghĩ rời khỏi từ Ở chỗ nhân gian không thể hiểu”, in trong “Du Tử Lê, Tác giả và Tác Phẩm,” nhà xuất bản Đời, Calif., 1991.



PHẠM PHÚ THIỆN GIAO

Với Một Người, Rất “Xa” Nhưng Không “Cách”

Anh mắt, đôi khi, để lại nhiều điều hơn lời nói!

Tôi không quen với chú Du Tử Lê, theo nghĩa thông thường của từ quen. Từ đó chưa chính xác.

Càng không thể gọi là bạn, theo nghĩa thông thường của từ bạn. Từ này, quá phận.

Tôi rất ít gặp ông. Vài năm, chỉ vài lần. Ông chẳng bao giờ gọi điện thoại, tôi chẳng bao giờ gửi email, để hẹn gặp nhau.

Tôi và ông gặp nhau, luôn luôn tình cờ, ở quán... cà phê.

Quán cà phê, với sự có mặt của ông, trở nên thơ mộng hơn. Tôi nghĩ vậy, vì ông là một nhà thơ. Song, tôi sẽ chẳng viết gì về thơ. Với thơ, tôi là kẻ ngoại đạo.

Tôi “biết” Du Tử Lê trước khi gặp ông. Tôi biết ông, qua thơ và qua những gì người ta nói với tôi, về ông và về thơ ông.

Tôi để những hiểu biết về ông, qua lời kể của người khác, sang một phía.

Tôi muốn biết về ông bằng chính cảm nhận của tôi.

Ông thường khen những bài báo tôi viết.

Được một người như Du Tử Lê khen, tất nhiên là thích.

Tôi cũng thích được khen, như mọi người, nhưng tôi không dễ bị dẫn dắt bởi những lời khen xã giao, phù phiếm. Tôi thích những lời ông bình phẩm. Chúng chân thực. Tôi biết chính xác điều này. Những bài viết được ông khen, cũng là những bài viết mà tôi tâm đắc.

Ông ít nói, lời khen chừng mực. Và tôi thích nhất cách ông “nói” với tôi,

qua ánh mắt.

Nhẹ nhàng, thân thiện...

Cả đôi chút gởi gắm.

Tôi biết, những gởi gắm trong ánh mắt ấy khiến tôi phải thận trọng hơn, không được sơ suất. Sai sót, chủ quan, những ánh mắt như thế sẽ thay đổi; sẽ nặng hơn những lời bình phẩm.

Mỗi bài viết sẽ có hàng chục ngàn độc giả. Trong hàng chục ngàn độc giả ấy, có Du Tử Lê.

Ánh mắt của ông đặt trách nhiệm lên tôi.

Ông đã ảnh hưởng lên tôi như thế!

Phạm Phú Thiện Giao

Thơ
DU TỬ LÊ
Phổ Nhạc



DU TỬ LÊ

Chẳng Chiến Chinh Mà, Cũng Lẻ Đôi (hay *Chỉ Nhớ Người Thôi, Đủ Hết Đời!*)

Bài thơ phản ánh tình trạng đổ vỡ gia đình trong tập thể người Việt tỵ nạn ở Mỹ, ngày một gia tăng, và đó cũng là tình trạng của chính tôi.

Qua bài thơ nhỏ này, tôi muốn đưa ra một quan điểm khác. Một quan điểm ngược với số đông, vốn phổ cập trong thơ / văn Việt Nam: Đó là tinh thần “hứa hẹn dành cho nhau đời sau!” hay sẽ có nhau ở kiếp khác! Vì thế, tôi viết:

*“Chỉ nhớ người thôi sông đủ cạn /
nói gì kiếp khác, với đời sau.”*

Có người cho rằng câu thơ này là đỉnh điểm của quan niệm hiện sinh – sống với hiện tại. Nhưng dù cho có đúng là như vậy, thì nội dung bài thơ, tự nó cũng vẫn thủy chung tấm lòng thương yêu, tưởng tiếc hạnh phúc đã mất. Tinh thần này, rất đông phương, không một chút ảnh hưởng tây phương nào!

Nhan đề đầu tiên của bài thơ, tôi đặt “*chẳng chiến chinh mà cũng lẻ đôi*”, sau khi soạn thành ca khúc, nhạc sĩ Trần Duy Đức đề nghị một tựa đề khác, cũng

lấy một câu trong bài thơ. Và, ca khúc có tên “*Chỉ Nhớ Người Thôi, Đủ Hết Đời*” từ ngày được phổ biến.

*

chẳng chiến chinh mà cũng lẻ đôi

*chỉ nhớ người thôi, đủ hết đời
chim về góc biển. Bóng ra khơi
lòng tôi lũng thấp. tâm hieu quạnh
chẳng chiến chinh mà, cũng lẻ đôi.*

*chỉ nhớ người thôi đủ hết đời
buổi chiều chẵn, gối thiếu hơi ai!
em đi để lại hồn thơ đại
tôi, vó câu buồn sâu sớm mai.*

III.

*chỉ nhớ người thôi, đủ hết đời
em còn gương lược dấu đường ngói?
nằm mơ thấy tóc thơm vai hẹn
và, khoảng trời xanh đến rợn người.*

*chỉ nhớ người thôi, đủ hết đời
bàn tay dư mấy ngón chia phôi!
(tặng nhau chính ngón không đeo nhẫn)
và những tàn phai đầy tuổi tôi.*

*chỉ nhớ người thôi đủ hết đời
như trời nhớ đất (rất xa xôi.)
nắng mưa nhớ mãi hàng hiên đợi
thư nhớ hồi âm. Lệ nhớ môi.*

BIS.

*chỉ nhớ người thôi, sông đủ cạn
nói gì kiếp khác với đời sau.
đôi khi nghe ấm trên da, thịt
như thể ai đi mới trở về.*

Du Tử Lê

(2.1990)



TRẦN DUY ĐỨC

chỉ nhớ người thôi đủ hết đời

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Trần Duy Đức

Moderately slow **C**

Intro *B/G Vocal...* **C⁷** *Lead solo...* **F⁷** **G⁷**

Chỉ nhớ người thôi đủ hết đời. Chim về góc

C sus4 **F#b** **C** **D#** **G⁷**

biển. Bóng ra khơi. Lòng tôi lũng thấp. Tâm hieu quạnh. Chẳng chiến chinh mà cũng lẻ đôi.

Chỉ Nhớ Người Thôi Đủ Hết Đời

16 Chỉ nhớ người thôi đủ hết đời. Em còn gương lược dấu bên ngói? Nằm mơ thấy

21 tóc thơm vai hẹn và quầng trời xanh đến rộn người. Chỉ nhớ người thôi

26 ôi đủ hết đời. Đôi khi nghe ấm trên da thịt.

32 Chấn gối thơm hơi người như thể ai đi mới trở về. Người đi

38 để lại hồn thơ đại. Tôi vó câu buồn... buồn sâu sớm mai The Band...

CODA 43 ...mai... Chỉ nhớ người thôi sông đủ cạn.

48 Nói gì kiếp khác với đời sau.



DU TỬ LÊ

Đêm, Nhớ Trăng Sài Gòn

Tôi viết bài thơ này vào cuối năm 1978, sau hơn ba năm tôi làm ca hai cho hãng Rockwell International ở đường Jamboree, thành phố Newport Beach. Mỗi đêm khuya, khi trở về từ sở làm, tôi thấy, trước sau chỉ có một vầng trăng lạnh lẽo, dõi theo lộ trình hiu quạnh của tôi...

Dù cho đó là người bạn thủy chung và duy nhất, lẽo đẽo theo tôi hơn ba năm trường, nhưng tôi vẫn không tìm được một gân gũ, một đồng cảm nào giữa vầng trăng xứ người và, thân phận tỵ

nạn, lưu đày, thất lạc của tôi.

Trái với một vài dư luận cho rằng, khi soạn thành ca khúc, cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương chỉ mất có 1 tiếng đồng hồ. Mà, ngược lại. Sinh thời, trong nhiều buổi họp mặt anh em, chính nhạc sĩ Hoài Bắc Phạm Đình Chương cho biết, ông mất nhiều thì giờ nhất vì bài thơ lục bát đó.

Ông giải thích rằng, trước nhất, ông muốn phá vỡ cái nhịp đều của thể thơ lục bát. Thứ đến, theo ông, khi nhạc sĩ Phạm Duy phổ bài “Ngậm ngùi”, lục bát

Thảo từng kể rằng, sau nhiều ngày tháng, vẫn thấy họ Phạm đặt bài “*Đêm, Nhớ Trăng Saigon*”, cắt ra từ một trang báo, trên nắp chiếc piano ở đường 10 thành phố Westminster, có một đêm, sau khi uống rượu với bạn, nhà văn Mai Thảo đã vắng tục với nhạc sĩ Phạm Đình Chương, đại để “...Sao anh không vứt mẹ nó bài thơ ấy đi...” Và nhạc sĩ Phạm Đình Chương cũng “xổ nhỏ” lại với bạn, đại để “...Anh cầm cái mồm anh lại. Anh thì biết mẹ gì về nhạc mà cũng đòi xía vô...”

Bây giờ, cả hai tài hoa văn chương và âm nhạc của chúng ta đều đã không còn nữa. Mỗi khi đọc hay nghe bản nhạc phổ từ thơ này, tôi nghĩ, chúng ta cũng nên nhớ tới họ, như nhớ tới một tình thân bền chặt mấy chục năm của hai vì sao VHNT miền Nam của chúng ta, cuối cùng, gặp lại nhau nơi xứ người.

*

đêm, nhớ trăng sài gòn
gửi Trần Cao Lĩnh

*đêm về theo vết xe lăn
tôi trắng viễn xứ hồn thanh niên vàng
tìm tôi đèn thấp hai hàng
lạc nhau cuối phố sương quàng cổ cây
ngõ hồn tu xứ mưa bay
tôi chiêm trống gọi mỗi ngày mỗi xa*

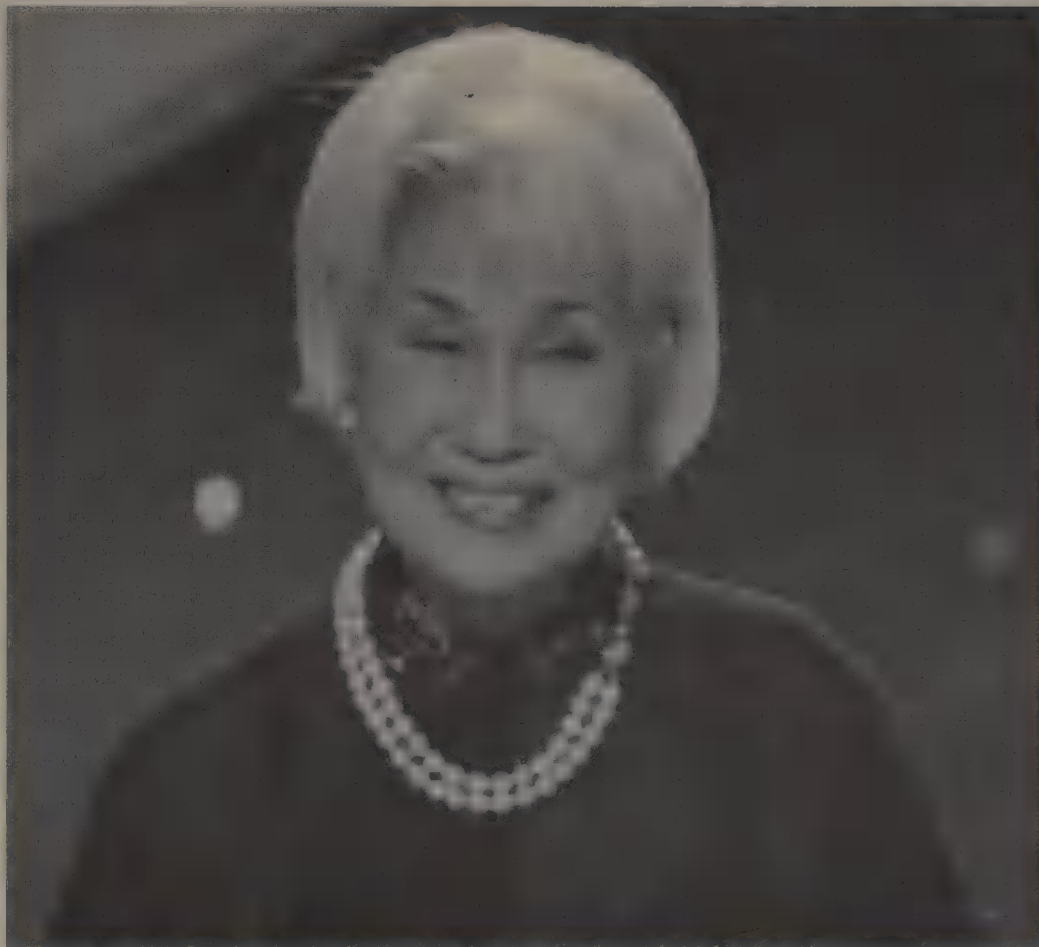
*đêm về theo bánh xe qua
nhớ tôi Xa Lộ nhớ nhà Hàng Xanh
nhớ em kim chỉ khâu tình
trưa ngoan lớp học chiều lành khóm tre
nhớ mưa buồn khắp Thị Nghè
nắng Trương Minh Giảng lá hè Tự Do
nhớ nghĩa trang quê bạn bè
nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường*

*đêm về theo vết xe lăn
tôi trắng viễn xứ, sầu em bến nào?*

1978

Ghi thêm cho rõ:

Mãi tới cuối năm 1980 bài thơ mới được phổ biến trên báo – Nhân dịp nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh từ Luân Đôn, lần đầu tiên ghé thăm Hoa Kỳ, chọn ở lại căn nhà nhỏ của chúng tôi ở đường Ranchero Way, thành phố Garden Grove.



Danh ca Thái Thanh, người trình bày “Đêm, nhớ trăng Saigon” được nhạc sĩ Phạm Đình Chương cho là “tối” nhất.

Để đánh dấu ngày anh em gặp lại nhau nơi quê người, tôi đã đề tặng nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh bài thơ ấy. Nhạc sĩ Phạm Đình Chương soạn thành ca

khúc năm 1981, ít tháng sau khi ông cùng gia đình vượt biên tới Mỹ; chọn định cư tại miền nam California.

Du Tử Lê

“Một đêm ngắm trăng, bỗng thấy trăng xứ người không đẹp bằng
trăng Quê Hương. Nhớ Saigon, nhớ hè phố cũ vô kể. Viết năm 1981 tại
nhà đường số 10 tỉnh Westminster, quận Cam...”

(Trích “Mộng Dưới Hoa”, Phạm Đình Chương, tuyển tập thơ phổ nhạc. Vincent &
Company, Hoa Kỳ, xuất bản đầu năm 1991)



PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG (1929-1991)

đêm, nhớ trăng sài gòn

Thơ: Du Tử Lê

Nhạc: Phạm Đình Chương

Lento *C* *Am* *Dm7-13* *G7* *C*

Đêm về theo bánh xe

G7 *Fm9* *C*

lăn trôi trăng viễn xứ hồn thanh niên vàng. Tìm tôi đèn thấp hai hàng. Lạc nhau cuối

F *Em* *3* *Am7* *Dm7* *G7*

phố sương quàng cổ cây. Ngỡ hồn tu xứ mưa bay. Tôi chiêm trống gọi mỗi ngày mỗi

Đêm, Nhớ Trăng Sài Gòn

16 xa. Đời tan, tan nát chiêm bao. Tôi trắng viễn xứ sầu em bến nào. Đêm

21 về theo bánh xe qua. Nhớ tôi xa lộ nhớ nhà Hàng Xanh. Nhớ em kim chỉ khâu

26 tình. Trưa ngoan lộp học chiều lành khóm tre. Nhớ mưa ôi nhớ mưa. Nhớ

31 mưa buồn khắp Thị Nghè. Nắng Trương Minh Giảng lá hè Tự Do. Nhớ nghĩa trang xưa quê hương bạn

36 bè. Nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường. a tempo Đêm

CODA 41 ...nào... Đời tan tan nát chiêm bao. Tôi trắng viễn xứ sầu

45 em Rall... bến ơ... ơ... nào. Fine



DU TỬ LÊ

Dòng Suối Trăm Năm

Dòng suối trăm năm, tựa đề nguyên thủy “Khúc Hạnh Tuyền, Núi Sông”, có trong tập thơ “Chấm dứt luân hồi: Em bước ra” – Do Tử sách Văn Học Nhân Chứng XB năm 1994, tại Hoa Kỳ. Đó là tuyển tập những bài thơ tôi viết khi gặp lại H.T, người bạn đời hiện tại của tôi, qua nhiều năm thất lạc, kể từ lần gặp sau cùng, trưa 29 tháng 4-1975, ở Saigon. Và, những bài thơ khác.

Bài “Dòng suối trăm năm” không nằm trong phạm vi giới hạn cuộc tình

riêng của một đôi lứa mà, nó mở ra cho tất cả những cặp vợ chồng, những đôi tình nhân, như bị thương tích trong cơn bão thời thế, lịch sử...

Tôi biết, rất nhiều người vợ hay chồng, sau hàng chục năm ly tán, vẫn không biết rõ ngày chết của người bạn đời. Rất nhiều cặp tình nhân, tới hôm nay, vẫn không rõ biết ngày chết của người họ yêu thương! Nói gì tới nơi chốn cất!

Tôi nghĩ, sự mù lòa của chiến tranh, chủ nghĩa... cuối cùng, đã dẫn tới sự mù lòa của những trang sử bi thương nhiều

Dòng Suối Trăm Năm

dân tộc. Và, núi xương kia, rừng thịt da nọ, của những người chết tức tưởi, oan khuất, nếu có được kiếp sau thì, đó cũng là một kiếp tồn lưu trong thân thể những lượng máu, buồn bã, khôn nguôi – Một khi những câu hỏi trong bài thơ nhỏ của tôi, không được thời gian trả lời hoặc, những người yêu nhau, vĩnh viễn không có lại đời cũ.

Vì bài “Khúc Hạnh Tuyền, Núi Sông” chỉ có 3 khổ, không đủ ca từ cho một ca khúc, nhạc sĩ Trần Duy Đức đã phải lấy thêm 2 câu thơ từ bài “Khúc Hạnh T., Thứ Hai”, để hoàn tất sáng tác “Dòng suối trăm năm” của mình. Vì thế, dưới bài “Khúc Hạnh Tuyền, Núi Sông”, chúng tôi cho in lại bài thơ vừa kể.

Khúc Hạnh Tuyền, Núi Sông.

*chẻ đôi sông núi: đêm bùng mặt –
mưa quần khăn vào sâu ấu thơ!/
chẻ đôi thân thể: mù tăm tích!/
ta nghĩa trang nào chôn, cất nhau!?*

chẻ đôi tâm thất: kênh, mương cạn –



Hạnh Tuyền, Du Tử Lê

*hương tóc truy tầm vai thất tung!/
tưởng ai oan khuất vừa quay gót!/
xương, thịt, đời sau, máu rất buồn!.*

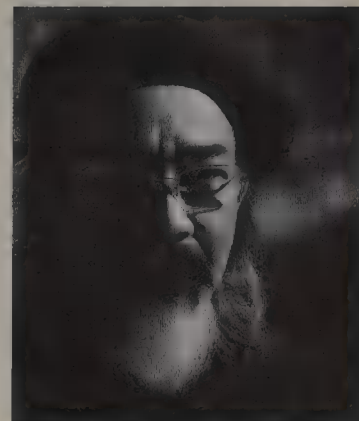
*chẻ đôi con gió: cây ly, biệt –
tim chấn thương cùng môi tháng, năm!/
phạt ngang ký ức rừng, thao thiết –
dòng suối trăm năm bỗng mất nguồn.*

Khúc Hạnh T., Thứ Hai.

*cất trong hạt lệ: mưa đời trước !/
tàng rộng, đầy thêm miền lặng thinh !/
rừng thu quên trái khô, bi lụy;
rơi thâu đời sau:
lộn tóc điên.*

Du Tử Lê,

1993.



TRẦN DUY ĐỨC

dòng suối trăm năm

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Trần Duy Đức

Slowly with expression

Chẻ đôi sông núi đêm bùng mặt. Mưa quần khăn vào sâu ấu thơ.
...cạn. Hương tóc truy tầm vai thất tung.

Chẻ đôi thân thể mù tăm tích. Ta, nghĩa trang nào? chôn, cất nhau!?
Tuồng ai oan khuất vừa quay gót...

Chẻ đôi tâm thất kênh, nương, Xương, thịt, đời sau, máu rất buồn. Biển

Dòng Suối Trăm Năm

The musical score is written on four staves in treble clef. It includes Vietnamese lyrics and guitar chords. The lyrics are: 'chưa chôn kín mầm ung độc, núi đã chia triền. Dựng vách ngăn. Rừng thu quên trái khô, bi lụy, rơi thâu đời sau lộn tóc người... Chẻ đôi con gió, cây ly biệt. Tim chấn thương cùng môi tháng, năm. Phật ngang ký ức rừng thao thiết. Dòng suối trăm năm bỗng mất nguồn.' The score ends with a 'Fine' marking. Chords include C, Am, Fm7, E, D7, Dm6, G, E7, F6, Dm, Asus4, and Am.

13 chưa chôn kín mầm ung độc, núi đã chia triền. Dựng vách ngăn. Rừng

17 thu quên trái khô, bi lụy, rơi thâu đời sau lộn tóc người... Chẻ đôi con gió, cây ly

21 biệt. Tim chấn thương cùng môi tháng, năm. Phật ngang ký ức rừng thao

25 thiết. Dòng suối trăm năm bỗng mất nguồn. Fine



DU TỬ LÊ

Em Ngủ Trong Một Mùa Đông

Ồn đây, càng lúc tôi càng thấy rõ, ký ức chẳng những không giúp gì tôi mà, đôi khi còn phản bội tôi nữa!

Như mấy ngày qua, tôi không thể nhớ bài thơ “*Chẳng Bao giờ Dậy Nửa*” mà bạn tôi, nhạc sĩ Đặng Khánh soạn thành ca khúc với tên “*Em Ngủ Trong Một Mùa Đông*”, được viết thời gian nào? Vì sao? Tôi phải mở coi mục lục của những tập thơ xuất bản cách đây nhiều chục năm. Cuối cùng, tôi mới có được câu trả lời cho chính mình:

- Đó là bài thơ tôi viết trong khoảng thời gian từ 1985 tới 1991, căn cứ vào tuyển tập “*Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu*” – Phần Thứ Hai.

Từ đó, tôi lần mò trở lại bằng cách khua động ký ức từ liên tưởng chìm, qua liên tưởng nổi. Từ liên tưởng gần tới liên tưởng xa. Từ âm bản này tới dương bản khác... Và, nhất là sau khi đọc lại toàn thể bài thơ.

Tôi nghĩ, nhiều phần “*Em ngủ trong một mùa đông*” (theo tựa đề ca khúc) được viết trong khoảng cuối thập niên



Từ trái: Đặng Khánh, Vũ Tuấn Đức, Du Tử Lê và Trần Duy Đức. Houston, 1995.

1980s, đầu thập niên 1990. Nhiều phần nó được viết sau cái chết của mẹ tôi, tháng 11 năm 1988.

Đó là khoảng thời gian tôi bị khủng hoảng tinh thần trầm trọng nhất! Cái chết đến với tôi gần như thường trực, sau cái chết của mẹ tôi và sau nhiều đổ vỡ liên tiếp, đời thường! Một loạt những bài thơ chia lìa, tang tóc, dưới nhiều dạng khác nhau ra đời, như những trăn

trối cuối cùng của riêng tôi.

Hơn một lần, tôi tâm sự với nhà văn Mai Thảo, ý muốn tự sát đã tìm đến tôi mỗi lúc một gia tăng cường lực. Tôi nhớ người bạn lớn tuổi của tôi khi ấy, hoàn toàn im lặng. Ông nhìn tôi bằng cái nhìn soi bói, khó hiểu. Ông bảo tôi chở ông ra một tiệm ăn nào đó. Ngồi với nhau rất lâu. Nhưng ông tuyệt nhiên không đề cập dù gần, xa tới tâm trạng hoảng loạn

của tôi. Lúc chở ông về, trước khi chia tay, ông mới nói, nhát gừng (như không phải cho tôi mà cho chính ông), đại ý:

- Tôi cũng thường nghĩ tới cảnh tự sát. Luôn cả những cuộc tự sát của một số nhà văn đông, tây mà chúng ta đã biết... Nhưng, với tôi, tự sát trong tình cảnh thất bại, tuyệt vọng là một hành động chạy trốn yêu hèn nhất của một người cầm bút!...

“*Chẳng Bao giờ dậy nữa*” hay “*Em ngủ trong một mùa đông*” thực sự không phải là một bài thơ tình. Tình yêu, hay người con gái trong bài thơ, được tôi chọn để làm nhân vật “nghe” tâm sự của tôi, chỉ là cái cớ, để tôi bày tỏ khao khát hoặc ước ao của tôi là, có được một giấc ngủ dài. Một giấc ngủ vĩnh viễn. Như giấc ngủ của mẹ tôi, kể từ mùa đông 1988, trên ngọn đồi Lomas Vista, thành phố Yorba Linda.

*

chẳng bao giờ dậy nữa

*em ngủ trong rừng cây
giữa mùa hè rục rờ*

*bày hạc không về đây
lá xanh. mềm hơi thở*

*em ngủ trong mùa thu
những hàng cây lưng gù
gánh tình tôi héo rụng
ngày sau trong tâm tù
nhớ em trắng rất muộn*

*em ngủ trong mùa đông
cánh đồng tôi nước ròng
em đi qua bến sông
nhớ gì chẵn gối cũ
linh hồn tôi ăn năn
về giữa ngày giá buốt
em ngủ trong mùa xuân
mùa xuân đã âm thầm
bàn chân khua góc phố
tôi rơi cùng cô đơn
em còn không tiếng nói?*

*em ngủ trong lòng tôi
chẳng bao giờ dậy nữa
một đời rồi cũng thôi
chỗ ngồi kia đã bỏ.*

Du Tử Lê



Trần Tam Tiệp và Du Tử Lê. 1981



ĐẶNG KHÁNH

em ngủ trong một mùa Đông

Tóc ngời chạy suốt cơn mưa
 Ngõ thơm hoa bồi, môi nua bao vè
 Du tĩ Lẻ

Thơ: Du Tử Lê
 Nhạc: Đặng Khánh

Lento Malancolique

Em ngủ trong một mùa Đông. Cánh đồng tôi nước dòng. Nhớ gì chân gỏi
 cũ. Em về qua bến sông. Em ngủ trong một rừng cây. Mà lòng tôi rất
 đây. Mùa Hè sao rực rỡ. Hàng cây xanh lá gầy.

Chords: Dm, A7/C#, F, Bb, Em7, A7, Dm, F, Bb, Em7(b5), A7, Dm, Bb

Em Ngủ Trong Một Mùa Đông

9 Thôi hết rồi xin già từ tuổi tóc cơn mưa. Em có

12 về? xa cách rồi mùa Thu còn đó. Em sẽ về? Em có còn ngực thơm môi

16 úa. Vẫn thảng Giêng xưa và vẫn đợi chờ. Em ngủ trong một mùa

20 Xuân. Một mùa Xuân chết dần. Bàn chân buồn góc phố. Hồn tôi không trôi

23 trăn. Em ngủ trong một mùa Thu. Cuộc tình tôi già từ. Một đời không dậy

26 nữa. Một đời thôi cũng thôi. Thôi hết... ...thôi.



DU TỬ LÊ

Giữ Đời Cho Nhau

Tôi vẫn hằng nghĩ, một bài thơ khi được nhiều người biết tới, nhất là khi được tháp thêm đôi cánh âm nhạc thì, tùy trình độ văn hóa, thưởng ngoạn, tùy kinh nghiệm sống và góc nhìn mà, mỗi người cho nó một dung nhan khác nhau. Bài thơ nhỏ “Giữ đời cho nhau” (tên đầy đủ “Kiếp sau, xin giữ lại đời cho nhau”; tên ngắn gọn hơn nữa “Ở Em”, tôi viết đầu năm 1971, in lại nơi mép bìa bọc của tuyển tập “Thơ Du Tử Lê 1967-1972”, Saigon, 1972.

Ngay năm đó, nhạc sĩ Phạm Duy soạn thành ca khúc, thể điệu Ballade, pha chút âm hưởng tây nguyên và, ông giữ nguyên nhan đề đầu tiên. Người hát và thu băng đầu tiên là nữ danh ca Thái Thanh, cho trung tâm băng nhạc Shotgun của nhạc sĩ Ngọc Chánh.

Hơn một năm sau, một buổi sáng, tình cờ gặp nhạc sĩ Từ Công Phụng ở đầu cư xá Bưu Điện, đường Hồng Thập Tự, Saigon, ông nói, ông muốn cho bài thơ kể trên một giai điệu khác. Và hỏi



Từ trái: Trần Thiện Hiệp, Du Tử Lê, Vũ Thành An, Từ Công Phụng

tôi, có thấy tiện không? Tôi trả lời, tại sao không? Khi mỗi người đến với bài thơ bằng một con đường khác nhau... Cuối cùng, bài thơ có một nhan đề thứ hai là “Giữ đời cho nhau”, nhạc Từ Công Phụng.

Như đã nói, một bài thơ được nhiều người biết tới, theo tôi, tự thân, nó như một bức tranh hay để hình dung hơn thì nó là một tấm gương. Soi trong nó, mỗi

người đều thấy ít nhiều chân dung (cảm nghĩ) riêng của mình.

Vì thế, tôi không hề ngạc nhiên khi có nhiều người hỏi tôi về ý nghĩa của câu thơ này hay, câu thơ kia, trong bài thơ ấy.

Diễn hình, cách đây chưa lâu lắm, buổi tối hơi khuya, nhạc sĩ Hoàng Thi Thao gọi tôi, bắt tôi phải nói thật ý nghĩa của hai câu: “Ơn em ngực ngải môi trầm

/ cho ta cở mặt trăm lần lá ngoan”... Lý do, ông và các bạn đang đánh cuộc nhau, xem ai đúng ai sai; tức ai được ai thua, khi giải thích về 2 câu thơ đó...

Cú điện thoại bất ngờ của nhạc sĩ Hoàng Thi Thao khiến tôi nhớ lại, cách đây gần 2 năm, khoảng trung tuần tháng 8 năm 2012, tôi nhận được thư của một người bạn trẻ ở VN, tên Đặng Thái Hòa, hỏi tôi về một vài từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ trên. Và xin tôi trả lời trên website dutule.com

Nguyên văn lá thư của người bạn trẻ và phần trả lời của tôi, như sau:

“Thưa chú,

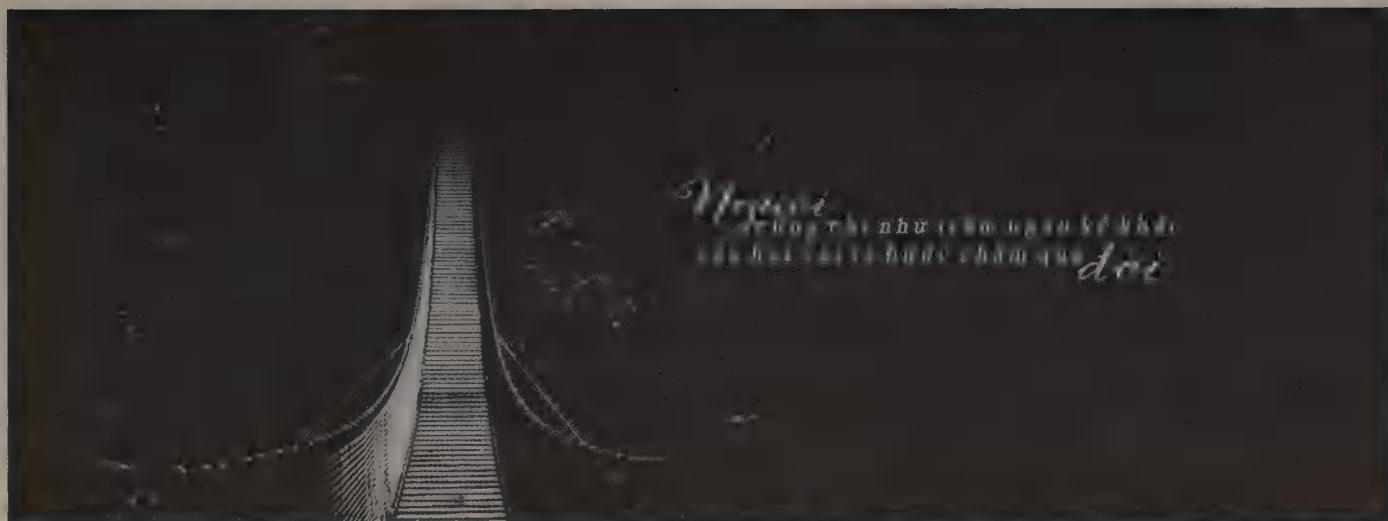
“Số là có 1 anh bạn trong nhóm của chúng cháu tình cờ lần đầu nghe bài này do ca sĩ Tuấn Ngọc hát. Anh ấy thắc mắc thế nào là “ngực ngải, môi trầm” (Câu thơ có trong bài “Kiếp sau, xin giữ lại đời cho nhau”) và post lên Facebook để thảo luận. Nhờ vậy mà đến giờ chúng cháu mới biết đến bài này, và biết đến chú.

“Khoảng chục năm trước nhạc sĩ Quốc Bảo có bài Tóc Nâu Môi Trầm mà ca sĩ Mỹ Tâm thể hiện rất thành công và

được các bạn trẻ yêu thích. Nhiều người cho rằng cái màu nâu của tóc và cái gam trầm của son môi là phong cách trang điểm Hàn Quốc, mà lúc ấy tại Việt Nam đang là phong trào thời thượng, sau khi hàng loạt bộ phim truyền hình Hàn Quốc được người xem đón nhận.

“Trong nhóm chúng cháu, có người cảm nhận “ngực ngải, môi trầm” là ngực thơm như hoa ngải và bờ môi mọng mướt không son nét chân quê. Và hình ảnh người vợ “ngực ngải môi trầm”, theo cách kiến giải ấy, là hiện thân của 1 vẻ đẹp bình dị mà mệnh mang lòng bao dung.

“Một anh bạn khác thú nhận cây trầm còn chưa thấy, hướng hồ hình thoáng ngửi được hương hoa. Anh bạn ấy cho rằng tứ thơ từ đầu chí cuối có những hình ảnh tương phản, đối lập rất rõ ràng. “Ngực ngải, môi trầm” đối với “Cỏ mặt, lá ngoan”. Vì thế, trầm ở đây phải là cây trầm, hoặc thơm như hương trầm. Trầm và ngải được chú dùng để tả ngực và môi của người phụ nữ thì hẳn là phải đẹp, còn cở mặt được dùng để gán



cho cái khiêm tốn hạ mình của người chồng mang ơn vợ thì chắc phải là cái gì đó thấp kém hơn hẳn trăm và ngải.

“Trong phần Thư đọc giả, có 1 câu trả lời của chú đã giải thích ‘ngực ngải, môi trăm’ là nét đẹp đến thiêng liêng của người phụ nữ. Nhưng chúng cháu chưa rõ lắm thế nào là cỏ mận và bản khoán liệu cái ý ‘mận’ ấy có cái gốc tích văn học nào không.

“Cho ta cỏ mận, trăm lần lá ngoan”. Không hiểu sao, tứ thơ ấy luôn làm cháu liên tưởng đến ‘vườn hoang trinh nữ xếp đối lá rầu’ của bài Ngâm Ngùi mà bố cháu thường hát cho từng giấc ngủ chúng

cháu khi xưa”.

Đăng Thái Hòa.

*

Phản trả lời của Du Tử Lê.

Chú cảm ơn Đăng Thái Hòa nhiều lắm, khi Hòa đã chịu khó ghi lại những kiến giải của các bạn, chung quanh câu thơ “Ồn em ngực ngải môi trăm / cho ta cỏ mận trăm lần lá ngoan” của Chú.

Đăng Thái Hòa cũng cho chú được gửi lời cảm ơn các bạn của Hòa, đã có những lý giải (dù khác nhau) về hai câu thơ kể trên.

Hồi nào giờ, chú vẫn quan niệm một

câu thơ, một bài thơ như một bức tranh. Tùy vị trí tức chỗ đứng của người thưởng ngoạn mà, bức tranh sẽ có được cảm nhận ra sao, thế nào...

Với thi ca thì tùy kiến thức, khuynh hướng, kinh nghiệm sống..., thậm chí cảnh tình của người đọc thơ (ngay lúc họ nhập vào bài thơ hay câu thơ) mà, mỗi người sẽ có cho riêng mình một kiến giải nào đó, về câu thơ / bài thơ ấy.

Từ quan điểm này, chú muốn nói mọi kiến giải của con, cũng như của các bạn con, đều có “sự sống” riêng của nó.

Cũng từ quan niệm vừa kể, chú rất ít giải thích tường tận một bài thơ của mình.

Tuy nhiên, trước sự tha thiết, chân tình của Đặng Thái Hòa, cô Hạnh Tuyền, người phụ trách trang nhà dutule.com nhắc nhở chú nhiều lần rằng, nên trả lời thư của Đặng Thái Hòa. Và, sau nhiều ngày, hôm nay có ít giờ rảnh, chú xin trả lời Hòa từng điểm, như sau:

- Thứ nhất, khi viết hai câu thơ kể trên, chú không hề có một liên tưởng gần, xa nào với ý “...là hiện thân của 1 vẻ đẹp

bình dị mà mệnh mang lòng bao dung...”

-Thứ nhì, khi viết hai câu thơ trên, chú cũng không hề có một liên tưởng gần, xa nào tới “...những hình ảnh tương phản, đối lập...” Nó càng không mang ý nghĩa “...khiêm tốn hạ mình của người chồng mang ơn người vợ...”

- Và, sau cùng, 2 câu thơ trên, chúng ở xa lắm, hình ảnh “vườn hoang trinch nữ xếp đôi lá rầu.” Nếu chúng ta phải cho nó một nơi chốn để “định cư” thì, nó là một căn phòng, chứ không phải một mảnh vườn, Đặng Thái Hòa à.

Bây giờ, là những gì chú có thể viết xuống, như một chứng tỏ cụ thể lòng chú quý con và các bạn con, xuyên qua hai câu thơ chúng ta đã cùng nhắc tới:

- Hai câu thơ của chú, đề cập tới hai bộ phận trên thân thể người nữ mà, chú cho là rất thiêng liêng.

Chú nói rất thiêng liêng vì đặc tính hay, nhiệm vụ của nó là truyền giống và nuôi dưỡng... Nhờ hai bộ phận đó mà nhân loại (trong đó có Hòa và chú) hiện diện trên trái đất, ngày hôm nay.

- Trên nguyên tắc, chúng ta không bị

Giữ Đời Cho Nhau

cấm kỵ (taboo) khi nhắc tới thân thể người nữ. Nhưng vì căn bản của văn chương là “lời (hay từ) phải đẹp” (thì mới là văn chương). Nên chú không thể viết xuống một cách thô lậu, trần trụi...

Trong văn chương, nếu chúng ta nhắc tới một số bộ phận nào đó, trên thân thể người nữ, bằng tên gọi đích danh của chúng thì, chú cho là nó... phản văn chương. Chưa kể, nó hạ thấp giá trị của người nữ.

- Vì thế, chú chọn hình thức ẩn dụ (metaphor) và liên tưởng... là những kỹ thuật căn bản mà văn chương đã cung cấp cho các thi sĩ, nếu họ hiểu và nắm được những kỹ thuật ấy.

Đăng Thái Hòa thân mến, chú mong cháu hiểu, đó là tất cả những gì chú có thể trả lời Hòa qua thư này.

Nếu Hòa và các bạn vẫn chưa nhận ra điều chú nói, thì, cho chú xin, một lần nào gặp được nhau, chú sẽ nói riêng, rõ hơn nữa, với Hòa.

Thân mến,

Chú Du Tử Lê.

(dutule.com
ngày 24 tháng 10-2012)

*

Giữ Đời Cho Nhau

*ơn em thơ đại từ trời
theo ta xuống biển vớt đời ta trôi
ơn em, đáng mong mưa vời
theo ta lên núi về đời yêu thương
ơn em, ngực ngải môi trầm
cho ta cỏ mận trăm lần lá ngoan
ơn em, hơi thoảng chỗ nằm
dấu quanh quần dấu nổi buồn một nơi
ơn em, hồn sớm ngậm ngùi
kiếp sau xin giữ lại đời cho nhau*

Du Tử Lê
1971.



TỬ CÔNG PHỤNG

Giữ Đời Cho Nhau (Ởn Em)

Nếu tôi nhớ không lầm, năm 1970 DTL tặng tôi một tập thơ mới. Bìa sau của tập thơ trình bày rất trang trọng một bài thơ lục bát của anh, vốn vẹn có 10 câu. Tôi chưa đọc vội bài thơ ấy, nhưng tôi nghĩ có lẽ đây là bài thơ rất ưng ý của Lê.

Khi tôi đọc xong bài thơ, trong óc tôi thoáng thấy có hai điều khác nhau. Một điều tôi thấy cần phải nói ngay với Lê: Bài thơ này cậu dùng chữ rất hay, rất thanh, để ẩn dấu những điều rất tục trong

đời sống thường tình của con người, và hơn thế nữa, đây là những lời cảm ơn chân thành dành cho một người tình nào đó của cậu. Lê gật đầu mỉm cười và tôi cũng mỉm cười. Tôi nghĩ có lẽ tôi là người bạn rất nhạy cảm đối thơ của Lê. Tôi hiểu ngay những điều gì Lê muốn tỏ lộ trong thơ.

Tôi nói với Lê: Một ngày nào đó tôi sẽ mượn bài thơ này làm một ca khúc ngợi ca tình yêu và như một lời cảm ơn chân thành dành cho vợ tôi, vì tình yêu



Vợ chồng Từ Công Phụng đứng giữa vợ chồng Du Tử Lê.

và lòng hy sinh cao cả mà nàng đã dành cho tôi trong những nổi thăng trầm và những lúc khốn cùng nhất của cuộc đời lưu vong.

Bài thơ chỉ có 10 câu không đủ để cho một bài nhạc được cân xứng, nên tôi đã thêm vào hai câu lục bát. Một thời gian sau đọc lại bài thơ Ởn Em ấy, tôi bỗng nhớ lại lời ru của Mẹ tôi để vỗ về giấc ngủ của tôi lúc tôi còn thơ ấu qua những vần thơ, và tôi đã mượn âm hưởng

ấy để khởi đầu cho ca khúc này.

Từ Công Phụng

Nhạc Sĩ Từ Công Phụng sinh ngày 27-7-1943 tại Văn Lâm, Ninh Thuận

Sáng tác đầu tay: Bây giờ tháng mấy lúc 18 tuổi Tốt nghiệp cử nhân Luật Sài Gòn Vượt biên cùng vợ con năm 1980.

Hiện cư ngụ tại thành Phố Portland, Oregon

Vẫn tiếp tục viết nhạc khi cảm hứng.



TÚ CÔNG PHỤNG

giữ đời cho nhau

(Ôn em)

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Tú Công Phụng

Ôn em thơ dại từ trời. Theo ta xuống biển vớt đời ta
 trôi. Ôn em đáng mong mưa với. Theo ta lên núi về đời yêu
 thương. Tạ ơn em, tạ ơn em. Ôn em ngực ngải môi

Giữ Đời Cho Nhau

13 trâm, Cho ta cỏ mận trăm lần lá ngoan. Ơn em hơi thoảng chỗ

17 nằm, dẫu quanh dẫu quẩn nỗi buồn một nơi. Tạ ơn em, tạ ơn

21 em. Ơn em tình những mùa lừa. Như con sâu nhỏ bò qua giấc

26 mùi. Ơn em hồn sớm ngậm ngủi. Kiếp sau xin giữ lại đời cho

30 nhau. Tạ ơn em, tạ ơn em (Ơn...)



DU TỬ LÊ

Hiến Chương Tình Yêu Ngày 14 Tháng 2

Để thuận tiện cho việc lui tới của anh em văn nghệ, đầu năm 1989, tôi quyết định đem tòa soạn tuần báo Tay Phải ra nhà in Number One Printing, ở đường Westminster, của anh Kim Khôi, một người bạn trẻ rất có lòng, của chúng tôi.

Thuở ấy, khu thương mại này, có những cơ sở thương mại quen thuộc như café Tao Nhân, phở Hoà An (sau này là phở 54,) nhà hàng Saigon...

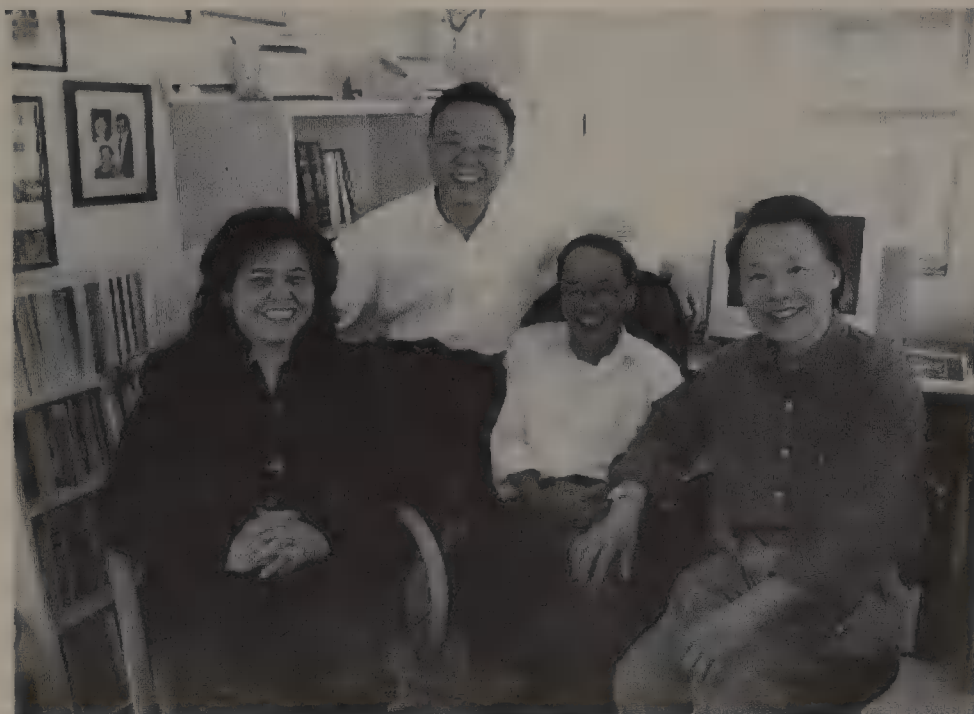
Buổi sáng, chúng tôi thường gặp nhau ở phở Hòa An, trước khi mỗi người

bắt đầu công việc của mình. Người tôi gặp nhiều nhất, gần như mỗi ngày là anh Tony Hoài, tức nhà thơ Hoàng Thượng Dung. Một hôm, bạn tôi, Tony Hoài hỏi:

“Hôm nay là ngày 14 tháng 2, ngày Valentine. Ông có quà gì cho T.N. không? Nếu có, cho tôi biết. Tôi sẽ chuyển cho ông...”

Nói xong, không đợi tôi trả lời, bạn tôi đứng lên, lái xe về văn phòng...

Thú thật, nếu bạn tôi không nhắc, tôi sẽ không nhớ, vì chưa bao giờ tôi chú ý tới ngày đặc biệt ấy.



*Từ trái: Phương Hoa (Giám đốc đài phát thanh VOVN Texas Houston),
Nhạc sĩ Nguyễn Bích, Du Tử Lê, nhạc sĩ Đăng Khánh*

Một mình, ngồi lại, qua khung kính lớn, tôi thấy một thiếu nữ từ xe buýt bước xuống. Cô khoảng trên, dưới hai mươi. Tuồng mới vào Mỹ từ trại, đảo... Dáng cô đồ, hất về phía trước với cái đầu cúi xuống những bước chân đi dè... Như thể cô phải đeo nặng khá nhiều khối buồn...

Tôi nhìn theo cho tới khi cô khuất

ngoài tầm mắt. Tôi không biết có một tương quan nào, giữa lời nhắc, câu hỏi của bạn tôi và, hình ảnh người thiếu nữ tất tả, lạc lõng trong buổi sáng tháng Hai, năm 1990, trời, đất còn ui ui đó... Nhưng, trong tôi, bỗng bật lên câu hỏi: Liệu những người trẻ Việt Nam ở quê người, có cần thơ, có tìm đến thơ, như những người trẻ ở Việt Nam, trước 1975?

Nếu câu trả lời là có thì, chúng ta có quá ít những bài thơ dành cho họ. Hiểu theo nghĩa, những bài thơ dễ đọc và, gắn liền với buồn, vui, kỷ niệm của họ ở xứ sở tạm dung này.

Tôi tự nói với mình, tại sao ta không thể có dăm ba bài thơ nhẹ nhàng, khả dĩ đỡ dần phần nào những khối nặng muộn phiền, nơi người con gái kia? (Dù cho thực tế, có thể họ cần những thứ khác hơn... thi ca!)

Ý nghĩ lan man, dẫn tôi tới nhu cầu căn bản để những người trẻ thích ứng với cuộc sống mới. Một trong những nhu cầu đầu tiên, quan trọng nhất, như tôi đã trải qua, là việc thi lấy bằng lái xe...

Sự nhớ lại bất ngờ này, giống như một tia chớp nhỏ, loé lên... dẫn tôi vào bài thơ mà, trước đó vài phút, đã không hề có trong tôi. Toàn thể bài thơ tôi viết xuống với lung linh hình ảnh T.N, một người nữ xuất hiện trong đời tôi, cùng lúc với tang lễ mẹ tôi, diễn ra tháng 11 năm 1988.

Bài “Hiến chương tình yêu, ngày 14 tháng 2” của tôi, được xây dựng trên

so sánh, liên tưởng đơn giản, nên nó được hoàn tất khá nhanh.

Năm 1991, bài thơ xuất hiện trong tuyển tập thơ nhan đề “Đi với về, cũng một nghĩa như nhau”, bản in lần thứ nhất.

Ít năm sau, các nhạc sĩ Nguyễn Bích ở Houston, rồi Trúc Hồ ở nam Cali và, ít nhất hai nhạc sĩ khác nữa, đã chấp thêm đôi cánh âm nhạc cho bài thơ.

Và, phải chăng, sau nhiều chục năm, chúng ta không còn nhu cầu phải thi lấy bằng lái xe, nhưng ở tuổi nào thì chúng ta cũng vẫn cần những ngọn lửa thương yêu, chiếc gối, bức thư và thậm chí, đôi khi cũng có thể là nước mắt...

(Feb. 14-2014)

*

hiến chương tình yêu ngày 14-2

*em đã biết Hiến Chương nào cũng vậy,
có những điều bắt buộc chúng ta theo
(như ngày mai thi lấy bằng lái xe)
ta cần thận ghi những điều phải nhớ.*

I.

Hiển Chương Tình Yêu Ngày 14 Tháng 2

*khi em lạnh, tôi biến thành ngọn lửa,
củi thương yêu. than đỏ hực ân tình
em cần thơ cho sáng dậy thơm hơn
tôi lập tức hóa thân thành vầng điệu.*

II.

*khi em bước tôi biến thành chiếc kiệu
ngựa hai hàng. tứ mã chắc... nan truy?
có sao đâu? tôi nào hỏi mấy khi.
(dù lắm lúc cũng thâm ghen tức chút)!*

III.

*khi em viết tôi biến thành giấy mực
bút tương tư mực nhớ đến ai kìa?
giấy từ cây. bút từ gỗ xa xưa.
mực từ nhựa. tôi từ em sống lại*

IV.

*khi em ngủ tôi biến thành chiếc gối:
để phòng hờ... ngộ nhỡ em muốn ôm
để đêm hờn, em có cái vút luôn
sáng nhật lại. thấy mình sao... dữ thiệt!?*

V.

*khi em đọc, tôi biến thành chữ viết.
cả nghìn chương, chỉ chép chuyện đôi ta.*

du tử lê

vì em,
tôi đã làm sa di



*mỗi đầu dòng: tên em sắp chữ hoa;
cả chấm, hỏi cũng đậm mùi hạnh phúc*

VI.

khi em ốm tôi biến thành tử thuốc.

*thành tấm màn, che gió máy cho em.
em chẳng cần phải lễ, giác hay xông,
vì tôi đã hóa thành cây ngải cứu.*

VII.

*khi em khóc tôi biến thành... nước mắt
chảy dùm em – cho cạn sạch nỗi niềm.
để mắt em xanh – để môi em mềm:
tôi là lá giữa buổi chiều... sắp tối.*

VIII.

*khi em hát tôi thành loa khuếch đại,
cho cả làng cả nước đổ ra nghe.
giọng em cao – tôi bảo gôm thanh ghê!
giọng em thấp – tôi tha hồ thêu dệt.*

IX

*khi em chết – cuộc đời này phải hết
không chỉ tôi, hoa cỏ cũng lên trời!
thú lìa rừng. chim chóc lạnh từng đôi
bao thế hệ vì em mà... biến mất!*

X.

*Hiến Chương viết ngày Tình Yêu vô
lượng
của hai người? – vâng, của chúng ta thôi.*

du tử lê
chỉ như mặt khác
tấm gương soi
reflection
in the looking glass



*mặc ai cười? mặc ai đó bĩu môi
họ ghen đấy. bởi em là Thánh Nữ
Ta sẽ chết. nhưng tình ta bất tử
vì mở đầu nhân loại: cuộc chơi riêng.*

Du Tử Lê,
(14.2.90).



Năm 1984 với Du Tử Lê và Nguyễn Đông Ngạc (1939-1996).



NGUYỄN BÍCH

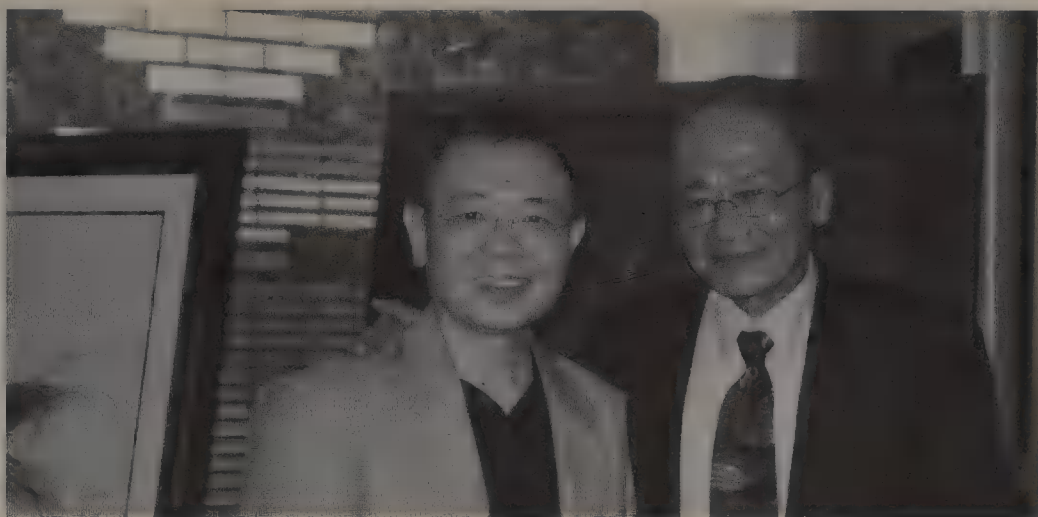
Hiến Chương Yêu

Bài nhạc Hiến Chương Yêu là bài nhạc đầu tiên tôi phổ thơ của thi sĩ Du Tử Lê, và cũng là một trong những bài tôi viết rất sớm khi mới tập tễnh viết nhạc. Đây là bài nhạc đầu tiên tôi viết ở cung thứ.

Khi tôi viết xong bài nhạc, tôi cất đi, không dám đưa cho anh Lê coi vì sợ ấu trĩ quá, làm hư bài thơ hay của nhà thi sĩ nổi tiếng này, nhất là sau đó tôi được biết bài thơ này đã được vài nhạc sĩ khác cũng đã phổ nhạc.

Vài tháng sau, anh Lê biết được và hỏi tôi về bài nhạc, tôi mở cho anh nghe bài nhạc do tôi tự hát, và rất là ngạc nhiên, anh Lê lại rất thích bài này, đã cùng với tôi sửa lại lời bài nhạc ở vài chỗ theo lời yêu cầu của tôi. Bài nhạc được kiện toàn đúng theo ý tôi và anh Lê, nhưng sau đó cũng chỉ được để đó.

Đến hai ba năm sau, trung tâm Diễm Xưa chọn bài này cho vào CD “Sao vội nhạt phai”; và nhờ thế Hiến Chương Yêu



Nhạc sĩ Nguyễn Bích (trái) và Du Tử Lê.

được giới thiệu đến giới thưởng ngoạn.

Ngay khi bài này, qua tiếng hát Tuấn Ngọc, được phát thanh trên đài Little Saigon Radio ở California, anh Lê đã được nhiều người gọi đến hỏi về bài nhạc, và rồi anh Lê hân hoan báo cho tôi biết Hiến Chương Yêu được chọn vào Video “Giữ đời cho nhau”, một Video ghi lại thân thể và sự nghiệp thi ca của nhà thi sĩ này.

Anh Lê cũng cho biết là Hiến Chương Yêu sau đó đã được trình diễn trong mỗi buổi ra mắt sách hoặc CD nhạc của anh.

Bản nhạc này được ca sĩ Vũ Khanh yêu mến một cách nồng nhiệt, anh đã làm một CD lấy bài nhạc này làm chủ đề: CD “Hiến Chương Yêu” và anh đã hứng thú mang bài này đi trình diễn nhiều nơi.

Nhạc phẩm Hiến Chương Yêu là một hứng thú của riêng tôi, qua những câu thơ dí dỏm, tài tình, chan chứa tình cảm và chứa đầy những ý tưởng lạ cho một chuyện bình thường, mà rồi đã là cây cầu bắt nối tình cảm giữa tôi với thi sĩ Du Tử Lê.

Nguyễn Bích



NGUYỄN BÍCH

hiến chương tình yêu

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Nguyễn Bích

Dịu dàng-Tha thiết

Khi em lạnh tôi biến thành ngọn lửa. Đốt yêu thương than nóng hực ân
 tình. Khi em đọc tôi biến thành chữ viết. Cả nghìn chương chỉ chép chuyện đôi
 ta. Khi em viết tôi biến thành giấy bút. Bút tương tư mực nhớ đến ai

Hiện Chương Tình Yêu

12 kia. Giấy từ cây, bút từ gỗ xa xưa. Mực từ nhựa, tôi từ em sống

16 lại. Khi em khóc tôi biến thành nước mắt. Chảy dùm em cho cạn nỗi ưu

20 tư. Để mắt em xanh. Để môi em mềm. Tôi thành lá giữa khi chiều sắp

24 tối. Khi em chết cõi đời này phải hết. Không chỉ tôi hoa cỏ cũng lên

28 trời. Muông thú xa rừng, chim lạnh từng đôi. Bao thế hệ vì em mà tàn

32 phai. Chuyện mình hai người, chuyện của lửa đôi, mặc kệ ai cười, mặc người bêu môi. Có gì

36 đau. Ta sẽ chết nhưng tình ta không chết. Vì mở đầu nhân loại cuộc chơi riêng.

Rall...



DU TỬ LÊ

Khúc K. Riêng Chàng / K. Khúc Của Lê.

Bài thơ “*Khúc K riêng Của chàng*” tôi viết và phổ biến năm 1981, với lời đề tặng “*Phan Tuyền và Trương Trọng Trác*”.

Khi bài thơ ra đời, người đầu tiên phổ nhạc không phải là nhạc sĩ Đăng Khánh mà, là nữ nhạc sĩ Khúc Lan. Cô giữ nguyên tựa đề bài thơ – Thu cassette, vào khoảng giữa thập niên 1980s với tiếng hát Nhật Hạ.

Tuy nhiên, nhạc sĩ Đăng Khánh cũng không phải là người sau cùng phổ nhạc bài thơ ấy. Sau ông, còn nhiều nhạc

sĩ khác nữa. Có thể kể như Phạm Anh Dũng, Song Ngọc, Anh Bằng v.v...

Bài thơ tượng hình từ tâm trạng rời rã, tuyệt vọng của tôi, khi nhớ tới những thương yêu mà, tôi phải bỏ lại sau biển cố tháng 4-1975.

Năm 1981, mặc dù những người tỵ nạn tại Mỹ đã có thể liên lạc bằng thư, gửi những thùng quà qua vài cơ sở nhận chuyển quà về VN, cho thân nhân... Nhưng ở cả hai phía, vì lý do tế nhị hay nhậy cảm chính trị mà, không bên nào dám kể thật cuộc sống hàng ngày của

mình. Cũng không một ai nghĩ được rằng, có ngày sẽ được gặp lại, đoàn tụ với những thương yêu nơi quê cũ.

Trong khi đó, đời sống tinh thần của những người ty nạn lớp đầu tiên nơi quê người, là một đời sống tù mù, khô cằn, tuyệt vọng. Để tiếp tục sinh tồn, hầu hết đều neo, bám tâm hồn mình vào chiếc phao quá khứ, hầu tránh rơi vào căn bệnh trầm cảm... Dù cho quá khứ kia, có thể đã có cho nó một lối đi khác. Dù những thương yêu kia, đã thuộc về những cảnh đời khác.

Do đấy, bài thơ có những câu như:
*“em vui đời khác làm sao hiểu
tôi sống âm thầm như cỏ cây”*

Hoặc:
*“phố xưa em buộc đôi hàng bím
nay tóc về đâu? - hồn ở đâu?”*

Nói cách khác, bài thơ của tôi, như những lời tự thán cho thân phận lưu vong của mình, hơn là một bài thơ tình thuần túy. Loại tự thán kèm theo những “tiên tri” u ám cuối đời mình, như:

*“...em biết, rồi em như chim ngàn
thôi còn khua động làm chi nữa*

hồn tôi vốn đã là tro than”

Hoặc:

*“tôi xa người, xa miền mê oan
hồn tôi khô xác sợi dây đàn
máu tôi đã gửi trong từng chữ
dấu chết, còn nguyên lời oán than...”*

Trong bài viết nhan đề “*Thơ Phổ Nhạc*”, nhạc sĩ Đăng Khánh kể lại cuộc hạnh ngộ giữa bài thơ và nhạc sĩ, cách đây đã 22 năm, như sau:

“...Mãi đến năm 1992 ở bên Hoa Kỳ mới có cơ duyên “chạm” vào một tiếng thơ vô cùng “lộng lẫy” đó là “Thơ Tình Du Tử Lê”. Tiếng sét thi ca ấy của một đêm hội ngộ năm nào tại nhà một người bạn chung của chúng tôi là nhà báo Trọng Kim – Trương Trọng Trác tại Houston đã đưa đến một hôn phối thi ca mà thể hiện là nhạc phẩm phổ từ bài thơ thất ngôn 10 khổ 40 câu 280 chữ mang tên: Khúc K. Riêng Chàng mà tôi đã đặt tên cho ca khúc là: K. Khúc của Lê (Le’s Serenade) để trân trọng vinh danh người Thiếu Lâm thi sĩ trong âm nhạc tôi...”

*

khúc k. riêng chàng,

tôi xa người như xa núi sông
em bên kia suối? - bên kia rừng?
em bên kia nắng? - bên kia gió?
tôi một dòng sương lên mênh mông

tôi xa người như xa biển đông
chiều dăng lênh láng chiều giăng hàng
những cây ghi dấu ngày em đến
đã chết từ đêm mưa không sang

tôi xa người, xa đôi môi tham
em biết, rồi em như chim ngàn
thôi còn khua động làm chi nữa
hồn tôi vốn đã là tro than

tôi xa người, xa đôi mắt ngoan
vườn tôi trắng lạnh đến hoang tàn
em xa xôi quá làm sao biết
vốn liếng tôi còn: những ngổn ngang!

tôi xa người, xa trên sân bay
hồn tôi còn cát dấu chân bầy
em vui đời khác làm sao hiểu
tôi sống âm thầm như cỏ cây

tôi xa người, xa hơi thuốc cay
ngày mai tình sẽ bỏ tim này
chiều em không đến hàng cây cũng
nghiêng xuống tôi: từng ngọn heo may

tôi xa người, xa bàn tay vui
bàn tay có ngón đã chôn đời
bàn tay có ngón không đeo nhẫn
có ngón dành riêng cho môi tôi

tôi xa người, xa niềm thiết tha
hoa xuân đã rụng héo hiên nhà
phố xưa em buộc đôi hàng bím
nay tóc về đâu? - hồn ở đâu?

tôi xa người, xa miền mê oan
hồn tôi khô xác sợi giây đàn
máu tôi đã gửi trong từng chữ
dấu chết, còn nguyên lời oán than

tôi xa người, xa một mùi hương
bãi khuya, hồn ốc lác thiên đường
nhớ ai buồn ngất trên vai áo
mưa ở đâu về? - như vết thương.

Du Tử Lê,

(1981)



Từ trái: Đàm Thạch, Du Tử Lê, Thành Tôn, Song Thao. 2012



ĐẶNG KHÁNH

Thi Ca Du-Tử-Lê Và Âm Nhạc Đặng-Khánh

*“Nhớ ai buồn ngất trên vai áo
Mưa ở đâu về như vết thương”*

Đã 22 năm chẵn (1992-2014), nổi nhớ khôn nguôi hằn trên da thịt người nghệ sĩ vẫn thấp thoáng hiện về trên những cung bậc của thi ca.

Buổi tối hôm đó, của đầu thập niên 90, sau những giọt “nước vối” cuối cùng được rót ra từ cái ấm tích cũ kỹ của nhà báo Trọng Kim, chúng tôi già từ bạn tôi,

thi sĩ Du Tử Lê, ra về với một bài thơ viết đã lâu, ngày in trên tờ Ngày-Nay rất cũ, giấy đã ngả màu năm tháng.

Bài thơ có tựa đề: Khúc K. Riêng Chàng.

Bài thơ thất ngôn 10 khổ, 40 câu, 280 chữ, không cách gì ra khỏi đầu tôi trên suốt đoạn đường về 32 miles / 51.2 Km... Lúc ấy đã hơn một giờ sáng!

Chúng tôi đã ngồi với nhau suốt buổi chiều, cả buổi tối với đầy ắp thi ca Du Tử Lê. Và bây giờ trên đường về, tôi

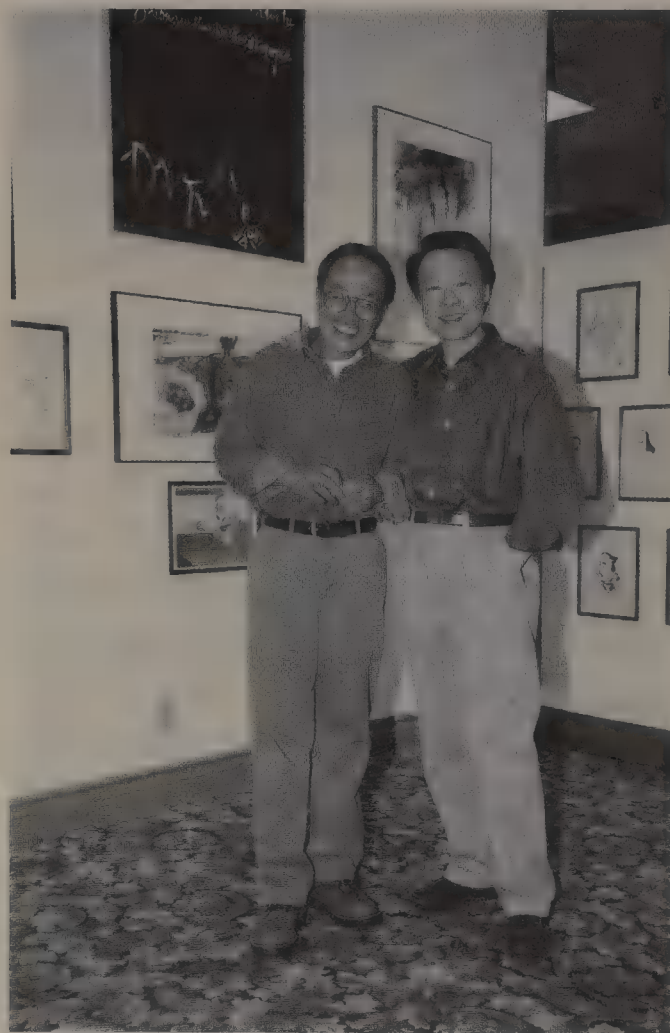
thực sự đang “hoang mang” với nỗi nhớ tuyệt vời trong 2 câu kết của bài thơ:

*“Nhớ ai buồn ngất trên vai áo
Mưa ở đâu về như vết thương”*

Ai đã sống mà chưa từng nhung nhớ? nỗi nhớ trong hai câu thơ trên là nỗi nhớ một đời!..

Về đến nhà, không cởi giày, không thay quần áo, tôi ngồi thẳng vào đàn. Với bài thơ trên giá nhạc, với những thúc đẩy từ vô thức, những ngón tay tôi tự động tìm hứng nhạc, tìm nhạc đề...

Bên ngoài cửa kính là màn đêm dày đặc mênh mông, bên trong căn nhà rộng sáng lên một ngọn đèn 60 watts chiếu xuống từ bên trên chiếc dương cầm... Từ đâu đó, một âm giai thứ thăm thăm vọng về, thang âm Đô thứ (Cm) mà tôi thường ưa thích, đang xoắn lấy những con chữ chập chờn của Khúc K. Riêng Chàng, và từ từ “dệt” trên nền âm thanh một giai điệu mở đầu cho bản nhạc sẽ mang tên “K. Khúc Của Lê” trong những ngày tháng tới:



Du Tử Lê và Đăng Khánh. 1998.

*Tôi xa người như xa núi sông / Sol
- Mi(b) - Đồ - Mi(b)- Sol- La(b) - Sol
Em bên kia suối bên kia rừng / Sol
- Sol - Si(b) - Đồ - Si(b) - Sol - Fa*

Em bên kia nắng bên kia gió / Đô - Đô - Rê - Mi(b) - Đô - Rê - Mi(b)

Tôi một dòng sương lên mênh mông / Rê - Si (Neutral)- Sol - Đô - Đô - Đô - Đô...

Sau đó, suốt cả tháng dài trước mặt tôi đã sống, đã “ăn ngủ”, đã hít thở.. cả trong khi lái xe, cũng như khi làm việc, với bài thơ và thả hồn mình vào đời sống của thi ca Du Tử Lê trong tác phẩm này.

Bài thơ quá phong phú, có thừa chất liệu cả từ hình thức đến nội dung cho việc phổ nhạc. Trung bình một ca khúc thường có khoảng 32 khuôn nhạc và cần khoảng trên dưới 32 câu “lyrics” để đặt lời ca.

Hơi thơ bài này mỗi câu 7 chữ rất thuận tiện cho việc ngắt câu (phrasing). Có thể ngắt câu 1 chữ, 2 chữ, 3 chữ... 4,5,6...14 chữ.v.v. Nhờ vậy, nhịp điệu cần chọn lựa ít bị gò bó, và người phổ nhạc ít gặp khó khăn khi “dệt” nhạc của mình (Melody, Rythm, Harmony) vào bài thơ của người. Ở đây tôi sẽ không bàn về kỹ thuật phổ nhạc vào bài thơ

này (Key - Motif - Chord Progressions - Modulations... etc.)

Tôi chỉ xin thú nhận rằng: là người viết tình ca và học nhạc cổ điển tây phương, tôi đã yêu thơ tình Du Tử Lê ngay từ những tao ngộ ban đầu. Tôi đã rất quý mến nhà thơ và trân trọng tình bằng hữu nơi ông. Tôi đã rất nhiều lần tự hỏi:

* Tại sao anh Lê có thể viết những câu thơ tuyệt vời đến thế được?

Ta hãy thử đọc lại vài đoạn thơ của bài Khúc K. Riêng Chàng đang tồn đọng trong ký ức:

*“Tôi xa người như xa biển đông
Chiều dâng lênh láng chiều giăng hàng
Những cây ghi dấu ngày em đến
Đã chết từ đêm mưa không sang.”*

(Khổ thơ thứ hai)

Hoặc khổ thứ chín của bài thơ:
*“Tôi xa người xa miền mê oan
Hồn tôi khô xác sợi dây đàn
Máu tôi đã gửi trong từng chữ
Dấu chết còn nguyên lời oán than”*

Hay đọc khổ chót của bài thơ:

*“Tôi xa người xa một mùi hương
Bãi khuya hồn ốc lạc thiên đường
Nhớ ai buồn ngất trên vai áo
Mưa ở đâu về như vết thương”*

Và không biết bao nhiêu những câu thơ “ảo diệu” như thế trong hàng trăm tác phẩm đã in của Thi Sĩ.

Tôi vẫn thường quan niệm đọc thơ, nghe nhạc (trừ trường hợp giảng dạy trong các lớp học academic), chúng ta không phân tích chữ và nghĩa câu thơ hay câu nhạc mà chỉ “cảm nhận” cái hồn-tính của câu thơ hay bài thơ, bài nhạc đó. Nếu không, vô hình chung chúng ta đã chôn chặt tác phẩm trong “một” giới hạn không gian, một giới hạn thời gian và nhất là của “một” miền tâm cảnh trong tác phẩm.

Nghe nhạc cũng thế!... (Dĩ nhiên ta không quên những qui luật, những kinh nghiệm hệ thống hóa hằng nhiều trăm năm, đã làm nên những giá trị căn bản cho tác phẩm hôm nay.)

Tôi thích Thơ-Tình Du Tử Lê vì cái tính chất “không giới hạn” của “chữ

nghĩa thi ca” ông. Viết đến đây, tôi nhớ lại 4 câu thơ của mình từ những ngày đầu tập tễnh làm thơ (Khoảng 1961 đảo chánh hụt T.T NĐD) mà tôi vẫn còn thích đến hôm nay:

*“Gió đi trên những nóc nhà
Năm canh hiu hắt canh gà Thọ-Xương
Hồn-khuya lạc lối thiên đường
Ốc-diêm-vương chảy giữa vườn tuổi-thơ”*

Tôi rất thích hai câu sau, nhưng nếu có ai hỏi “nghĩa” là gì và tại sao tôi lại thích hai câu ấy, tôi sẽ không có câu trả lời. Cũng như những khi tôi “bàng hoàng” với Du Tử Lê trong hai câu thơ cuối của bài thơ:

*“Nhớ ai buồn ngất trên vai áo
Mưa ở đâu về như vết thương.”*

thì tôi cũng sẽ không hiểu tại sao tôi bàng khuâng, tại sao tôi lại yêu thích “nó” đến thế.

Và cứ như thế, tiếng thơ lộng lẫy của Du Tử Lê (và Mai-Thảo) cứ liên lụy nhỏ xuống hồn tôi, xuống hồn những người yêu thơ ông, những giọt đắng trái sầu, những bàng khuâng hạnh phúc, những xót xa cuộc đời... để đời sống này

thêm đậm đà hương sắc.

Với riêng tôi, cuộc đời đã thú vị hơn nhiều, những khi chiều xuống ánh lên ly rượu đỏ trên tay, lòng rưng rưng nhớ:

*“Vàng sau lưng. Vàng ghé ngồi
mùa em thu tím. Rừng tôi phía nào”*

(Trích: Mùa thu và thơ mới,
ở đường Costa Mesa cũ)*

Hoặc:

*“ta đã đợi em từ hạt bụi
mai về nhớ lấy dấu mưa đi
bàn chân nhớ đất còn khô nẻ
môi nhớ tàn phai lệ nhớ mi”*

(Bài thơ tên: ta đã đợi em từ hạt bụi. Chỉ có 4
câu và không chữ nào viết hoa)*

Hay sau cùng, đoạn kết của một cuộc tình, trong Chẳng Bao Giờ Dậy Nữa:

*“Em ngủ trong lòng tôi
chẳng bao giờ dậy nữa
một đời rồi cũng thôi
chỗ ngồi kia đã bỏ”*

(Trích: Chẳng bao giờ dậy nữa) **

Và cứ như thế, âm nhạc tôi đã quay

chung trên cùng khung cửa, để dệt chung với thi ca Du Tử Lê tạo thành những sản phẩm làm nên hôn phối thi ca này.

Những ca khúc của Đăng-Khánh từ thơ Du Tử Lê bước ra, tôi muốn được gọi là “K. Khúc của Lê” (Lê’s Serenade) dù đấy là những Lệ Buồn Nhớ Mi.

Đăng Khánh

Đường An-Bình. Houston, Texas 77005

May 8th, 2014

** Phổ từ bài thơ: Mùa Thu Và Thơ
Mới Ở Đường Costa Mesa Cũ), hay Em
Ngủ Trong Một Mùa Đông*

*** Phổ từ bài thơ: Chẳng Bao Giờ
Dậy Nữa), hay K. Khúc Của Lê (Phổ từ
bài thơ: Khúc K. Riêng Chàng)*

*Những “K. Khúc Của Lê” đã được
đặt tên trong tình-ý ấy.*



Từ trái: Du Tử Lê, Đinh Quang Anh Thái, Nguyễn Mạnh Hùng, Phan Huy Đạt. 2013



ĐẶNG KHÁNH

*Giọng nôm cú chơ con chơn nĩa cú
Giọng sông trôi, tôi ô lại bên bờ.
Du Tử Lê*

k.khúc của lê

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Đặng Khánh

Lento Expressivo

6 Tôi xa người như xa núi sông. Em bên kia suối, bên kia rừng? Em bên kia nắng? Bên kia

gió? Tôi một giòng sương lên mênh mông. Tôi xa người như xa biển Đông. Chiều dăng lênh lảng chiều giăng

12 hàng. Những cây ghi dấu ngày em đến. Đã chết từ đêm mưa không sang.

Piu mosso

K. Khúc của Lê

17 Tôi xa người xa hơi thuốc cay. Ngày mai tình sẽ bỏ tim này. Chiều em không tới hàng cây

22 đã. Nghiêng xuống tôi từng ngọn heo may. Tôi xa người như xa biển Đông, như xa núi

26 sông. Em bên kia suối. Sương lên mênh mông. Tôi xa người xa tôi từ đây lặng yên dấu

30 xưa, còn chân đá cũ còn lời oán than. Tôi xa người xa môi rất tham.

35 Em như gió núi, như chim ngàn. Em xa xôi quá làm sao biết. Tôi âm thầm như cơn mê hoang.

41 Tôi xa người xa không hờn oán. Vườn tôi trắng lạnh đến hoang tàn. Nhớ ai buồn ngắt trên vai

46 áo. Mưa ở đâu về? như vết thương.

Fine



DU TỬ LÊ

Khi Cuộc Tình Đã Chết

Đây là ca khúc đầu tiên, cổ nhạc sĩ Phạm Đình Chương phổ nhạc từ bài thơ “Lúc người chết” của tôi năm 1969. Phần ghi chú cuối bản nhạc của tập nhạc “Mộng Dưới Hoa”, họ Phạm ghi ông viết “...tại căn phòng nhỏ trên lầu 5 của khách sạn Tự Do” Saigon.

Chưa bao giờ ông kể tại sao ông chọn bài thơ đó mà, không là bài thơ khác? Cũng chưa bao giờ tôi hỏi ông, vì tôi không thấy cần thiết phải hỏi, tại sao là bài thơ ấy mà không là bài thơ khác?

Tôi chỉ thả mặc tôi chìm, trôi trong tiếng hát của chính ông hay, tiếng hát của nữ danh ca Thái Thanh, không chỉ ở phòng trà Đêm Mầu Hồng, mà ngay tại quê người, những lần chúng tôi ghé thăm bà, hồi bà còn giữ căn nhà nhỏ trong một chung cư nằm trên đường Bolsa, thuộc Westminster...

Và, lần nào tôi cũng nhớ tới bài viết của nhà phê bình văn học thời tiền chiến Hoài Thanh mà, tôi ngưỡng mộ khi còn tấm bé! Đó là bài ông cho phát thanh trên đài Hà Nội, vào ngày mồng Một

Khi Cuộc Tình Đã Chết

Tết năm 1973, ngay sau khi tôi được trao giải Văn chương toàn quốc bộ môn thơ, năm ấy.

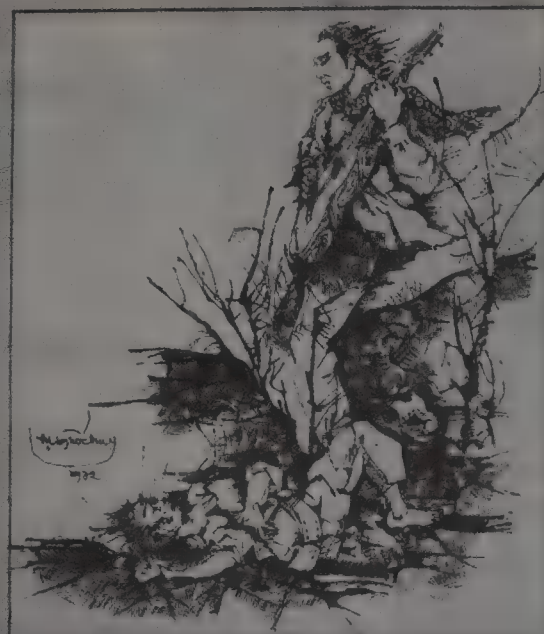
Đó là một bài phát thanh khá dài, lên án tôi nhiều khía cạnh. Và trong phần thơ trích dẫn, ông đã cho đọc lại trọn bài “Lúc người chết” của tôi.

Khi thời gian đi qua và, thời thế đã có nhiều thay đổi lớn, thí dụ, chính phủ Mỹ đã cho phép người Việt được về thăm quê nhà... tôi từng có ý định sẽ trở về thăm Hà Nội, tìm thăm ông. Nhân tiện, tôi sẽ ngỏ lời cảm ơn ông đã đọc thơ tôi và xin ông cho biết nguyên nhân sâu xa hay vì lý do thăm kín nào, khiến ông chọn bài thơ “*Lúc người chết*” của tôi, để minh họa cho những cáo buộc ghê gớm, ông dành cho tôi mà, không phải là những bài khác, có trong tập thơ trên? Bởi vì, tôi không tìm thấy một liên hệ thật, xương nào, giữa bài thơ và những điều ông “nhiệt tình” lên án?

Nhưng tôi chưa kịp thực hiện ý định nhỏ bé này, thì được tin ông đã từ trần!

Tôi vẫn nghĩ, mỗi bài thơ, như mỗi con người, đều có một định mệnh riêng.

thơ dutulê



gìn vàng giữ ngọc

Từ đó, tôi hiểu, cách gì thì “*Lúc người chết*” hay “*Khi cuộc tình đã chết*” cũng phải sống đời riêng của nó.

Dù cho đó là một đời sống được vẽ lên trang giấy với những hình tượng, màu sắc nào chẳng nữa!

*

Lúc Người Chết

hãy mang đi hồn tôi
 một hồn đầy bóng tối
 một hồn đầy hương phai
 một hồn đầy gió nổi

hãy mang đi hồn tôi
 một hồn đầy mắt đỏ
 mưa nổi liền vai người
 buồn nổi liền thân tôi
 tình nổi liền nỗi chết

hãy mang đi hồn tôi
 một hồn đầy bão rớt
 một hồn đầy điên mê
 một hồn đầy mộ địa

hãy mang đi hồn tôi
 một hồn đầy môi người
 một hồn đầy tóc rối
 một hồn đầy máu tươi
 một hồn đầy tay siết
 một hồn đầy ngực thơm
 chân đưa lời cáo biệt

hãy mang đi hồn tôi
 một hồn đầy cơn trùng
 một hồn đầy tháp chuông
 ngân nga lời báo tử

hãy mang đi hồn tôi
 khi cuộc tình đã hết
 còn lời nào cho vui
 còn mắt nào không tủi

hãy mang đi hồn tôi
 một hồn đầy trái rụng
 đời đã đời chia đôi
 tình đã tình khốn nhục
 trước khi người phải chết
 nhớ một lần đêm nay
 mưa đắp mềm vai người
 buồn đắp mềm thân tôi
 quanh ta đời đã lụn.

Du Tử Lê

1969.



Nguyễn Duy và Du Tử Lê. 1987

“Viết năm 1969,
tại căn phòng nhỏ trên lầu 5,
khách sạn Tự Do.



PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG (1929-1991)

khi cuộc tình đã chết

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Phạm Đình Chương

Very slow

Hãy mang đi hồn tôi một hồn đầy bóng tối, một hồn đầy gió nổi, một hồn đầy hương
phai. Hãy mang đi hồn người chân đưa lời cáo biệt, mưa ướt liền vai người, hiu hắt liền đời
tôi. Khi cuộc tình đã chết còn lời nào cho vui. Đời đã đành chia đôi khi
cuộc tình đã chết còn mắt nào cho nguôi. Đời đã đành chia đôi. Hãy mang đi hồn

Khi cuộc tình đã chết

17 A D E Am E Am

tôi đây tóc rối, đây môi người, đây tay siết, đây ngực thơm, đây bão tố, đây điên

20 E D⁷ G D⁷ G CM⁷ C⁶ B⁷

mê. Xin nhớ đêm nay, xin nhớ đêm nay, mưa ướt mềm vai người ướt mềm tình tôi.

24 Tacet... E

Hãy mang đi hồn tôi, một hồn đây bóng tối, một hồn đây gió nổi, một hồn đây hương

28 E⁹ A E D E D

phai. Hãy mang đi hồn người chân chưa lời cáo biệt mưa nổi liền vai người. hieu hắt liền đời

32 E E⁶ C⁶ A F⁶ F⁶7

tôi. Khi cuộc tình đã chết, còn lời nào cho vui. Đời đã đành chia đôi. Khi

36 E⁶ C⁶ Am⁷ F⁶ B⁷ 1. E A

cuộc tình đã chết, còn mắt nào cho người, đời đã đành chia đôi.

40 E F⁶ E⁶ C⁶ E A

Hãy mang đi hồn... ...đôi. Khi cuộc tình đã chết còn mắt nào cho người.

44 Rall... F⁶ D E D Fine

Đời đã đành chia đôi.



DU TỬ LÊ

Khúc Thụy Du

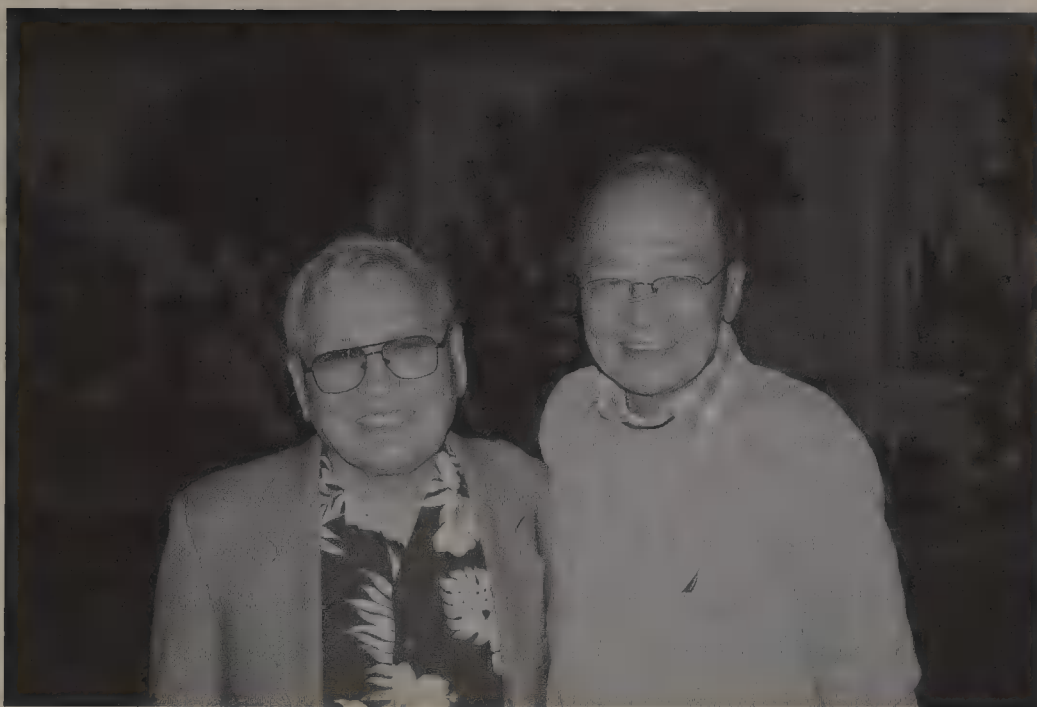
Khi biến cố Tết Mậu Thân, 1968 xảy ra, đó cũng là lúc cuộc tình của tôi và một nữ sinh viên trường Dược, ở Saigon khởi đầu.

Đầu tháng 3-1968, tôi bị chỉ định đi làm phóng sự nơi một tiểu đoàn TQLC đang giải tỏa khu Ngã Tư Bảy Hiền.

Lúc đó, cả thành phố Saigon còn giới nghiêm. Trên đường đi, từ Cục TLC ở đầu đường Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè tới khu Ngã tư Bảy Hiền, đường xá vắng tanh, tôi thấy có khá nhiều xác chết. Đó là những xác chết không toàn

thân, bị cháy nám; rất khó nhận biết xác chết dân chúng, binh sĩ hay bộ đội CS.

Tới gần khu ngã tư Bảy Hiền, dù không muốn nhìn, tôi vẫn thấy rất nhiều mảnh thịt người vương vãi hai bên đường. Có cả những cánh tay văng, vương trên giây điện... Rất nhiều căn nhà trúng bị bom, đạn. Đổ nát. Tôi cũng thấy những con chó vô chủ gặm chân, tay người bên lề đường... Tất cả những hình ảnh ghê rợn này đập vào mắt tôi, cùng mùi hôi thối tẩm, loang trong không khí.



Nhạc sĩ Anh Bằng và Du Tử Lê (10-2011)

Tối vùng giao tranh, tôi gặp người trách nhiệm cuộc hành quân giải tỏa khu chợ Bảy Hiền, thiếu tá Nguyễn Kim Tiền. Anh vốn là một bạn học thời trung học của tôi. Tiền cho biết, đơn vị của anh đang ở giai đoạn cực kỳ nguy hiểm. Hai bên rình rập nhau, như trò cút bắt, để tranh giành từng gian hàng, từng ngôi nhà... Anh nói tôi phải rời khỏi khu chợ, lập tức. Vì anh không thể bảo đảm sinh

mạng cho tôi, dù là bạn cũ...

Trên đường về, khung cảnh hoang tàn, đổ nát với xương thịt người vung vãi khắp nơi, cùng với mùi người chết sinh thối... một lần nữa lại xâm chiếm toàn thể thân, tâm tôi. Khiến tôi nhiều lần muốn nôn ọe...

Giữa tháng 3-1968, nhà văn Trần Phong Giao, Thư ký tòa soạn Tạp chí Văn, gọi điện thoại vào phòng Báo Chí,

Cục TLC, hỏi tôi có thể viết cái gì đó, cho Văn số tục bản.

Gọi là “tục bản” bởi vì sau số Xuân, khi biến cố mùng Một Tết xảy ra, báo Văn ngưng xuất bản. Lý do, các nhà phát hành không hoạt động. Đường về miền tây cũng như đường ra miền Trung bị gián đoạn. Saigon giới nghiêm. Tuy nhiên, ông nói, hy vọng ít ngày nữa, giao thông sẽ trở lại – Thêm nữa, không thể để Văn đình bản quá lâu. Sau khi nhận lời sẽ đưa bài cho Trần Phong Giao, tôi mới giật mình, hốt hoảng!

Tôi nghĩ, giữa tình cảnh ấy, tôi không thể đưa ông một bài thơ tình, hay một chuyện tình. Mặc dù thơ tình hay chuyện tình là lãnh vực của tôi thuở ấy. Tôi thấy, nếu tiếp tục con đường quen thuộc kia, tôi sẽ không phải với người đọc mà, tôi còn không phải với hàng ngàn, hàng vạn linh hồn những người chết tức tưởi, oan khiên vì chiến tranh nữa...

Cuối cùng, gần hạn kỳ phải đưa bài, nhớ lại những giờ phút ở ngã tư Bảy Hiền, tôi ngồi xuống ghi lại những gì mục kích trên đường đi. Viết xong, tôi

không tìm được một nhan đề gần, sát với nội dung, đành chọn một nhan đề có tính riêng tư!

Bài thơ dài trên 100 câu. Nhưng khi Văn đem đi kiểm duyệt, bộ Thông Tin đục bỏ của tôi gần hoặc hơn 1/3 bài thơ. Thời đó, viết tay, không có bản phụ, nên, sau này khi gom lại để in thành sách, tôi không có một bản nào khác, ngoài bản in trên báo Văn (đã kiểm duyệt.)

Tuy còn mấy chục câu thôi, nhưng nội dung bài thơ, từ đầu đến cuối, vẫn là một bài thơ nói về thảm cảnh chiến tranh. Người phụ trách phần kiểm duyệt nào đó, vẫn để lại cho bài thơ của tôi những câu cực kỳ “phản chiến” như: *“...Ngước lên nhìn huyết lộ - bày quạ rửa xác người - (của tươi đời nhượng lại) - bữa ăn nào ngon hơn - làm sao tôi nói được...”* Hoặc: *“...Trên xác người chưa rửa - trên thịt người chưa tan - trên cánh tay chó gặm - trên chiếc đầu lợn tha...”* vân vân...

Nói cách khác, tình yêu chỉ là phần phụ; với những câu hỏi được đặt ra cho những người yêu nhau, giữa khung cảnh

chết chóc kia, là gì? Nếu không phải là những tuyệt vọng, cùng tất cả sự vô nghĩa chói gắt của kiếp người?

Như đã nói, thời gian ra đời của bài thơ cũng là khởi đầu của cuộc tình giữa tôi và một sinh viên trường Dược, tôi lấy một chữ lót trong tên gọi của người con gái này, cộng với chữ đầu, bút hiệu của tôi, làm thành tựa đề. Nó như một cộng nghiệp. Chung một tai họa. Hay chung một tuyệt lộ!

Bài thơ ấy, sau đó tôi cho in lại trong tuyển tập “*Thơ Du Tử Lê (1967-1972)*”. Cuối năm, tập thơ được trao giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc, bộ môn thi ca, 1973.

Năm 1983, tôi cho tái bản cuốn thơ này ở California, sau khi được một độc giả du học tại Mỹ trước năm 1975, cho lại. Cô bắt tôi phải hứa in lại và, dành bản đầu tiên cho cô...

Một buổi tối, nhạc sĩ Anh Bằng đến tìm tôi ở quán Café Tay Trái (ngã tư đường Trask và Fairview). Ông nói, ông mới phổ nhạc bài “*Khúc Thụy Du*”. Ông cho tôi quyền chọn người hát. Ông

nhấn mạnh:

“Tôi có thể chỉ cho người đó hát...”

Thời gian đó, trong số bằng hữu giúp tôi điều hành Café Tay Trái, có nhạc sĩ Việt Dzũng. Lúc nhạc sĩ Anh Bằng đến tìm tôi, cũng là lúc Việt Dzũng đang chuẩn bị cho chương trình ca nhạc buổi tối. Tôi giới thiệu hai người với nhau...

Khi ca khúc “*Khúc Thụy Du*” ra đời dạng cassette, với tiếng hát của Việt Dzũng, tôi mới biết, nhạc sĩ Anh Bằng chỉ lọc, lựa một số câu thơ liên quan tới tình yêu mà, không lấy một câu thơ nào ghi nhận một cách cụ thể về chiến tranh, chết chóc... Chết chóc hay chiến tranh được hiểu ngầm, như một thứ background mờ nhạt.

Từ đó đến nay, thỉnh thoảng vẫn có người lên tiếng phản đối sự giản lược nội dung bài thơ của tôi vào một khía cạnh rất phụ: Khía cạnh tình yêu trong ca khúc “*Khúc Thụy Du*”...

Nhưng, hôm nay, sau mấy chục năm, nhìn lại, tôi thấy, nhạc sĩ Anh Bằng, cũng có cái lý của ông...

(1-30-2010).

Khúc Thụy Du

1.

như con chim bói cá
trên cọc nhọn trăm năm
tôi tìm đời đánh mất
trong vụng nước cuộc đời

như con chim bói cá
tôi thường ngừng cánh bay
ngước nhìn lên huyết lộ
bầy quạ rửa xác người
(của tươi đời nhượng lại)
bữa ăn nào ngon hơn
làm sao tôi nói được!

như con chim bói cá
tôi lặn sâu trong bùn
hoài công tìm ý nghĩa
cho cảnh tình hôm nay.

trên xác người chưa rửa
trên thịt người chưa tan
trên cánh tay chó gặm
trên chiếc đầu lợn tha
tôi sống như người mù

tôi sống như người điên
tôi làm chim bói cá
lặn tìm vuông đời mình
trên mặt đời nhiên lặng
không tắm nào sủi lên
đời sống như thân nấm
mỗi ngày một lùn đi
tâm hồn ta cọc lại
ai làm người như tôi?

2.

mịn màng như nổi chết
hoang đường như tuổi thơ
chưa một lần hé nở
trên ngọn cờ không bay
đôi mắt nàng không khép
bàn tay nàng không thừa
lọn tóc nàng đêm tối
khư khư ôm tình dài.

ngực tôi đầy nắng lửa
hãy nói về cuộc đời
tôi còn gì để sống
hãy nói về cuộc đời
khi tôi không còn nữa
sẽ mang được những gì
về bên kia thế giới
thụy ơ và thụy ơ!

tôi làm ma không đầu
tôi làm ma không bụng
tôi chỉ còn đôi chân
hay chỉ còn đôi tay
quờ soạng tìm thi thể
quờ quạng tìm trái tim
lăn tan cùng vỏ đạn
dính văng cùng mảnh bom
thụy ơ và thụy ơ!

đừng bao giờ em hỏi
vì sao mình yêu nhau?
vì sao môi anh nóng?
vì sao tay anh lạnh?
vì sao thân anh rung?
vì sao chân không vững?
vì sao anh van em?
hãy cho anh được thở
bằng ngực em rũ buồn
hãy cho anh được ôm
em, ngang bằng sự chết.

tình yêu như ngọn dao
anh đâm mình, lút cán
thụy ơ và thụy ơ!

không còn gì có nghĩa
ngoài tình anh tình em
đã uớt đầm thân thể.

anh ru anh ngủ mùi
đợi một giờ linh hiển.

Du Tử Lê,

(3-68)



ANH BẰNG

khúc thụ du

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Anh Bằng

4 3 3 3 3

Hãy nói về cuộc đời khi tôi không còn nữa, sẽ lấy được những gì về bên kia thế

4 3 3

giới ngoài trống vắng mà thôi. Thụ ơi và tình ơi...

8 3

Như loài chim Bói Cá trên cọc nhọn trăm năm tôi tìm đời đánh

Khúc Thụy Du

The musical score is written on ten staves, each with a treble clef and a key signature of two flats (B-flat and E-flat). The lyrics are in Vietnamese. The score includes various musical notations such as eighth notes, quarter notes, and triplet markings (indicated by a '3' over a group of notes). The lyrics are as follows:

11 mất trong vũng nước cuộc đời... trong vũng nước cuộc đời... Thụy ơi và tình
14 ơi... Đừng bao giờ em hỏi vì sao ta yêu nhau, vì sao môi anh
19 nóng, vì sao tay anh lạnh, vì sao thân anh run, vì sao chân không
22 vững, vì sao và vì sao... Hãy nói về cuộc đời tình yêu như lưới
26 dao, tình yêu như mũi nhọn êm ái và ngọt ngào cắt đứt cuộc tình
29 đầu... Thụy bây giờ về đâu?... Như loài chim Bói...
CODA 33 ...đâu?... Thụy bây giờ về đâu?... Tôi là chim Bói Cá, em là ánh trăng
36 nga chỉ cách một mặt hồ mà muôn trùng chia xa...



DU TỬ LÊ

Mùa thu và thơ mới ở đường Baker, Costa Mesa cũ / Lê buồn nhớ mi.

Tôi nghĩ, bạn tôi, nhạc sĩ Đăng Khánh, hiện cư ngụ tại thành phố Houston, Texas, chắc phải “điên” lắm mới chọn một trong những bài thơ tôi viết về những ngày, tháng đầu đời tỵ nạn, bài “*Mùa thu và thơ mới ở đường Baker, Costa Mesa cũ*”. Mặc dù bạn tôi cho rằng, đó là một trong những bài thơ “trác tuyệt” của tôi (*), dù nó là một bài thơ khá “rối rắm” ngay tự tựa đề.

Tháng 7 năm 1975, từ đảo Guam, tôi được đưa vào đất liền, nhập Camp

Pendleton. Rất sớm, chỉ cuối tháng 9, tôi đã được bảo trợ ra khỏi trại. Người bảo trợ tôi là ông Douglas Tooheys, khi đó là Quản thủ thư viện Santa Ana College. Ông nói, ông muốn bảo trợ tôi vì đọc được một bài thơ của tôi, in trong cuốn “*A Thousand Years of Vietnamese Poetry*”, của dịch giả Nguyễn Ngọc Bích, do nhà Alfred A. Knopf ấn hành, đầu năm 1975. Ông hứa ông sẽ lo cho tôi đi học lại, nếu tôi muốn...

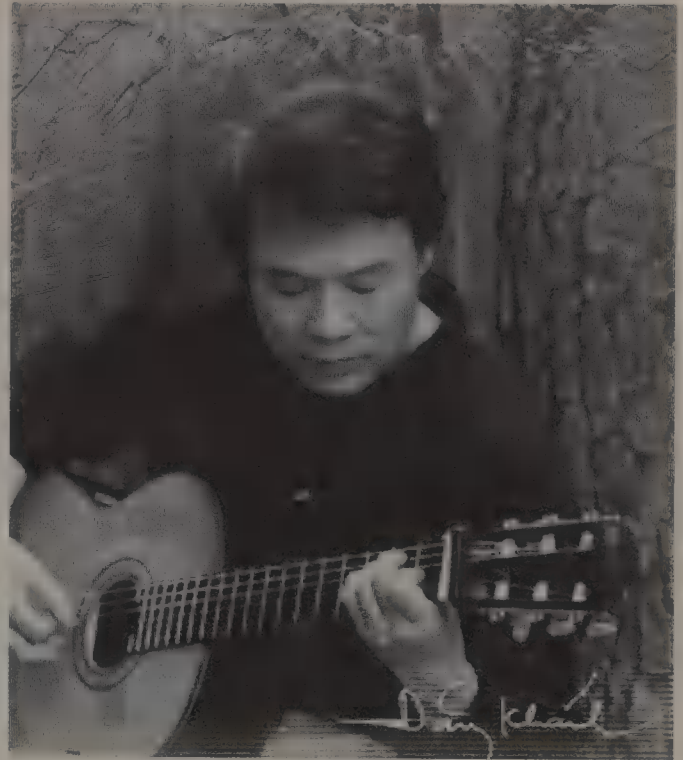
Khi ấy, tôi đã ngoài 30 tuổi. Nghĩ

Mùa thu và thơ mới ở đường Baker, Costa Mesa cũ / Lệ buồn nhớ mi.

tối cảnh hàng ngày, chờ người bảo trợ phát cho ít tiền đi xe buýt, mua thuốc lá, tiền ăn sáng, trong suốt thời gian cấp sách, đi học lại, tôi tự thấy không ổn. Vì thế chỉ hơn một tháng sau, tôi đã nhận một công việc lao động thuần túy, cho một xưởng mộc, chuyên làm khung ảnh, ở phía bắc thành phố Santa Ana, với lương căn bản 2\$10/1 giờ.

Muốn đến được xưởng mộc, tôi phải ra khỏi căn nhà của người bảo trợ ở đường El Camino Real, thuộc thành phố Costa Mesa, gần trường Orange Coast College, và cũng gần đường Baker, lúc 5:30 sáng – Đón chuyến xe buýt đầu tiên trong ngày, tới trạm chính ở Santa Ana thì chuyển qua một chiếc xe buýt khác, tới chỗ làm, khi xưởng mộc chưa... mở cửa!

California, 1975, mùa thu đem cái lạnh thấu xương tới sớm. Trên chuyến xe buýt đầu ngày này, bao giờ tôi cũng là hành khách thứ ba, chạy qua những con đường có hai hàng đèn đường màu vàng! (Sau này tôi mới biết, vì Costa Mesa ở gần biển, mùa đông nhiều sương mù, nên có một số đường thành phố phải



Nhạc sĩ Đặng Khánh

lắp đèn vàng, thay vì đèn trắng). Trong lòng xe, ngoài tiếng động cơ và sự vắng lặng của đường phố, còn có màu vàng của đèn đường rơi, vãi đầy những hàng ghế trống... Tâm trạng tôi, những sớm mai đó, không thể chán nản, tủi thân hơn. Bởi vậy, sau khi đã rời bỏ Costa Mesa nhiều năm, nhớ lại, trong bài thơ của tôi, mới có những câu như:

*“vàng sau lưng. vàng ghế ngồi
mùa em. thu tím. rừng tôi phía nào?”*

Hoặc:

*“giữa hiu quạnh. tôi cúi chào
trăm năm đã thẹn. vực sâu đã gần”...*

Làm cho xưởng mộc chưa được một tháng thì tôi bị xử tại chỗ (vì không quen đứng một ngày 8 tiếng!) Chủ nhân phải điện thoại cho người bảo trợ tới chở tôi về. Vài tuần sau, tôi tìm được một việc làm dây truyền ở hãng Rockwell International, ở Newport Beach, với lương căn bản gấp đôi, tôi di chuyển khỏi Costa Mesa. Nhưng Costa Mesa vẫn là tâm cảnh đầu tiên của tôi, khi trở lại nước Mỹ, trong lốt người tỵ nạn. Nó không thể cay đắng, ê chề hơn. Và, nỗi niềm nhớ quê hương, đất nước, cũng không thể xót buồn hơn...

Vì thế, mỗi khi nghe “*Lệ buồn nhớ mi*”, lần nào tôi cũng có cảm tưởng như bạn tôi đã ném tôi trở lại những ngày tháng đầu đời tỵ nạn. Trong tôi, khi ấy, luôn trộn lẫn hai cảm giác: đau đớn và thất lạc, ngậm ngùi, sống lại.

*Mùa thu và thơ mới
ở đường Baker, Costa Mesa cũ*

*dấu trong ký ức âm u
cảnh sương tháng chín. mùa mù
tháng giêng.*

*hồn cây phong úa truy tìm
dấu chân. nghìn dặm. lá mừng. thôi nôi
vàng sau lưng. vàng ghế ngồi
mùa em. thu tím. rừng tôi phía nào?*

*giữa hiu quạnh. tôi cúi chào
trăm năm đã thẹn. vực sâu đã gần
biển cùng sóng sớm ly thân
cánh chim thương tích. buồn khăn
áo người.*

*mùi hương cuối. kỷ niệm vùi
ngón tay sinh tử. mấy đời ố qua
mùa thu góc phố. Baker
hỏi sông núi cũ sao chưa trở về?*

Du Tử Lê.

(*) Mời đọc thêm Đặng Khánh, “Thơ phổ nhạc”, in trong tập sách này.



Nhạc sĩ Tô Vũ đàn, nhà thơ Du Tử Lê hát theo ca khúc
"Em đến thăm anh một chiều mưa". 2004



ĐĂNG KHÁNH

lệ buồn nhớ mi

*Ta ãa ãôi em tở hạt bụi
Mai ve nhô lay đau mỗ ãi
Ban chàn nhô ãat con kho ne
Moi nhô tan phai, le nhô mi.*

Du Tử Lê

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Đăng Khánh

6 12

Cảnh sương tháng Chín. Ký ức âm u. Mưa mù tháng Giêng. Hồn cây phong
úa. Đâu nắng hôm xưa. Mưa buồn cuối trời. Dấu chân. Nghìn dặm. Vàng sau
lưng. Vàng đôi môi. Mùa em. Thu tím. Giữa quạnh hiu. Tôi cúi chào. Giữa quạnh

LỆ BUỒN NHỚ MI

18 hìu. Tôi cúi chào. Trăm năm đã thẹn. Biển, sóng. Vực

24 sâu. Bầy chim thương tích. Buồn khăn áo người. Trăm năm vẫn

30 đợi. Mối nhớ tàn phai. Bàn chân nhớ đất. Lệ buồn nhớ

Fine
36 mi. Rừng mưa thán Chín. Mối, tóc em đâu. Nỗi buồn sớm mai. Mùi hương đã

42 chết. Dấu tích năm xưa. Mối lạnh tiếng cười. Nhớ em. Hạt bụi. Đời hư

48 vô. Còn tương tư. Hỏi sông núi cũ. Giữa mùa

D.S al Fine
52 Thu. Em nhớ gì. Giữa mùa Thu. Em nhớ gì.



DU TỬ LÊ

Môi Nhớ Tàn Phai

© a khúc “Môi nhớ Tàn Phai” là một trong những sáng tác của nhạc sĩ Nguyên Bích, cư ngụ tại Houston, Texas, đi ra từ nhiều hơn một bài thơ của tôi.

Cách đây nhiều năm, người nhạc sĩ tài hoa nhưng khó tính (hiểu theo nghĩa cực kỳ nghiêm khắc với chính mình trong lãnh vực âm nhạc) đã gửi cho chúng tôi, một đoạn văn, tựa như một mẫu “tự sự kể” của ông về những trần trở, thao thức của riêng ông về mối

tương quan hữu cơ giữa thịt / xương thi ca và, âm nhạc...

Có thể nhiều nhạc sĩ cho rằng, không có một việc làm nào đơn giản, dễ dàng hơn việc phổ nhạc một bài thơ. Vì tự thân bài thơ, vốn đã có sẵn hai yếu tố: Nhạc tính và ca từ.

Nhưng, với nhạc sĩ Nguyên Bích thì ngược lại! Ông thuộc hàng ngũ những nhạc sĩ không hề thấy như thế...

Nhân dịp nhóm thực hiện tập sách này, chọn ca khúc “Môi nhớ tàn phai”

của Nguyễn Bích là một trong số 28 ca khúc để gửi tới quý độc giả, chúng tôi trân trọng kính mời quý bạn vào sâu hơn, cõi “thao thức, trần trở” của người nhạc sĩ khó tính này:

*

“Ngày ấy, vào những năm 90, tôi có ý tưởng muốn viết những bài nhạc ngắn. Tập thơ “Đi với về cũng một nghĩa như nhau” và “Nhìn nhau chợt thấy ra sông núi” của Du Tử Lê đến với tôi đúng vào dịp này. Tập thơ có những bài rất dài, và nhiều bài thật ngắn. Tôi say mê đọc hết hai tập thơ, và rồi chợt thấy những ao ước của tôi có thể thành hình từ những bài trong hai tập thơ này.

Đặc biệt, tập thơ chứa rất nhiều những chữ nghĩa hay tuyệt trần, nằm rải rác trong nhiều bài thơ khác nhau. Tôi bèn có ý nghĩ làm sao thu tóm được những chữ nghĩa tuyệt vời ấy vào trong một ca khúc thì thật là hạnh phúc. Tôi đã đọc và đọc, viết nháp, tẩy xóa, thay đổi, chuyển hóa, đủ đường, sao cho bài

nhạc phải có ý nghĩa, giữ được chữ nghĩa và ý tưởng của bài thơ mà vẫn du dương đủ để nói lên tâm tư bài thơ qua âm điệu. Tôi đã ghép bài thơ “Chinh, mai khúc” vào với “Em hãy chỉ dùm tôi dăm cửa ngục” thành một ca khúc. Tôi tóm gọn ý hai bài thơ lại và đặt tên cho bài nhạc: “Hãy bảo tôi”.

Sẵn hứng thú, tôi nối ba bài thơ khác lại, “Nghe độc tấu tây ban cầm với quỳnh sau khi được tin thánh nữ”, “trương khúc và chuyển bay về lax”, “như ta đã vì em mà phải chết” thành một ca khúc thứ hai. Tôi vẫn còn yêu những chữ nghĩa trong một bài thơ khác, mà tôi không bỏ chung vào ca khúc được, “Bàn chân nhớ đất còn khô nẻ môi nhớ tàn phai lệ nhớ mi” “Môi nhớ tàn phai” được ngắt ra làm tựa đề cho bài hát.

Sau này thấy nhạc sĩ Đăng Khánh viết bài “Lệ buồn nhớ mi” thì thấy rằng hai câu thơ này của Du Tử Lê đã được rất nhiều người ngưỡng mộ. Viết được hai bài nhạc xong, tôi không dám làm tiếp nữa. Vẫn băng khuâng tự hỏi, điều

*say mê điên rồ của tôi có làm các bậc
thức giả cười chê hay không?”.*

Nguyễn Bích.

*

Và sau đây, chúng tôi cố gắng sưu tập đủ ba bài thơ làm thành nội dung ca khúc “Môi nhớ Tàn Phai” của nhạc sĩ Nguyễn Bích. Đồng thời, chúng tôi cũng ghi lại bài thơ mà, ông chỉ lấy ra 4 chữ làm thành tựa ca khúc của ông, đó là bài “Ta đã đợi em từ hạt bụi” của chúng tôi.

*

Nghe đọc tấu tây ban cầm với Quỳnh,
sau khi được tin thánh nữ.

*chỗ ngồi gió, nốt nhạc đen
máu đông từng hạt, mưa điên từng dòng
giết nhau vồn vện ít hàng
thôi, em cứ bước. thiên đường hứa vui.*

Melbourne 5-10-89

Trương khúc và chuyến bay về LAX

*nhớ đời trước. thẹn đời sau
tóc tưa năm tháng mắt nhàu chia ly
đêm tự vẫn. sáng hẹn thề
máu tương tư chảy đầm đìa, sông tôi
biển xây mộ. trời rạch ngôi
tay em từng ngón lẻ đôi đũa, tình*

Sydney, Oct. 1989

Như ta đã vì em mà phải chết.

*ai đã sống mà chưa từng bật khóc?
ai đã vui mà chưa lạnh môi cười?
ai một đời vẫn gọi mãi ai ơi?
như ta đã vì em mà phải chết.*

12.89

ta đã đợi em từ hạt bụi.

*ta đã đợi em từ hạt bụi
mai về nhớ lấy dấu mưa đi.
bàn chân nhớ đất còn khô nẻ.
môi nhớ tàn phai lệ nhớ mi.*

Du Tử Lê.

1992



Từ trái: Du Tử Lê, Bùi Vĩnh Hưng, Nguyễn Ngọc Thường, Trịnh Quốc Thông, Nguyễn Chí Viễn, “Cậu Trời” Nguyễn Ngọc Chấn, Ngọc Hoài Phương và Trọng Kim Trương Trọng Trác (1941-2011).



NGUYỄN BÍCH

Môi nhớ tàn phai

*Bàn chân nhớ đất còn khô nẻ
Môi nhớ tàn phai lệ nhớ mi*

D.T.L

Thơ : Du Tử Lê
Nhạc : Nguyễn Bích

Lento Ex pressivo

D C# 3 A G

Chỗ ngồi gió nốt nhạc đen, máu đông từng giọt mưa điên từng

5 D D 3 G 3

giống. Cho hồn chết qua mấy hàng thơ, thôi em cứ

Môi Nhớ Tàn Phai

8 A A7 D D

bước thiên đàng hứa vui. Nhớ đời trước thẹn đời

11 G 3 C#° A7/C# D D

sau, tóc tưa năm tháng mắt nhau chia ly. Đêm tự vẫn sáng hèn

15 G 3 A A7 D

thê, máu tương tư chảy đắm đĩa sông tôi. Ai đã

18 D G Em A C#° A7 D

sống mà chưa từng bật khóc. Ai đã vui mà chưa lạnh môi cười. Ai một

22 Bm A Em A G A7 D

đời vẫn gọi mãi ai ơi, như ta đã vì em mà tàn phai.



DU TỬ LÊ

Một Bài Thơ Nhỏ / Người Về Như Bụi.

Tôi viết bài thơ này từ năm 1967. Nhan đề đầu tiên là “Một bài thơ nhỏ,” viết cho Huyền Châu, linh hồn của ca khúc “Trên ngọn tình sâu.”

Nguồn cảm hứng, đúng hơn nỗi ngậm ngùi, thất vọng, ê chề... đến với tôi, khi tôi tình cờ đọc lại một truyện ngắn cũ, từ những trang sách đã đã ố vàng, mà nhân vật trong truyện là Huyền Châu; khiến tôi liên tưởng tới những hạt bụi thời gian. Từ hạt bụi thời gian, tôi liên tưởng tới những hạt bụi của một cuộc tình. Những hạt bụi oan khuất.

Những hạt bụi định mệnh trở trôi, một đời người...

Nhưng thế nào thì, cuối cùng hạt bụi cũng vẫn là hạt bụi. Nó không thể là gì khác...

Và con người không chỉ được làm thành bởi những hạt bụi, mà họ còn cộng-sinh nhiều hạt bụi khác. Trong đó có cả những hạt bụi tương tự, hạt bụi mưu đồ, hạt bụi lường gạt, hạt bụi tự ái, hạt bụi tà tâm, hạt bụi gian ác, vân vân... Trước khi, con người, cuối cùng, rồi cũng phải trở về với hạt bụi.

Một Bài Thơ Nhỏ / Người về Như Bụi

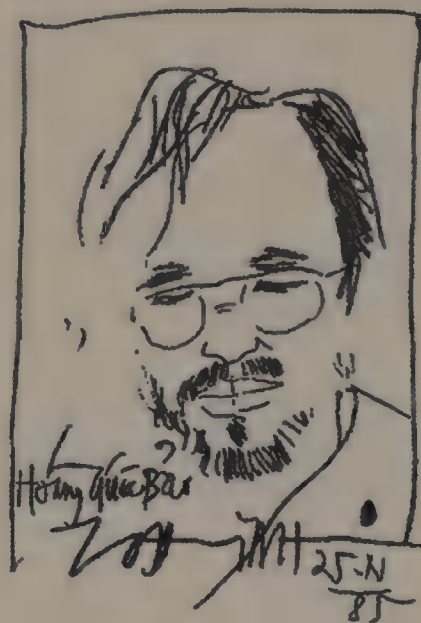
Đúng ngày mồng một Tết Nguyên Đán, cách đây ba năm, linh hồn của bài thơ này cũng như nhiều bài thơ khác của tôi, Huyền Châu, đã qua đời, tại Saigon!

Năm 1974, khi nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo phổ nhạc, ông đã chọn câu thơ đầu tiên “Người về như bụi”, làm tựa đề cho ca khúc.

*người về như bụi
vàng trang sách xưa
người về như mưa
soi tìm dấu cũ
tôi buồn như cỏ*

*một đời héo khô
tôi buồn như gió
ngang qua thềm nhà
thấy ai ngồi đợi
bóng hình chia đôi
sầu tôi lụ khụ*

*người về như sóng
buồn tôi quanh năm
người về như đêm
tình tôi phập phều
những tấm phụ bạc*



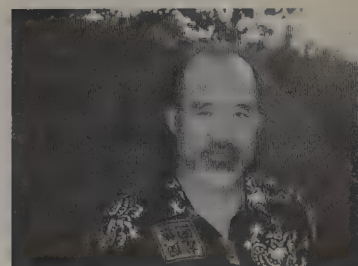
Nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo qua nét vẽ Võ Đình.

*lòng tôi gian ác
dấu trong miệng cười*

*người về như sương
ẩn sau hang động
người về trong gương
thấy mình mất tích*

*người về như sông
tràn tôi, lụt lội
hồn tôi thả nổi
như khóm lục bình
sầu ai về cội .*

Du Tử Lê
1967.



HOÀNG QUỐC BẢO

người về như bụi

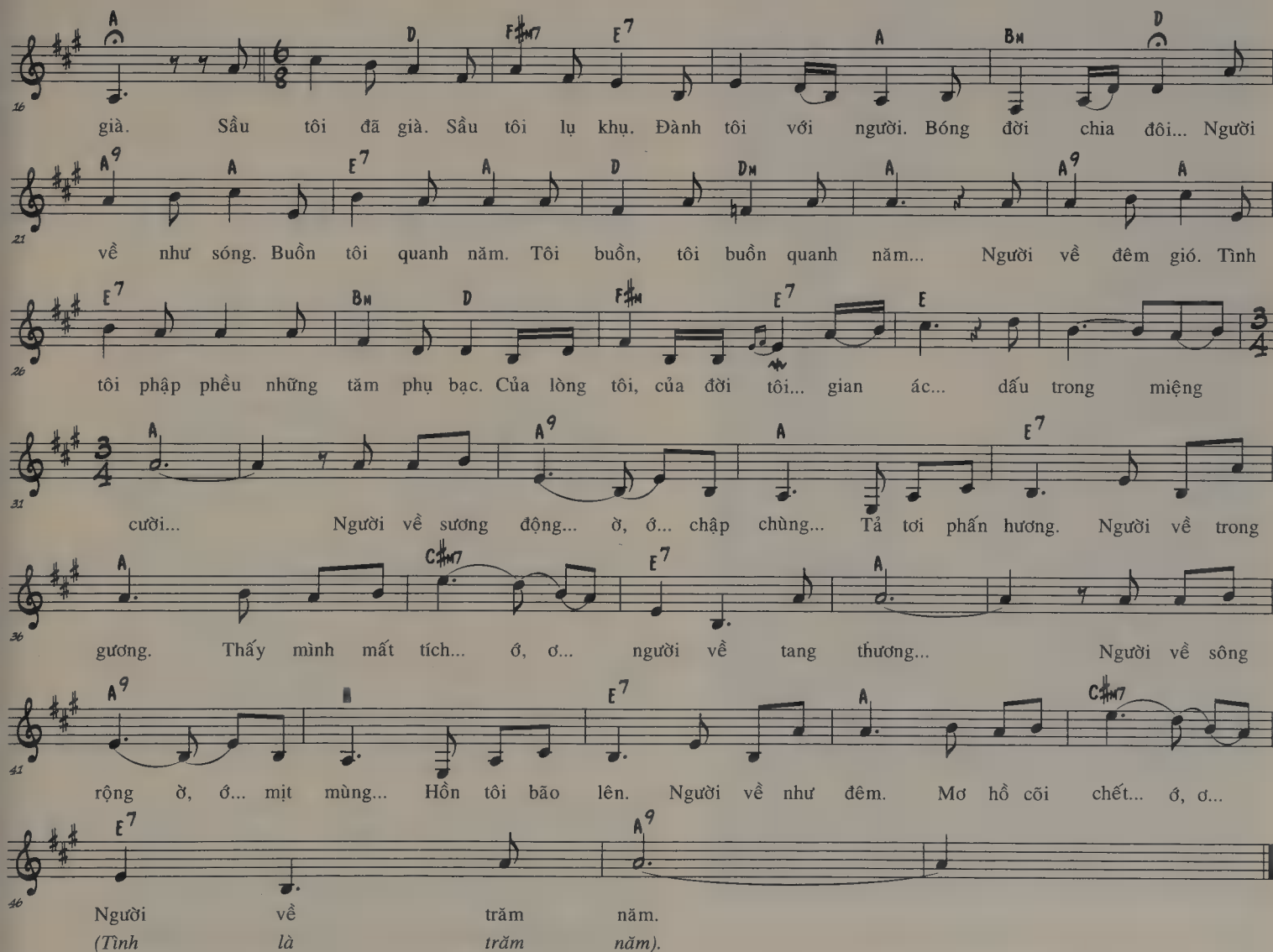
Thơ: Du Tử Lê

Nhạc: Hoàng Quốc Bảo, 1973-82

Lento espressivo

5 Người về như bụi ờ, ờ, ờ... mờ. Vàng trang sách xưa. Người về như mưa. Soi tìm dấu
cũ... ờ, ờ... người về như mưa... Tôi buồn như cỏ... ờ, ờ, ờ... dại. Một đời héo
12 khô. Lạnh lùng mưa qua. Tôi buồn như gió, bay ngang thêm nhà. Thấy ai ngồi đợi. Sầu tôi đã

Người về Như Bụi



già. Sầu tôi đã già. Sầu tôi lụi khụ. Đành tôi với người. Bóng đời chia đôi... Người
về như sóng. Buồn tôi quanh năm. Tôi buồn, tôi buồn quanh năm... Người về đêm gió. Tình
tôi phập phều những tấm phụ bạc. Cửa lòng tôi, của đời tôi... gian ác... dấu trong miệng
cười... Người về sương động... ờ, ờ... chấp chùng... Tả tôi phần hương. Người về trong
gương. Thấy mình mất tích... ờ, ờ... người về tang thương... Người về sông
rộng ờ, ờ... mịt mù... Hồn tôi bão lên. Người về như đêm. Mơ hồ cõi chết... ờ, ờ...
Người về trăm năm.
(Tình là trăm năm).



DU TỬ LÊ

Ta có nghìn năm đợi một người

Sau nhạc sĩ Phạm Gia Cồn, người thứ hai soạn thành ca khúc bài thơ “*ta tiếc thiên đàng sớm lập xong*” của tôi, là nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng. Ông chọn câu cuối cùng của khổ thơ thứ nhất: “*ta có nghìn năm đợi một người*”, làm tựa đề.

Tôi không nhớ nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng phổ nhạc bài thơ này thời gian nào! Nhưng tôi nhớ rất rõ, một buổi tối, đầu thập niên 1990s, giữa lúc tôi đang ăn cơm thì ông gọi. Ông nói, cố gắng ra Denny’s Restaurant ở đường Beach, vào

khu vực dành cho những người hút thuốc lá, có thư riêng cho tôi...

Bản chất, Trầm Tử Thiêng là một người nghiêm túc không chỉ với âm nhạc mà, với mọi giao tế, bằng hữu, đời thường... nên tôi không thắc mắc, suy đoán mà, tin rằng, thực sự có một bức thư của ai đó, gửi cho tôi, nhờ ông trao lại.

Ngay khi vừa bước vào khu dành cho người hút thuốc của Denny’s Restaurant, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đã để sẵn trên bàn một phong bì nhỏ, đề tên tôi. Ông đẩy bức thư về phía tôi, nói:

“Tôi mới nhận được tiền bản quyền của một trung tâm băng nhạc. Họ thu băng bài *“ta có nghìn năm đợi một người”*, phổ từ thơ của ông. Trung tâm nhỏ, tiền bản quyền cũng ít thôi. Tôi chia ông một nửa, uống café.

Việc làm cũng như lời nói của ông, là một bất ngờ với tôi. Tôi nói, ông làm tôi xúc động. Lâu lắm rồi, mới lại có một nhạc sĩ cất công tìm tôi, để chia tiền tác quyền thu âm một ca khúc. Tôi kể ông nghe, người đầu tiên, hành xử như ông, là nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Saigon, 1963, sau khi ông phổ nhạc bài thơ *“Khi người về”* của tôi, với tựa mới: *“Tiếng hát ru tôi”*...

Bây giờ, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng không còn nữa! Mỗi khi tình cờ nghe lại *“ta có nghìn năm đợi một người”*, tôi hiểu tại sao ông đã chọn cho ca khúc này, tựa đề đó! Khi hiểu ra, tôi hiểu càng thấm thía hơn nữa, chọn lựa của ông.

Số là, sau tang lễ tháng Giêng năm 2000, tôi nghe một băng hữu thân thiết với Trầm Tử Thiêng, kể lại mối tình tuyệt vọng giữa ông và một người nữ



Trầm Tử Thiêng và Du Tử Lê. Seattle, 1987



không biết có còn trong cuộc sống (?) Nhưng không vì thế mà ông không chờ đợi gần như suốt những năm còn lại, nơi quê người! Đó cũng là lý do, tới lúc từ trần, ông vẫn là một người đàn ông cô độc, dù chung quanh ông, không thiếu phụ nữ, những người yêu quý, trân trọng tài hoa của ông.

Phải chăng, trong một cảm thức thâm kín, sâu thẳm nào đấy, mỗi chúng ta đều có một (hay nhiều) chờ đợi dài

DU TỬ LÊ

lâu, qua nhiều kiếp sống?

*

Ta Tiếc Thiên Đàng Sớm Lập Xong

*em có buồn riêng đôi sớm mai.
con đường có những đoạn chia phôi,
ngọn cây có những trời giông bão.
ta có nghìn năm đợi một người*

*em dấu bàn tay trong tóc mây.
những ngày mưa dấu nắng trên cây,
đàn chim dấu những mùa di trú,
ta dấu hờn ghen góc trái này.*

*em tiếc màu xanh sớm ố vàng.
bông hồng tiếc thuở nụ đương non.
những con bướm tiếc thời trong kén.
ta tiếc thiên đàng sớm lập xong.*

*ai biết trần gian có thuở nào?
núi sông ai dựng giữa chiêm bao?
dung nhan ai lạnh trong chiều ấm?
ta thấy ta trong lối tuyệt. mù.*

Du Tử Lê

1992



Du Tử Lê và bạn lớp Đệ Thất, CVA 1955. Từ trái qua:

- Hàng đứng, Nguyễn Chí Hòa, Bùi Vĩnh Hưng và vợ, Nguyễn Ngọc Chấn và vợ.
 - Hàng ngồi: Ngọc Hoài Phương, Đào, Đặng Vũ Thám, Du Tử Lê, vợ Đặng Vũ Thám.
- Tháng 8-2011, nhà Nguyễn Ngọc Chấn.



TRẦM TỬ THIÊNG
(1937-2000)

ta có nghìn năm đợi một người

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Trầm Tử Thiêng

$\text{♩} = 65$
Lento con espressione

Em có buồn riêng đôi sớm mai. Con đường có những đoạn chia phôi.

Ngon cây có những trời giông bão. Ta có nghìn năm đợi một người.

Em dấu bàn tay trong tóc mây. Những ngày mưa dấu nắng trên cây.

Ta Có Nghìn Năm Đợi Một Người

13 Đàn chim dấu những mùa di trú. Ta dấu hồn ghen góc trái này.

17 Em tiếc màu xanh sớm ủa vàng. Bông hồng tiếc thuở nụ đương non.

21 Những con bướm tiếc thời trong kén. Ta tiếc thiên đàng sớm lập xong.

25 Ai biết trần gian có thuở nào? Núi sông ai dựng giữa chiêm bao?

29 Dung nhan ai lạnh trong chiều ảm? Ta thấy ta trong lối tuyết mù.



DU TỬ LÊ

Về Bài Thơ Và Ca Khúc “Tan Theo Ngày Nắng Vội”.

Sáng tác đầu tiên của tôi in tại hải ngoại, là tập truyện “*Tan theo ngày nắng vội*”. Năm 1984.

Thay vì phải viết tựa hay, vài dòng mở đầu tập truyện, tôi không nhớ tại sao, điều gì tôi khiến lại viết xuống hai câu thơ nhớ được từ một bài thơ cũ, ở Saigon, trước tháng 4 năm 1975.

Đó là câu thơ:

“*Phải em rồi như sương
Tan theo ngày nắng vội.*”

Khi sách in ra, một hôm nhạc sĩ Trần Duy Đức, một người em rất thân thiết với

tôi, nói rằng, anh “bắt” được một “melody” tuyệt vời cho hai câu thơ ấy.

Tuy nhiên, chỉ với hai câu thơ tổng cộng 10 chữ, thì không thể đủ cho ca từ một ca khúc.

Trần Duy Đức yêu cầu tôi cố gắng nhớ lại thêm ít câu nữa. Nhưng tôi không thể. Ký ức, chỉ cho tôi tối đa, chừng đó!

Thời gian ấy, tôi không có trong tay, bất cứ một tác phẩm nào của tôi, in tại quê nhà.

Một buổi sáng nơi phòng khách của căn nhà đầu tiên của chúng tôi, trong lúc

tôi đang làm những việc thường lệ của một ngày mới thì, Trần Duy Đức nảy ra ý kiến: Đức sẽ hát nhiều lần cho tôi nhớ âm điệu của bản nhạc.

Tôi học thuộc. Dựa theo đó, nghĩ thêm một số lời cho tới khi hoàn tất phần ca từ.

Tôi nhớ, trong lúc làm những việc chẳng có một mảy may nào liên hệ tới văn chương, âm nhạc, mỗi khi tôi đi được một vài ca từ... tôi lại chạy ra phòng khách, đọc cho Đức viết xuống.

Vì chữ Việt có dấu và không dấu, nên chữ nào không thích hợp nốt nhạc của Đức, tôi lại phải vật lộn để tìm chữ khác, tương tự hay đồng nghĩa. Làm công việc này, tôi cũng nhận được sự tiếp tay sôi nổi, ồn ào của Đức và Việt Dzũng...

Cuối cùng, phần ca từ cũng xong. Bài hát kịp cho chúng tôi, Việt Dzũng, Trần Duy Đức, Du Tử Lê hợp ca, mở đầu một chương trình ra mắt sách ở San Jose.

Thời gian đó (đầu thập niên 1980s), tôi quan niệm không nhà văn, nhà thơ nào di tản, mang theo được độc giả của mình. Nên cách tốt nhất là mang thơ,



Nhạc sĩ Trần Duy Đức

văn đến với mọi người.

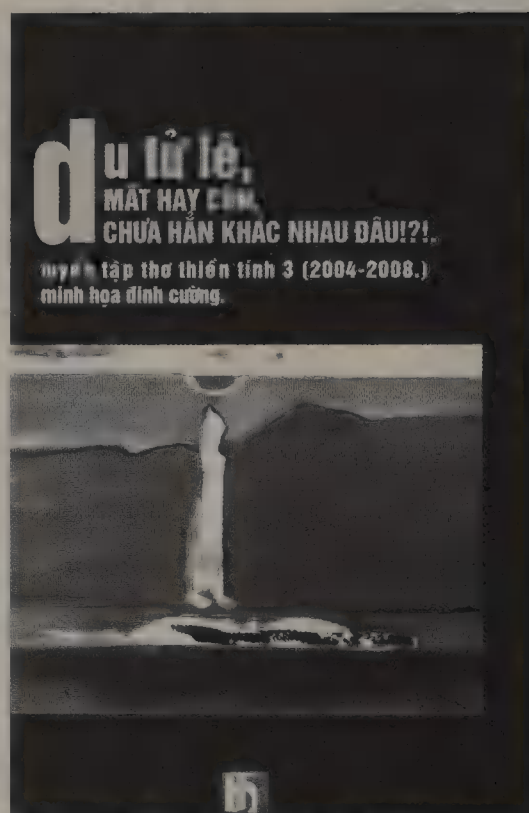
Từ quan niệm này, thuở đó ngoài ba anh em chúng tôi, thỉnh thoảng cũng có thêm những bằng hữu khác, như Cao Đông Khánh, Đoàn Vững (sáo,) Vũ Bội Quang Khôi, Quỳnh Như (ngâm thơ)...

chúng tôi đã có những chuyến đi bằng đường bộ khá vất vả để tới những nơi như Tacoma, Seattle, Houston... Sau này còn có thêm Edmonton, Calgary ở Canada nữa.

Trước khi đi, chúng tôi phải liên lạc trước và, nhận được sự tiếp tay tích cực, cảm động của rất nhiều anh em địa phương. Như ở Tacoma và Seattle, thời đó, là nhà thơ Phạm Kim. Ở Houston, Texas là nhóm bạn của Lê Văn Hào, Lê Nguyệt Hạnh, Lê Văn Phúc, và cố giáo sư Lê Bá Kông, v.v...

Nhiều năm sau này, khi bạn đọc cũng như một vài thân hữu, cho lại tôi những cuốn sách mà họ có trong thời gian du học tại Mỹ, trước 1975, tôi mới biết hai câu thơ làm thành ca khúc “Tan theo ngày nắng vội” của nhạc sĩ Trần Duy Đức, nằm trong khổ thơ cuối cùng của bài “Ngục đời”; tôi viết năm 1971. In trong tập “*Thơ Du Tử 1967-1972*”, Nhà Gìn Vàng Giữ Ngọc Xb, Saigon, 1972.

Nguyên văn khổ thơ cuối của bài thơ ấy, như sau:



“phải em, rồi như sương
 “tan theo ngày nắng vội
 “phải em, rồi như mây
 “chìm theo vùng bóng tối
 “phải em rồi như mưa
 “chảy trôi ngoài hiên, mở
 “ta ngồi già, ghé xưa
 “mặc áo tươi, yên, ngủ.”

(Theo dutule.com.
 Post ngày 8 tháng 3 năm 2010)



Từ trái qua: Vương Trùng Dương, Việt Chương, Hoàng Sỹ,
Du Tử Lê, Ngọc Hoài Phương. 11-2011



TRẦN DUY ĐỨC

tan theo ngày nắng vội

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Trần Duy Đức

Chậm-Nhông này

Phải rồi em cũng như sương phải rồi em, cũng như mây, phải rồi
 ...ta đã đi qua cuộc đời em, đã mưa sa, phải rồi

em, cũng như mưa tan theo ngày nắng vội, phải rồi em cũng như ta tình chìm
 ta đã trôi pha tan theo ngày nắng vội, phải rồi ta cũng như em đời chìm

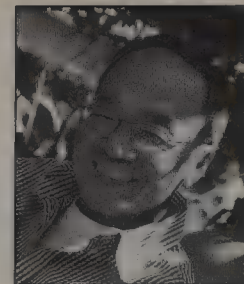
Tan Theo Ngày Nắng vội

6 theo bóng chim cuối ngày. Ôi bóng chim cuối ngày mà thôi. Phải rồi...
theo bóng đêm rửa tàn. Ôi bóng đêm rửa tàn mà... thôi. Phải

10 em rồi như hạt sương long lanh trong tình chàng, mong manh trong muôn màng sao vội

13 tan? sao vội tan?... phải em rồi như màn đêm lê thê đêm tình kẻ, đêm

16 ru câu chia lìa đêm còn ai? đêm còn ai? (phải rồi...)



DU TỬ LÊ

Tình Sầu / Du Tử Lê.

Giữa năm 1970, sau khi phổ nhạc bài thơ “*Tình Sầu*” của tôi, nhạc sĩ Phạm Duy hào hứng báo cho tôi biết, ông rất hài lòng với sáng kiến ghép hai cụm từ “*Tình Sầu*” nhan đề của bài thơ và, Du Tử Lê, tên tác giả bài thơ, thành “*Tình Sầu Du Tử Lê*” làm tựa đề ca khúc.

Ông nói, rồi đây, ông sẽ khai thác sáng kiến này, với “*Tình Xa Cung Trầm Tưởng*”, “*Tình Buồn Phạm Thiên Thư*”... cho tới khi có thể gom đủ số, làm thành một cassette 10 ca khúc với 10 tựa đề ca khúc như vậy.

Tôi không biết đến ngày 30 tháng 4-1975, ông đã bước tới giai đoạn nào của “sáng kiến” này. Chỉ biết nhiều năm sau đấy, tôi không nghe ông nhắc lại dự án vừa kể trên. Có thể thời gian đó, ông có nhiều “dự án” khác, quyến rũ hơn?

Bài thơ *Tình Sầu* của tôi đăng tải lần đầu tiên trên một tuần báo, tôi không nhớ tên – Nhưng do mấy ông cùng làm ở phòng kiểm duyệt sách ở bộ Thông Tin, chung tay thực hiện. Sau khi họ có một nhà in và một nhà xuất bản riêng. Tờ báo không được nhiều người biết tới, hiểu theo nghĩa số bán



*Tuần Lễ Văn Hóa 1973 của H/S Pleime với Phạm Duy, Du Tử Lê, Lê Uyên & Phương
Từ trái: Nghĩa-Ánh-Thầy Huế - H/sĩ Hạ quốc Huy - Phạm Duy - Kim Liên - Hoa - TĐào
- Lê Uyên&Phương - Du Tử Lê, ...*

thấp. Nên tôi không biết tờ báo in bài thơ của tôi, đến tay nhạc sĩ Phạm Duy trong trường hợp nào?

Chỉ biết, đó là bài thơ thứ ba, trong khá nhiều bài thơ đi ra từ mối tình cay nghiệt của tôi và Huyền Châu, trở thành ca khúc. Rõ hơn, nó có mặt sau hai ca khúc “*Trên ngọn tình sầu*” (Tùng Công Phụng) và “*Người về như bụi*” (Hoàng Quốc Bảo).

Người hát và thu băng đầu tiên ca khúc này là nữ danh ca Thái Thanh. Trong bài thơ tôi viết từ năm 1970, có một câu thơ tình cờ, mang tính tiên tri:

“Sống đã chẳng cùng, chết sao hay?”

Thưở đó, khi “*Tình Sầu Du Tử Lê*” được nhiều người biết đến, tôi nhớ, một người bạn văn, nửa đùa nửa thật bảo tôi “cường điệu” – Ý nói tôi bi thảm hóa cuộc

tình! Khi ông biết, tôi và linh hồn bài thơ vẫn sống cùng một thành phố...

Tôi nghĩ, bạn tôi chắc hẳn bạn tôi đã rất “tinh tế”, “nhạy bén” khi nói với tôi điều ấy. Bạn tôi chỉ thiếu “nhạy bén” vì không nghĩ được rằng miền Nam sẽ trải qua bi kịch tháng 4-75, chỉ vài năm sau đấy. Bạn tôi cũng không dự liệu trường hợp kẻ trôi ra biển khơi, người ở lại đất liền... Cuối cùng, khi Huyền Châu từ trần đúng ngày Mồng Một Tết ở Saigon năm 2012, – Trong khi ở đây, mãi hơn ba tháng sau, cô cháu Lê Huyền Thụy Vũ mới điện thư, báo cho chúng tôi biết!!!

Hồi nào giờ, thói quen của tôi là cười nhạt trước những “lời bình” mà phía sau, thường do động cơ ganh tỵ vô thức của những bằng hữu đó. Cũng có người tới hôm nay còn hỏi tôi ý nghĩa của câu thơ “*Chân đi gió tạt sầu ba hướng*”?

Người nêu câu hỏi có ý cho thấy sự thiếu... hợp lý của câu thơ. Bởi vì, thông thường, người ta nói “*bốn hướng, mười phương*” hay “*chân đi gió tạt sầu...hai hướng*” – Tức hướng nghịch chiều của hai người yêu nhau, khi phải (hoặc đã chia tay!)

Tôi cũng không trả lời câu hỏi của người bạn trẻ này. Tôi nghĩ, với một người chăm chăm đi tìm sự hợp lý, kiểu 2 cộng với 2 là 4 thì, mọi giải thích văn chương đều vô ích và, vô nghĩa mà thôi.

Một khi người thưởng ngoạn văn chương, nhất là thi ca, không thể nghĩ được rằng, thi ca không bao giờ được xây dựng, hình thành trên những lý giải hợp lý! Nếu những người viết văn, làm thơ, viết nhạc, luôn cả hội họa, điêu khắc... cũng quan niệm như vậy thì đời sống tinh thần của nhân loại đã bị kéo xuống thấp gần ngang bằng cầm thú, từ lâu rồi!!!

Chưa kể khi tôi viết “*chân đi, gió tạt sầu ba hướng*” ngụ ý, dù cuộc tình cay nghiệt ném chúng tôi mỗi người về một phía. Nhưng thâm tâm chúng tôi vẫn tưởng nhớ nhau, như một hướng khác, của chia lìa. Đồng thời, đó cũng là hướng đi tới của hy vọng gặp gỡ trong tương lai, khi định mệnh cay nghiệt bỗng đổi tính, nở nụ cười, dấu muộn màng với cuộc tình chúng tôi...

Tôi vẫn nghĩ, một bài thơ dù dài hay ngắn, nếu đi ra từ tâm cảnh thao thiết của

Tình sầu / DU TỬ LÊ.

thi sĩ thì, đôi khi, tự thân bài thơ đã có cho riêng nó tính tiên tri. Một cảm thức siêu hình mà chính thi sĩ, khi viết xuống, cũng

không biết. Trường hợp này, theo tôi, là một tương thông bí nhiệm giữa thi sĩ và thượng đế vậy.

Tình sầu / DU TỬ LÊ.

*ta như sương mà người như hoa
đối gian nhàu nát nụ hôn đầu
tình đi từng bước trên lưng gió
gieo xuống đời nhau hạt thương đau*

*người đã vì ta tan ước mơ
phấn son chưa ngát thịt da ngà
môi non đã lỡ tình đau đớn
mộng vừa theo trời hoa phượng xưa*

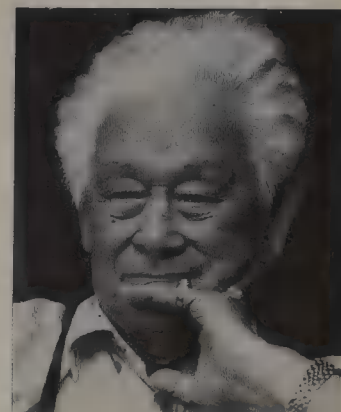
*người một phương, ta cũng một phương
phố cao ngày thấp nắng mưa trùng
mắt sâu ẩn nhất trời giông tố
ta một hồn câm giông gió lên*

*người chôn đời mà ta đắng cay
cây im lá ngọn khói sương bày
chim treo mỏ cóng trơ xương mục
sống đã chẳng cùng chết sao hay
người ở đâu? ôi người ở đâu?
cỏ xanh còn áp má đêm buồn
dế giun còn tiếc mùa ân ái
từng phiến trời mang bao nhớ thương!*

*người ở đây, ta cũng ở đây
lòng không như mặt, lòng lệ đầy
chân đi gió tạt, sâu ba hướng
tay vói một trời, trời mưa bay*

Du Tử Lê.

1970



PHẠM DUY (1921-2013)

tình sầu du tử lê

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Phạm Duy

Blue Rock $\text{F}\sharp\text{M}$ A

ta như sương cao mà người như hoa sâu! ta đối gian nhau nên nát nụ hôn đầu... tình đi từng

bước đi từng bước... trên đầu gió... gieo xuống lòng nhau ôi từng hạt thương đau

người một phương ta cũng một phương! phố cao ngày thấp nên nắng mưa trùng trùng... mắt có

Tình Sầu Du Tử Lê

13 sâu để nhốt trời giông tố... ta là hồn cầm cho cơn bão lên!

17 người ở đây ta cũng ở đây! lòng không như mặt mà lòng lệ tràn đầy... chân đi theo

21 gió sáu ba hướng tay với một trời trời mưa bay... người đã vì ta tan ước mơ! phần son chưa

27 ngát thịt da ngà... môi non đã lỡ tình đau đớn! mộng vừa theo trời hoa phượng xưa...

33 người chôn đời mà ta đắng cay! cây im lá và khói sương bày... chim treo mỏ cồng trơ xương

36 mục... sống đã chẳng cùng chết sao hay??? người ở đâu? ôi người ở đâu??? cỏ xanh

43 còn áp má những đêm sầu! để giun còn tiếc mùa ân ái... từng phiến trời mang bao vết thương!!!

CODA 49 thương! từng phiến trời mang bao vết thương! từng phiến trời...



DU TỬ LÊ

Tôi Xa Người / Phạm Anh Dũng.

Tôi vẫn chờ đợi ngày nào, có người hỏi tôi:

- Bài thơ nào của tôi, là bài thơ may mắn được nhiều nhạc sĩ chọn phổ nhạc nhất(?)

Để tôi được trả lời:

- Đó là bài “Khúc K. riêng chàng”.

Như tôi đã viết trong phần nói về bài “K. Khúc Của Lê” sáng tác của nhạc sĩ Đăng Khánh mà, Ban biên Tập tập sách này đã chọn, là một trong số 28 bài thơ phổ nhạc rằng:

Bài thơ “Khúc K. riêng chàng” của

tôi, có một định mệnh khá đặc biệt. Nó được nhiều thế hệ nhạc sĩ tìm đến, dừng lại và, chấp thêm cho nó đôi cánh giai điệu, để bay xa hơn... Tới những chân trời mà cá nhân tôi hay, các nhạc sĩ, cha đẻ của phần âm nhạc, cũng không thể đoán, biết!

Điều may mắn thêm nữa cho bài thơ là, giai điệu mà, nữ nhạc sĩ Khúc Lan (người đầu tiên) chuyển thể bài thơ thành ca khúc, hoàn toàn khác hẳn với người thứ hai, là nhạc sĩ Đăng Khánh. Cũng vậy, giai điệu nhạc sĩ Phạm Anh

Dũng chọn ca bài thơ này, với tựa đề “Tôi xa người”; cũng không có một liên hệ gần xa nào với giai điệu mà nhạc sĩ Anh Bằng, cũng như những nhạc sĩ khác tìm được và, thấp cho nó...

Lại nữa, bài thơ này của tôi không chỉ có 4 hay 6 câu mà nó có tới 10 phân khúc, hay 10 khổ. Mỗi khổ thơ lại có đủ 4 câu. Do đấy, các nhạc sĩ được rộng đường “thao tác”!

Để hoàn tất phần ca từ một ca khúc, như tôi biết, nhạc sĩ chỉ cần 4 đoạn thơ mà thôi!

Nên, có người chọn phân khúc 2, bỏ phân khúc 3, 4, 5... Có người lại bỏ phân khúc 1, 2, 3 để vào thẳng phân khúc 4, 5, 6, 7, v.v...

Vì thế, nếu bạn đọc nào có thì giờ, vui lòng đọc lại bài thơ dưới đây, một lần nữa (nếu đã đọc).

Biết đâu, khi đọc xong... “một lần nữa”, quý bạn chợt nhận ra rằng:

- Cuối cùng, ta chẳng chọn được một khổ thơ nào hết!

Nếu xảy ra trường hợp này thì, với tôi:

- Âu cũng là mặt khác, của đồng tiền định mệnh có hai mặt vậy!!

*

Khúc K. Riêng Chàng

*tôi xa người như xa núi sông
em bên kia suối? – bên kia rừng?
em bên kia nắng? – bên kia gió?
tôi một dòng sương lên mênh mông*

*tôi xa người như xa biển đông
chiều dâng lênh lán chiều giăng hàng
những cây ghi dấu ngày em đến
đã chết từ đêm mưa không sang*

*tôi xa người, xa đôi môi tham
em biết, rồi em như chim ngàn
thôi còn khua động làm chi nữa
hồn tôi vốn đã là tro than*

*tôi xa người, xa đôi mắt ngoan
vườn tôi trắng lạnh đến hoang tàn
em xa xôi quá làm sao biết
vốn liếng tôi còn: những ngổn ngang!*

tôi xa người, xa trên sân bay
hồn tôi còn cát dấu chân bầy
em vui đời khác làm sao hiểu
tôi sống âm thầm như cỏ cây

tôi xa người, xa hơi thuốc cay
ngày mai tình sẽ bỏ tim này
chiều em không đến hàng cây cũng
nghiêng xuống tôi: từng ngọn heo may

tôi xa người, xa bàn tay vui
bàn tay có ngón đã chôn đời
bàn tay có ngón không đeo nhẫn
có ngón dành riêng cho môi tôi

tôi xa người, xa niềm thiết tha
hoa xuân đã rụng héo hiên nhà
phố xưa em buộc đôi hàng bím
nay tóc về đâu? – hồn ở đâu?

tôi xa người, xa miền mê oan
hồn tôi khô xác sợi giây đàn
máu tôi đã gửi trong từng chữ
dấu chết, còn nguyên lời oán than

tôi xa người, xa một mùi hương
bãi khuya, hồn ốc lạc thiên đường
nhớ ai buồn ngất trên vai áo
mưa ở đâu về? – như vết thương.

Du Tử Lê.

1983



Du Tử Lê và Phan Vũ. 2012

Tôi gặp Du Tử Lê lần đầu tiên, ngày 30 tháng 4 năm 1975, do Vũ Xuân Quỳnh giới thiệu, khi cùng đi tản khỏi Việt Nam trên chiến hạm HQ-1.

Năm 1977 gặp một lần nữa khi ở Boulder, Colorado lúc Lê ghé Denver.

Rồi cũng không có bao giờ có dịp gặp vì ở xa nhau.

Một ngày của 1992, đi vào hiệu Tự Lực ở Little Sài Gòn, Nam Cali, xem mua sách và gặp tập Thơ Tình Du Tử Lê.

Mua về đọc và khá xúc động khi đọc thơ Lê, nhất là bài Khúc K Riêng Chàng. Bài thơ đầy nhạc tính và từ đó bản nhạc Tôi Xa Người ra đời.

Tìm hỏi điện thoại của Lê và gọi, hẹn rồi lái xe 200 dặm đến đàn hát cho Lê nghe.

Đến nay, tôi đã viết khoảng 300 bài nhạc phổ thơ và trong số đó có 7 bài từ thơ của Du Tử Lê, nhưng Tôi Xa Người đáng kể nhất vì là bài nhạc phổ thơ đầu tiên trong đời. Phạm Anh Dũng



PHẠM ANH DŨNG

Tôi xa người

Thơ: Du Tử Lê - Khúc K Riêng Của Chàng

andante

Tôi xa người, như xa núi sông. Em ³bên kia

suối? Bên kia rừng? Em bên kia nắng? Bên kia gió? Tôi một

Tôi Xa Người

Am B7 E7 Am C 3

giống sương lên mênh mông. Tôi xa người, xa hương tóc mây. Rồi mai chim

E E7 3 Am F

sẽ rời xa bầu. Chiều em không đến, hàng cây cũng nghiêng xuống

A7 Am C F 3 Am

tôi: từng ngọn heo may. Tôi xa người, xa niềm thiết tha.

G C G Dm

Hoa xuân đã rụng héo hiên nhà. Phố xưa em buộc đôi hàng bím.

G7 3 C E7 Am

Nay tóc về đâu hồn nơi đâu? Tôi xa người như xa biển

C 3 E E7 3

Đông. Chiều dâng lênh láng, chiều giăng hàng. Những cây ghi

Am F E7 Am

dấu ngày em đến đã chết từ đêm mưa không sang.

tháng 7, 1992



DU TỬ LÊ

Thu Khúc Một / Trăng Khuyết.

Trăng khuyết” tức “*Thu khúc một*” theo nguyên bản, ra đời cách đây đúng 30 năm. Nó không chỉ là một bài thơ hiểu theo nghĩa kỷ niệm một thời mà, với tôi, “*trăng khuyết*” còn là một trong rất ít bài thơ của tôi, có được cho riêng nó, tính kỷ-niệm-một-đời.

Để bạn đọc thấy rõ hơn, khía cạnh đặc biệt của bài thơ này, tôi xin trích một đoạn ngắn trong tùy bút “*Một vầng trăng đã khuyết*” của tôi, phổ biến từ năm 1966.

Trích đoạn đó như sau:

“...Cũng mười lăm năm rồi, kể từ ngày tôi viết bài thơ ấy. Kể từ một đêm, bất ngờ, V.Dzũng ôm đàn hát *Trăng Khuyết*, lần thứ nhất. Lần thứ nhất, *Trăng khuyết*, cùng những giọt lệ khuyết, lăn khỏi đôi mắt Dzũng trẻ thơ, trong sáng; tới bây giờ, vẫn còn là những lần roi nắng, mưa nổi cộm, đỏ rần thần trí tôi.

“*Em về khuya có vui? đầy hồn tôi mưa bụi.* Dzũng hát. Tôi hiểu, câu hỏi *em về khuya có vui*, chung cho cả hai



Từ trái: Kiều Chinh, Việt Dzũng và Du Tử Lê

anh em chúng tôi. Nhưng trong ký ức / hình dung / tưởng tượng/... của mỗi người, lại bật âm những vang vọng khác.

“Ở Dzũng, có thể là nỗi đau đớn tới bụng trong hình dung về HA. Tưởng tượng HA trong vòng tay kẻ khác (?)

“*Em về khuya có vui*, ở tôi, là hình ảnh Phoóng thất lạc trong chiếc xe lóc cóc trên khúc đường Katella / Euclid, giữa khuya khoắt với mái tóc suối mây đã cắt cụt với hy vọng nhờ thế, đổi thay được định mệnh!

“Ở tôi, *em về khuya có vui*, chỉ là câu hỏi / lời chúc gượng cho một chia

tay. Đúng hơn, một chia, là, biệt. Biệt. (...)

“Hình ảnh Dzũng *Trăng Khuyết*, hình ảnh Phoóng, H.A., những con sông (nhiều phần không là con sông Willamette của Phụng), hình ảnh những cánh rừng (nhiều phần không là rừng nguyên đại gồm toàn sồi, sến và lác...) nhấp nhô, lấp xấp, vùi, chôn tôi sâu trong những niềm bí mật mà, mỗi người, theo cách riêng, đã nín, lặng, mang đi.

“Tôi rất vui, khi biết H.A. trở thành người bạn đời của Dzũng. Tôi cũng rất vui, khi biết Phoóng đã lập gia đình, đã

có con. Nàng chọn một người đàn ông ngoại quốc. Người đàn ông, như Phoóng kể, có thể chia sẻ với Phoóng bất cứ điều gì. Trừ vầng trăng nơi trái tim nàng, sớm khuyết! Trừ nắng, mưa trong tâm hồn nàng đã ngày, đêm mộ địa...”

Và đây, thưa quý bạn, “*Thu khúc một*” hay “*Trăng khuyết*”, kỷ niệm của hơn một người và, bền lâu, có thể cũng hơn một đời!!

*

thu khúc, một

trăng khuyết, như đời tôi
cũng thôi, một kiếp người
em về, khuya có vui
đầy hồn tôi mưa bụi
tôi về, khuya thiếu... tôi
nhớ người, mỗi tháng tám

gió ngắt, như lòng tôi
chiều thu, im tiếng rồi
những ngón tay mồ côi
đường ngôi không tiếng gọi
em còn trong cõi tôi
thoảng mùi hương tháng chín

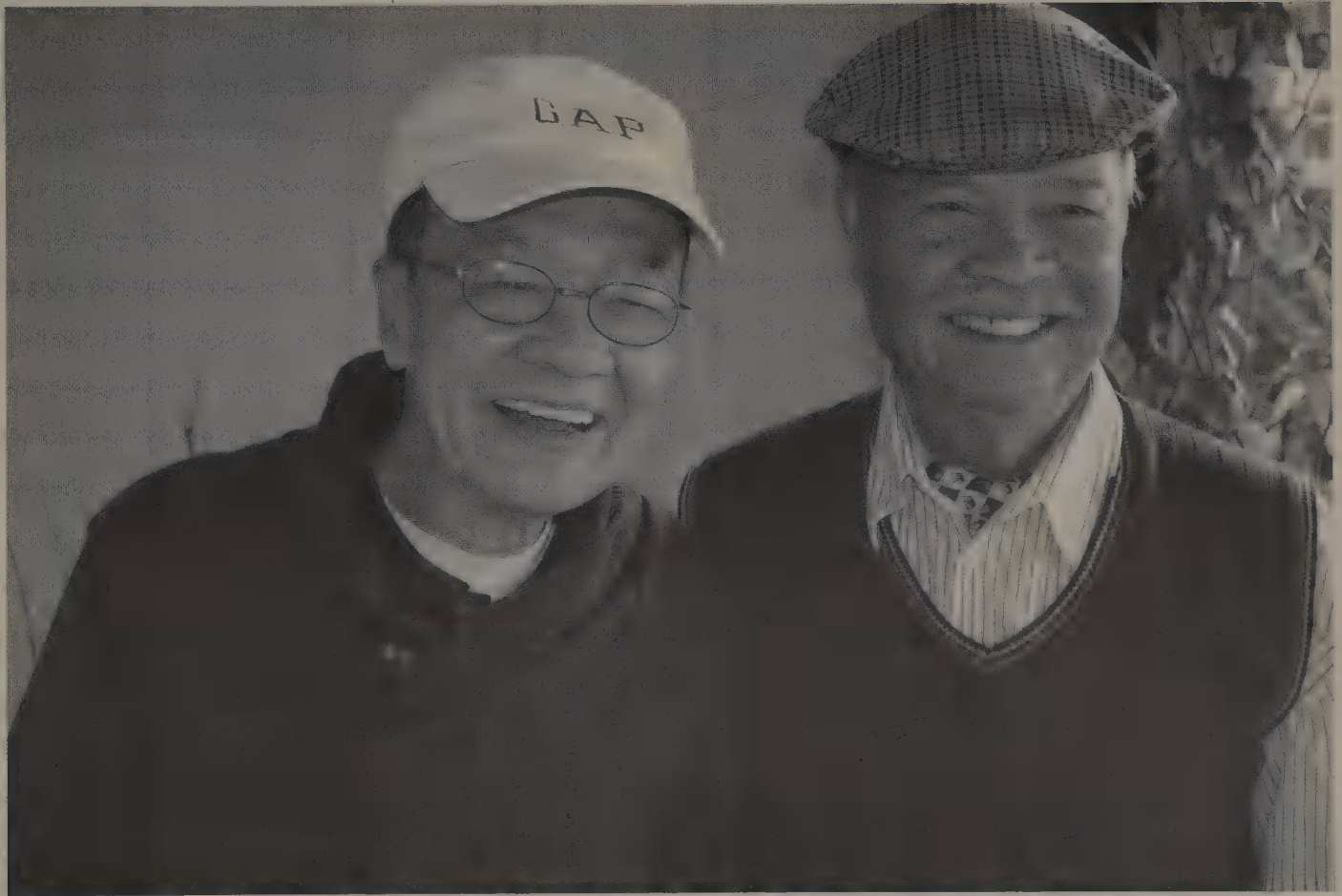
nắng xót, như biển khơi
đường xa hút bóng người
nỗi buồn nào có đôi?
sao đời tôi khép vội?
tóc buồn xuống hai vai
em nghìn năm mây khói

tôi đã khóc đêm qua
như đứa trẻ nhớ nhà
em ở đâu đêm qua?
quê-nhà-tôi, mất dấu
tôi ở đây đêm qua
mênh mông hồn nghĩa địa

trăng khuyết, như tình tôi
còn nhau không cuối đời?
em, một trời gió nổi
tôi, một trời mưa thôi
mất người, đêm tháng chạp
đắp buồn ván quan tôi
áo người, trưa tháng tám
gói hồn tôi không vui

kip về không hỏi bé ?
vầng trăng ta khuyết rồi.

8-1984



Du Tử Lê và Nguyễn Văn Cảnh. 2012



VIỆT DZŨNG
(1958-2013)

trăng khuyết

Ý thơ: Du Tử Lê
Nhạc và lời: Việt Dzũng

Trăng khuyết như đời tôi. Cũng thôi một kiếp người. Em về khuya có
vui. Tôi về đêm nhớ người... Gió biết như tình tôi. Cung chiều lên tiếng
gọi. Về kịp không hỡi em... Vầng trăng ta khuyết rồi... Biển khơi nào dâng

Trăng khuyết

18 sống cho gió đây hôn nghĩa trang. Em ở đâu đêm qua... Có nghe hôn anh tắt

24 vội... Buồn vương giọt nước mắt cho giá lạnh cội áo quan... Anh ở đây đêm

30 nay... Nghe hôn em tóc xoắn khói (ư) mây... Mây khói ru tình

36 tôi... Nhớ thương một kiếp người. Em về khuya có vui. Tôi về đêm nhớ

42 người... Trăng khuyết như hôn tôi. Ván quan đã đóng rồi. Về kịp không hỡi

48 em... Vầng trăng ta khuyết rồi...



DU TỬ LÊ

67, Khúc Thêm Cho Huyền Châu / Trên Ngọn Tình Sầu.

Đầu thập niên 1970s, một người bạn làm cùng phòng với tôi, tên Nguyễn Thiệp mời tôi ra quán café La Pagode ở đường Tự Do, Saigon cũ. Lúc đó, tôi đang làm việc. Bạn tôi nói, bỏ đó chút đi. Ra café ngay vì Từ Công Phụng muốn gặp.

Ra tới nơi, tôi mới biết, qua Nguyễn Thiệp, Từ Công Phụng đã soạn thành ca khúc bài thơ “67, Khúc Thêm Cho Huyền Châu” của tôi, được in lại trong tập thơ “*Tay gõ cửa đời*” (Nhà XB Nguyễn Đình

Vượng, Saigon, 1967).

Ngay tại Pagode, không có đàn, Phụng đã hát thử cho tôi nghe... Tôi và Thiệp đều công nhận giai điệu của ca khúc rất đẹp, mặc dù có một số câu thơ tôi thích nhưng Phụng không chọn!

Hát xong đến lần thứ hai, Phụng nói tôi nên cho ca khúc một nhan đề khác. Lý do Phụng nghĩ, nếu giữ nguyên nhan đề của bài thơ e khó phổ biến vì nó riêng tư quá. Lại nữa, Phụng cũng không muốn có tên người trong tựa đề ca khúc...



Nhạc sĩ Từ Công Phụng và Du Tử Lê. Portland, 1998.

Tôi có nhiều buổi ngồi ở Pagode, (nhất là những buổi tối, một mình), qua khung kính lớn, hình ảnh những hàng cây nơi ngã tư đường Tự Do / Lê Thánh Tôn và, công viên nhỏ nơi góc phố, trở thành một phần ký ức tôi, những ngày xa Saigon. Vì thế, không suy nghĩ, tôi nói với Phụng, tôi muốn đặt tên ca khúc ấy là “*Trên ngọn tình sầu*” – Nó cũng phản ánh phần nào nội dung bài thơ. Phụng

đồng ý ngay (nhiều phần chiều ý tôi?) Và “*Trên ngọn tình sầu*” ra đời!

Linh hồn duy nhất của bài thơ là Lê Huyền Châu (sau này trở thành cô giáo dạy trung học) – Là mối tình đầu thực sự của tôi. Chúng tôi quen nhau vào khoảng giữa năm 1962. Cuộc tình của chúng tôi không đi đến hôn nhân được vì sự khác biệt Nam / Bắc. Thời gian đó, sự phân biệt hay tinh thần kỳ thị Bắc / Nam còn

rất mạnh mẽ. Tháng 4-1975 tôi rời Việt Nam, tỵ nạn tại Hoa Kỳ. Đầu thập niên 1990s khi biết Huyền Châu vẫn chưa lập gia đình, và hoàn cảnh riêng của cá nhân tôi cho phép, tôi trở về Saigon, ngỏ ý đưa Huyền Châu qua Mỹ. Nhưng vì còn cha mẹ già, HC từ chối... Mười năm sau đó, khi hoàn cảnh gia đình của HC thay đổi, HC muốn qua Mỹ thì mọi chuyện đã trở nên trễ muộn! Tối ngày từ trần, mừng một Tết Nguyên Đán, 2011 HC vẫn độc thân và, vẫn cư ngụ tại căn nhà cũ ở Bến Chương Dương, một phần ngoại cảnh hay phong nền chính của bài thơ mà quý bạn sẽ đọc dưới đây...

*

67, Khúc Thêm Cho Huyền Châu

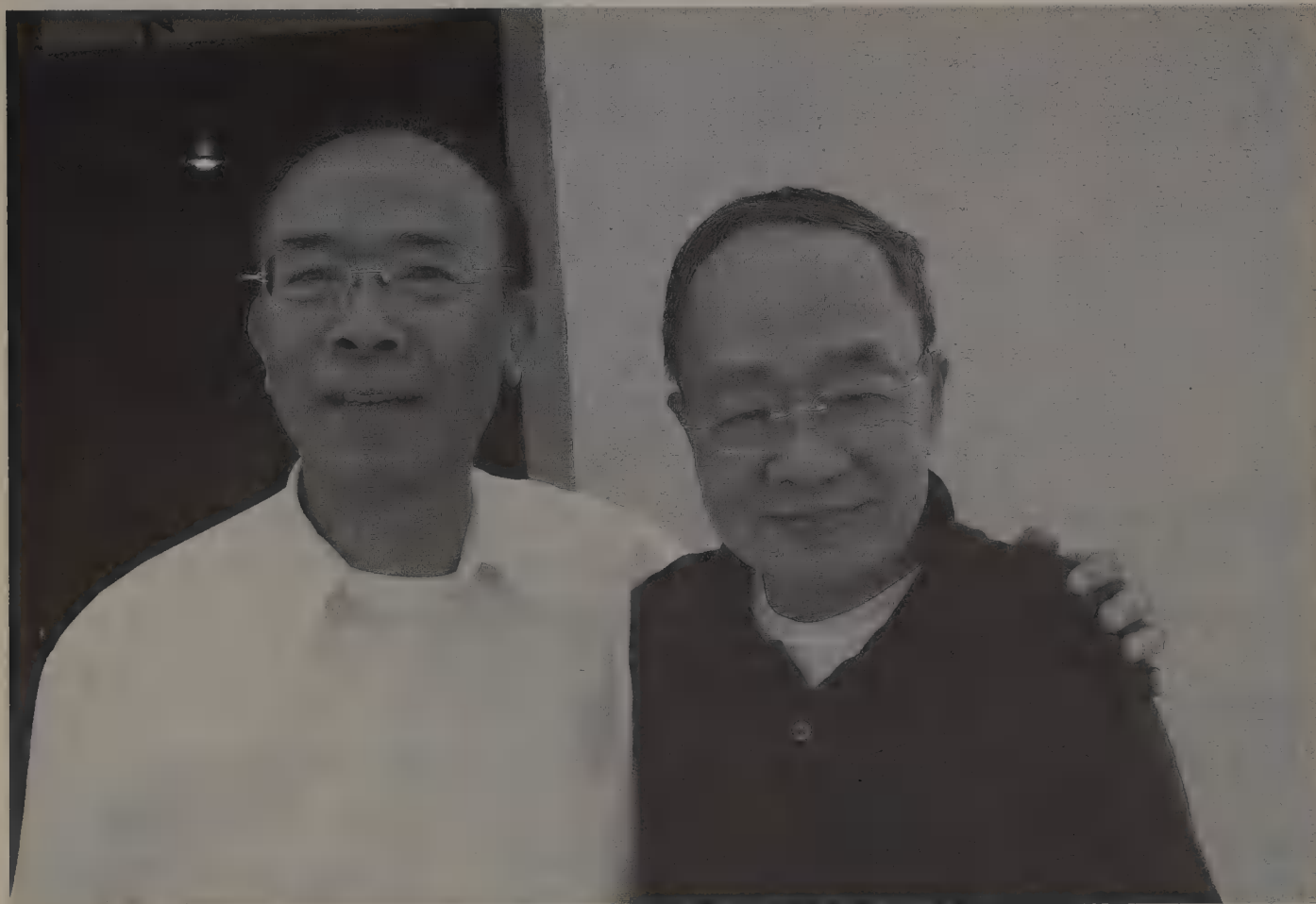
*hạnh phúc tôi từ những ngày nước lớn
trời mưa mau tay vuốt mặt khôn cùng
bầy sẻ cũ hom hem chiều gói xám
trời xanh xao chân nhỏ cũng không về
cây mộng nở từng ngón tay lá nỡ
nôi tương tư cổ ấm thịt da người
tôi hiu hắt từ mắt em ngát tạnh*

*môi thâm khô từ thuở định xin hôn
ngày tháng hạ khi không mà trở rét
em khi không mà trở mặt điều ngoa
tay trông ngóng hương đưa mùi tóc mạ
ngọn me xa thở ký ức rì rào
chiều qua đó chân ai còn riu rít
lời ai say cho trời đất lại gần*

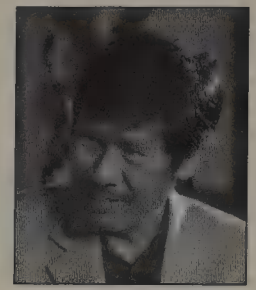
*kỷ niệm tôi từ những ngày vỡ tiếng
nhấn nha gom từng cọng thiết tha rơi
con đế nhỏ lớn lên đầm tiếng hát
khi đêm về ru giọng đón đau hơn
cây niên thiếu cũng thui mằm trong sáng
lá oan khiến lá tả mái hiên người
tôi èo uột từ những ngày cả gió
con đế buồn tự tử giữa đêm sương
bầy sẻ cũ cũng qua đời lặng lẽ
ngọn me xưa già khom tiếc thương hờ
em ở đó bờ sông còn ẩm cát
con sóng tình vỗ mãi một âm quên.*

Du Tử Lê,

1967.



Nguyễn Gia Kiểng và Du Tử Lê. 2014



TÚ CÔNG PHỤNG

Trên Ngọn Tình Sầu

Tôi quen với DTL mùa hè năm 1967 ở Pleiku trong một chuyến giảng hồ vật. Trước đó thỉnh thoảng tôi có đọc một vài bài thơ của DTL đăng trên các tạp chí và nhật báo ở Saigon, nhưng tôi chưa có ý niệm nhiều về thơ DTL, và tôi cũng không nghĩ đến việc phổ nhạc vào thơ. Tôi đọc nhiều sách nhưng ít đọc thơ.

Hồi đó, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Trần Dạ Từ... là những nhà thơ đã để lại trong tôi rất nhiều ấn tượng.

Cho đến một ngày, một người bạn của tôi và cũng là bạn của Lê, đề nghị tôi phổ một bài thơ của DTL, và bài thơ mà anh ấy đề nghị là bài Khúc thêm cho Huyền Châu. Tôi nhận lời nhưng cũng hơi ngại vì chưa biết bài thơ ấy có hay không và có ẩn chứa hồn nhạc hay không.

Đêm về, một mình trong căn phòng vắng, tôi mở bài thơ ấy ra đọc, bỗng dưng tôi thấy cả một không gian đầm ấm nhưng buồn bã vây quanh tôi bằng những hình ảnh mà Lê đã nhân cách hóa từ cỏ cây, từ



Từ trái: Từ Công Phụng,
Du Tử Lê, Đặng Khánh.

chim muông và từ cả những con đế buồn ca hát nỉ non trong đêm vắng. Thơ của Lê đã thu hút tôi, và tôi khẽ cất tiếng hát “*Hạnh phúc tôi, hạnh phúc tôi từ những ngày con nước về...*” và cứ thế dòng nhạc tuôn chảy từ những vần thơ.

Bài hát được hoàn tất trong hai ngày, sau khi ngắt bỏ những đoạn không cần thiết, thêm thắt và sửa lại những vần thơ bằng trắc cho đúng theo dòng nhạc mà không làm mất ý của tác giả bài thơ. Và Lê đã đồng ý với tôi về tựa đề của bài hát “Trên ngọn tình sầu”.

Hồi đó lũ sinh viên chúng tôi hay tụ tập tại khuôn viên bỏ trống của trường Văn Khoa cũ, hát hò cho nhau nghe những bài hát chúng tôi vừa viết xong. Bài “Trên ngọn tình sầu” lần đầu tiên ra mắt anh em sinh viên trong đêm sinh hoạt như vậy, đã được đón nhận nồng nhiệt, ngoài mong ước của tôi.

Ca từ *Hạnh phúc tôi, hạnh phúc tôi* được chấp bằng đôi cánh âm nhạc, đã bay cao và bay xa cho mãi đến ngày hôm nay.

Từ Công Phụng



TÙ CÔNG PHỤNG

trên ngọn tình sầu

Thơ: Du Tử Lê
Nhạc: Tù Công Phụng

Hạnh phúc tôi, hạnh phúc tôi từ những ngày con nước về. Ngoài trời mưa mau, ngoài trời mưa mau tay vuốt mặt không cùng. Bầy sẻ cũ hom hèm, chiều mái xám rêu xanh. Trời êm cao chân nhỏ cũng không về trên dòng sông tội lỗi. Tôi nghe hắt

Trên Ngọn Tình Sầu

12 hiu từ mắt em ngắt tạnh. Môi thâm khô từ thuở định hôn người. Ngày tháng

16 hạ khi không mà trở rét. Giọt nắng vàng như sương mờ lạnh ngắt. Sao khi

20 không người ngoảnh mặt kiêu sa. Chiều qua đó chân ai còn riu rít âm thừa.

24 Lời ai ru như mơ cho trời xuống thật gần. Người trông ngóng hương xưa mùi mái tóc đêm mưa.

28 Nhẹ theo lá oan khiên lả tả mái hiên người. Tôi nghe hắt hiu từ mắt em ngắt

32 tạnh. Con đẽ buồn tự tử giữa đêm sương. Bầy sẻ cũ cũng qua đời lạng

36 lẽ. Em ở đó bờ sông còn ấm cát. Con sóng tình vỗ mãi một âm quên.



DU TỬ LÊ

Ca khúc

“Trong Tay Thánh Nữ, Có Đời Tôi”.

“**T**rong tay thánh nữ, có đời tôi” là một trong những bài thơ tôi viết vào cuối thập niên (19)80s đầu thập niên (19)90s – Đi ra từ tấm lòng, mối tình của một thiếu nữ Ky-tô-hữu, mới lớn. Chính tình yêu tinh khiết của cô đã nâng đỡ tinh thần tôi vượt qua được những biến động tinh thần tuyệt vọng ở tôi, sau cái chết của mẹ tôi năm 1989 và, những đổ vỡ khác trong đời thường...

Cũng từ tình yêu tinh khiết tôi nhận

được từ cô mà, tôi đọc lại Tân Ước. Cùng với tình yêu cá nhân và tính uyên áo của Tân Ước đã thấm đẫm, thay đổi khá nhiều suy tư của tôi về ý nghĩa cũng như chính sự sống / chết của một kiếp người ngắn ngủi!

Tên cô viết tắt là T.N, cho tôi liên tưởng tới hai chữ “*thánh nữ*”.

Tôi dùng hai chữ này, như một cực tả lòng biết ơn của mình, đồng thời cũng có thể hiểu, như một hình thức xiển dương lòng biết ơn của tôi trước Chúa Ky Tô

Ca khúc “Trong Tay Thánh Nữ, Có Đời Tôi”.

Khi bài thơ phổ biến, người đầu tiên, chấp thêm cho nó đôi cánh giai điệu là nhạc sĩ Trần Duy Đức, ở Nam Cali.

Sau đấy, ở Sydney, Úc châu, nhạc sĩ Hoàng Thanh Tâm, cũng tình cờ chọn bài thơ đó, để soạn thành ca khúc. Khác hơn Trần Duy Đức, Hoàng Thanh Tâm lấy 1 bài thơ khác, chỉ có 4 câu của tôi, dùng cho phần điệp khúc:

*“sông chẳng thể không trôi về biển lớn
người bên bờ buông tóc thả cho mây
nên suốt kiếp, tôi vẫn là đứa trẻ
buồn, vui theo chiếc kẹo ở tay người”.*

Vì họ Trần đã giữ nguyên tựa bài thơ làm tựa đề cho ca khúc của mình, nên, họ Hoàng đề nghị với tôi, cho anh chọn tựa mới là *“Hạnh phúc buồn”*.

Cũng như ca khúc *“Trong tay thánh nữ, có đời tôi”* của Trần Duy Đức, *“Hạnh phúc buồn”* của Hoàng Thanh Tâm được thu âm và phổ biến.

Tuy nhiên, khi ca sĩ Tuấn Anh chọn *“Hạnh phúc buồn”* làm tựa chung cho

một video của mình thì, Tuấn Anh lại chọn tựa *“Trong tay thánh nữ, có đời tôi”* làm tựa chung cho cả bộ video của anh. Sự việc này, thoát đầu đã khiến trong giới thưởng ngoạn, có nhiều người bị lầm lẫn, giữa hai tác giả!

*

Sau một thời gian dài bị bệnh suy thận, từ nhiều năm qua, linh hồn bài thơ *“Trong tay thánh nữ, có đời tôi”* không còn nữa. Nhưng may mắn, bài thơ ấy, cũng như một vài bài thơ khác, tôi viết từ tình yêu của T.N., vẫn còn được cất lên, như lời những lời tụng-ca – Dù cho đó là những tụng-ca-không-hạnh-phúc của tôi.

Du Tử Lê

(2014)



HOÀNG THANH TÂM

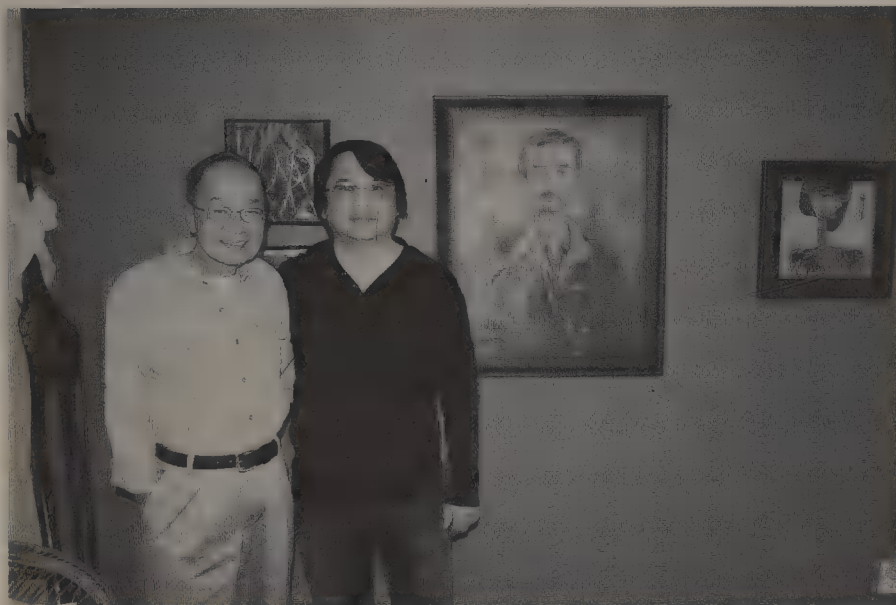
Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi

Vào năm 1988, thể theo lời mời của một số báo chí văn nghệ ở Úc Châu, thi sĩ Du Tử Lê đã cùng với tôi trở về Úc để ra mắt tập thơ “Ở chỗ nhân gian không thể hiểu” của ông và album cassette “Tháng Sáu Trời Mưa” (tình ca Hoàng Thanh Tâm 3) tại 2 thành phố Sydney và Melbourne.

Cũng chính nhờ vào cơ hội này, tôi mới có dịp gần gũi với thi sĩ Du Tử Lê cũng như tiếp cận những thi phẩm của ông trong tập thơ “Ở chỗ nhân gian

không thể hiểu”, và Nhạc phẩm “Trong tay Thánh Nữ có đời tôi” là một trong 3 thi phẩm của thi sĩ Du Tử Lê, tôi đã phổ thành ca khúc vào năm 1988.

Nhưng mãi cho đến năm 1993, tức là 5 năm sau khi viết “Trong tay Thánh Nữ có đời tôi”, tôi mới qua Mỹ để thực hiện album “Tay Ngọc” (Tình ca Hoàng Thanh Tâm 4), và đã mời ca sĩ Thái Châu thu âm nhạc phẩm này lần đầu tiên! Album “Tay Ngọc” gồm 10 tình khúc phổ thơ của các thi sĩ cận đại như:



*Du Tử Lê và Hoàng Thanh Tâm.
Garden Grove, 2012.*

Nguyễn Sa, Du Tử Lê, Huy Cận, Hồ Dzếnh, Hàn Mạc Tử, Trần Dạ Từ, Hoài Diệp Tử và Ngọc Hân.

Nhạc phẩm này sau đó được ca sĩ Tuấn Anh dùng làm nhạc phẩm chủ đề cho album CD và video của anh, phát hành tại Hoa Kỳ năm 1994, và ca sĩ Tuấn Anh đã thể hiện rất thành công ca khúc này trong những chuyến đi show trình diễn của anh.

Nhạc phẩm này được phổ từ 2 bài thơ “Trong tay Thánh Nữ có đời tôi” và “Tay người” của thi sĩ Du Tử Lê. Bài thơ “Tay Người” chỉ vồn vện có 4 câu,

tôi đã đưa vào điệp khúc của bài hát với tựa đề là “Trong tay Thánh Nữ có đời tôi”. Sau đó, tôi đã xin phép thi sĩ Du Tử Lê đổi tựa bài hát là “Hạnh Phúc Buồn” để đưa vào album thứ 4 của mình.

Đã hơn 20 năm qua, nhạc phẩm này vẫn được rất nhiều thính giả thưởng ngoạn âm nhạc khắp nơi yêu thích, có thể nói đây là một trong những nhạc phẩm tôi đã phổ nhạc thành công sau “Tháng Sáu Trời Mưa”, “Ngập Ngừng”, “Cô Hái Mơ”, “Đây Thôn Vĩ Dạ” vv...

Hoàng Thanh Tâm



HOÀNG THANH TÂM

Trong tay thánh nữ có đời tôi

Thơ: Du Tử Lê

Nhạc: Hoàng Thanh Tâm

Sheet music for the song "Trong tay thánh nữ có đời tôi" (In the hands of the Holy Girl is my life). The music is written in 4/4 time, key of B-flat major (two flats). The lyrics are in Vietnamese.

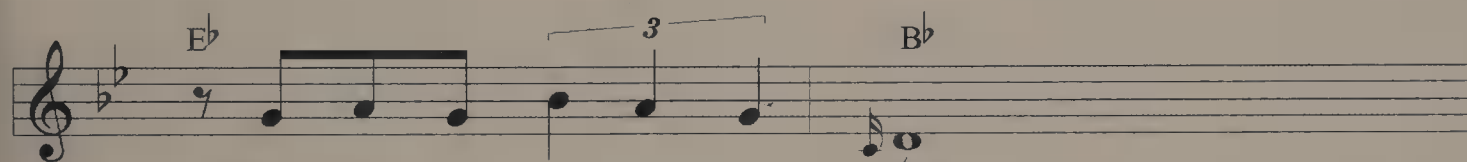
First line of music:

Hỏi Chúa đi rồi em sẽ hay

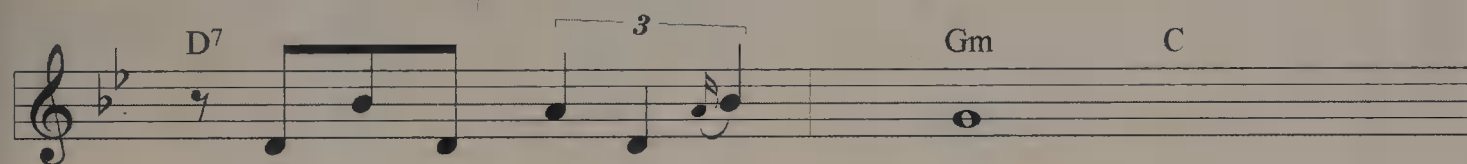
Second line of music:

Tôi buồn như phố cũ mưa bay

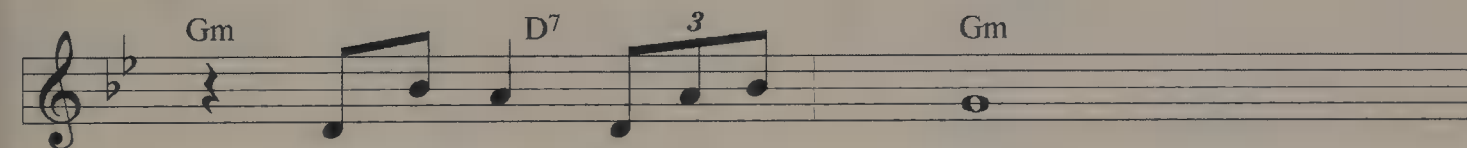
Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi



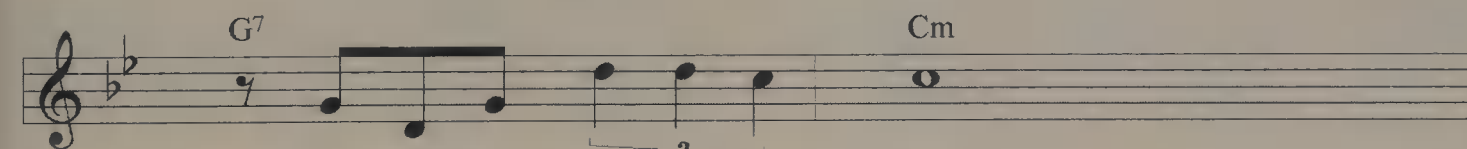
Bàn chân từng ngón ngưng không thở



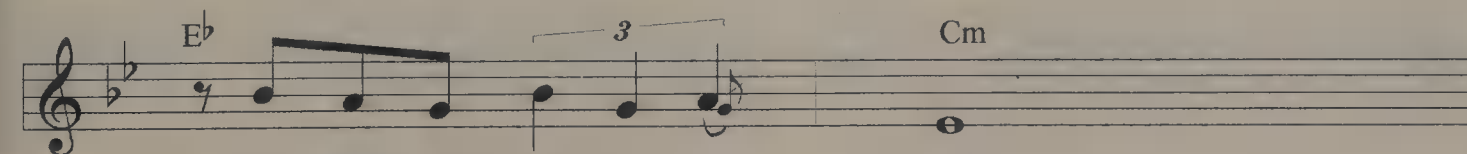
Lạc mất đường đi tạnh dấu bày



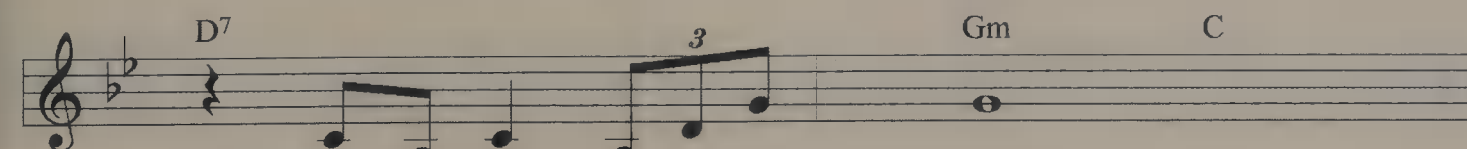
Hỏi nắng đi rồi em sẽ hay



Tôi gầy như phiến lá trên cây



Gió khuya thổi rớt ngàn tâm sự



Thiên đường tôi là người hay ai

Gm Cm 3
 Sông chẳng thể không trôi về biển
 D $\flat$ Gm 3
 lớn Người bên bờ buông tóc thả cho
 B $\flat$ Cm Gm 3
 mây Nền suốt kiếp tôi vẫn là đứa
 F D7 3
 trẻ Buồn vui theo chiếc kẹo ở tay
 Gm F Gm D7 3
 người Hỏi gió đi rồi em sẽ

Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi

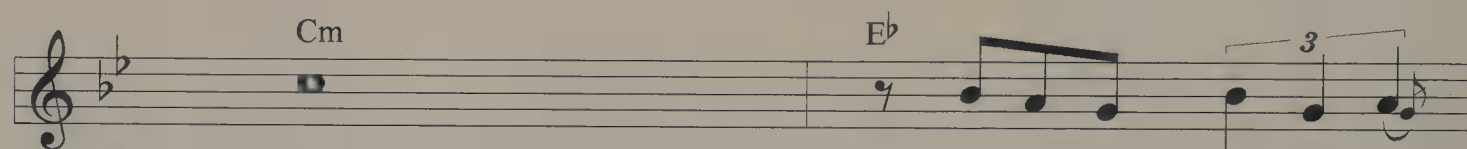
hay Tôi chờ em đến ³thấp đêm

vui Có đêm nhìn xuống bàn tay

lạnh Và chỗ em ngồi đã bỏ

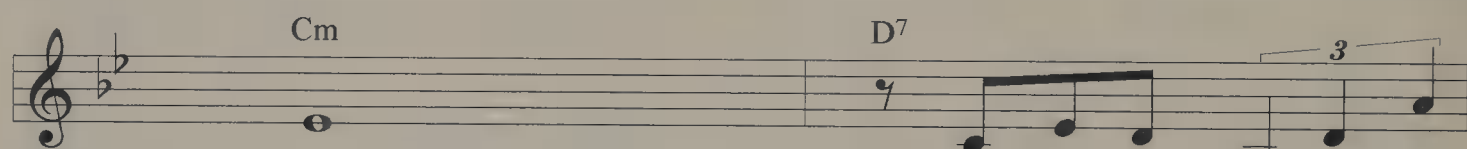
không Hỏi Chúa đi rồi em sẽ

hay Tôi về thơm nôi nhớ trên ³



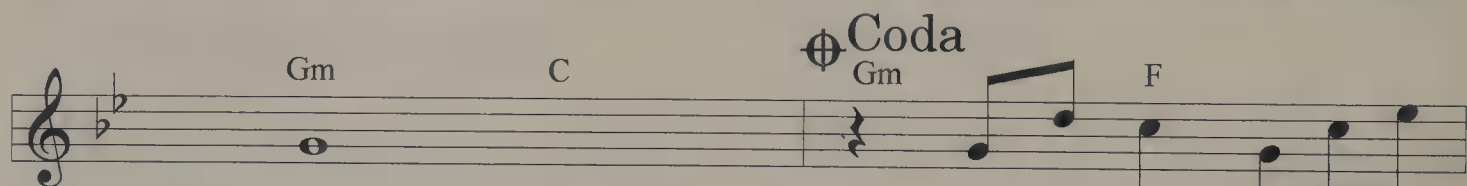
tay

Trái tim dòng máu lệ chưa



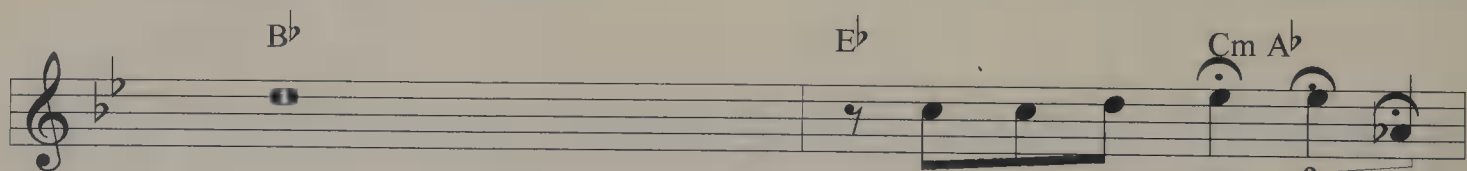
cạn

Đời đóng lên hoài vạn dấu



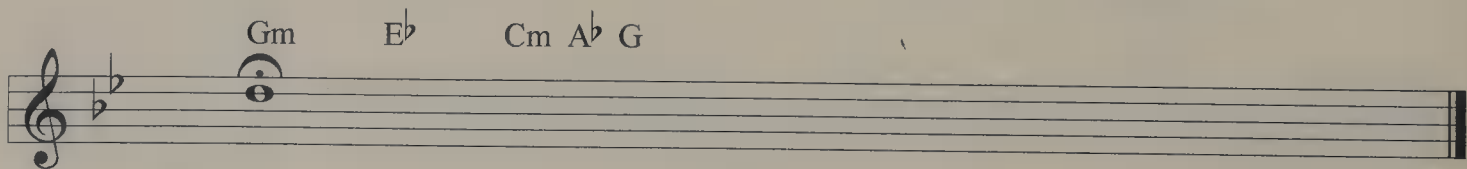
đỉnh

Hỏi Chúa đi rồi em sẽ



hay

Trong tay Thánh Nữ có đời



tôi

Về đời thường
DU TỬ LÊ



orchid Lâm Quỳnh

Bố Tôi, Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu!!!

Tôi đã tự hứa sẽ không “nói xấu” Bố nữa, nhưng bố tôi huyền bí quá, phải ghi lại để cân bằng giữa con người văn chương và con người đời thường.

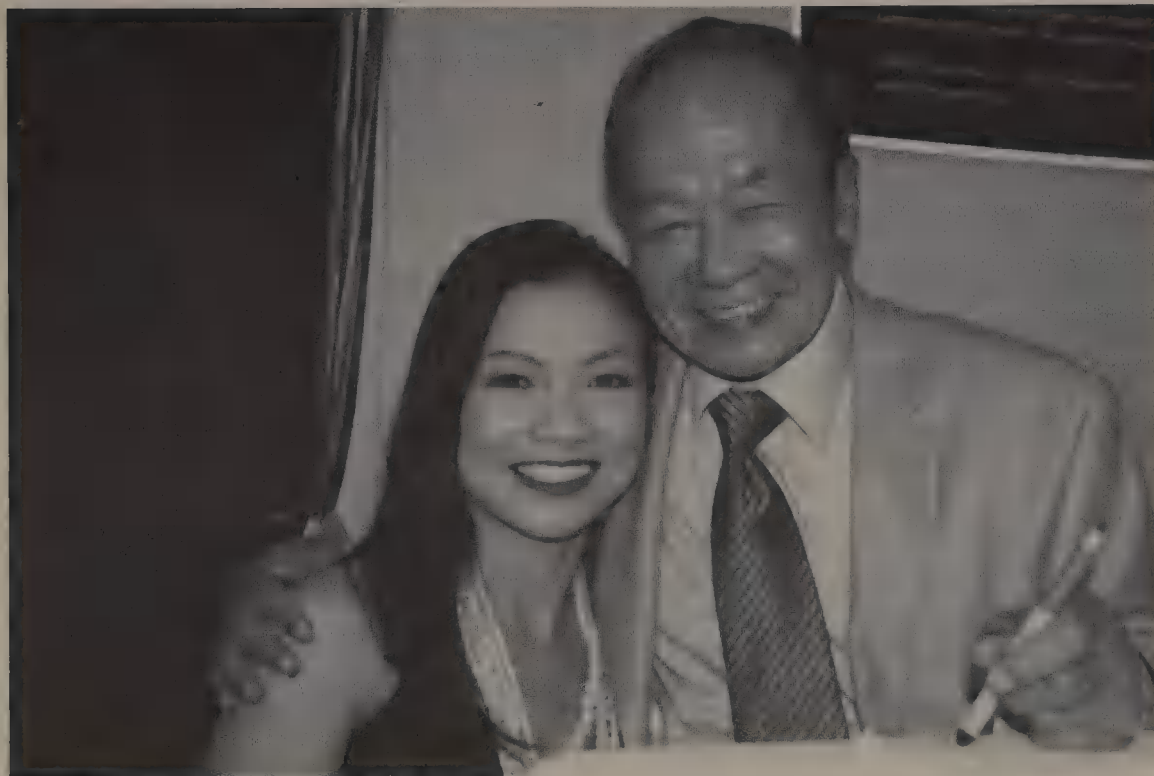
Ông Bố rất *huyền* bí! đó là chữ tôi hay dùng cho những việc Bố làm hàng hàng lớp lớp mà chỉ có những người ở cùng nhà mới chứng kiến.

Bố tôi ở nhà và, ông Du Tử Lê ngoài đường, là hai người khác hẳn nhau, khác đến nỗi, khó tin những bài thơ của ông

Du Tử Lê là do Bố tôi... làm!? Sao chữ nghĩa hay ho, những câu thơ cao siêu và huyền bí đến thế, có thể đi ra từ một người hồn nhiên, ngây ngô, đại khờ và trẻ thơ đến như vậy.

Về chữ nghĩa tôi cũng xin nói ra đây nỗi lòng của mình. Có ai biết được rằng làm con một ông thi sĩ khổ lắm! Ở chung nhà còn khổ bội phần! Nỗi khổ triền miên là vấn đề ngôn ngữ, mình đâu có được ăn nói bố bả như người trần mắt thịt được.

Bố Tôi, Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu !!!



Orchid Lâm Quỳnh và Bố Du Tử Lê. California, 2001

Tôi thí dụ:

Năm nay tôi ba chục, thật mà nói, nghề nghiệp chưa vững, học hành chưa xong, con cái chưa có, nhà cửa thì đang ở chung với Bố Mẹ... như vậy thì đúng là phải nói: Đời tôi chẳng nên cơm cháo gì. Nhưng con ông Du Tử Lê thì đâu được nói năng tuệch toạc như vậy, phải nói cho ra thơ:

“Thời gian qua hun hút, và ta đã làm chi đời ta?”

Công danh sự nghiệp chưa có, tình yêu cũng may là suôn sẻ chứ giả sử xui mà gặp trường hợp đến sau người khác, có muốn kêu trời rằng, Ôi! Ta đã đến chậm rồi, hay lỡ bả hơn thì nói: Mãi mãi em là người đến sau. Nói vậy thì đâu phải con ông Du Tử Lê, phải nói thế

này nè:

“Ta tiếc thiên đàng sớm lập xong”

Rồi sau đó có oán trách người kia, thì phải nói:

“Gieo xuống đời nhau hạt thương đau!”

Còn giả sử bị ông Trời bắt phong trần thì phải tự an ủi:

“Ở chỗ nhân gian không thể hiểu”

“Mất hay còn chưa hẳn khác nhau đâu”

Nói chung là khó ghê gồm để nói... thơ. Nhưng với Bố thì dễ ẹc, với Bố cái gì cũng ra thơ cả:

Tóc: *Tìm nhau. cổ tích trong hương tóc*

Vai: *Đôi nhánh vai gầy thương thế gian*

Ngực: *Ởn em ngực ngải môi trầm*

Môi: *Ngực thơm hoa bưởi môi đưa bão về*

Tay: *Bàn tay Bồ Tát em đời kiếp*

Lưng: *Em vui áo lụa mềm lưng phố*

Ngón chân cũng có thơ luôn, không thể thơ mộng và lãng mạn hơn: ngày nghiêng nhớ xuống đôi vai nhỏ nghe lá reo mừng những ngón son

...

Còn Bố mà thủ thủ thì không chỉ kiến mà sử tử (Hà Đông) cũng riu riu bỏ núi về đồng. Nghe bố tôi *thương* nè:

Gối, chẵn kia, thương mãi chỗ ai nằm?!?

Hình ảnh “Em” của Bố tôi:

- *Dáng em công chúa lila cung điện*

- *Ởn em dáng mỏng mưa vời*

- *Buổi sáng em về như Quan Âm*

“Em” mà ngoảnh mặt, Bố sẽ than:

- *Em vui áo lụa mềm lưng phố*

có động lòng thương kẻ cuối đường?

- *Hồn thảng Chạp cuối đời khua*

tiếng gậy

Em từ tâm còn đủ lượng bao dung

Trời ơi, nói vậy mà ai không “động”, ai mà không “từ” hả trời! “động” quá cho nên đến nỗi này! Ô hình như tôi cũng đã vừa làm được câu thơ: “Động quá cho nên đến nỗi này!.” Í hay đó chứ, đâu có thua ông Du Tử Lê, gần đèn cũng sáng lên đôi chút!

Nhiều bạn bè của Bố nói, nghe ông Lê nói thì kiến trong hang cũng bò ra.

Bố Tôi, Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu !!!

Tôi đã nói ở trên, ở đó mà kiến trong hang, sư tử trong rừng sâu cũng lò dò xuống núi khi nghe Bố tôi “dụ khi”:

- *tôi sẽ chỉ cho em, đây sự thật:*

tấm lòng tôi... thương lắm! những đêm người!

- *ân nghĩa nghìn sau vẫn chói lòa.*

- *em phục sinh ta từ mộ sâu*

- *Ơn em hơi thoáng chỗ nằm,*

Dấu quanh quần dấu nổi buồn một nơi

Tạ ơn em tạ ơn em!

Bố tôi mà “tạ” kiểu đó thì cứ nai lưng ra mà hầu vẫn thấy hạnh phúc ngập tràn.

Ai tin ráng chịu! Từ xưa nay khối người tin, trước mắt là mẹ tôi đó chứ ai xa xôi. Ngày xưa khi còn bác Mai Thảo, bác thương mẹ tôi lắm, bác sợ Bố bay bướm rồi Mẹ khổ, thỉnh thoảng Bác thăm chừng: “Lê nó có đối xử tốt với em không?” bác còn bày cho mẹ tôi: “Lê ra đường là ông Du Tử Lê, nhưng ở nhà là ông Lê Cự Phách, nếu không tốt với em thì em cho áo quần vào bịch rác nhá, vứt ra ngoài đường, đêch sợ nó nhá!”

Tôi sẽ không nói thơ nữa, đó không phải là lãnh vực của tôi. Phần Mẹ, Mẹ tôi mừng vô kể khi tôi không biết tí nào về thơ. Mẹ thú vị lắm với những câu sau đây:

Chồng tôi là một nhà thơ

Ra vào ngẩn ngẩn ngơ ngơ thế nào

Đến nay tôi rất tự hào

Con tôi chẳng có đứa nào làm thơ

Lãnh vực của tôi và của cả nhà là lom lom “canh” Bố, mỗi người tự canh một cách riêng, để mỗi tối trong bữa cơm gia đình kể cho nhau nghe. Những lúc như thế Bố tôi chỉ tủm tỉm cười, vì chắc thấy mình cũng đáng buồn cười thật!

Nhà tôi luôn có bữa cơm tối của gia đình. Cả nhà dù ai đó có thể về muộn thì cả nhà đều chờ đông đủ mới vào bàn. Có những hôm mẹ tôi về 11 giờ hay hơn thế, hay tôi về quá trễ thì cả nhà đều chờ cơm. Cơm tối gia đình rất vui, đó là dịp để cả nhà “báo cáo” tình hình của mỗi thành viên cho cả nhà nghe. Mẹ kể chuyện sở làm, tôi kể chuyện trường, Hân kể những chuyến đi show. Bố là

người ít nói nhất, nhưng lại bị trả lời nhiều nhất.

Đề tài không chừng, có hôm này hôm kia, đủ khía cạnh cuộc đời. Có hôm đề tài là: Nếu có kiếp sau, sẽ thích làm đàn ông hay đàn bà. Tôi muốn làm đàn ông. Mẹ tôi thì muốn làm y chang như cũ (ý là muốn làm vợ bố lần nữa!? Eo ơi!) Bố thì muốn làm... đàn bà, lý do là để coi thử thế nào. Tính bố nhẹ nhàng, nói năng nhỏ nhẹ, lại ưa ăn mặc đẹp, quần màu này phải đi với áo màu này, và áo len thì phải khoác hờ lên cổ kể cả những hôm trời nóng phát rồ lên. Cho nên quyết định chung của cả nhà là cầu xin Thượng Đế cho bố tôi làm “chân dài” ở kiếp sau. Bố tôi tũm tũm, chắc là thỏa chí lắm. Rồi hỏi Bố sẽ lấy ai làm chồng, Bố rất dăm chiêu, suy nghĩ lao lung làm như mình sắp là đàn bà thật. Mẹ tôi cũng coi bộ hoang mang không kém. Tôi đánh bạo hỏi: Bố “lấy: Bác T. làm... chồng Bố OK không? Cả nhà nín thở, chờ đợi.

Thôi, ngang đây tôi không muốn tiết lộ câu trả lời của Bố. Nhưng vui đáo để!

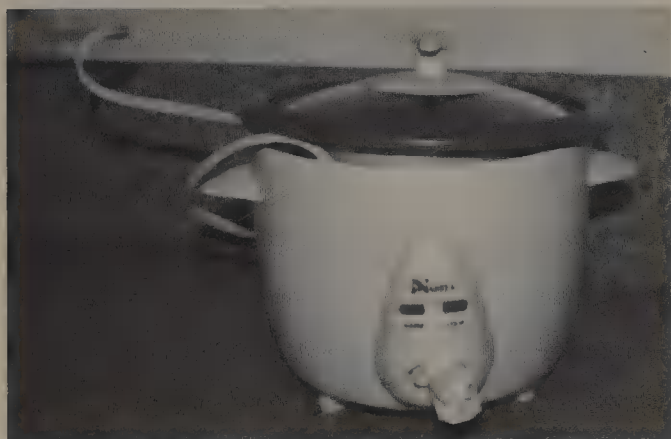
Chưa bao giờ tôi hỏi Bố nghĩ thế nào

khi cả nhà cứ đem Bố ra cười trong buổi cơm. Ba mẹ con cứ thi đua nhau kể và Bố chỉ tũm tũm, rất thien. Thương vậy đó! Tôi thương Bố lắm, dạo sau này, vì bác sĩ nói ăn rau rất tốt, nên vừa vào bữa ăn là Bố ngón nghiêng rau, hết đĩa nợ đến đĩa kia, ăn giống như trả nợ cho xong. Sau đó thì vì đã ăn rau nên coi như tha hồ ăn thịt mỡ, da, lòng... Hôm nào mẹ kho thịt mỡ, bố tôi lấy đĩa rẻ làm hai phần mỡ và thịt. Sau đấy ngang nhiên gấp miếng mỡ, bỏ phần thịt lại. Bố an tâm vì ngay từ đầu bữa đã ăn mấy đĩa rau rồi. Cũng thế, mỗi ngày chạy trên treadmill, nhưng miệng phì phà thuốc lá, vì vững tin rằng vừa hút thuốc vừa chạy treadmill coi như... không hút thuốc.

Gần như Mẹ tôi đi làm suốt ngày, có hôm cắt cổ hỏi Bố: “Ở nhà anh làm gì?” “Anh làm thơ” Làm thơ cũng là “làm” trời ạ! Nghe vậy Mẹ tôi giao cho một công việc đời thường hơn, công việc dưới trần thế. Số là Mẹ đi làm về rất trễ, thường khoảng 9 giờ tối Mẹ có mặt ở nhà, cũng có hôm 11 giờ đêm mới về. Sáng trước khi đi làm, Mẹ đã lo sẵn thức

Bố Tôi, Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu !!!

ăn, tối về chỉ hâm lại. Phần việc giao cho Bố là nấu cơm. Tôi kèm theo đây tấm hình Bố nấu cơm để biết kỹ thuật nấu cơm của một ông thi sĩ (Làm sao mà hiểu ở chốn nhân gian này có kiểu nấu cơm như thế!)



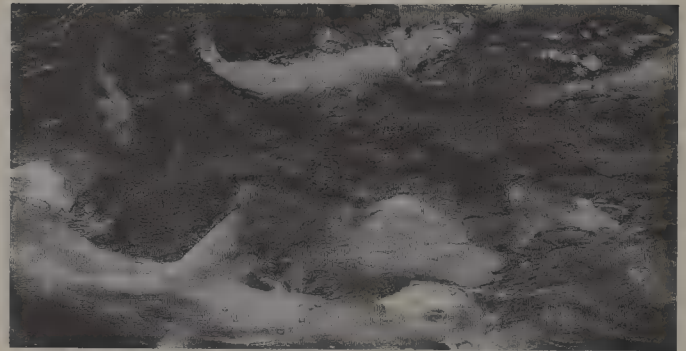
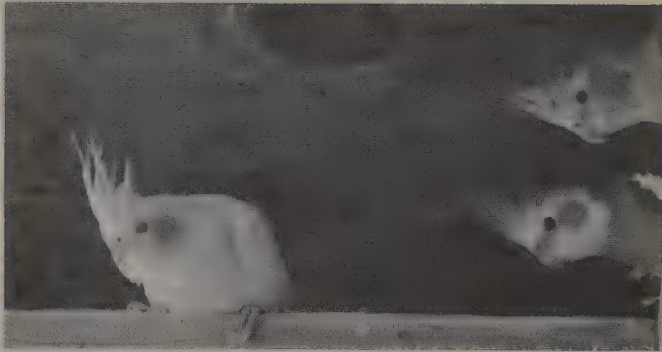
Bố không hề nhìn thấy nồi cơm bị kẹt sợi dây điện to tổ chẳng nên làm sao bấm nút cook, mà cũng khôn lắm nghen, biết lấy napkin xếp lại để chèn vào. “*Nồi cơm nhà mình bị hư, anh bấm nút hoài không được nên phải chèn bằng napkin*” Bố hỉ hả vì sáng kiến của mình.

Cơm vẫn sống và cả nhà đói meo. Nấu cơm là công việc duy nhất trong ngày có liên quan đến cộng đồng gia

đình, mà, gần đây Bố đã được miễn, vì cả nhà cứ bị ăn cơm sống hoài.

Tuy không phải làm bất cứ công việc nào trong nhà, nhưng Bố tôi bận lắm. Sáng ngủ dậy “phải” ngấm chim, ngấm cá chừng nửa tiếng, ngấm chim, cá, chứ không phải ngấm thức ăn, nước uống của chúng, nên nếu thức ăn có cạn, nước có khô... chuyện đó là chuyện của nhân gian, Bố tôi không hiểu! Không dính dáng gì đến người cõi trên là Bố. Sau khi “ngấm”, Bố ra quán cà phê, ngày nào cũng đi, kể cả lễ, tết, weekend, mưa gió bão bùng. Mẹ tôi gọi việc Bố ra quán cà phê mỗi sáng là job full time. Hôm nào chậm ra là chuông điện thoại réo inh ỏi. Có lúc Mẹ tôi cũng rầu rĩ chút chút. Nhưng nếu có những buổi sáng Bố nằm ẹp trên giường, vì nóng sốt, cảm cúm, biếng ăn, mà không ra cà phê được thì Mẹ tôi lại rầu rĩ hơn gấp bội. Rồi thì Mẹ lại mong Bố ra cà phê, và cứ hỏi dò: “Anh ráng ngồi dậy ra cà phê cho thoải mái người!” Bố mà đi ra quán sau vài ngày nằm bẹp thì không gì Mẹ hạnh phúc hơn. *

Năm tôi 15 tuổi, Bố âu lo nói với



Két chờ thức ăn và Cá Koi cũng chờ thức ăn, còn Bồ thì chỉ... ngắm!

Mẹ: “T. ơi! Con nó đã lớn mà sao anh chưa thấy nó có bạn trai? Anh hơi lo.” Đến năm tôi 23 tuổi, tôi có bạn, bạn tôi đi làm 9 giờ tối mới về và ghé thăm tôi. Thì lệnh của Bố, bạn tôi chỉ được ở chơi tối đa 10 giờ đêm phải về. Hôm nào bạn tôi ở lại trễ là y như rằng phòng Bố Mẹ vẫn còn sáng đèn, và chỉ tắt khi biết chắc bạn tôi đã về. Ban đầu tôi tưởng người thức “canh” tôi là Mẹ, ai ngờ đó là Bố, năm ấy tôi đã 23 tuổi! Một năm sau chúng tôi thành hôn và điều kiện duy nhất Bố đòi đàn ông là: Con gái tôi không làm dâu! Vợ chồng tôi ở chung với Bố Mẹ từ đấy.

Thời gian đầu H. không nói rành tiếng Việt nên không gia nhập cộng

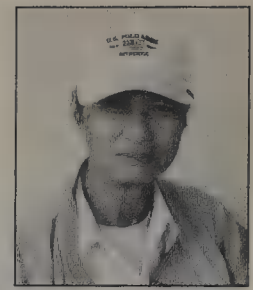
đồng nói xấu Bố, về sau, vì H. là người ở gần Bố nhiều nhất nên chuyện về Bố, H. là người biết rõ hơn bất cứ ai trong nhà. Việc trở thành con rể của Bố cũng làm hao hụt mức thu nhập của H. không ít. Những khách hàng hay ‘đe’ H.: Bác là bạn của Bố cháu, cháu phải lấy giá thật rẻ cho Bác. Xui cho H. bạn Bố quá nhiều nên mức thu nhập từ công việc làm ăn cũng có bị bào mòn chút chút. Vậy chứ nếu khách hàng không biết gốc gác của H. thì H. cũng bằng cách này hay cách nọ khiến họ phải biết H. là ai.

Mà trong nhà, đâu phải chỉ H. là như vậy!

Ochid Lâm Quỳnh



Du Tử Lê và Đỗ Quý Toàn. 2013



VƯƠNG HỒNG ANH

Những ngày với Du Tử Lê ở KBC 3168, Sài Gòn.

Tôi gặp Du Tử Lê lần đầu tiên vào khoảng thượng tuần tháng 12-1966. Lúc bấy giờ Lê vừa từ Cục Chính Huấn chuyển về phòng Thông Tin Báo Chí thuộc Khối Kỹ Thuật Cục Tâm Lý Chiến, theo phiếu trình của Đại Tá Vũ Quang, cục trưởng. Còn tôi, phụ trách một bộ phận của Phòng Điện Ảnh và Vô Tuyến Truyền Hình cũng thuộc khối Kỹ Thuật. Do công việc của một người phụ trách viết lời dẫn giải các cuốn phim thời sự và

biên soạn chương trình truyền hình quân đội, tôi thường hay ghé phòng báo chí để xin “tặng viện” tài liệu tin tức, vì đây là “kho tàng” của những gì tôi cần tìm.

Xin được nói thêm về phòng Thông Tin Báo Chí. Đây là một trong những phòng quan trọng của Cục Tâm Lý Chiến, chịu trách nhiệm điều hành bán nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa, Nguyệt San Tiền Phong, phụ trách trang từ Tiền Tuyến đến Hậu Phương, phần thông tin chiến sự và phóng sự chiến trường trên



Vương Hồng Anh và Du Tử Lê. California, 2013

Nhật Báo Tiền Tuyến (cũng thuộc quyền quản lý của Khối Kỹ Thuật).

Đến đây hằng ngày nên tôi quen khá thân với anh em cả phòng và biết rõ cả chỗ ngồi của từng người: Từ cái bàn bệ bộn giấy tờ của đại úy Phạm Huấn – phụ tá xếp Thịnh, đến cái bàn của quan ba Đặng Trí Hoàn (nhà thơ Hà Huyền Chi), của Huy Phương, nhà thơ Tường Linh, họa sĩ Mai Chững, Trần Nhật Thiệu...

Một buổi chiều đầu tuần, nhân bị

“bí” khi viết lời dẫn giải về một cuốn phim giới thiệu cuộc hành quân của Quân Đoàn 2, những thước phim của anh em quay phim rất “sống động” nhưng phần ghi chú chuyển sang cho bộ phận biên tập lại quá ít, thế là phải sang cầu viện phòng báo chí của xếp Nguyễn Đạt Thịnh. Vừa vào phòng, tôi gặp nhiều khuôn mặt mới. Người đầu tiên tôi gặp là một sĩ quan ngồi ở gần cửa vào, bàn dành cho các phóng viên lưu động. Chưa gặp Lê lần nào, nhưng khi thoáng nhìn

hàng chữ lớn ghi ở đầu giấy Lê đang viết, tôi biết là Lê vừa đi phóng sự ở cao nguyên về, mừng quá, tôi hỏi ngay: Có phải ông vừa đổi về phòng này và cũng vừa ra “ra quân” ở chiến trường vùng 2. Lê gật đầu thay cho câu trả lời. Vừa lúc đó, họa sĩ Mai Chững, bạn cùng khóa với tôi, ngồi ở góc phòng nói lớn: Du Tử Lê đó. Rồi Chững giới thiệu với Lê về công việc tôi làm.

Khi biết người đang nói chuyện với mình là Du Tử Lê, một nhà thơ mà mình rất thích, tôi mừng rỡ nói với Lê: Những ngày còn ở trong Thủ Đức, tôi được đọc nhiều bài thơ của ông và rất thích, cứ mong có dịp được gặp ông. Tôi có làm thơ được nhưng có nhiều câu thơ của ông, đọc xong thấy cay cay ở mắt. Nghe tôi nói, Lê cười xuề xòa: Cám ơn bạn, nhưng xin bạn bỏ cái tiếng ông đi, mình rất cảm động về những gì bạn nói. Và bây giờ mình có thể giúp được gì bạn? Tôi nói Lê là tôi cần một số tài liệu về cuộc hành quân của Quân đoàn 2 và Lê vừa ở trên đó về. Lê nói: Bạn đợi tôi vài phút, tôi viết gần xong, rồi sẽ cho bạn

xem bài viết ghi đầy đủ diễn tiến.

Lê viết rất nhanh, chỉ khoảng 5 phút là Lê đã viết xong trang cuối cùng. Đọc bài của Lê để rút ra những con số và tài liệu cần cho cuốn phim, tôi không khỏi ngạc nhiên về văn phong phóng sự của Lê. Tôi nói với Lê: Bạn làm thơ rất hay mà viết phóng sự chiến trường cũng tuyệt cú mèo, đất nào bạn cũng tài hoa cả... Và thế là chúng tôi quen nhau.

Khi Lê biết tôi “vô gia cư”, tối thì ngủ lại trong studio của Phòng Truyền Hình, lại không có xe. Lê nói rất chân tình: Khi nào toa cần giang hồ vật thì hết giờ làm việc, sang đây moa chở đi. Và chiều hôm đó, Lê đã “đèo” tôi trên chiếc Vespa về nhà ở đường Phan Thanh Giản. Trên đường đi Lê nói: Chở toa về nhà cho biết, khi nào buồn thì cứ tấp vào nhà moa. Bà vợ mình rất hiền, rất quý bè bạn của mình. Rồi Lê nói luôn: Tối nay tại mình ghé quán cơm bà Cả Đọi, có rủ cả Mai Chững, nó sẽ đến sau. Và thế là Lê, Mai Chững và tôi trở thành bộ ba chơi rất thân với nhau. Trong xưng hô, chúng tôi sử dụng đủ loại đại danh từ: Khi thì



Từ trái: Ngọc Hoài Phương, Du Tử Lê, Dương Vy Long, Nguyễn Trọng Nho, trước bộ tư lệnh Pleiku, 1972)

mày, tao, khi thì moa, toa...

Vào đầu năm 1967, Lê thêm một bông mai trên cổ áo, tôi và Mai Chứng hùn tiền mua tặng Lê một cặp “lon” mới và rủ Lê đi ăn cơm Tây ở một nhà hàng ở DaKao. Khi tính tiền, Lê giành trả, nhưng Mai Chứng nói ngay: Mày mà trả thì hai đứa tao cóc chơi mày nữa. Lê cười thật hiền và nói: Thế thì tụi mày

phải để tao bao hai đứa mày ăn sáng...

Từ ngày quen Lê, tôi hay lặn qua phòng Báo Chí để rủ Lê và Chứng “dù” ra Sài Gòn ăn cơm, uống cà phê vào buổi trưa, và thường bị xếp Thọ (thiếu tá Nguyễn Thượng Thọ, trưởng phòng) cho người đi kiểm vì chưa trình ông các script mà ông cần duyệt gấp.

*

Đến khoảng tháng 3/1967, tôi gặp một “đại nạn” về công việc: Phòng Điện Ảnh và Phòng Truyền Hình tách riêng, trong khi người phụ trách biên tập của hai phòng thì chỉ có mình tôi. Tôi “được” cả xếp Thọ và xếp Toàn (Thiếu tá Nguyễn Văn Toàn, trưởng phòng Truyền Hình) “ưu ái”, cả hai vị trình với đại tá Quang phân công tôi theo thời khóa biểu: Sáng làm việc với xếp Thọ ở phòng Điện Ảnh, đúng 1 giờ trưa thì qua trình diện với xếp Toàn. Với sự phân nhiệm như thế, tôi thường trình diện xếp Toàn trễ từ 15 phút đến nửa giờ vì hay “Sài Gòn du ký” với Lê và Chứng vào buổi trưa.

Xếp Toàn cẩn thận và hay xỏ tiếng Tây để “giáo dục” sĩ quan thuộc quyền. Buổi chiều do công việc bù đầu, có khi phải làm đến gần tối, tôi cũng ít có dịp ngồi sau chiếc Vespa của Lê để đi lòng vòng quanh phố. Chỉ vào những ngày cuối tuần, nhân có bạn của Lê từ Cao nguyên về hay từ miền tây lên, (tuần nào cũng có vài người, phần lớn là quý mến

và “ái mộ” thi tài của Lê), thì Lê rủ tôi cùng đi uống cà phê ở quán cóc “tọa lạc” ở góc đường Nguyễn Du – Tự Do, gần nhà thờ Đức Bà. Đó là quán cà phê mà khách ở trong tình trạng “ngừng chiến để kịp chạy” mỗi khi có cảnh sát giao thông đi tuần.

Chịu cảnh nhân viên của 2 xếp được hai tháng, tôi hỏi ý của Lê và Mai Chứng, Lê nói: “Toa làm ngành truyền hình và điện ảnh thì có tương lai, từ từ rồi trình với các xếp chỉ làm một mà thôi, mà nếu chọn thì nên chọn ở phòng Truyền hình. Nhưng Mai Chứng thì không đồng ý, nói toạc ra: chỉ có cách là “biến”, mày lên gặp xếp Thạch (Lê Đình Thạch, trưởng khối Kỹ Thuật) xin qua Phòng báo chí là xong chuyện. Nghe Chứng nói vậy, Lê góp ý: Mày qua báo chí thì rất vui và đó là nghề cũ của mày trước khi đi lính, nhưng phải suy nghĩ chứ đừng vì cao hứng hay vì tui tao mà thay đổi công việc.

Cuối cùng nhờ sự can thiệp của xếp Thạch và được xếp Thịnh OK, tôi được về làm chung với Lê và Chứng. Liên,



*Du Tử Lê và Quân, chuyên viên kỹ thuật của đài M.V.N.
(Photo by Charlie Gillen. Saigon, 1972 - Tư liệu Hoàng Quốc Bảo)*

người bạn cùng khóa với tôi đang làm ở phòng Báo Chí được chỉ định hoán đổi với tôi, thế là tôi được “thoát” nhưng phải mất hai tuần để “chuyển dân” công việc cho Liên.

Ngày tôi chính thức đầu quân về phòng Báo Chí, Lê và Mai Chứng đã khao tôi một bữa ăn trưa ngất ngư ở quán

Thanh Thế. Trong bữa ăn Lê nói: Cả ba đứa cùng làm một phòng, đi đâu cũng kéo đi cả ba, nếu về phòng trễ, là xếp Thịnh sẽ “nhăn” đó...

Tính của Lê là thế, luôn luôn chùng mụt và cái “máy hăm” mỗi khi bạn bè đi quá đà. Ngay trong công việc đi chơi chung, Lê được tôi và Chứng bầu làm

đầu tàu. Việc trả tiền cũng có nguyên tắc hẳn hoi. Mỗi lần Lê hay tôi lãnh tiền nhuận bút ở các báo ngoài thì cả ba đứa cùng kéo đến tòa soạn của báo đã cộng tác. Một đứa vào lãnh, hai đứa ngồi ngoài chờ. Ra đến nơi là báo cáo ngay: Khi thì năm bóp, khi thì mười bóp... Khi thì có bạn ở xa của Lê về thăm và cùng đi thì Lê làm chủ xị, còn nếu chỉ có ba thì Lê hoặc tôi thay nhau trả. Riêng Mai Chứng thì lãnh phần trả tiền ăn cơm Tây vào cuối tháng.

Từ ngày về Phòng Báo Chí, tôi thường được xếp Thịnh phái đi viết phóng sự ở chiến trường vùng 1, mỗi chuyến đi kéo dài đến nửa tháng. Khi về, phóng viên được nghỉ xả hơi vài ngày. Dạo đó Lê và Dương Vy Long thường đi vùng 2; Nguyễn Nhơn Phúc, Tiến Dũng đi vùng 3; Trần Xuân Thành, Anh Thuần thường đi vùng 4, Huy Phương thì Biệt Khu Thủ Đô và quân trường.

Vào thời gian này, thường trực ở phòng có Đặng Trần Huân, Hà Huyền Chi, Tường Linh, Lê Văn Phong, Mai Chứng, Trần Nhật Thiệu... Có nhiều

đợt, Lê và tôi cùng đi một lần lên Pleiku, còn tôi thì ra trung. Và khi xong công tác, trở về phòng thì cả tôi và Lê có được vài ngày ung dung ngồi lâu ở Cái Chùa mà không lo các xếp gọi về để “bay khẩn cấp về các vùng chiến thuật”.

*

Về làm việc chung với Lê và Mai Chứng hơn 1 năm thì do một lý do riêng, tôi làm đơn tình nguyện xin chuyển ra đơn vị chiến đấu. Khi nộp đơn cho xếp Thịnh, tôi không cho Lê và Chứng biết. Xếp Thịnh gọi tôi vào phòng riêng, hỏi tôi vì sao lại xin đi. Xếp nói: Phòng đang cần nhiều phóng viên, cậu và Du Tử Lê, Mai Chứng lại là bộ ba chơi thân với nhau, sao cậu lại bỏ đi. Tôi giải thích với xếp Thịnh: Xa hai đứa nó tôi rất buồn nhưng vì lý do riêng, xin thiếu tá ghi thuận trong đơn của tôi và nhờ thiếu tá xin với đại tá cục trưởng cho tôi được chuyển về một trung đoàn tân lập ở giới tuyến, đang thiếu sĩ quan.

Cuối cùng đơn xin chuyển của tôi được chấp thuận. Khi cầm sự vụ



Du Tử Lê (người mang kính đen), Khe Sanh 1973

lệnh trong tay, tôi mới báo cho Lê và Chứng biết.

Tối cuối cùng (tôi còn nhớ rõ là ngày 15 tháng 6/1968), cả ba đứa ngồi với nhau ở Câu Lạc Bộ Sĩ Quan đến nửa đêm. Vào thời gian đó, cả đơn vị cắm trại 100%. Buổi tối, tất cả quân nhân phải ngủ lại doanh trại. Khi cộng ly lần cuối với Lê và Chứng, tôi đã bật khóc và nói: Sáng mai xe trực đưa tao ra phi

trường 5 giờ sáng, tao ngủ ở phòng trực, còn hai đứa cứ về phòng mà ngủ, đừng thức dậy tiễn tao. Tụi mình chia tay ở đây. Rồi tôi ôm từ giã Lê và Chứng. Lê giọng chùng xuống: Ra đến đơn vị mới, gọi về cho tụi tao biết ngay. Còn Chứng thì lặng lẽ rút trong ví ra một cọc tiền: Có mấy ngàn, mày cầm lấy để tiêu vặt, tiền tao bán tượng dành cho mày một ít.

Rời Sài Gòn rạng sáng ngày 16

tháng 6/1968, phải đến cuối tháng 1/1973, nhân vừa lập gia đình, được nghỉ phép 10 ngày, tôi mới có dịp về Sài Gòn thăm Lê và Chứng. Lúc này Lê đang làm thư ký tòa soạn Nguyệt San Tiền Phong, còn Chứng thì phụ trách trình bày cho tờ Chiến Sĩ Cộng Hòa, cả hai tờ báo này đều do Phòng Thông Tin Báo Chí điều hành. Vừa về đến nhà người quen ở Sài Gòn, tôi kiếm taxi đến Cục Tâm Lý Chiến để tìm Lê và Chứng. Chỉ gặp Lê, còn Chứng đi vắng, sáng hôm sau mới gặp và được nó tặng 5 ngàn. Sau hơn 4 năm mới gặp lại nhau, tôi ôm chầm lấy Lê và nói: Tao ở Đà Lạt, ba ngày cuối tao phải thuyết phục bà vợ về Sài Gòn để thăm hai đứa bây, Lê cười sang sảng, giọng xúc động: “Bạn tôi!”

Sau lần hội ngộ đó, cuối tháng 5/1973, tôi xin phép đơn vị trưởng về Sài Gòn để dự kỳ thi ở Đại Học Khoa Học. Gặp Lê và Chứng tôi nói: Lính đơn vị chiến đấu thì giờ đâu mà học, về thi cốt để thăm hai đứa bây. Trong tuần lễ ở Sài Gòn, Lê giữ tôi ở lại với Lê tại căn

nhà Lê thuê ở gần Cục Tâm Lý Chiến, Lê còn dặn người nấu cơm tháng nấu luôn cho cả tôi. Ngày cuối cùng trước khi tôi trở lại đơn vị, Lê và Chứng đưa tôi đến quán cơm Tây ở DaKao mà cả ba đứa thường đến ăn mỗi cuối tháng, năm năm về trước.

Đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp Lê và Chứng, phải đến hơn 22 năm sau, tôi mới gặp lại Lê trên đất Mỹ. Sau những năm tháng trong lao tù CS, sau những ngày dài tất bật mưu sinh ở Sài Gòn, đến giữa tháng 6 năm 1995, tôi mới đến Hoa Kỳ theo diện H.O. Và phải bốn tháng sau đó, trong khi đang phụ giúp biên tập cho đài Văn Nghệ Truyền Thanh, tình cờ tôi nghe Lê Phú Bốn nói chuyện qua điện thoại với Du Tử Lê, tôi không dần được xúc động, và tôi thấy cay cay ở mắt khi nghe tiếng Lê la lớn trong máy: “Mày đó hả, hơn 22 năm bây giờ mới nghe lại tiếng của mày! Bạn tôi!”

Vương Hồng Anh

(Trích hồi ức “Đơn vị đầu tiên trong đời quân ngũ”. Viết xong vào 3 giờ sáng ngày 22 tháng 11/1998)



Bùi Cung và Du Tử Lê. 2013



LÊ VƯƠNG NGỌC

Đời Tình Du Tử Lê

© ụ Nguyễn Du khi sáng tạo ra hai chữ nòi tình hẳn đã không ngờ lại đi trước ba trăm năm về môn di truyền học (genetics) trong y khoa hiện đại. Theo tôi ý nghĩa bình thường dù rất chính xác của nòi tình như trong gà nòi, ngựa nòi ngoài tính cách di truyền còn thêm ý trong trẻo, nguyên vẹn, không pha trộn. Như vậy kẻ thuộc loại nòi tình ngoài tính cách di truyền đa tình, đa cảm, còn thêm tính cách thuần lương. Nói cách khác, cuộc tình có thể

éo le, tan vỡ, đau thương nhưng kẻ nòi tình không hề biết lợi dụng, không hề có ý nghĩ xấu về người tình của mình; và cuối cùng dù xa cách bao lâu cũng không hề mờ phai những kỷ niệm tuyệt vời một thuở.

Như vậy xét về phương diện lai lịch kể từ ông nội, ông thân sinh tới các anh, em, con, cháu, Du Tử Lê mang nhiều di truyền về tính luyến ái và cả tính cách tất cả cho cuộc tình bất vụ lợi, chung thủy (theo nghĩa dù đã tan vỡ, vẫn hằng

tưởng nhớ, giúp đỡ nhau như những người bạn tốt.) Về tính cách thứ hai này, có thể có nhiều người không đồng ý, nhưng ta không nên quên rằng nhà thơ nào cũng đi tìm cái đẹp tuyệt đỉnh và nhất là các cuộc tình thường được họ thi vị hóa tới mức “chỉ có trong văn chương, thi phú mà thôi.”

*** Du Tử Lê tìm đến tình yêu và cần nhiều tình yêu để khóa lấp trong tâm hồn 2 khoảng không, có thể gọi là chân không.**

- Chân không 1: Du Tử Lê có ông thân sinh rất nghiêm khắc nên thường quăn quít với bà mẹ và người chị lớn (Mẹ cho ăn ngon, chị cho mặc đẹp...) Ông thân sinh và người chị lớn cùng mất khi Du Tử Lê mới 4 tuổi. Bà mẹ từ đó thân xác lao đao, cuộc sống trong chiến tranh thăng trầm, bất trắc. Tâm trạng bất an của bà dội xuống mái đầu xanh với trí óc non nớt dễ bị kích động, có thể đã khiến Du Tử Lê cảm thấy dù tình mẹ thương con bao la, nhưng sự lo âu bất an thường trực trên nét mặt bà đã tạo trong tâm hồn Du



Du Tử Lê và Mẹ. 1985

Tử Lê một lỗ hổng, một khoảng trống, tròn vẹn, trống không, càng ngày càng lớn cùng với tuổi đời của Du Tử Lê mà tình mẫu tử tuy bao khắp và cần thiết

nhưng không còn đủ nữa.

- Chân không 2: Từ 6 tuổi tới 11 tuổi, Du Tử Lê di tản 4 lần: 2 lần chạy giặc, một lần về Hà Nội và 1954, theo gia đình di cư vào Đà Nẵng, rồi Hội An; và 1955 vào Saigon.

Ở Saigon, thời gian đầu, Du Tử Lê cũng không được ở gần mẹ mà phải ở với gia đình anh chị để được kèm học. Năm 1962 Du Tử Lê nhập ngũ, Thủ Đức.

Cho tới năm 1975, khi ty nạn qua Hoa Kỳ, nỗi trống không của một kẻ khi ở với quê hương thì quê hương điêu tàn, quần quai, khi xa quê hương lại càng thấy xót thương cho thân phận nhược tiểu - Là kẻ bị đọa đầy trong cảnh lưu vong nhạt tanh, nhàm lợm, Du Tử Lê đã đồng hóa mình với quê hương còn chưa biết tới bao giờ mới hết đầy đọa.

Từ di tích nỗi tình tới nhu cầu khóa lấp hai khoảng chân không, Du Tử Lê đã chìm đắm, nổi trôi trong những cuộc tình có khi nhiều cuộc tình cùng một thời gian, y như một dòng thác lũ đổ từ núi cao, cuộn cuộn, ào ạt, xoáy sâu, cuốn ngược, rẽ ngang, chảy dọc... một

thôi dài, thật dài như quãng đời Du Tử Lê từ khi nhập ngũ tại Thủ Đức đến khi lưu ngụ tại Houston chữa bệnh - năm 1993, lành bệnh, Du Tử Lê trở về lại quận Cam. Dòng thác lắng dịu dần ở khúc quanh này, sắp nhập vào biển rộng. Đời sống tình cảm của Du Tử Lê từ năm 1994 cũng trở nên bình an dần sau khi lo cho một người tình xưa từ Việt Nam qua HK, chung sống êm đềm, chuẩn bị cho một hành trình chót của cuộc đời!

*** Du Tử Lê và những éo le, oan trái...**

Một người bình thường có số đào hoa đã rắc rối khá nhiều trong tình trường huống chi một thi nhân mà thơ vẫn được thưởng thức mến chuộng rộng rãi trong giới yêu thơ văn như Du Tử Lê:

*Chém cha cái số đào hoa
Cởi ra rồi lại buộc vào như chơi.*

Tôi sẽ bắt đầu kể lại các cuộc tình của Du Tử Lê bằng cuộc tình xảy ra tại Bến Chương Dương khi Du Tử Lê đang còn là sinh viên sĩ quan tại quân trường Thủ Đức. Người nữ sinh thơ ngây đối

tượng của tình yêu này là con một bà chủ tiệm thực phẩm. Chàng với một tuần lễ làm sinh viên Hỏa Thực hàng ngày tối chợ, ghé tiệm của cô nữ sinh. Tuy thời gian gặp nhau ngắn ngủi mà mối tình sau này lại sâu đậm, éo le nên tôi nghĩ có lẽ cả hai cùng bị tiếng sét ái tình. Khi gia đình cô gái biết chuyện, nàng bị ngăn giữ không cho gặp Du Tử Lê với lý do Du Tử Lê là... Bắc kỳ. Nàng thổ lộ ba má nàng bắt nàng lấy một người “đồng hương” lúc đó mới theo học ngành y khoa. Sự chia cách vì lý do Nam-Bắc đã đưa tới hậu quả: cô gái thơ ngây vào dòng tu, lên Đà Lạt, rồi làm nghề gõ đầu trẻ.

Chàng thanh niên tuyệt vọng tìm quên trong một cuộc sống chung ngắn ngủi với một người con gái khác và chỉ vài năm sau thì đổ vỡ. Lâu lâu hai người tìm hỏi tin nhau qua không gian bát ngát đầy nuối tiếc, như trong bài thơ sau đây, viết từ năm 1967

*hạnh phúc tôi từ những ngày nước lớn
trời mưa mau tay vuốt mặt khôn cùng
bầy sẻ cũ hom hem chiều ngói xám*

*trời xanh xao chân nhỏ cũng không về
cây mộng nở từng ngón tay lá nõn
nôi tương tư cỏ ẩm thịt da người*
(trích 67, Khúc Thêm Cho Huyền Châu)

Tưởng cũng nên ghi nhận rằng ngay từ năm 1967, Du Tử Lê đã đem nhân xưng đại danh tự tôi, ngôi thứ nhất, đặt sau một tính từ.

Ngoài bài thơ trên, Du Tử Lê cũng còn nhiều bài thơ khác, viết về bến Chương Dương, vĩnh viễn định ngôi cho mối tình đầu này.

- Khi thơ văn xuất hiện nhiều trên các tạp chí và được in thành sách, giữa vụ Tết Mậu Thân 1968, Du Tử Lê gặp một nữ sinh viên vừa mới bước chân lên đại học. Cuộc tình mãnh liệt, đích thực hai người mau chóng hình thành. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, trở ngại lúc đầu, (trong đó, cũng lại có yếu tố Nam-Bắc,) cuối cùng người anh lớn của Du Tử Lê đứng ra thu xếp, giải quyết và, cuộc tình này đã đi tới hôn nhân chính thức một cách tốt đẹp vào năm 1970. Người tình này của Du Tử Lê cũng mang tên một

loại ngọc, rất mực thông minh, lãng mạn và đam mê, nên đã để lại khá nhiều xúc động trong thơ văn Du Tử Lê. Điển hình như những bài Khúc Thụy Du, Kiếp Sau Xin Giữ Lại Đời Cho Nhau, còn được biết dưới tên Ổn Em và tác phẩm quan trọng Thơ Du Tử Lê 1967-1972, là kết quả cụ thể của mối tình này.

*hãy nói về cuộc đời
khi tôi không còn nữa
sẽ lấy được những gì
về bên kia thế giới
ngoài trống vắng mà thôi
thuy ời và tình ời.*

(Trích Khúc Thụy Du)

Hoặc:

*cũng đành người đã quên tôi
núi non nào cũng một đời ở không.*

(Trích Khi Trông Thư Thụy Châu)

Cho tới khi chính thức chia tay nhau, Du Tử Lê và T.C. có được hai con.

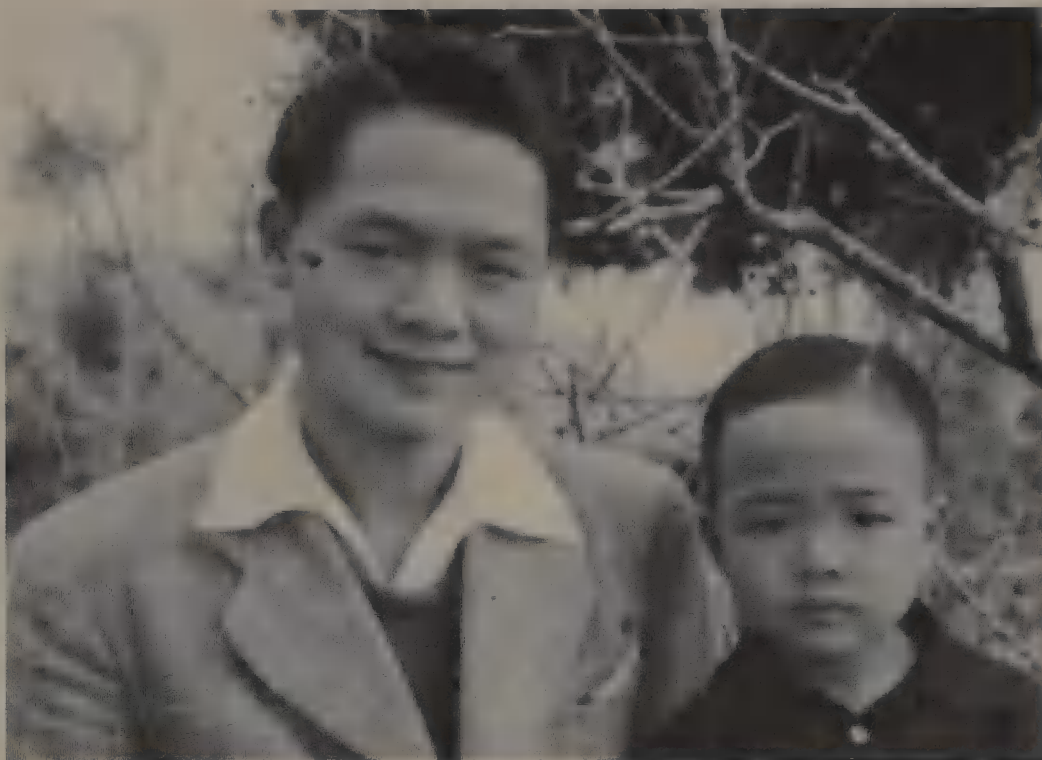
Thực ra như đã trình bày ở trên, Du Tử Lê thường hay sống cùng lúc với tình yêu đa phương, cho nên sau khi đã lập gia đình với T.C. rồi, vài năm sau, Du

Tử Lê lại có thêm một cô giáo ở vùng Cao Nguyên yêu chàng và một nữ sinh viên Sư phạm Huế. Hai cuộc tình này cũng ảnh hưởng rất đậm nét trong một số tác phẩm của Du Tử Lê như cuốn Đời Mãi Ở Phương Đông, xuất bản ở Việt Nam, trước tháng 4-75 và Chấm Dứt Luân Hồi: Em Bước Ra, xuất bản ở hải ngoại 1999, vân vân...

Cuộc tình với cô giáo dạy ở vùng cao nguyên mang lại cho Du Tử Lê chữ nhỏ, để chỉ người yêu và chữ ấy về sau trở thành quen thuộc, phổ thông trong thơ văn.

- Tháng 4-75, đưa tiễn gia đình người anh lớn ra bến Bạch Đằng, do hoàn cảnh thay đổi bất ngờ vào phút chót, Du Tử Lê trong vai trò người đi tiễn, trở thành người “di tản” thực sự. Chính vì thế mà khi T.C. trở lại điểm hẹn, sau khi đã mang con về gửi bên ngoại, thì Du Tử Lê đã lên tàu, ra khơi. Tuy nhiên vì T.C. có quốc tịch Pháp cho nên chỉ hai năm sau, T.C. qua được Pháp và năm 1978, đoàn tụ với Lê ở Hoa Kỳ.

Tối trại tỵ nạn Camp Pendleton,



Anh Uyển và Du Tử Lê. 1947.

tình cờ Du Tử Lê gặp lại người yêu cũ, tức cô giáo ở vùng cao nguyên là T.N., Du Tử Lê ra trại chung sống với T.N. ở thành phố Costa Mesa, cho tới khi T.C. qua được từ Pháp.

*** Đưa Mẹ Về Biển Đông/Thi Vị Hóa Kinh Điển Trong Hai Mối Tình**

Rất Đạo:

Đời sống khắc nghiệt ở xứ sở này không cho phép người đàn ông có thể duy trì một cuộc sống một cảnh hai ba quê, cho nên cuối cùng T.N. ra đi. Nhưng kịp khi T.N. ra đi thì Du Tử Lê lại rơi vào một mối tình đam mê khác. Mối tình với một cô gái người Trung

Hoa; rồi tiếp đến là mối tình khá ồn ào với một nữ ca sĩ. Chính sự việc này, khiến T.C. không còn sức chịu đựng nữa. C. và Lê chia tay nhau. Nhưng dù vậy, ảnh hưởng của T.C. vẫn âm ỉ, đôi khi rất mạnh mẽ trong thơ văn của Du Tử Lê cho tới hiện tại.

Thời gian Lê chung sống với người ca sĩ này cũng là thời gian mà bà thân sinh của Du Tử Lê qua đời.

Sự qua đời của bà thân sinh ra Du Tử Lê, có lẽ là một biến cố dữ dội nhất trong đời sống tinh thần của Lê. Khủng hoảng này để lại cho người đọc: Trường khúc: Mẹ Về Biển Đông. Một trường khúc mà dư luận ngoài cũng như trong nước lượng giá là một trong vài trường khúc giá trị nhất trong văn học Việt Nam hiện đại.

Xin trích dẫn một vài đoạn làm thí dụ:

*tôi tìm ra nhà quán dễ dàng
hơn tôi tưởng
nơi đó không lâu
tôi đã tới thăm một người bạn bị cháy
mười năm sau cái chết của Ngạc*

*lần thứ hai tôi tìm tới một nhà quán
tôi tới lần này, không phải để nhìn xác
con hay xác bạn
mà để tìm xác mẹ tôi
cây nhân thế đã đâm chồi thất lạc
và nhân gian chung một vết thương.*

...

*trí nhớ tôi là ngôi nhà
nằm ven sông Đáy
ngôi nhà có rất nhiều cửa sổ
có chiếc ngó xuống tám mươi lăm năm
làm người u ám
tám mươi lăm năm lầm than
tám mươi lăm năm họa hiểm
nửa đêm tỉnh dậy
đôi mắt già nua của mẹ tôi
không ngấn lệ
trí nhớ tôi có cánh cửa
ngó xuống ngôi nhà tôi đã ở
ngôi nhà ngày một mất đi*

*những đứa con
ngôi nhà tản cư tới Do Lễ, trở về
những nền xi măng cháy lỗ chỗ
như miếng da trâu thui chỗ trắng
chỗ đen
mẹ tôi ngồi xoa mãi đôi tay*

trên xác của những con chó bị bắn chết

• • • •

*khi tôi tới, những bông bird flower
ngửa mặt nở ối*

tôi nghe ai, một người nào khác
không phải tôi vật xuống cỏ
những bàn tay bằng hữu thân thiết
đặt lên

một người nói. Nói.

Một người nói. Nói.

tôi không biết cách nào người ta thả
chiếc quan tài mẹ tôi xuống huyệt
ai đó dúm vào tay tôi cành huệ trắng
người con gái nói: vứt xuống
tôi nghe dội đập liên hồi trong óc:
vứt xuống.

Vứt xuống. Vứt xuống. Vứt xuống.

tôi nhào người ôm lấy đôi vai
bần bật của chị tôi
đất bắt đầu ném lên nắp áo quan
bật khô hồi kinh cộc
đất. Đất. Đất. Đất...

...

Tâm cảm của Du Tử Lê biến chuyển như những đợt sóng ngầm tại một hợp lưu của ba giòng tình yêu ngay sau khi

mẹ chết, dằn trải trong một trận đồ vô thường qua phần đầu của tập thơ Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu. Nhan đề này đã nói lên một sự chống đỡ sinh tồn sau chót trước chỉ trích cay nghiệt của thế nhân trước một tình trạng đa đoan, nguy ngập cả về tinh thần lẫn thể xác của nhà thơ:

ở chỗ nhân gian không thể hiểu
ly biệt từng đêm tôi với tôi

...

ở chỗ nhân gian không thể hiểu
người về máu chảy buốt trong gương

...

ở chỗ nhân gian không thể hiểu
trí nhớ nào vãn lên thủy tinh

...

ở chỗ nhân gian không thể hiểu
nát đá. Tan vàng. Lá bở cây
sớm mai đã sẵn nghìn bia mộ
không ngon nếm nào cháy trên tay.

...

Hoặc:

tôi không thể nghĩ rằng em đã khuất
mất hay còn? - chưa hẳn đã khác đâu.

Hoặc nữa:

*bần bật tin nhau niềm xót bạn
ruột gan từng miếng đứt là con
giữa trưa có kẻ cuồng điên khóc
tê đẫm lòng hơn nhớ nước non*

(Trích Giữa Trưa Có Kẻ Cuồng Điên Khóc)

Du Tử Lê có thể cùng lúc có nhiều người tình nhưng chàng lại rất bất công khi tuyệt đối không chấp nhận cho người tình có bất cứ một liên hệ mật thiết nào với người khác phái. Đây cũng là thành kiến cố hữu của Du Tử Lê khiến chàng khó tái hồi được với người tình cũ...

- Sau khi tích cực tiếp tay Lê, lo cho bà cụ, người nữ ca sĩ lập lại đòi hỏi hợp thức hóa mối liên hệ giữa hai người. Thời gian này Du Tử Lê bị khủng hoảng tinh thần về rất nhiều mặt. Có thể bệnh Thyroid phát xuất từ thời điểm này. Giữa khủng hoảng kia, một người nữ khác xuất hiện, cũng là một người xuất thân trong giới nghệ sĩ. Chính người nữ này đã mang đến cho Du Tử Lê sự ham mê tìm hiểu kinh và đạo Phật. Hai chữ

Bồ Tát mà Du Tử Lê mang vào trong thơ đầu tiên vào năm 1989, nhằm chỉ người đàn bà đó.

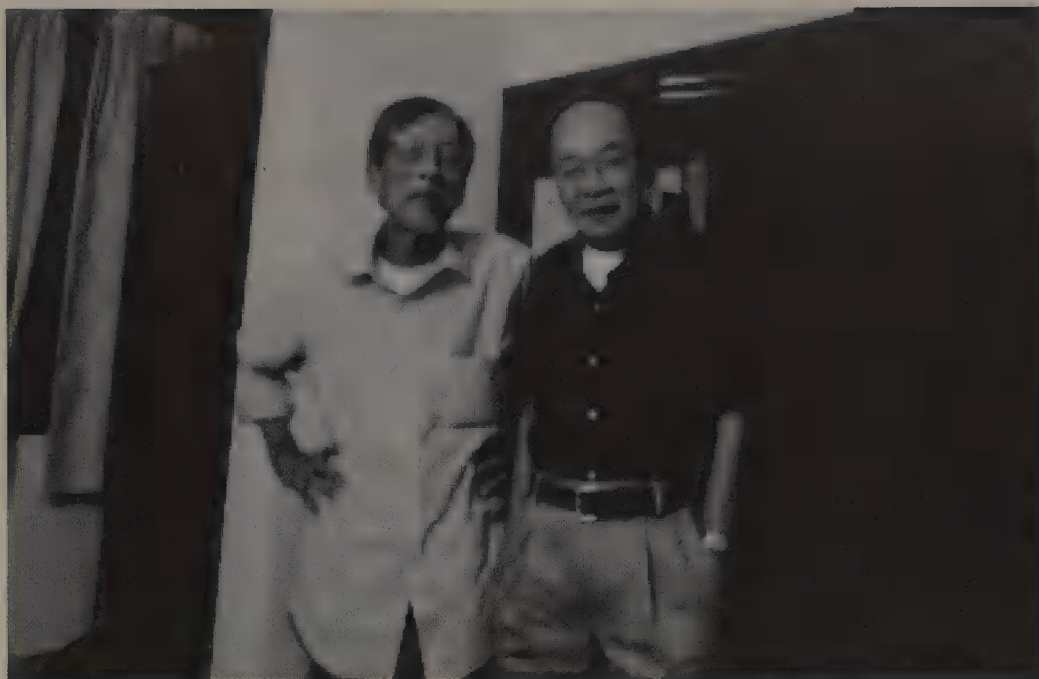
Cuộc tình này vừa mới chớm nở thì bị người ca sĩ nói trên phát hiện. Du Tử Lê đành phải nhận chịu sự hiểu lầm của người đàn bà mà chàng gọi là Bồ Tát, để đổi lại, Du Tử Lê và người ca sĩ kia thỏa thuận chia tay nhau; điều mà Du Tử Lê đã đề nghị trước đó nhiều lần nhưng không được chấp nhận.

Cả hai người phụ nữ này với những cá tính đặc biệt của họ, đều mang lại cho thơ văn Du Tử Lê một số sáng tác quan trọng hiểu theo nghĩa mang nhiều giá trị đáng kể.

Dưới đây là một vài thí dụ về ảnh hưởng cùng ngôn ngữ Phật Giáo trong thơ Du Tử Lê qua mối tình với Bồ Tát này:

*tôi đây. Bạn cũ. Từ nay hết
chẳng nắng mưa nào chia biệt ta
cảm ơn huệ nhân em khai mở
tiền kiếp xưa mình đã có nhau*

bạn cũ. Còn đây đêm rất thấp



Anh Lê Đình Dư và Du Tử Lê. 2011.

*tóc nồng da thịt. Phần son thơm
hôm nay quỳ dưới chân Bồ Tát
tụng một pho tình-yêu-hoa-nghiêm*

Hoặc:

*thiền viện tôi trưng chỉ ảnh em
kinh kệ nghìn pho có một tên
viết hoa một chữ không ai hiểu
Phật bảo kinh mà không phải kinh.*

Hoặc:

*Bồ Tát! Lòng khuya lá gọi cây
con đường trí nhớ đầy heo may
cánh chim nghi hoặc rừng oan khổ
tôi sẽ trường chay. Nhận lạy này.*

Trong thời gian còn đắm chìm trong
cuộc tình với người ca sĩ, có một chiếc
bóng (rất đúng nghĩa là chiếc bóng) lúc
nào cũng đi bên cạnh ngày tháng, sinh

hoạt của Du Tử Lê. Đó là một người con gái mới lớn, rất tinh khiết. Đó là Thánh Nữ. Thánh Nữ cũng là hai chữ đầu tiên của người con gái. Cô tên T.N.

Vì luôn luôn theo dõi mọi sinh hoạt của Du Tử Lê nên ngay khi Du Tử Lê vừa ra khỏi được cuộc tình nhiều năm với người ca sĩ kia, TN đã hiện ra như một nguồn cứu rỗi lớn lao cho tinh thần của Du Tử Lê. Tiếc rằng nguồn cứu rỗi này cũng không kéo dài được bao lâu vì TN phát hiện ra căn bệnh nan y trong cơ thể nàng. Căn bệnh tàn phá nhan sắc T.N. một cách thô bạo... Tây y bó tay, T.N. chọn về Việt Nam chữa theo thuốc nam. Không muốn cho Du Tử Lê phải khổ vì mình, qua một người bạn chung là T.H., tức nhà thơ HTD, T.N. đã khuyên Du Tử Lê nên chọn một đời sống khác, với một người nào khác. Như bài thơ sau đây là một thí dụ:

*mưa gió đã vùi chôn hồn Thánh Nữ
có điều gì như thể sắp chia tan
chiều rửa tội trong mắt người cứu rỗi
nhận hay xua? - Tôi cũng đã tân tòng.*

Trong ánh sáng của mối tình T.N. Du Tử Lê đã ngày một vào sâu hơn kinh điển của đạo Thiên Chúa. Kinh điển sự tích của Thiên Chúa Giáo đã mang nhiều hứng khởi cho thơ văn của Du Tử Lê rất nhiều. Điển hình là tập thơ Đi Với Về Cùng Một Nghĩa Như Nhau và một số bài thơ trong những tập trước và sau đó. Như:

*cây thánh giá có một đầu rất nhẹ
Chúa không kêu ai vác hộ bao giờ
có khẩn nguyện chớ để lòng biết rõ
vì điều gì cũng tự xóa bôi đi*

*em quay mặt khước tình tên ngoại giáo
đâu biết rằng Chúa khổ biết bao nhiêu
(Thập tự nàng)*

Hoặc:

*bằng tin kính của tông đồ thứ nhất
tôi xấp mình đón đợi bước em qua
rừng thẳm thiết nghiêng đầu*

*nghe gió tạt
núi nghìn năm còn đợi đá thêm khô
em đã nói cho đi mà chẳng nhận
chim không về. Biển thẳm bóng Nô-Ê*

*tôi tho ngửa tìm đường lên núi Sọ
gặp hồn mình treo cổ giữa trướng ma.*

*bằng tin kính của tín đồ khổ lụy
nhận tôi đi. Em ạ. Chớ quay đầu.*
(Phúc âm ngoại giáo.)

Hoặc nữa:

*tôi xin nhận lãnh từ tay Chúa
chén đắng trần gian, hộ một người
...*

Tuyệt vọng trước mối tình với T.N., khi gặp lại một người học trò cũ của cô giáo dạy học ở Pleiku, từ trại ty nạn qua tìm; hiểu được mối tình thâm kín mà cô bé này đã dành cho Du Tử Lê từ năm cô mới học lớp đệ ngũ; nghe được những bất hạnh mà cô bé trải qua sau buổi gặp gỡ giữa Du Tử Lê và cô bé ở hội trường trường Tuyên Đức Pleiku, (trong Tuần Lễ Văn Hóa Pleiku, năm 1972, khi Du Tử Lê là một trong mấy nhà văn thuyết trình ở hội trường này;) biết được những nhục nhằn ê chề của cô trên đường vượt biển, có lẽ vì đã nhiễm tinh thần từ bi hay bác ái của hai tôn giáo lớn, nên Du

Tử Lê quyết định chung sống với cô, như mơ ước thâm kín mà cô bé hằng ôm ấp từ khi còn rất nhỏ. Chàng tin quyết định của chàng sẽ mang sự bình ổn, ý nghĩa đời sống trở lại cho tâm hồn người con gái bất hạnh này.

*** Cuộc tình Austin, Dallas, Houston và Tulips.**

Những ngày về Houston để được bác sĩ H.T.Ph. chữa bệnh và chu tất cho mọi y phí, dù đang sống với người con gái từng gọi nhau bằng thầy, trò, Du Tử Lê gặp lại một thiếu phụ trẻ từng ái mộ thơ văn chàng, trong một buổi giới thiệu sách tại Fortworth, cuộc tình bốc cháy dữ dội. Có nhiều lý do để giải thích cho cuộc tình mà trong thơ, văn, Du Tử Lê gọi là Tulip, một loại hoa được trồng nhiều ở Tiểu bang Texas. Ngoài lý do nhan sắc, Tulip còn được ghi nhận là cực kỳ thông minh, nhạy cảm lãng mạn, liều lĩnh, táo bạo... cũng đã mang lại cho Du Tử Lê những cảm xúc mạnh mẽ, sắc

ngực thảng ba mai phục

*những đời / nắng / mưa / riêng
máu tươi thời dấu mặt;
tay lấp mờ thanh, tân*

*ký ức em: ấu trùng
đục gốc mùa hạ cũ
trưa cao / liền / tiếng chim
cây dươn mình uống gió*

...

*tự diễn những đời sau
định nghĩa / em / thần thoại.*
(trích Em Để Ra Tôi: Mối)

Hay:

(đúng rồi)

*chúng ta sẽ tuyên đọc rõ to
tuyên ngôn mới
một tuyên ngôn khác hơn nhân quyền
(nhân quyền gì!?!)*

khi em chưa về

được sống một ngày no kênh mơ ước)

(Trích Tuyên Ngôn Của Những Người
Không Cần Kiếp Sau)

Thành công trong thương trường
nhưng thất bại trong hôn nhân vì cuộc
hôn nhân xảy ra khi Tulip còn quá nhỏ,

lại được tác thành để giải quyết phần
nào khó khăn kinh tế, một vài năm sau
biến cố 30-4-75 xảy ra. Cho nên, sau khi
vượt biên tới Mỹ, cuộc hôn nhân này tan
vỡ. Tuy nhiên vì cả hai cùng là người
Công Giáo cho nên hôn phối về mặt đạo
của khi hai người phải đợi tới ngày Tulip
gặp lại Du Tử Lê, lúc đó mới nỗ lực vận
động từ nhiều nơi, nhiều phía, để cuối
cùng, được sự chấp thuận ly dị từ Tòa
Thánh La Mã.

*** Chấm dứt luân hồi: em bước ra**

Thực sự câu thơ rất gợi cảm này
mang nặng tính chất tượng trưng: ra
khỏi luân hồi coi như được thoát khỏi
bao nhiêu tầng địa ngục đầy ải, điều linh
của các kiếp! Trông tập thơ mang nhan
đề trên, tôi đọc thấy sự chung thủy của
Du Tử Lê và sự tìm kiếm lại vang bóng
một thời tình yêu xưa.

chẻ đôi sông núi: đêm bùng mặt

mưa quần khăn vào sâu ấu thơ

hẻ đôi nhân thế: mù tăm tích

*ta nghĩa trang nào? chôn, cất
nhau!?*



Từ trái: Lê Vương Ngọc, chị Băng Tâm, Tuyết, Du Tử Lê. 2012.

*ché đôi tâm thất: kênh, mường càn
hương tóc truy tâm vai thất tung
tưởng ai oan khuất vừa quay gót
xương, thịt, đời sau, máu rất buồn*
(trích Khúc Hạnh Tuyền, Núi Sông)

Tôi đã đề cập tới người tình của Du Tử Lê thời đầu thập niên 70, cùng lúc với người mang tên ngọc lạnh (sau này

là vợ chính thức của Du Tử Lê,) và với cô giáo dạy học tại Cao nguyên (cũng chung sống với Lê tại Hoa Kỳ trong khi T.C. còn kẹt ở Sài Gòn.) Người đó là sinh viên sư phạm mang tên một dòng suối trong. Tôi không được biết nhiều về mối tình này. Nhưng suy luận theo các sự kiện xảy ra thì hiển nhiên mối tình rất êm đềm, không có hay hiểm họa có sóng

gió, trong một khung cảnh Huế rất nên thơ và tiếng nói của con gái Huế rất mặn mà, âm giai như chim hót khiến Du Tử Lê ngày đêm nghĩ cách lo cho nàng rời khỏi Canada vào Hoa Kỳ. Họ đã chính thức ra mắt lứa đôi với gia đình và bằng hữu vào mùa xuân năm 1994.

Rất nhiều thơ dành cho H.T. ở cuốn sách này làm trong khoảng 91, 92, 93 và họ đã nối lại cuộc tình dở dang trong khuôn thước mới, lắng dịu hơn, chậm chạp và êm ả hơn như họ đang sống ở một căn nhà nhỏ, với mảnh vườn bao la và hoang dã, có hồ cá, có vườn hồng, có khế, có lựu...

Từ tái nhập với HT, nếp sống Du Tử Lê đã thay đổi như trên. Tâm tư Du Tử Lê cũng thay đổi nhiều. Bằng chứng là mấy tác phẩm xuất bản sau 1994 khai thác các nguồn cảm hứng về bằng hữu, về lẽ sống, về quê hương, về những mặt trái của tiến bộ kỹ thuật... Thảng hoặc vẫn còn có những bài dành cho kỷ niệm xa xưa với ít nhiều ngậm ngùi, tuy nhiên nhẹ nhàng hơn. Thi sĩ đã làm lành với chính mình, với các người tình

hiện diện nơi đây hay đang xa vắng. Và người tình đặc biệt cũng là người tình chót này đang giúp Du Tử Lê chuẩn bị cho chuyến đi cuối cùng, chuyến đi ra biển, trở về nguồn!

LÊ VƯƠNG NGỌC

(Aliso Viejo, 8-19-97)

(Nguồn dutule.com)

Ý kiến độc giả (1)

Được gửi bởi Nhật Thụy Vi (Guest)
vào 08/27/2014 07:01 PM

Thơ DTL là như một nguồn thơ vô tận từ mọi ngõ ngách của tâm tư và cuộc sống. Bây giờ đọc được bài viết về ông, tôi chợt hiểu ra - và vừa kính trọng, vừa thương cảm nghĩ rằng DTL đã đi trong cuộc đời thi nhân của ông với hòn đá nặng trên vai, nhằn nại và miệt mài tìm điều gì - tôi mong ông đã gặp... nhưng chắc là chưa, phải không DTL? vì không ai gặp được... điều gì đó mà họ tìm kiếm cả!

Nhật Thụy Vi cảm ơn Lê Vương Ngọc đã chia sẻ với mọi người về tiểu sử của nhà thơ tài ba, Du Tử Lê. Thật rất cảm kích!



Du Tử Lê và Nguyễn Xuân Hoàng. 2012



DU TỬ LÊ

Hà-Nội-Tôi. Tháng Sáu. 2014.

Đó là lúc sen hồng của Phương Liên và, Nguyễn Thúy Hằng, đã rụng dăm ba cánh, khi tôi trở lại địa chỉ 39 Lý Quốc Sư. Bóng tối và ánh đèn vừa đủ, trả sự yên tĩnh lại cho căn nhà; cho những bức tranh, những pho tượng tự thân vốn lắng tâm, tĩnh lặng. Tôi không thể không tự hỏi, thực chẳng, chỉ mới vài tiếng trước, số lượng người khắp nơi tìm đến, đã nênm cứng căn phòng, nong nghệt những bờ tường muốnnẻ, nứt? Những người đến muộnn,

không thể chen chân, vây kín cửa lớn, gây ngạc nhiên cho gốc xà cừ trăm tuổi, trước sự kiện chưa bao giờ xảy ra! Những chiếc lá bất ngờ bị bứt khỏi cành, nhánh, cũng tự hỏi, chuyện gì vậy?

Đó là lúc sen hồng của Phương Liên và, Nguyễn Thúy Hằng, đã rụng thêm dăm ba cánh, khi tôi bước qua những chiếc xe đạp dựng ngay nơi cửa vào, tay phải. Tôi không biết những chiếc xe đạp của Lê Thiết Cương, những bức tranh, tượng, thậm chí những bình gốm của

Hà-Nội-Tôi. Tháng Sáu. 2014.



Từ trái: Thúy Hằng, Phương Nhi, Du Tử Lê, Phương Liên (2014)

người họa sĩ họ Lê này, có nhớ, chỉ ít giờ trước đây, những bằng hữu mới, cũ của tôi, như Trung Trung Đỉnh, Nguyễn Quang Thiều, Bằng Việt, Nguyễn Thụy Kha... đã nói về thi ca, nói về văn chương, như nói về những lượng máu tươi, nhuận nuôi sống văn học Việt, vượt trên mọi bất cập, gập ghềnh thế sự...

Đó là lúc T. đã được trở về khách sạn

“Indochina Soutique Hotel” gần đầu đường Ấu Triệu. T. không còn hồi hộp khi không nhìn thấy tôi (dù chỉ qua khoảng trống hẹp chút, là những đôi chân người. Tôi không biết T. có tìm được giấc ngủ sau một ngày vất vả, tiếp tay với Phương Liên và, Nguyễn Thúy Hằng, chuẩn bị từng lọ hoa, sắp lại từng bình gốm, ngay ngắn từng tấm khăn trải bàn.

Và, nhất là T. không còn phải dặn dò Phương Liên lo cho tôi. Nhắc nhở tôi, nhớ điều này, đừng quên điều kia... Tuy chúng tôi chỉ cách nhau chừng chục thước; nhưng chẳng những T. không thấy tôi mà, T. cũng chẳng thể bước lại gần!

Không chỉ lo cho tôi chai nước, Phương Liên còn chậm cho tôi những dòng mồ hôi, trong lúc Đinh Hương quạt bằng quạt (?) hay bằng một cuốn sách (?) Tôi không nhớ. Ngay chiếc bàn, chiếc ghế tôi ngồi ít giờ trước đó, (đã được dẹp đi), tôi tin, chúng cũng không nhớ...

Chỉ biết, nhờ thế mà những giọt mồ hôi thơm khắp mặt tôi, đã không rớt xuống những trang chữ còn thơm mùi giấy mới. Chỉ nhớ, Đinh Hương không ngớt đâm lưng cho tôi. Tôi quay lại, nói với Đinh Hương:

“Có khi nào cảnh tượng này, kéo dài mãi mãi?”

Tôi không biết phản ứng của Đinh Hương. Chỉ nhớ dường như những cái đâm lưng đã tăng tốc. Luôn cả sức nặng...

Đó là lúc một người nào đó, đứng gần tôi, nói với người bên cạnh, đại ý,

buổi chiều ở 39 Lý Quốc Sư như một “cơn địa chấn thương yêu”, không ai tiên đoán được, dành cho một đứa con của Hà Nội, trở về, sau bao nhiêu năm, thất lạc...

Nói về đứa con của Hà Nội, trở về, tôi không biết khi tôi bước từng bước cẩn trọng trên chiếc cầu thang dẫn lên tầng hai, nơi làm việc và, tiếp bạn (giới hạn) của Lê Thiết Cương thì, những người bạn trẻ, những người tôi được gặp lần thứ nhất, ở cách Hà Nội nhiều giờ xe, đã trở về, bình an, dưới mái nhà êm ấm của họ? Điều tôi biết rõ, là Hà Quang Minh, người bạn trẻ thân thiết của tôi, chắc chắn đã về tới ngôi nhà nhiều tầng, phố Vĩnh Tuy.

Hình ảnh người bạn trẻ viết văn, làm thơ, viết nhạc, tần ngần đứng trước hai cánh cửa gỗ lim thắm đậm hưng phế, trước khi quyết định lòn tay qua ô vuông khoét sẵn, nâng then cài (bụi phủ?)

Cùng với mỗi bước chân dọc theo chiều sâu hun hút của căn nhà, là tiếng gọi “Ba ơi! Ba ơi! Ba ơi!...”

Tôi nghĩ, âm vang của tiếng gọi kêu

không chỉ chạy suốt chiều dọc sâu hút của căn nhà mà, còn va đập lên những bức tường, mái trần tô vữa dở dang, trước khi dội lại người gọi...

Hình ảnh Hà Quang Minh trở về phố Vĩnh Tuy, cất tiếng gọi cha mình, khiến tôi liên tưởng tới câu chuyện mang tính ẩn dụ trong Tân Ước. Đó là chuyện đứa con út của một ông trưởng giả, trở về mái nhà xưa, sau nhiều năm biệt tích. Sự trở về của đứa con hoang đàng, khiến ông trưởng giả hân hoan mở tiệc mời hết thấy mọi người. Dù cho sự việc này, làm người con trưởng của ông, buồn lắm! Anh nghĩ trong bao nhiêu năm, người em bỏ đi biệt, anh đã tận tụy phục vụ cha, lo toan, quản lý tài sản của gia đình...Vậy mà chưa một lần nào, cha anh tỏ dấu mừng rỡ, mở tiệc, như khi

Thân phụ người bạn trẻ Hà Quang Minh của chúng tôi, không mở tiệc mừng đứa con trở về. Nhưng ông lại dành cho chúng tôi một bữa tiệc tinh thần khác: Những cuốn sổ ngậm vàng thát, năm hoen ố. Những cuốn sổ tâm cảm ghi chép từng bài thơ, từng giai

đoạn thi ca Hà Quang Minh, khi Minh còn niên thiếu.

Tôi nghĩ, cũng như tôi, T. đã xúc động trước giọng đọc đồng dục, cần đầy những hạt ngọc hãnh diện thâm kín mấy chục năm, như những vòng nguyệt quế bất hoại của người cha, dành cho tài hoa của con mình. Với tôi, đó là một bữa tiệc lớn ở phố Vĩnh Tuy. Với tôi, nó ý nghĩa không kém bữa tiệc mà, ông trưởng giả trong Tân Ước, khoản đãi sự “hồi đầu” của người con út.

Tôi chỉ không biết, có một liên hệ gần xa nào giữa phố Vĩnh Tuy và phố Mã Mây? Khi chỉ một ngày sau, buổi tối chớm khuya, Phương Liên, Phương Nhi và chúng tôi mới ăn những hạt cơm đầu tiên nơi chiếc bàn kê ngoài hiên nhà hàng “Một Ngày Mới”.

Khác với Vĩnh Tuy, kín kẽ nhịp đập êm đềm của trái tim Hà Nội, trước 1954; lòng đường Mã Mây chảy, trôi như một giải lụa mosaic, trên nền giải ngân hà di vãng, lấp lánh nhan sắc một Hà Nội, khác. Nhan sắc Hà Nội về đêm: Rực rỡ. Hăm hở. Sinh động. Giải lụa mosaic

truyền thừa từ trăm năm, xưa, Hà Nội, cũ.

Cảnh tượng ấy cho tôi thấy lại tôi, những năm tháng đầu thập niên 1950s, mỗi lần mẹ tôi từ Hà Nam ra Hà Nội cất hàng, trong ánh điện chan hòa, tôi lon ton theo mẹ và, người chị dâu sớm góa bụa của mình, từ phố Phúc Kiến ra tới hàng Đào qua hàng Bồ..., trước khi cuộc khám phá “tân thế giới” của tôi, chấm dứt bằng bữa cơm tối, tại một Hiệu-Khách nào đấy.

Đó là những năm, tháng Hà Nội nuôi nấng thơ ấu tôi, không phải bằng...hoa sữa mà, bằng hương thơm ngọc lan trong ngôi biệt thự gần nhà Bác Cổ hay sân trước ngôi nhà đường Đồng Khánh. Hà Nội nuôi nấng thơ ấu tôi bằng mùa thu, heo may, sương mù, bánh Tây, những trái sấu-dầm, kẹo vùng, kẹo kéo...

Đó cũng là những năm, tháng Hà Nội cho tôi những người bạn, cuối cùng đã buông tha tôi với bàn tay sáu ngón của mình. Các bạn tôi cho tôi đứng một mình đầu đó, trong sân trường Hàng Vôi, dưới những gốc bàng, đổi màu, lá đỏ... Với trí tưởng ngây ngô, một ngày

nào, ngón tay thứ sáu của tôi, sẽ tự động mất đi, như những người anh, người chị của tôi, đã mất đi trong chiến cuộc!!!

Hè đường phố Mã Mây, tháng 6-2014, nhà hàng “Một Ngày Mới”, không cho lại tôi hương thơm ngọc lan, mùa thu, heo may, sương mù, sấu-dầm, kẹo vùng, kẹo kéo... Hà Nội cũng không cho lại tôi những người bạn thơ ấu một thời, đã siêu tán trên nửa thế kỷ... Nhưng Mã Mây cho lại tôi cái nhan sắc tôi không gặp được, ở những lần trước, trở về.

Những tưởng nhan sắc kia đã tàn. Ước mơ sống lại kia, đã khép. Những tưởng Hà Nội: Rực rỡ. Đêm. Đã như một thứ trầm tích, theo sông Hồng, ra biển!?!

Nhưng, hơn thế, buổi tối chớm khuya, dưới ngọn đèn được dòng giây, từ trong quán, Hà Nội, tháng 6-2014 còn bất ngờ, cho tôi thấy được sức sống, phong cách nền nếp của Phương Nhi, lễ phép thăm hỏi và, kể tôi nghe ngành học của cháu: Báo chí. Năm thứ nhất. Tôi đọc được nơi đôi mắt trong veo niềm tự tin, trên khuôn mặt đẹp-mộc của cháu, một điều gì, tựa lời đính hôn với một tương lai



Từ trái: Du Tử Lê, Thúy Hằng, Lê Thiết Cương

mới mẻ. Trân trọng. Linh cảm Phương
Nhi sẽ đi tiếp con đường phục vụ văn

chương của bố mẹ, ở một kênh mạch
khác: Kênh mạch báo chí, tôi buột miệng:

“Bốn năm nữa, ngày con ra trường, ông bà sẽ có mặt...” Tôi chỉ quên nói thêm:

“Nếu ông còn sống tới ngày đó...!”

Tuy nhiên, khi nhớ tôi lại, tôi nghĩ, cũng không cần thiết lắm đâu, “chú thích” này. Tôi nghĩ, nếu có bất cứ một bất trắc nào xảy đến cho đời sống tôi, trước hạn kỳ 4 năm kia, chắc chắn T. sẽ báo cho Phương Liên... Đó cũng là cơ hội, để Phương Nhi thấy rằng, dù trẻ mấy, chúng ta cũng nên dọn mình, đón nhận những điều bất ứng ý...

Tôi giữ lại được điều tôi định nói thêm với Phương Nhi, đại ý: Đời sống là tổng số những bất ứng. Nhưng là con người, nên chúng có khả năng vượt qua mọi ngọn núi thách thức. Vượt qua, để mang lại cho đời sống, những gì tốt đẹp hơn, vốn nằm ở mặt bên kia của những đồng tiền thách thức ấy.

Sau này, tôi thấy nín lặng kia, cũng tốt thôi, cho tôi, trong chạm mặt lần đầu với giải lụa mosaic trên nền giải ngân hà dĩ vãng, lấp lánh một nhan sắc Hà Nội, khác và, đẹp-mộc của cháu Phương Nhi.

Đó là lúc sen hồng của Phương Liên và Nguyễn Thụy Hằng, đã rụng thêm dăm ba cánh. Trên tầng hai, sau “địa chấn thương yêu” những người bạn còn ở với Lê Thiết Cương, có Nguyễn Thụy Kha. Có Trịnh Tú. Có Phan Thanh Phong. Có Hà Quang Minh...

Cửa sổ mở vào đêm Hà Nội, dưới thấp, chưa ngủ. Những bức tranh, gốm, tượng đồng, sắt, thiếc...chưa ngủ. Những tượng Phật ngồi trên các kệ sách, chưa ngủ...

Trịnh Tú hỏi mượn bút Nguyễn Thụy Kha; xin Lê Thiết Cương xấp giấy. Một chân dung phác họa hoàn tất, chóng vánh. Làm thành kỷ niệm. Kỷ niệm của bốn người, Nguyễn Thụy Kha nhấn mạnh.

Họ Nguyễn nhắc tôi, tương lai, nếu có in sách thì, sẽ không thể có một tựa nào hay hơn “*lưng sòng*” - “*Bèo trôi từng lớp trên lưng sòng...*” Tôi nói, tôi sẽ nhớ. Nhớ. Nhớ.

Tôi sẽ nhớ, như tôi nhớ, trước khi trở lại Saigon, buổi tối, Hà Nội mưa. Tôi và T. nhường phần dù che, cho nhau.

Chúng tôi rảo bước dưới những tầng sấu, âm u, chập choạng.

Tôi sẽ nhớ, như tôi nhớ tầng thứ hai, ngọn đèn mờ. Những ly rượu (cũng mờ) trên tay Lê Thiết Cương, Trịnh Tú, Hiền... Cửa sổ mở. Mưa, vỗ về Hà Nội, thức. Sấm, chớp xoải vó, thức lay hồn đất, cũ. Cây xà cừ “trấn môn” ngôi nhà 39 Lý Quốc Sư, oằn mình. Trút lá. Mưa rầm rập, chạy nhào qua con ngõ dẫn vào ngôi nhà tác giả “Bên kia sông Đuống”.

Tôi và cả T. nữa, sẽ nhớ (mãi nhớ) đôi lần, rất khuya, tạm biệt Hoàng Cầm, người thi sĩ lưng lầy nhất thời kháng chiến, bịn rịn cầm tay tôi, hỏi:

“Có còn gặp lại nhau?”

Câu hỏi ngậm ngùi bất trắc (tuyệt vọng?) của ông, tuồng không chỉ muốn gửi vào tâm trí chúng tôi mà, ông còn muốn ghim vào da, thịt chúng tôi nữa!

Tôi sẽ nhớ, như tôi nhớ, trước khi trở lại Saigon, buổi tối, Hà Nội mưa. Lầu hai. Nơi thư phòng Lê Thiết Cương. Cửa sổ mở. Sấm, chớp xoải vó thức, lay hồn đất, cũ. Cây xà cừ “trấn môn” ngôi nhà 39 Lý Quốc Sư, oằn mình. Trút lá.

Mưa rầm rập, chạy nhào qua con ngõ dẫn vào ngôi nhà tác giả “Bên kia sông Đuống”. Bất ngờ, Trịnh Tú nói, để anh đọc tôi nghe, thơ Đặng Đình Hưng:

Tôi có trăm xu, tôi đi tám phố

Mua con đường dài, vừa đi vừa nghỉ.

Mua 5 xu ánh sáng, sống nghe mặt trời

Mua 5 xu chơ vơ, mũi lòng viên đạn

*Mua 5 xu mưa lay phay, trang hoàng
dâu sắt*

Đến phố Hàng Kèn, gặp thằng trĩ mũi

Tôi mua 5 xu lá chuối, tôi cho nó xem

Nó mua 5 xu loa kèn, nó cho tôi ngủi

Đôi bạn èn èn chia tay đầu phố

(Đặng Đình Hưng)

Bài thơ ngắn, nhưng vực sâu. Giọng đọc chậm, rõ, nhưng cũng vực sâu của họ Trịnh.

Tôi hỏi xin Cương, copy một bài thơ cũ.

T. và, Hiền đứng dậy, đi về cuối lầu, nơi có những tượng Phật ngồi trên các kệ sách...

Họ cho lại tôi: “*Thơ, gửi một họa sĩ, ở cách tôi nửa vòng trái đất*”. Tôi đọc,

như một lời cảm ơn Trịnh Tú... Cảm ơn
những người vắng mặt:

“...khi bóng đêm xập xuống giá vẽ,
đó là lúc không chỉ sắc màu trong tranh
họ Lê đứng lên

bước ra và,
đi tới thế giới.

(mà,) tôi còn nghe được bước chân của
những người đã khuất

đem nắng, mưa, buồn vui thuở trước,
vun, xới gốc hôm nay!

(ai dám bảo những hồn siêu, phách tán
không cần nơi nương náu?)

như dòng máu liên tục
chảy dọc thân tổ quốc,

tới mai sau!

nhờ trái tim họa sĩ thắp vào hình tượng.

(cách của ông).

...

“khi bóng đêm xập xuống giá vẽ trống
trơn,

tôi đứng lên.

nghe được nhịp đập trái tim họ Lê.

những điều ông không nói.

cõi thinh lặng mệnh mông nhắc tôi:

- hãy cảm ơn Lê Thiết Cương!

- cảm ơn Vũ Phương Liên!

- cảm ơn Hà Quang Minh!

những Con Người (viết hoa).

những nhịp-câu-chữ-nghĩa,

nối tôi với họ Lê:

- một họa sĩ,

ở cách tôi nửa vòng trái đất!!!” (*)

...

Hôm nay, cách nửa vòng trái đất, dù
không hứa với ai, nhưng tôi biết, tôi sẽ
nhớ (mãi nhớ) một phần đời chúng tôi,
đã thắp nơi cây xà cừ “trần môn” ngôi
nhà 39 Lý Quốc Sư. Ngay cả khi, một
ngày nào, hai chúng tôi đều không còn
nữa.

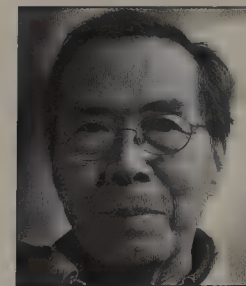
Và, cây xà cừ vẫn ở đó. Tĩnh không
một lời!?

DU TỬ LÊ

(Calif. July, 27 2014)

(*) Trích 2 khổ thơ cuối. Trọn bài
có ở web-site dutule.com - Cột mục “Du
Tử Lê, Sáng tác mới”.

Về tranh
DU TỬ LÊ



ĐINH CƯỜNG

Triển Lãm Tranh Du Tử Lê Tại Virginia

Vẽ là một hành động xác nhận. Xác nhận chính mình. Bằng kỹ thuật, hội họa được định nghĩa là nghệ thuật không gian Nhưng bằng xác nhận, nó lướt đi trong thời gian.

Chúng ta quen nhìn Du Tử Lê như một nhà thơ - *nhà thơ vô địch* (chữ của Mai Thảo) hay Nguyên Sa “*Tôi biết thơ Du Tử Lê thật hay, lúc ở Việt Nam, tôi thấy Du Tử Lê làm thơ được những năm đầu ở Mỹ tôi thấy thơ Lê hay hơn trước. Bây giờ tôi nghĩ rằng Du Tử Lê đã đi xa*

hơn những người làm thơ cùng thời với anh một quãng đường trông như gang tấc mà trong thơ, xa vạn dặm” (Du Tử Lê- Tác Giả & Tác Phẩm, trang 55)

Có nhiều nhà thơ vừa là họa sĩ... như Vương Duy đời Đường, Tô Đông Pha đời Tống và Tề Bạch Thạch sống từ đời Thanh đến hiện đại. Các vị đó vừa vẽ tranh vừa làm thơ đề tranh và đã đến mức “họa trung hữu thi, thi trung hữu họa” (trong họa có thơ trong thơ có họa). Thi hào Rabindranath Tagore hay Victor



Từ trái: Hiệp Dương, Lê Ngọc, Ngụy Vũ (Ban Giám Đốc đài Nationwide Viet HD Radio), Du Tử Lê, trong buổi triển lãm tranh Du Tử Lê tại NVR. Virginia, 2013.

Hugo vừa thơ vừa họa tuyệt mỹ... Có thi sĩ bay qua biển khơi rừng thẳm để tìm ra tiếng nói mình trong hội họa. Hay cả như Antoine de Saint Exupéry trong Le Petit Prince (Hoàng Tử Bé – Bùi Giáng dịch – An Tiêm xuất bản) cũng đã kèm theo những dessins và những bức họa màu nước của tác giả thật thơ mộng, mà dịch giả đã trích bốn câu thơ để ở trang đầu sách:

*Bích Câu đâu nữa bóng chàng Uyên
Sông núi thơ sơ bật tiếng Huyền
Có lẽ hồn ta không đẹp nữa
Nét thần thôi họa bức thiên duyên*

(Huy Cận)

Trở lại với phòng tranh Du Tử Lê khai mạc lúc 3 giờ chiều thứ bảy March 30, 2013 tại NVR Studio trong khu Eden đã cuốn hút người xem thật đông đảo,

ngoài những nhà làm văn hóa và văn nghệ sĩ ở vùng Washington DC như ông bà Nguyễn Ngọc Linh, giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng, giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, giáo sư Trương Vũ (cũng là họa sĩ tài hoa lỗi lạc), nhà văn Nguyễn Tường Giang, nhà văn Sơn Tùng nhà văn Thanh Thương Hoàng từ San José, nhà thơ Phạm Nhuận nhà thơ Phan Khâm, họa sĩ quốc tế Vũ Hối, nhà báo Đào Trường Phúc của Phố Nhỏ, nhà báo Phạm Việt Tân của Đời Nay và rất đông những người mến mộ, những khuôn mặt thế hệ trẻ đã đến tràn ngoài hành lang...

Vẫn trở lại với tranh Lê, với tôi, ông đã tạo được một phong cách mới, một style riêng là Hội - Họa - Thơ (Peinture-Poème) dưới mỗi bức tranh là một câu thơ của chính ông, Không ai khác, và tài năng bộc lộ ở chỗ sự ngây ngất hội họa của ông chưa bao giờ đánh mất thực tại. Ông không có cái ổn định trường lớp cổ điển, một trật tự hoàn chỉnh, nhưng chính cái primitif đó tạo nên Du Tử Lê với một thế giới tranh thơ mộng và chân thật. Hay nói như Léon Zach: “Pour moi, le miracle



Từ trái: Bảo Lộc, họa sĩ Đinh Cường.

de l'art c'est son pouvoir de rendre une vérité toute subjective valable pour tout le monde, la rendre objective” (Đối với tôi, cái phép lạ của nghệ thuật chính là cái khả năng biến hóa một chân lý hoàn toàn chủ quan trở thành khách quan, có giá trị đối với mọi người).

Hội họa Du Tử Lê là một biến hóa nghệ thuật có giá trị như một ngọn núi đầy thơ, một biển bao la đầy màu sắc. Một khúc Thụy du ngân vang khi trời



Từ trái: Nguyễn Tường Giang, Du Tử Lê, Đinh Cường, Nguyễn Đình Thuận

vào Xuân...[1]

Cuối cùng, với 14 tác phẩm trưng bày lần này (sơn dầu, acrylic trên vải bố, kích thước standard 16 x 20 in, 24 x 30 in. Giá mỗi bức từ 500 USD đến 1.500 USD) tại Virginia đã sold out là một kết quả lớn. Xin chúc mừng bạn tôi.

Đinh Cường

Virginia, April 1, 2013

Chú thích:

[1] Chiều March, 31, 2013 có buổi họp mặt bạn bè âm cúng tại nhà Trương Vũ với nhiều văn nghệ sĩ quen thuộc ở Virginia, Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Đình Vinh, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bạch Mai, Nguyễn Minh Nữ, Ngô Vương Toại, Phạm Cao Hoàng... Một đêm ca nhạc gồm nhiều ca khúc phổ thơ Du Tử Lê.



TRẦN DẠ TỪ

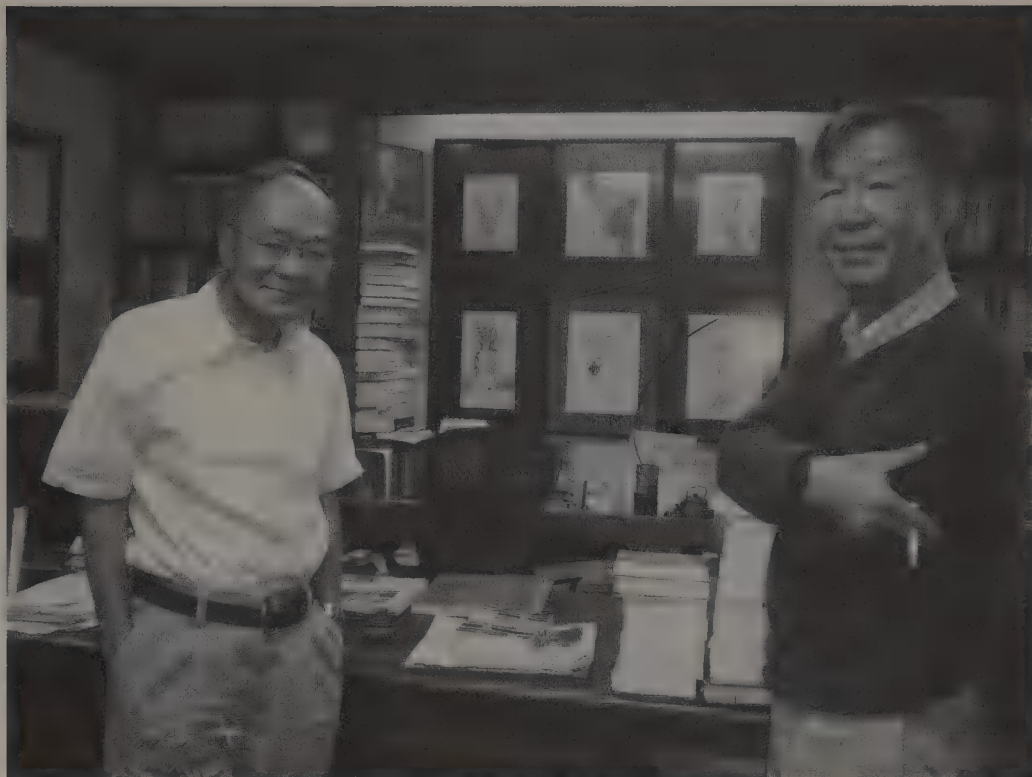
Du Tử Lê, Thấy Vậy Mà Không Chỉ Có Vậy

Triển lãm tranh lần đầu, Houston 2012, thi sĩ 70 tuổi. Hệt như Rabindranath Tagore lần đầu bày tranh tại Galerie Pigalle, Paris 1930. Cả hai đều gốc thơ. Tagore vì cô tri kỷ Victoria Ocampo mà vẽ. Du Tử Lê chắc cũng vậy thôi. Vì em, làm sa di tụng kinh còn được, hưởng hồ làm họa sĩ. Thấy họ hết nhau, tôi đã tìm coi, mà không tìm được tí ti hơi hướm Tagore nào trong thơ hay tranh Du Tử Lê.

Thì ra, khi đã là nhà thơ thứ thật, muốn giống người khác cũng chẳng được. Định mệnh bắt anh phải làm một cái đỉnh riêng rẽ, lẻ loi. Hơi mệt, nhưng đành cười mà chịu.

*

Tranh Du Tử Lê dĩ nhiên cũng đủ bảy màu của cầu vồng như ai. Các nhà nghiên cứu hội họa có thể thấy vàng đất, xanh trời, lục nhạt kia từng có trong The Yellow Curtain của Henry Matisse,



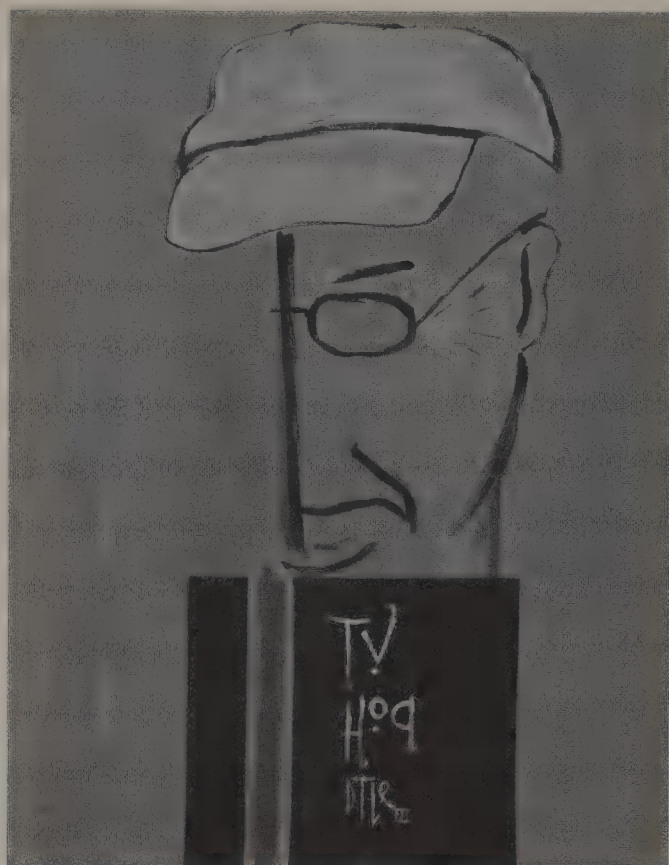
Nhà thơ Trần Dạ Từ và Du Tử Lê. California, 2012.

1915, khi chàng họa sĩ Paris tiền chiến bước từ Fauvist color – màu của trường phái dã thú – sang trừu tượng. Cũng có thể thấy xanh lá, hồng hoa, đen đặc kia được ném lên khung bố theo kiểu Jackson Pollock hay Mark Tobey, mấy tay abstract expressionist – họa sĩ trừu tượng biểu hiện kiểu Mỹ – đã khiến New

York thay thế Paris thành kinh đô hội họa thế giới thời hậu chiến.

*

Riêng tôi, có thể vì bản thân từ bé sống lê la đầu đường xó chợ, cứ thấy lấp ló trong tranh Du Tử Lê cái hồn du mục kiểu Gypsy, chất sơn xịt kiểu graffiti, vẽ loạn trên tường. Đây là thứ nghệ thuật



Tự họa.

(Du Tử Lê. Oil painting on canvas. Size 24X30)

đường phố, xưa thường thấy nó bên đồng rác, nay thì đã leo lên những bức tường trong trụ sở Google hay Facebook, cả trong những nhãn hiệu thời trang 2012 đắt tiền nhất, như kiểu khăn choàng Carré

Hermes trên vai bà Nữ hoàng Anh.

Một cái mũ Jean, nửa gọng kính, nửa khuôn mặt. Đó là tranh Du Tử Lê tự họa 2012, y chang bộ dạng thi sĩ. Vẫn tranh Du Tử Lê, trên cái khung đen có hình người muốn bay, cục tròn xanh như bóng bay trên đầu, cục tròn vàng như cục xiềng bên chân. May quá, nhờ có cái xiềng, nếu không, chắc anh không còn trên mặt đất. Tên cái tranh 2013 này không là tự họa, mà sao tôi thấy nó giống thi sĩ còn hơn là tự họa. Coi tranh lan man như tôi, chắc sẽ thấy đủ thứ kể hoài không hết. Mà có kể hết cũng vô ích.

*

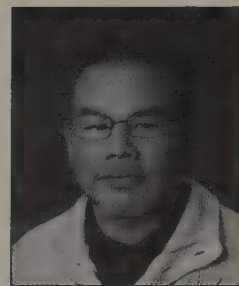
Vì với Du Tử Lê, thấy vậy mà không chỉ có vậy. Còn nữa. Nhiều nữa. Nhưng đó là những thứ mà chính người coi tranh sẽ thấy, khi “để cho cái tranh tự nó biểu hiện nó” như Tagore đã viết khi bị hỏi về ý nghĩa những bức tranh của ông.

Trần Dạ Từ

(Jan. 2013)



Du Tử Lê và Nam Dao. 2010



TRẦN THU MIÊN

Du Tử Lê Thi Ca Và Hội Họa

Nhiều nhà thẩm định nghệ thuật khởi từ Aristotle đã khẳng định rằng, thi sĩ cũng như họa sĩ là người diễn tả chân thật những gì nhìn thấy ngay tại lúc này, trong quá khứ, hay nghe được từ người khác, và cả những gì nên được hiện hữu. Sau Aristotle khoảng hơn 300 năm, Horace xác định: “*Ut pictura poesis*” (Họa phẩm thế nào thì thi ca cũng vậy). Và nhiều nhà phê bình nghệ thuật ở Âu Châu (nhất là từ thế kỷ 16 sang đến

thế kỷ 18) quan niệm hội họa và thi ca là hai bộ môn nghệ thuật có tính liên đới mật thiết. Nói cách khác, họa sĩ sáng tác thơ bằng hình ảnh và màu sắc, còn thi sĩ vẽ tranh bằng ngôn ngữ và vần điệu.

Thật ra quan niệm về sự tương quan giữa hội họa và thi ca không chỉ phát xuất từ Hy Lạp và Âu Châu, nhưng hầu hết nghệ thuật thuộc các nền văn minh và văn hóa trên thế giới đều chia sẻ quan niệm này. Quan niệm



Nhà thơ Trần Thu Miên và nhà thơ Du Tử Lê trong chương trình “Cho Em Cội Nguồn”.

Boston, Massachusetts, 2013.

cổ điển về nghệ thuật cũng cho rằng mục đích của hội họa và thi ca là diễn tả vẻ đẹp của đời sống bao gồm những gì ta nhìn, cảm thấy được, và cả những vẻ đẹp cần có hay nên có cho cuộc đời. Như vậy nghệ thuật – hội họa và thi ca – vừa phản ánh vừa tạo ra nét đẹp cho đời sống.

Nếu ta chấp nhận rằng họa sĩ sáng tác thơ bằng màu sắc và hình ảnh còn thi sĩ vẽ tranh bằng ngôn ngữ và vần điệu thì việc Du Tử Lê bước vào con đường hội họa là điều rất bình thường và cần thiết. Tôi vẫn nghĩ khi Nguyễn Du viết:

“Vàng trắng ai xẻ làm hai / Nửa in gối chiếc / nửa soi dặm đường /,” ông đã

vẽ lên trong tâm trí mình một bức tranh chia lìa tan tác. Và gần đây, khi Du Tử Lê Viết:

*“Tôi thấy dòng sông trong mắt em /
quê người in vách bóng chim. / cầm. /
đèn hoa trôi giữa đôi vai Huế /
cùng với tình-yêu-tôi-xốn-xang /”*

(dutule.com)

Ta cũng nhìn thấy một bức tranh đầy hình bóng và ấn tượng. Như vậy khi Du Tử Lê mở cánh cửa hội họa, ông đã mang vào thế giới ấy hàng trăm họa phẩm bằng thơ của mình.

Trong lịch sử hội họa Âu Châu, thi ca đã đóng góp tích cực vào nguồn cảm hứng của nhiều thiên tài hội họa và đã để lại cho đời bao nhiêu tuyệt tác. Một trong những hình ảnh diễn tả bằng ngôn ngữ trong thi ca Hy Lạp đã thôi thúc nhiều thiên tài hội họa đó là hình ảnh về thế giới thiên thai-thanh bình-thơ mộng-hồn nhiên (Arcadia). Mùa hè vừa qua, tại bảo tàng mỹ thuật Philadelphia, nhà quản thủ mỹ thuật (curator) Joseph J. Rishel và John G.

Johnson thu góp một số tranh của các thiên tài hội họa vẽ về một cõi thiên thai dựa vào nguồn cảm hứng từ 10 bài thơ cổ “The ten Eclogues” hay 10 Bài Thơ Đồng Nội, pastoral poems” của thi hào Ý, Virgil, với chủ đề “Gauguin, Cézanne, Matisse: Visions of Arcadia” (Gauguin, Cézanne, Matisse: Viễn Tượng Thiên Thai). Cuộc triển lãm trưng bày tranh của 25 họa sĩ danh tiếng kể cả Picasso. Những bức tranh triển lãm đều lãnh đăng hình ảnh về con người sống hồn nhiên trong chốn thiên thai nào êm đềm thơ ảo. Cuộc triển lãm qui mô này khẳng định lại quan hệ mật thiết giữa thi ca và hội họa, một quan niệm cổ điển nhưng vẫn còn gần gũi với giới thưởng lãm và phê bình nghệ thuật.

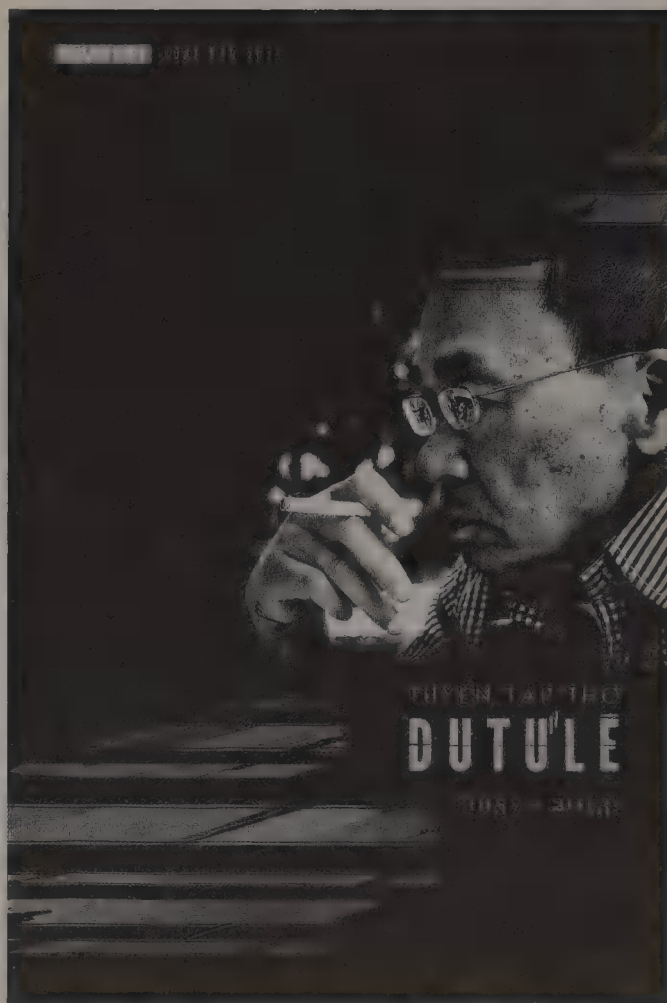
Nếu thi ca có sức mạnh thôi thúc các danh họa sáng tác những tuyệt tác như thế thì việc một họa sĩ làm thơ hay thi sĩ vẽ tranh thì cũng chỉ là việc bình thường. Ở thế kỷ 16, khi đã đến tuổi 60, thiên tài Michelangelo bắt đầu làm thơ và sáng tác các thi khúc tình yêu (love

sonnets) và ông được coi như một nhà thơ họa sĩ đầu tiên ở Âu Châu.

Không phải là người có kiến thức và năng khiếu về hội họa, nên, tôi không thể phê bình về tính nghệ thuật chuyên môn trong tranh Du Tử Lê. Tuy thế, nếu hiểu theo cái nhìn về nghệ thuật của Nietchez, thì chẳng có gì là chất liệu (facts), nhưng chỉ diễn tả (interpretation) mà thôi.

Từ quan niệm nghệ thuật này ta có thể nói tranh Du Tử Lê là loại tranh diễn tả tình cảm dựa theo ký ức và cảm tính. Xem tranh ông, ta mừng tượng được những vần thơ ẩn lấp sau màu sắc và hình ảnh ông phô bày trên canvas. Ông có lẽ không phải là họa sĩ có kỹ thuật tả chân như nghệ nhân nhiếp ảnh để vẽ lại như in những hình ảnh thu nhận trước mắt. Xem qua vài bức tranh gần đây của ông, người thưởng lãm thấy những chủ đề được diễn tả phát xuất từ một ký ức chứa đựng tràn ngập kỷ niệm và khắc khoải về cuộc đời.

Chẳng hạn như bức sơn dầu “Boston Trong Ký Ức Tôi, 2012,” ông tả một



Boston chứa đựng nhiều “trí tuệ.” Thành phố ông đã đến, đã dừng chân, và để sót lại trong trí nhớ ông những ấn tượng về một thế giới chất chứa sách vở, hay nói cách khác, một thế giới của tri thức, tò mò, và tìm kiếm. Một bóng đèn vàng,

vài quyển sách, trên nền đêm đen sâu đậm là những biểu tượng sót lại trong ký ức từ những gập gở thân hữu, hay nơi chốn đã đi qua như các sân đại học hay thư viện tại Boston năm nào.

Hội họa của Du Tử Lê không thoát ra từ nguồn cảm hứng thi ca thu nhận từ các thi sĩ khác, nhưng là một “phương tiện-media” để ông tiếp tục nguồn thơ của ông, nguồn thơ đã tuôn ra ngay từ chính tâm não của ông mấy chục năm qua trên chữ nghĩa vần điệu. Xem tranh Du Tử Lê không nên xem bằng mắt nhưng phải xem bằng trái tim. Có thể hiểu rằng, khi đứng trước bức tranh của Du Tử Lê, ta dừng cắt nghĩa hay phân tích về kỹ thuật, về màu sắc, hay bố cục, nhưng hãy để màu sắc, hình ảnh trong tranh ông tự nói lên những gì cần nói.

Đối với Plato, nghệ thuật (hội họa) không cần thiết cho đời sống. Giả dụ như họa sĩ vẽ được bức tranh chai rượu đẹp tuyệt vời, ta cũng không khui ra uống được. Aristotle thì khác, ông xác định giá trị của nghệ thuật trên phương

diện trị liệu bệnh lý. Aristotle quan niệm rằng nghệ thuật có khả năng trị liệu, giảm bớt nỗi thống khổ hay đau đớn của người thưởng thức nghệ thuật. Cả Plato và Aristotle đều đồng ý rằng nghệ thuật là phản ảnh (imitation, mimesis) của thực tế hay của thế giới hiện hữu.

Cái đẹp hay giá trị trong tranh Du Tử Lê là những gì còn sót đọng lại trong ký ức và được tả lại, kể lại bằng màu sắc và đường nét trên những đường cọ tâm hồn.

Trần Thu Miên (*)

(Viết trên chuyến bay Boston-San Diego, CA tháng Giêng 2013).

(*) Trần Thu Miên là bút hiệu của Tiến sĩ, giáo sư thực thụ Trần Văn Thành, hiện dạy tại Boston College, thành phố Boston, Mass.



Từ trái: Du Tử Lê, Phạm Xuân Nguyên, Lê Đình Thắng. 2012



ĐẶNG PHÚ PHONG

Du Tử Lê, Màu-Xanh-Vàng-Phai

Du Tử Lê, làm thơ, chẻ chữ, ghép chữ, rồi bây giờ ghép chữ (thơ) với màu. Chữ biến màu, màu hóa chữ. Bằng bạc nhưng cuốn hút. Xa xăm nhưng cận kề. Gọi cảm. Đó là cảm xúc của tôi sau khi xem khoảng 20 bức tranh của ông. Cảm xúc đó vẫn còn nguyên vẹn trong tôi, khi viết bài này.

Người nghệ sĩ chân chính, tài năng là những người luôn luôn có nhiều đam mê, khát vọng. Suốt đời, họ, lúc nào cũng cảm thấy chưa đủ. Mẩn mò, mãi mê tìm kiếm cái đẹp, cho mình, cho đời.

Họ làm nghệ thuật với toàn vẹn yêu thích nó, vì nó. Du Tử Lê không ngoại lệ. Ông đã làm giàu cho văn học Việt Nam bằng một gia tài (chưa hết) thơ văn khá đồ sộ. Bây giờ Du Tử Lê còn muốn đóng góp thêm qua nghệ thuật tạo hình.

Chữ tìm chữ. Màu gọi màu. Du Tử Lê đang ở trong cõi “Chữ-gọi-màu-màu tìm-chữ.” Những trăn trở, suy, nghiệm mà cõi thơ của Du Tử Lê không, hay chưa thanh thỏa, được ông đưa vào hội họa. Nhưng nếu nói như vậy cũng oan cho ông.



Từ trái: Nhà văn Đào Hiếu, Du Tử Lê, Đặng Phú Phong

Thật ra Du Tử Lê đã đến với hội họa ngay từ những bài thơ ký tên Du Tử Lê xuất hiện khoảng 1957. Trong tập “Thơ Du Tử Lê 1”, xuất bản tháng 3, 1964, ở “Bài Huyền Châu” ông vẽ những: “kè đá xanh tiếng quạ biển xa vời”, “cánh dơi nào quắp hồn tôi về động”, “chiều du ca đuổi bắt bóng điêu tàn”, và, ông

gọi đích danh là tranh trù tượng: “em trù tượng như những ngày rét muối”. Toàn thể bài thơ khiến ta liên tưởng đến sự đánh đổ giữa thực tại và trù tượng.

Hay, trong bài “Tình Yêu Thành Phố” dùng toàn những từ ngữ mạnh bạo, những hình ảnh nồng cháy (của thời bấy giờ) và những màu sắc rất thật (pure colors):

“Vì đêm thành phố là đôi mắt buồn
 của người thiếu phụ
 Đường Bàn cờ muôn lối – hẻm
 Nguyễn Tri Phương rối tơ
 Hàng cây cao vút ven bờ
 Như những cột giáo đường lơ mờ
 ánh sáng
 Tôi yêu thành phố với những chiều
 vàng lá rụng
 Về chiều thành phố là bộ ngực nở căng
 của người thiếu nữ
 Bụi tung bay mỗi mắt thế nhân
 Thành phố bùng lên muôn màu
 quuyến rũ
 Khi ánh sáng nhạt dần
 Những âm thanh cuộn cuộn xô nhau
 trên đường nhựa
 Căn nhà xanh, vàng mở toang từng
 cánh cửa
 Và những người con gái trong
 thành phố
 Tóc ngắn uốn, nồn nà khuôn cổ
 Áo vạt màu phát phối hoa bay.”

Để rồi cuối bài ông hé lộ, tình yêu
 của ông là sự thềm thường dã thú:

“Cúi hôn em lòng dã thú thềm thường”

Bài thơ làm ta hình dung đến những
 bức tranh theo Trường phái Dã Thú
 (Fauvism).

Trong khoảng hơn 20 tập thơ của
 Du Tử Lê có thật nhiều những bài thơ là
 những bức tranh như thế.

Nếu coi những bài thơ của Du Tử
 Lê là hạt giống tranh, những dòng chữ
 vừa mạnh mẽ vừa bay bướm trên đồ
 gốm mà Du Tử Lê đã thực hiện cách đây
 khoảng hơn 10 năm là mầm thì những
 bức tranh ông đang vẽ hiện giờ chính là
 những cây non đang khoe lá.

Thơ văn cũng như hội họa của Du
 Tử Lê không trường lớp chính quy,
 nhưng cả hai phía đều là sự khám phá và
 tìm thấy.

“Tìm thấy” trong thơ của Du Tử Lê,
 như Lê Huy Oanh trong một bài viết
 trên Tạp chí Văn Học tháng 1 năm 1974,
 là chủ trương chia lại nhịp thơ lục bát.
 Trước Du Tử Lê thơ lục bát chia theo
 nhịp 2 đều hay nhịp chẵn (1). Du Tử Lê
 tìm và thấy âm điệu mới cho thơ lục bát
 bằng cách thay nhịp chẵn hay nhịp lẻ.



Du Tử Lê và bằng hữu. Từ trái: Vợ chồng VTQuang, Nhà Thơ Nguyễn Lương Vy, Du Tử Lê, Đặng Phú Phong, vợ chồng VănN, TCTân, Lực CA.

Thổi một sinh khí mới cho điệu lục bát chừng như đã bắt đầu nhạt đi hương vị vì đơn điệu. Nhiều người trong giới phê bình văn học, giới báo chí như Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Bảo Trúc... cũng có ý kiến tương đồng với Lê Huy Oanh.

“Tìm thấy” trong thơ Du Tử Lê là chẻ chữ, ghép chữ. Những dấu hỏi không hẳn là nghi vấn. Những đổi mới từ hình thức đến nội dung để đến được với nhiều lứa tuổi, nhiều tầng lớp người đọc.

“Tìm thấy” là “...có những câu thơ thành ngôn ngữ hằng ngày... .” như nhà bình bút Đỗ Quý Toàn đã viết (2)

“Tìm thấy” trong thơ Du Tử Lê còn nhiều nhiều hơn nữa, nhưng đây không phải chủ đề của bài viết này.

“Khám phá” trong hội họa của Du Tử Lê qua cái nhìn của tôi: Cây cọ, con dao của Du Tử Lê có khuynh hướng đi theo chiều dọc. Chiều dọc là trên dưới, âm dương, là sự giao thoa của trời và đất

để tạo ra cuộc sống. Trong tranh của Du Tử Lê, nó còn ý nghĩa của sự kết hợp hài hòa giữa các màu nóng lạnh tương phản như xanh và đỏ, tím với vàng... Du Tử Lê dùng màu xanh khá nhiều cho tranh của ông. Trong thư gửi cho người viết, ông tâm sự:

“...Tôi đang loay hoay đi tìm một màu xanh, khác hơn màu xanh của những họa sĩ chuyên nghiệp, nổi tiếng. Đó là ‘Màu xanh lá mạ.’ Có thể tôi thất bại. Nhưng nó sẽ là màu xanh chủ đạo trong tranh của tôi, chỉ ít cũng nhiều thág tới...”

Nguyễn Trung, Đinh Cường, Cao bá Minh và Nguyễn Đình Thuần là những họa sĩ có những màu xanh rất đẹp, rất tài tình. Tôi gọi màu xanh của Nguyễn Trung là Màu-xanh-vô-cùng. Màu Xanh của Đinh Cường: Màu-xanh-miên-viễn. Màu Xanh của Cao Bá Minh: Màu-xanh-ký ức. Màu Xanh Nguyễn Đình Thuần: Màu-xanh-thạch-nhũ.

Và, Màu Xanh của Du Tử Lê tôi gọi là Màu-xanh-vàng-phai.

Trước Du Tử Lê là Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, trước nữa là Thi sĩ Bùi Giáng

là những nghệ sĩ lớn đã không cần trường lớp, ung dung bước thẳng vào thế giới hội họa. Nhưng tranh của hai người nghệ sĩ này đã để lại dấu ấn lung linh sắc màu cho nghệ thuật và sự yêu, thích của giới thưởng ngoạn.

Còn Du Tử Lê thì sao?

Câu hỏi rơi vào hư vô?

Câu hỏi như một đánh động?

Hay, câu hỏi như một lời chờ xem?

Riêng với tôi. Du Tử Lê, chỉ mới cầm cọ và đang tìm kiếm, tuy nhiên ông đã cho chúng ta những bức tranh giàu màu sắc, đầy ấn tượng, và nhất là hơi thơ bát ngát, khi lãng đãng, khi trầm tích trong tranh. Đó sẽ là sức sống bền bỉ cho tranh của ông.

Du Tử Lê còn tiến triển nhiều hơn nữa, ít nhất, sẽ có một cõi riêng của Du Tử Lê trong hội họa.

Đặng Phú Phong

(Aug. 10. 2011)

Chú thích:

(1) dutule.com

(2) BNS Ngày Nay, số 608 ngày 15-11-07



Từ trái: Đứng Đỗ Trung Quân, Đoàn Kế Tường. Ngồi Du Tử Lê, Đinh Anh Dũng. 2012

Độc thơ, sống nhạc và “nghe” tranh Du Tử Lê

“Những tác phẩm hội họa của Du Tử Lê được mọi người khen ngợi và đón nhận nhiệt tình dù chính ông không nhận mình là họa sĩ”.

Nguyễn Phục Hưng.

Houston, Texas - Du Tử Lê không phải là một người xa lạ trong giới văn học nghệ thuật Việt Nam. Ông là một nhà thơ thành danh đã 50 năm qua và có lẽ đang là nhà thơ nổi tiếng nhất và rất được hâm mộ trong văn học hiện đại với những tác phẩm trữ tình và sáng tạo. Tuy nhiên đây là lần đầu tiên ông được giới thiệu trong lãnh vực hội họa do Trường Suối Nhạc, tức là Mozart Institute

of Music, tại Houston tổ chức.

Nhạc sĩ Đăng Khánh, là một trong những người sáng lập trường Suối Nhạc, đã làm nhiều quan khách ngạc nhiên khi được ông mời đến, để “đọc thơ, sống nhạc và nghe tranh Du Tử Lê”. Ông giải thích về ý niệm “nghe tranh” của ông như sau:

“Đối với một người nhạc sĩ sáng tác như chúng tôi thì âm nhạc có màu sắc,

cái điều đó thì rõ rệt rồi. Chỉ có mình tôi dùng chữ ‘nghe tranh’ Du Tử Lê. Riêng cá nhân tôi, nếu chúng ta, hay ngay chính anh, nhìn thấy một bức tranh vẽ một trái bom đang thả xuống, cháy nổ bùm bùm, bom nổ, súng đạn nổ..., rồi một người mẹ đang bồng một đứa con chết bên lề đường, gào thét lên, há mồm ra gào thét kinh hoàng... thì nếu có một người phụ nữ dịu dàng đứng bên tôi, nhìn cảnh đó, thì có lẽ cô ấy sẽ nhỏ những giọt nước mắt, rơi lệ xót thương. Nhưng ngược lại, tôi có thể cảm thấy những tiếng hét cuồng nộ trong đó. Tôi có thể nghe ra những tiếng nổ kinh hồn ở trong bức tranh đó. Thì nghe tranh đối với tôi cũng có nghĩa như vậy, tức là nhìn bức tranh mình nghe ra một điều gì.”

Độc thơ, sống nhạc và “nghe” tranh Du Tử Lê

Diễn giả chính trong buổi giới thiệu tranh này là ông Lê Văn. Lê Văn là một giọng nói quen thuộc với thính giả VOA vì ông từng là chủ biên ban Việt Ngữ của Đài trong nhiều năm. Theo diễn giả

Lê Văn, thì Du Tử Lê không chỉ là một tay “phù thủy chữ nghĩa” mà là một “phù thủy đa năng” khi ông bước vào lãnh vực hội họa:

“Hội họa là lãnh vực mà từ trước tới bây giờ tôi không thấy Du Tử Lê có tham dự nhiều nhưng mà lần này thì anh ta đưa mười mấy bức tranh tới đây và tôi chợt nhớ lại cái câu Mai Thảo nói rằng Du Tử Lê là một tay ‘phù thủy chữ nghĩa’ thì tôi lại nghĩ là bàn tay phù thủy của chàng bây giờ đi sang lãnh vực hội họa thì nó lại tạo thành những họa phẩm mà trong đó nó man mác hồn thơ Du Tử Lê. Cho nên tôi nói rằng Du tử Lê không phải là “phù thủy chữ nghĩa” mà là “phù thủy đa năng.”

Buổi họp mặt có nhiều khuôn mặt quen thuộc trong giới văn học nghệ thuật tại Houston. Nhà thơ Tô Thùy Yên nói là ông sẽ không ngạc nhiên nếu Du Tử Lê sẽ còn bước vào lãnh vực âm nhạc trong tương lai, sau khi đã bước vào hội họa:

“Tôi nghĩ một điều là trái tim và khối óc của anh Du Tử Lê chắc là nó bề bộn lắm, thành thử anh Du Tử Lê sau khi cảm

thấy Thơ không đủ để diễn đạt những sự bề bộn đó, thì anh phải dùng tới hội họa. Thành thử ra tôi nghĩ có một lúc nào đó mà anh Du Tử Lê sáng tác nhạc thì tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên.”

Trong khi đó ông Phạm Thông, một họa sĩ và cũng là điêu khắc gia nổi tiếng của Houston, thì tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy họa phẩm của Du Tử Lê không chịu ảnh hưởng của các họa sĩ nổi danh và thân thiết với ông:

“Tôi rất ngạc nhiên, anh Du Tử Lê là một nhà thơ nổi tiếng, bạn bè anh rất nhiều là những họa sĩ nổi danh và trước khi tôi đến đây thì tôi nghĩ rằng anh cũng sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều, nhưng rất là ngạc nhiên, tôi thấy anh Du Tử Lê có một sắc thái riêng biệt, tranh của anh không giống bất cứ một ai cả. Cái điều đó làm tôi vô cùng cảm phục.”

Còn Kỹ sư Nguyễn Ngọc Bảo là người sáng lập hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam tại Houston thì cho rằng tranh Du Tử Lê không thuộc một trường phái nào mà luôn phảng phất ý thơ Du Tử Lê:

“Điểm đặc biệt của tranh Du Tử Lê

là chất thơ bàng bạc trong tranh như các cụ chúng ta vẫn nói ‘Thi trung hữu họa mà họa trung thì hữu thi’, trong thơ có họa mà trong họa thì có thơ.”

Đó là những lời nhận xét tiêu biểu về họa phẩm của Du Tử Lê. Khi được hỏi là nguyên do nào khiến ông kết nối với ‘người tình mới’ là hội họa, Du Tử Lê trả lời:

Và tôi tin là, hội họa là một ngôn ngữ quốc tế, tức là nó không cần đi qua một thông dịch nào cả...

“Trước hết cảm ơn anh dùng chữ ‘người tình mới’, tôi thích cái chữ đó lắm. Tôi có cái tham vọng, có cái mơ ước chuyển thể thơ của mình qua bên một cái kênh về nghệ thuật, thì tôi thấy chỉ có hội họa nó gần với cái tham vọng của tôi nhất. Nói một cách khác là tôi muốn chuyển thơ của tôi qua đường nét và màu sắc.”

Và ông giải thích ưu điểm của hội họa trong việc diễn tả ý tưởng như sau:

“Tại vì khi mình vào hội họa thì mình có thể thấy ngay những cái ý tưởng của mình hiện lên màu sắc và đường

nét. Và tôi tin là, hội họa là một ngôn ngữ quốc tế, tức là nó không cần đi qua một thông dịch nào cả. Thí dụ tôi đọc một bài thơ thì nó phải đi qua óc, rồi óc tôi mới trả lời những chữ đó nghĩa là gì, nhưng màu sắc thì tôi nghĩ nó đi thẳng vào trái tim người ta. Có lẽ vì thế mà người ta gọi hội họa cũng như âm nhạc là tiếng nói quốc tế, là ngôn ngữ chung của thế giới.”

Những tác phẩm hội họa của Du Tử Lê được mọi người khen ngợi và đón nhận nhiệt tình dù chính ông không nhận mình là họa sĩ.

Riêng về phương diện tài chính, lần triển lãm đầu tiên này được coi là một sự thành công tốt đẹp vì hầu hết các họa phẩm của ông đã được bán trong 3 tiếng đồng hồ.

Tuy nhiên khi biết có một số bạn trẻ tỏ bày ước vọng bỏ hết mọi sự để theo chân Du Tử Lê, dẫn thân vào con đường nghệ thuật, Du Tử Lê có những lời tâm sự chân tình, rút ra từ đời sống nghệ sĩ của chính ông và cũng là lời nhận xét của ông về những hy sinh của những người làm

văn học nghệ thuật Việt Nam hiện tại:

“Lời khuyên thành thực nhất của tôi là nếu các bạn trẻ đã có cho mình một nghề nghiệp vững chắc, đủ nuôi mình và lo cho gia đình, thì tôi khuyến khích nên, hoặc đi theo hội họa, âm nhạc hoặc là thi ca, hoặc là văn chương. Nhưng nếu chưa, thì không nên.

Tại vì nói chung là văn học và nghệ thuật của Việt Nam mình, cái thị trường nó chưa đủ sức để nuôi những người làm công tác văn học nghệ thuật và nếu vì đam mê như tôi, thì nó là một cái thất bại về phương diện thực tế đó và nó là một cái buồn phiền rất lớn lao cho đáng sinh thành. Tại vì ngày xưa, tôi giống như một tai họa của gia đình tôi và sau này khi ra đời, mặc dù tôi có nghề khác, nhưng mà nó cũng không có chu toàn, về vật chất đó, nói cho dễ hiểu, đối với gia đình và con cái.”

Nguyễn Phục Hưng

ĐPV đài VOA / Houston, Texas.

(*) Bản tin trên của ĐPV Nguyễn Phục Hưng ở Houston, Texas, phát thanh về VN, Thứ Ba, ngày 22 tháng 1, năm 2013.

VỀ Tranh
DU TỬ LÊ

DU TỬ LÊ, Về Những Bức Tranh Trong Tổng-Tập này.

Tôi không phải là họa sĩ được đào luyện chính quy, nên sẽ không bao giờ tự nhận là họa sĩ. Chỉ là người muốn hoán chuyển thơ của mình, từ phạm trù văn học (chữ viết), qua phạm trù nghệ thuật (đường nét và, màu sắc). Nhưng không vì thế mà, tôi có thói quen giải thích tranh của mình, với bất cứ ai, trường hợp nào!

Đây không phải là lần đầu tiên tranh của tôi được in trong sách. Trước đó, nhà xuất bản Liên Việt, liên doanh với nhà xuất bản Hội Nhà Văn Hà Nội, cũng

đã in một số tranh của tôi (không kèm lời giải thích), trong tập “*Giỏ hoa thời mới lớn*”, (Hà Nội, tháng 2-2014).

Tuy nhiên trước những tấm lòng rất đáng trân trọng của nhóm chủ trương tuần báo và, cũng là nhà xuất bản Sống, dành cho cá nhân tôi, nên, sau đây là những ghi chú tối thiểu của tôi, về mấy bức tranh in trong tổng-tập này.

Dám mong bạn đọc thông cảm và, lượng thứ.

Du Tử Lê

(Calif. Tháng 6-2014).

1-“Boston. Đêm. Trong ký ức tôi”:

Nhiều năm trước, nhà thơ Trần Thu Miên là người đầu tiên tổ chức “Chiều thơ nhạc Du Tử Lê” cho tôi ở Boston, Massachusetts. Và, ngay sau đó là hai buổi tôi được mời nói chuyện tại đại học Boston College và đại học Wellesley. (Wellesley là đại học dành riêng cho nữ giới – nơi tốt nghiệp của chị em Tống Khánh Linh, Tống Mỹ Linh, gần nhất là bà Hillary Clinton). Boston để lại trong tôi nhiều kỷ niệm.... Nhất là đêm Boston.

Sau đấy, tôi được mời trở lại nhiều lần để nói chuyện tại đại học Harvard, MIT...

Trong ghi nhận của tôi thì, Boston là chiếc nôi lớn (Think tank) của trí thức Hoa Kỳ – Nơi cung cấp nhiều nhân vật lỗi lạc thuộc nhiều lãnh vực cho nước Mỹ. Vì thế khi vẽ, ngoài những building nổi bật của Boston, tôi vẽ vòng đai xa lộ Boston, ban đêm, là dòng sông ánh sáng rực rỡ, tượng trưng cho khía cạnh trí tuệ mà, thành phố này cung cấp cho nước Mỹ và nhân loại. Bức tranh đó, hiện thuộc bộ sưu tập của Giáo sư, Dr. Thành Trần.



“Boston. Đêm. Trong ký ức tôi”.

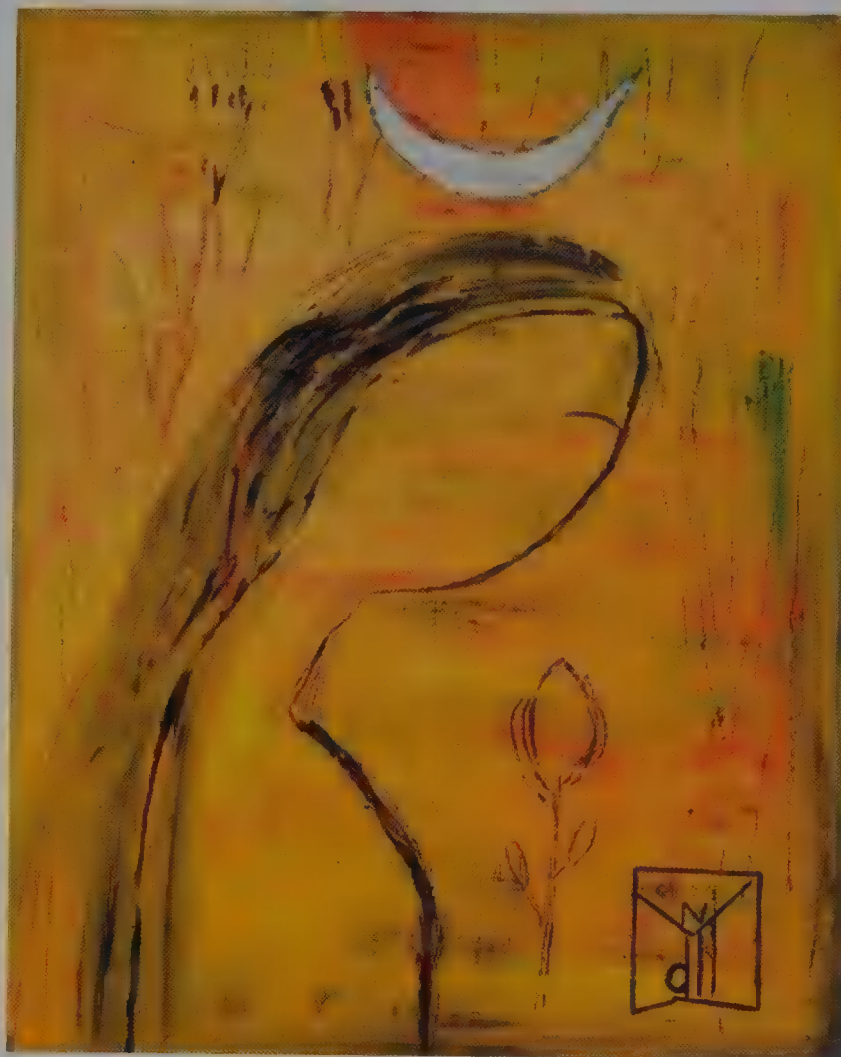
(Du Tử Lê. Oil painting. Size 24"x30")

(Dr. Thành Trần's Collection).

2- “Gieo xuống ta hồi ngọc”:

Tôi vẫn quan niệm nhan sắc cũng như tình yêu bền chặt mà, một người nữ dành cho ai đó trong đời họ, là những hạt ngọc vô giá. Tôi biết người ta có thể định giá chính xác cho một viên kim cương. Nhưng theo những người chơi ngọc thì, giá trị của ngọc rất khó thẩm định. Giá trị đó, tùy theo cảm quan, trình độ của mỗi người. Nó giống như tình yêu, tôi không tin một người nào có thể ấn định được mệnh giá của tình yêu, dù người đó là ai.

Bức “*Gieo xuống ta hồi ngọc*” của tôi, hiện thuộc bộ sưu tập của Ms. Janet Thúy Hằng, chuyên gia địa ốc ở Atlanta, nhân cuộc triển lãm gần đây, Chủ Nhật ngày 22 tháng 6-2014 của tôi ở Atlanta, Georgia.



“Gieo Xuống Ta Hối Ngọc”

*“biết ngồi hạt mưa trong
gieo xuống ta hối ngọc”*

(Du Tử Lê. Oil painting. Size 18"x24")

(Thúy Hằng's Collection).

3- “Cảm ơn sách vở nuôi em lớn”:

Đó là một trong vài bức tranh đầu tay của tôi. Nó từng đi theo tôi, hiện diện cùng tôi, trong 4 cuộc triển lãm cá nhân trước đây. Nhưng sau cuộc triển lãm cá nhân lần thứ năm ở Atlanta, ngày 22 tháng 6-2014, thì chúng tôi đã chia tay nhau. Lý do, tôi đã chọn được người để trao tặng bức tranh: Cô Nguyễn Trà My, ái nữ của ông bà nhà thơ Xuyên Trà, Georgia.

Trà My được sinh giữa biến cố 30 tháng 4-75. Khi cha đi tù, mẹ cô lao ra lề đường, kiếm tiền nuôi sống 5 chị em cô và, chồng trong trại giam. Thực phẩm tinh thần, giúp cô lớn lên, là sổ sách vở cha cô để lại. Thói quen này trở thành tập quán của cô. Nên, những ngày tháng quê người, ngay khi còn ở bậc trung, cũng như đại học, Trà My đã không ngừng đắm mình trong văn chương, âm nhạc... Hơn thế, cô còn tận hiến thời giờ, khả năng của mình cho Tam-bảo và cộng đồng nữa.

Tôi nghĩ, cô xứng đáng với biểu tượng người con gái trẻ thơ, trong sáng, chủ đề chính bức tranh của tôi.



CÁM ƠN SÁCH VỞ NUÔI EM LỚN.

*“cám ơn sách vở nuôi em lớn.
con chữ nuôi người trong giấc mơ”. DTL
size 22"x28"*

(Trà My's Collection).

4- “Hòn đá làm ra lửa”:

Là tựa đề một trường khúc dài trên 1,000 câu của thi sĩ Trần Dạ Từ. Một... “tập đại thành” của họ Trần, theo tôi, sau 13 năm ông bị tù cải tạo.

Vẫn theo tôi, đó là một bài thơ lớn nhất, đánh dấu giai đoạn không thể nghiệt ngã hơn của lịch sử Việt Nam hiện đại, sau biến cố 30 tháng 4-1975. Tù đầy, giam cầm, hành xác, hạ nhục các thi sĩ miền Nam của chính quyền CSVN, đã mang lại cho thi ca của chúng ta một số bài thơ giá trị. Nhưng kể cả những bài thơ hay nhất, trong ghi nhận của riêng tôi, vẫn mang tính cá nhân, dù không thù hận.

Khác hơn thế, “*Hòn đá làm ra lửa*” của Trần Dạ Từ là một trường khúc chẳng những không hận thù, rất nhân ái mà còn mang tính nhân loại nữa.

Mỗi lần đọc lại “*Hòn đá làm ra lửa*”, nó lại cho tôi những cảm xúc mới mẻ. Tựa tự thân nó có khả năng mở rộng, rộng thêm mãi, để con người gặp được con người, dù ở nơi nào trên mặt đất...

Tôi trộm nghĩ mọi nói thêm của, tôi sẽ không ích gì với những ai chưa từng đọc “*Hòn đá làm ra lửa*” của thi sĩ Trần Dạ Từ.



HÒN ĐÁ LÀM RA LỬA

“Thơ Trần Dạ Từ”

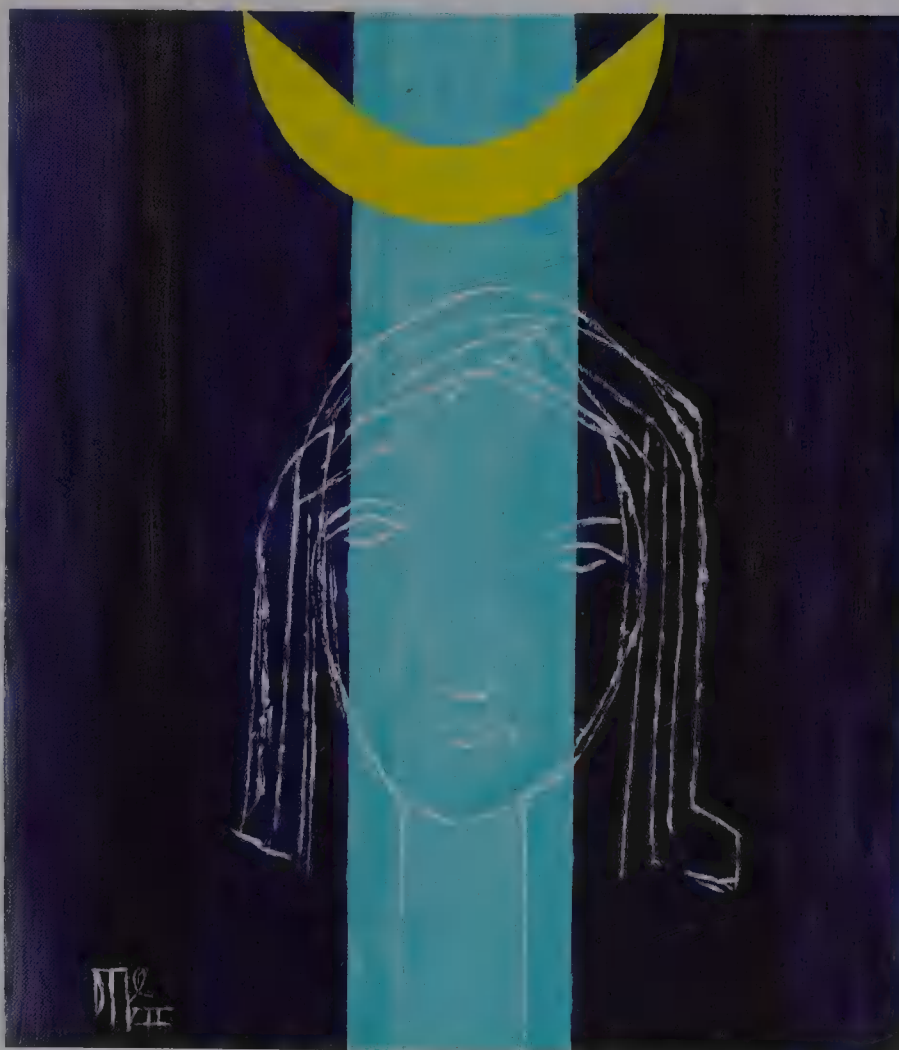
(Du Tử Lê. Oil painting. Size 24"x30")

5- “Mùa em thu tím, rừng tôi phía nào”:

Đó là một câu thơ trong một bài thơ của tôi, được nhạc sĩ Đăng Khánh chuyển thành ca khúc với tựa đề mới: “*Lệ buồn nhớ mi*”.

Bức tranh kiến tạo trên chân dung phảng phất chút “hồn dỗi” (qua đôi môi) của người con gái. Tím là màu chủ đạo của tranh. Nó không chỉ tượng trưng cho nỗi nhớ mà, còn là biểu tượng sâu thẳm của rừng, đêm. Với vầng trăng trên đầu, biểu tượng của một tình yêu bất biến, trước dòng chảy không ngừng nghỉ của thời gian.

Họa phẩm ấy đã được in lại nơi bìa bốn của tập Chương trình Nhạc thánh phòng, chủ đề “*Tình ca muôn thuở 2012*” ở Houston. Mặt khác, nó cũng đã thuộc bộ sưu tập của Dr. James Thăng, Texas.



“Mùa em. Thu tím. Rừng tôi phía nào?”

*“vàng sau lưng. vàng ghế ngồi
mùa em. thu tím. rừng tôi phía nào?”*

(Du Tử Lê. Oil painting on canvas. Size 24"x30")

(Dr. James Thăng's Collection)

6- “Nhớ Mai Thảo, những ngày ngồi ở phở Nguyễn Huệ”:

Những ngày cuối cùng, trước khi từ trần, nhà văn Mai Thảo thường yêu cầu tôi và H.T. đưa ông tới phở Nguyễn Huệ. Buổi tối. Đó là thời gian ông đã yếu lắm. Đi không vững. Ngồi không ngay! Trong bức tranh “*Nhớ Mai Thảo, những ngày ngồi ở phở Nguyễn Huệ*” tôi dùng màu vàng đậm và nhạt, để biểu thị sự yếu ớt, bệnh hoạn của tác giả “*Ta thấy hình ta những miếu đền*”. Với bột màu dài, trắng, tối, giữa bức tranh, tôi ngụ ý cửa vào. Để ngay sau đó, không gian nhà hàng bừng sáng. Tượng trưng cho tình thân của chúng tôi, với chủ nhân phở Nguyễn Huệ, ông Nguyễn Văn Cảnh. Hai góc trái, phải, trên cao là đôi-mắt-ký ức soi, rọi bao kỷ niệm cũ, sẽ còn được nhớ, một cách đắm thắm giữa người đã khuất (Mai Thảo) và, những người còn lại, như chúng tôi, chủ nhân phở Nguyễn Huệ, cùng những ai biết rõ sinh hoạt đời thường của nhà văn Mai Thảo, trước ông khi từ trần.



“Nhớ Mai Thảo, Những Ngày Ngồi Ở Phở Nguyễn Huệ”

(Du Tử Lê. Oil painting on canvas. Size 24"x30")

7- “Thấy em bé xíu. thuở còn ngậm ti”:

Đó là câu thơ tôi trích từ bài “*Lục bát, 70*”, viết tháng 11 năm 2012, nhằm tặng người bạn đời của tôi. Nguyên câu thơ đó là:

*“Tôi đi trở ngược thời gian
Thấy em bé xíu. thuở còn ngậm ti.”*

Bố cục của bức tranh có hai phần khá cân bằng.

Phần thứ nhất là những bệt màu xanh, trắng sữa tượng trưng cho dòng chảy của nguồn sữa. Và, một vạch vàng tươi, nhỏ, duy nhất, biểu tượng của niềm hân hoan khi nhớ lại người yêu của tôi, thuở nàng còn... ngậm ti.

Phần thứ hai là hình tượng bầu-vú. Qua cách điệu này, người xem cũng có thể liên tưởng tới khuôn mặt một thiếu nữ. Từ chân dung ấy, với một vạch màu trắng (thay vì đỏ) tượng trưng cho dòng máu nổi vào tim mẹ. Mặt khác, nó cũng gợi cho người xem liên tưởng tới một chiếc cổ cao, nhiều gấn. Trên bầu-vú cách điệu, là đôi môi chưa biết... mùi son thời còn nằm nôi của nàng.



Thấy Em Bé Xíu. Thuở Còn Ngâm... Tì

*“tôi đi trở ngược thời gian
thấy em bé xíu. thuở còn... ngâm tì”.*

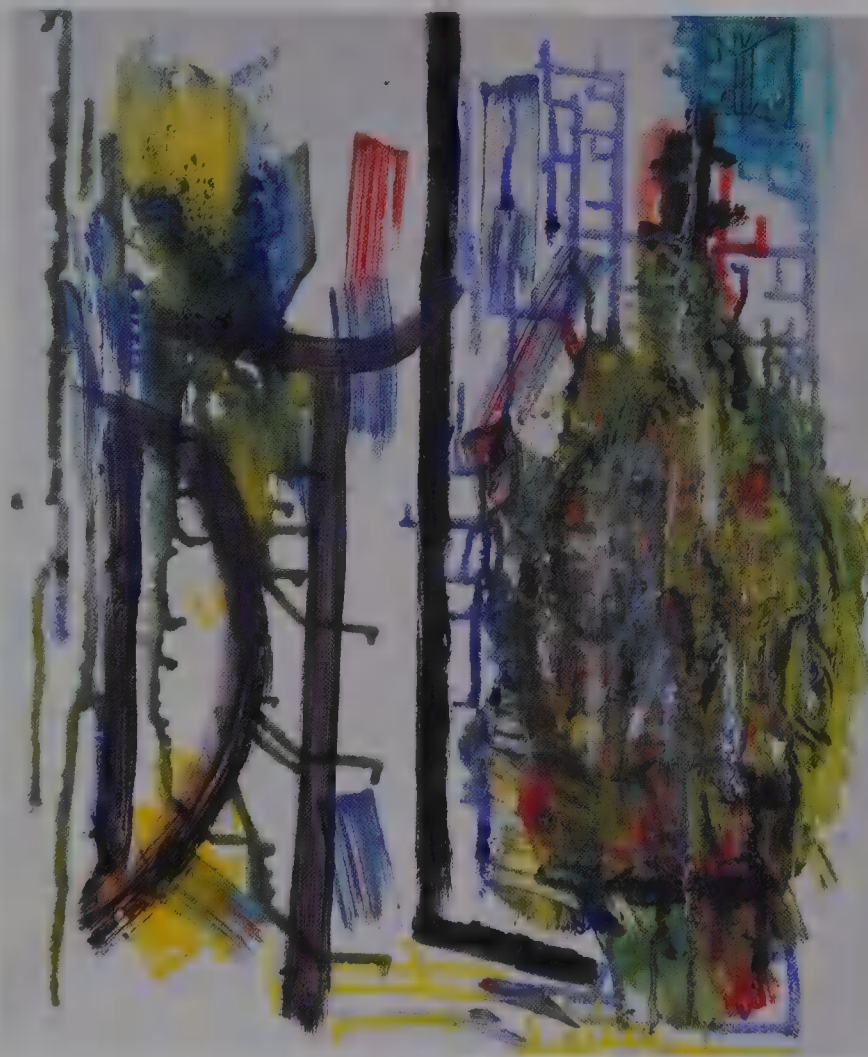
(Du Tử Lê. Oil painting. Size 24"x30")

8-“Thấy tôi trên những tàng cây cũ”:

Nền tảng của bức tranh là những vệt màu chảy ngang dọc, làm thành những cửa sổ hay, những cánh cửa mở vào một đời người – Với những đứt đoạn, chia lìa, tan tác... Sau rốt, khi nhớ lại lời kiến trúc sư, cũng là họa sĩ Nguyễn Bá Khanh, hơn một lần hỏi tôi, sao không mang vào tranh chữ viết của tôi, như những họa sĩ tiền bối Tây phương từng làm... Tôi viết ba chữ “DTL” và chọn cho nó câu thơ:

*“Nhớ tôi trên những tàng cây cũ
và những ngôi nhà đã bỏ không”*

Vốn là câu thơ trích từ bài “Khúc thánh hai” – do nhạc sĩ Trần Duy Đức chuyển thành ca khúc, thập niên 1980s. Và ba chữ viết tay đó, trở thành chính diện của tranh. Bức tranh này đã thuộc về một nhà sưu tập tranh ở Atlanta, Georgia, hồi cuối tháng 6-2014, vừa qua.



Thấy Tôi Trên Những Tàng Cây Cũ

*“thấy tôi trên những tàng cây cũ
và chỗ em ngồi đã bỏ không”*

(Du Tử Lê. Size 16"x20")

(Thúy Hằng's Collection).

9- “Em mùi hương một chỗ rất riêng tư”:

Tôi hằng quan niệm, dù ở bất cứ nơi nào trên thân thể một người nữ, cũng cho ta một mùi hương riêng. Cũng thế, tình yêu, dù ở giai đoạn nào, tự thân nó cũng cho ta những hương vị mà, chỉ người tình hay người bạn đời mới cảm nhận được.

Có thể nhiều người không đồng ý với tôi, khi tôi cho rằng, cách nào đó, người ta vẫn có thể cảm nhận được mùi hương riêng của tình yêu, ngay nơi nụ cười, nơi đôi mắt, nơi dáng đi của người nữ... Do đấy, khi tôi vẽ khuôn mặt người nữ với một đóa hoa đi ra từ nơi cô, thì xin hiểu chân dung người nữ, cũng là một bình chứa hương liệu tình-yêu-di-động và, đóa hoa là hình ảnh cụ thể của hương thơm từ thiếu nữ.



EM MÙI HƯƠNG MỘT CHỖ-RẤT-RIÊNG-TƯ.

*“đời đánh cắp từ tôi mùi tóc mẹ
em mùi hương một chỗ-rất-riêng-tư”.*

(Du Tử Lê. Oil painting. Size 16"x20")

10- “Những ngày ở virginia, với bằng hữu”:

Tôi không chỉ có nhiều kỷ niệm với Washington DC, nói riêng, Virginia nói chung mà, còn có thời gian dài chọn Virginia để...“ty nạn” tình cảm.

Với tôi, hình ảnh tiêu biểu nhất cho Virginia hay Washington DC, là những tượng đài. Những monuments. Và, những ngày nắng lụa trải tầng tầng trắng, xanh trên những đỉnh ngọn các tượng đài.

Khi chọn những tượng đài làm biểu tượng cho Virginia, tôi còn nghĩ tới những đóng góp lớn lao của bằng hữu tôi ở nhiều lãnh vực, cho nơi chốn được gọi là Thủ Đô nước Mỹ. Ngoài ra, tôi cũng liên tưởng tới những bằng hữu của tôi, ở Virginia, đã vĩnh viễn không còn nữa! Như họa sĩ Ngọc Dũng, các nhạc sĩ Văn Phụng, Nhật Bằng, nhà báo Lê Thiệp, Giang Hữu Tuyên, Chủ Bá Anh v.v... Đồng thời, những bằng hữu khác của tôi, cũng đã dời bỏ Virginia mà đi, như Lê Văn, Phó Ngọc Văn, Nguyễn Anh Văn, Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Thế Toàn v.v...



Những ngày ở virginia với bằng hữu

(Du Tử Lê. Oil painting on canvas. Size 36"x48")

11. “Tôi Lê. Lê. Lê. Lê nào?”:

Vì muốn hình tượng hóa câu thơ trầu tượng “Tôi Lê. Lê. Lê. Lê nào?” - - Nên tôi đã cách điệu 5 mặt người với phần cổ kéo dài, như những dấu hỏi(?)

Tôi vẫn nghĩ, trong mỗi chúng ta, vốn có nhiều con người cùng sinh tồn, chứ không phải chỉ một, hoặc hai... Lúc chúng ta sống với con người tử tế. Khi chúng ta sống với con người xấu xa, tham lam, sân hận v.v...

Đó là những gì tôi có thể nói được về bức tranh này.



TÔI LÊ. LÊ. LÊ. LÊ NÀO?

(Du Tử Lê. Oil Painting. Size 18" x 24")

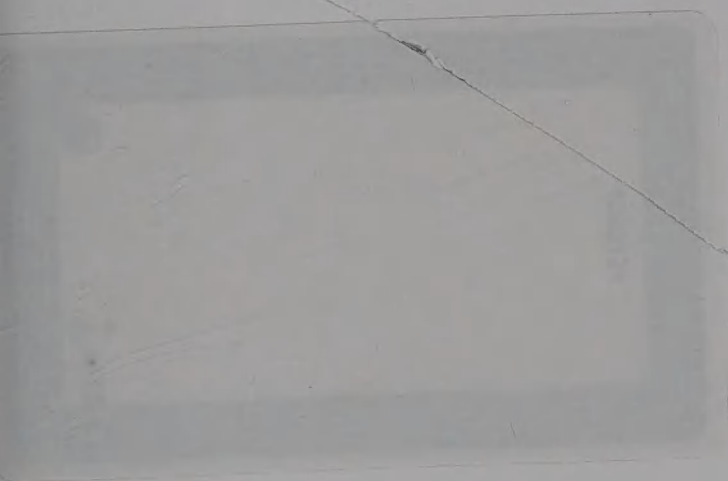
TỰ LỰC BOOKSTORE

14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843 - USA

Tel: (714) 531-5290 - Fax: (714) 531-2280

Toll Free: 1(888) 531-2280

www.tuluc.com



T H O • V Ā N • N H A C • H O A

"...Tôi nghĩ rất nhiều về một tuyên bố của cố nhà văn Jean Paul Sartre, khi ông từ chối giải Nobel Văn chương 1964. Đại ý ông nói, trước một người đối thì cuốn tiểu thuyết 'La Nausée' của ông, không thể biến thành bánh mì..."

"Phần tôi, tôi vẫn nghĩ, ngay cả trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, bị đát nhất, nhân loại cũng vẫn cần có Văn Học Nghệ Thuật - Vì nó là một trong vài phạm trù xác lập cụ thể sự biện biệt giữa người và vật..."

- Du Tử Lê (Nov. 2013)

ISBN 978-1-941848-06-7

www.tuluc.com



0025028

Pri
Set: